

Thư Quán Bản Thảo

TẬP 49, THÁNG 12, NĂM 2011

Chủ đề: Giáng sinh • Kỷ niệm 11 năm • Giới thiệu nhà thơ Lâm Vĩ Thủy

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết / 4

Charles Schwiderski (5), Trần Hoài Thu (7),
Nguyễn Minh (9), Lữ Quỳnh (16)

Truyện hay Giáng Sinh ngoại quốc / 18

Nguyễn thị Hải Hà dịch & giới thiệu

Truyện ngắn Giáng Sinh

Hồ Tịch Tịch: *Buổi tối cuối năm với chị em Phyllis* (47)
Tạ Ty: *Vương mắc – truyện* (51)
Nguyễn Thanh Trịch: *Lễ Giáng Sinh ở một thành phố lớn* (62)
Trần Hoài Thu: *Nay Lát* (72)
Mang Viên Long: *Mấy ngày trước Giáng Sinh* (79)
Lệ Hằng: *Buổi chiều áp lễ* (93)
Hồ Minh Dũng: *Giáng Sinh năm ấy* (106)
Trần thị NgH: *Chuyện chó chết* (112)
Đoàn Xuân Thu: *Ngán lệ chiều áp lễ Giáng sinh* (129),
Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: *Bay cao lên, những thiên thần bằng sành!* (138)
Phạm Cao Hoàng: *Mơ cùng tôi giấc mơ Đà Lạt* (146)

Thư quán bản thảo, 11 năm có mặt / 165

Trần Hoài Thu (167), Trần Bang Thạch (170), Phạm văn Nhân (173), Trần Phù Thế (179), Hoài Ziang Duy (184), Trần thị Nguyệt Mai (187), Nguyễn thị Kim Tiến (192).

Giới thiệu nhà thơ Lâm Vĩ Thủy /196

Người thù hãm: *Đi tìm một nhà thơ...* (197)
Vĩnh Khanh: *Người bạn tù* (203)
Trần Văn Nam: *Có hay không trường hợp...* (208)

Thơ Lâm Vị Thủy (216)

Thơ

Trần Yên Hòa (46), Lữ Quỳnh (50), Đạm Thạch (71),
Luân Hoán (159), Khoa Hữu (161),
Nguyễn Xuân Thiệp (228), Khuất Đầu (232).

Giới thiệu sách báo

Phạm văn Nhân giới thiệu / 234

Thân hữu và tòa soạn / 237

Tranh bìa: Thanh Hằng

Tòa soạn:
P.O Box 58
South Bound Brook
NJ 08880
Email: tranhoaitu@verizon.net



THƯ TỎA SOẠN

Số báo kỳ này chúng tôi gửi đến quý bạn đùng vào dịp Mùa Lễ Giáng Sinh. Quý bạn sẽ thưởng thức một số truyện ngắn ngoại quốc về Giáng Sinh do Nguyễn thị Hải Hà chuyển ngữ cùng một số sáng tác về Giáng sinh trước và sau 1975 của một số tác giả quen thuộc. Mặt khác, kỳ này chúng tôi cũng dành nhiều trang để kỷ niệm TQBT bước vào năm thứ 11. Tuổi đời, 11 năm vẫn còn là đứa bé, nhưng với tuổi vẫn chương, trong thời đại mà internet không chế và ảnh hưởng trầm trọng - khi mà TQBT chủ trương không làm thương mại, không nhận quảng cáo - thì với số năm ấy thật quả là một chuyện đáng nói, và cũng đáng để chia sẻ với nhau niềm vui chung!

Về phần giới thiệu tác giả, kỳ này chúng tôi giới thiệu nhà thơ Lâm Vĩ Thủy. Trước 1975, ông nguyên là một giáo sư Việt Văn của một số trường trung học ở SG, và là tác giả của thi phẩm: “Sao em không về làm chim thành phố”, do Huyền Trân xuất bản năm 1963. Quý bạn sẽ tìm câu trả lời lý do tại sao chúng tôi lại trân trọng giới thiệu Lâm Vĩ Thủy trên những trang ở phần sau.

Cuối cùng, nhân dịp Mùa Giáng sinh và năm mới 2012, anh em chủ trương chúng tôi xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất về quý thân hữu và bạn đọc và gia đình. Xin được chúc các bạn một mùa Giáng sinh thật an lành, vui tươi và một năm mới dương lịch mọi sự như ý.

Trân trọng,

Thay mặt nhóm chủ trương
Trần Hoài Thư

SÔNG VÀ VIẾT



Viết về những người bạn thám kích của chúng tôi...

Charles Schwiderski, Trần Hoài Thu

Có lẽ đây là lần đầu qua văn chương thời chiến, hai nhà thơ Mỹ Việt gặp nhau ở cùng chung một màu áo binh chủng. Một người nguyên là cố vấn đại đội, và một người nguyên là một trung đội trưởng. Họ không hẹn mà gặp, không phải ở trên quả đất này, mà ở trên văn chương. Họ cùng những giọt lệ thôn thức khi nhớ về đồng đội, về những người bạn **thám kích** QLVNCH của họ - những người lính không bao giờ biết nón sắt, áo giáp. Họ đội mũ rừng, trang bị súng nhẹ, gan dạ, quả cảm, luôn luôn đi đầu trong các cuộc hành quân tìm đầu địch. Và dĩ nhiên là họ chết trước.

Chúng tôi xin được chia sẻ cùng bạn đọc bài thơ *Cho những người bạn thám kích của tôi* (**For my Scouts**) và *Những bóng hình* (**Shapes**) của nhà thơ Charles Schwiderski cùng bài thơ **Trung Đội** của Trần Hoài Thu.

* Nhà thơ Charles Schwiderski nguyên là cố vấn cho Thám Kích Cao Nguyên, Biệt Khu 24 QLVNCH, Kontum từ 1967 đến 1968.

Trang nhà của tác giả:

http://www.8thwood.com/chuck_schwiderski.htm

* Trần Hoài Thu nguyên là một trung đội trưởng thám kích trong thời gian 3 năm (từ 8/1967 đến 6/1970).

Charles Schwiderski

Cho những người bạn thám kích của tôi

Tôi xây trong tim tôi
ngôi nhà cho những người bạn thám kích
Mỗi người một căn phòng cố định
Dù tất cả cửa sổ
Đều phủ màn đen
Và chủ phòng không bao giờ trở lại
Nỗi đau là của tôi ... và tôi là một người ích kỷ
Tôi say sưa gom góp kỷ niệm về các bạn
Mỗi phòng chất chứa tinh hoa của chủ phòng
... của những chuỗi ngày vui buồn hay may rủi
của tất cả mọi điều từ trước đến nay
Khi cô đơn tôi có thể vén màn
và các bạn sống lại cười vui trở lại
Nhiều bạn thám kích của tôi đã sống trong ngôi nhà này
rất lâu ... với hình con Báo Đen
son trên cửa phòng của họ
Bên trong tôi vẫn nghe giọng cười
và nước mắt tôi sa xuống trên nền nhà.
(THT phỏng dịch)

Những Bóng Hình

LTS: . Chúng tôi xin được cảm ơn nhà văn Hà Kỳ Lam đã bỏ công giúp chúng tôi chuyển ngữ bài thơ này..,

Chúa ơi, bọn chúng lại đến!
Tôi hãi quá... tôi không muốn chết!

Tôi nhìn qua miệng hổ và thấy
Những bóng hình xám xịt chơi vơi bên dưới
Những bóng hình chạy từ gốc cây đến gốc cây
Những bóng hình tiến lên dốc đồi

Những bóng hình di động để giết tôi
Những bóng hình di động để cướp đi mộng đẹp của đời tôi

Tôi giương súng nhắm một bóng hình chơi vui bên dưới
Giờ gần hơn... giờ rõ hơn
Tôi bóp cò và một hình hài ngã xuống
Miệng há hốc như nói với chính mình

Những bóng hình khác rõ hơn đang tiến đến tôi
Bắn tôi
Ném lựu đạn vào tôi
Tiến đến tìm tôi

Tôi thấy khói từ nóng súng của chúng
Cảm được viên đạn lướt qua gần sát thân mình
Cảm được chấn động của lựu đạn chúng nổ
Nghe tiếng rít của hỏa tiễn bay qua
Tiếng ré của kèn đồng chúng xung trận
Âm thanh xé màn nhĩ của tiếng tu huyết

Tôi hét lên và run vì sợ
Nhưng cẩn thận ngắm súng vào những bóng hình bên dưới
Siết cò súng hết phát này đến phát khác

Không thể để trượt... gần hết đạn rồi
Không thể để trượt... không được phí một viên
Những bóng hình tràn ngập khắp nơi
Những bóng hình sao nhiều đến thế
Xin Chúa giúp con

Tôi siết cò súng nhưng không gì xảy ra
Chúa ơi, con hết đạn rồi!!!
Tôi rút băng đạn ra khỏi súng và với lấy một băng khác
Tôi sục sạo nhưng không còn gì... hốt hoảng, hốt hoảng, hốt hoảng
Tôi tìm được một băng đạn... băng cuối, và lắp vào súng
Ngắm và bắn, ngắm và bắn và bắn và bắn
Thêm nhiều bóng hình ngã gục
Xác thân nằm mọi nẻo
Chết chóc đang vây quanh tôi

Những bóng hình đang xông tới
Những bóng hình hiện diện khắp nơi
Những bóng hình đang xáp đến bên tôi
Những bóng hình nhiều quá đi thôi
Xin hãy giúp tôi!!

(Hà Kỳ Lam chuyển ngữ)

Trần Hoài Thu

Trung đội

Băng đông, băng đông, đêm hành quân
Người đi ngoi ngóp, nước mênh mông
Về đây Bình Định ma thiên lãnh,
Mỗi bước đi rờn rợn âm hồn

Trung đội những thằng trai tứ chiếng
Những thằng bỏ lại tuổi thanh xuân
Điều hâu bồi mặt hù ma quỷ
Thuở đất trời bày đặt nhiều nhương

Đêm của *diều hâu* về xứ khổ
Poncho phơ phất gió hồn oan
Trên vai cấp số hai lần đạn
Không một vì sao để chỉ đường

Mưa lạnh thêm tu hơi rượu đế
Để quên tim nhậy nhíp lo âu
Giờ tay vuốt mặt lau tròng kính
Giờ G, giờ G sao quá lâu

Thì đi, đột kích trong lòng địch
Chạm tiếp nồi cơm hộ Bắc quân
Cơm nóng thầy trò ăn đỡ đói
Ha hả cười, cơm của nhân dân

Trung đội cả tuần đêm không ngủ
Lương khô đã hết, chờ trực thăng
Hành quân một tháng trên An Lão
Một tháng trời mưa thúi chiến trường

Pháo chụp người gào khan cả họng
Máy sôi tắt nghẹn chờ phi tuần
Miếng thép đâm xiên, thẳng bạn gục
Hỏa châu vàng thoi thóp triển sơn

Địch vây xiết chặt bộ tiền phương
Quân băng đường máu về Bồng Sơn
Qua kênh, sương muối mờ tre bụi
Thánh giá chơ vơ nóc giáo đường

Nước nguồn đổ xuống ngày binh lửa
Những xác nào đã thúi hôm qua
Ai bạn ai thù sao quá thảm
Trên một dòng cuộn cuộn oan gia

Con sông chia cắt bờ bi hận
Cột khói còn lưu luyện chiến trường
Có ai chạy loạn bơi xuồng kê
Một thước đi, xác ngập thước đường

Cây cầu sắt bắc qua tử địa
Bên kia sông ta chiếm rừng dừa
Đêm bỗng nghe quạ bầy động ổ
Gọi ran trời kinh động sao khuya

Lũ quạ trốn đi từ dạo ấy
Đề giờ đây kêu động rừng phong
Quạ gọi bầy tháng năm tháng bảy
Sao ta gọi bầy thăm thăm mù tằm

Trung đội ta những thằng giữ đất
Từ Qui Nhơn, Phù Cát, Phù Ly
Ra Tam Quan qua rừng An Lão
Từ Kỳ Sơn, Phước Lý, An Khê

Đồng đội ta những người đã chết
Những Vọng, Nga, Nai, Bình Lò Heo
Những Chấn, Hảo, Sơn, Tài Xóc Dĩa
Đàn điều hâu thâm thiết khóc òa

Lịch sử cũng vô tình thế đó
Người qua sông không nhớ con đò
Những người chết không còn nhắm mắt
Người sống giờ như những hồn ma



ĐÊM NOEL TRONG ĐỜI TÔI **NGUYỄN MINH**

Xóm đạo

Tôi không nhớ rõ vào thời gian nào, chỉ mang máng nhớ hình như sau năm 1956 - sau hai năm đất nước bị chia đôi, tôi đọc được bộ tiểu thuyết “Nửa bò xương khô” của Vũ Anh Khanh trong sự lén lút vì sợ người khác phát hiện, la rầy vì bấy giờ tại miền Nam chính quyền ra lệnh tịch thu. Tôi đọc để thỏa mãn tính tò mò, cốt truyện mãi đến giờ tôi không nhớ nổi, cũng như tên từng nhân vật tôi đều mù tịt.

Hình dáng cuốn truyện tôi cũng quên. Chỉ nhớ cái tên truyện. Chỉ nhớ tên tác giả. Nhưng đặc biệt bài thơ trong tiểu thuyết đó lại làm tôi nhớ mãi, ăn sâu vào tâm trí tôi.

*Đây Tha La xóm đạo,
Có trái ngọt, cây lành.
Tôi về thăm một đạo,
Giữa mùa nắng vàng hanh,
Ngâm ngùi, Tha La bảo:
- Đây rừng xanh, rừng xanh,
Bụi đùn quanh ngõ vắng,
Khói đùn quanh nóc tranh,
Gió đùn quanh mây trắng,*

Và lửa loạn xây thành.

Cái tên Tha La xóm đạo có trái ngọt cây lành, điều tàn trong khói lửa cứ ám ảnh tôi qua hình ảnh của một làng đạo trong thị xã nhỏ tôi đã được sinh ra và lớn lên: làng Tấn Tài. Làng này chỉ cách thị xã chưa đầy một cây số nhưng với tôi, một cậu bé chưa đầy mười tuổi, xem nơi đó như một miền đất cấm. Thịnh thoảng tôi theo chú Thạnh, một cậu thủ đá banh của ba tôi, đến ngôi nhà tranh ở làng Tấn Tài đó, trong một ngôi vườn cây trái ngọt ngào. Nào xoài, nào khế, nào nhãn lồng, mặc sức cho tôi nếm mùi vị tề cả đầu lưỡi mới thôi. Nhưng buổi chiều vừa xuống là tôi phải leo đèo theo sau chú Thạnh rời khỏi ngôi làng đó vì an ninh không bảo đảm. Đêm của những người du kích từ ngọn núi Cà Đú lần xuống vào làng. Ngày của lính lê dương rạch mặt lưng sục bố ráp. Thịnh thoảng tiếng súng bắn sè cặc cùm vang lại trong đêm khuya như tiếng vạc kêu đêm. Buổi sáng lữ trẻ trong xóm tôi lỏm thỏm nghe người lớn tuổi bàn tán kể về một xác chết cụt đầu, trên mình còn gắn một mảnh giấy viết nguệch ngoạc hai chữ Việt gian. Tôi cứ thắc mắc hai từ đó. Tôi hỏi các anh lớn tuổi, họ chỉ bảo: “Lớn lên Bui sẽ biết”. Cũng như hai từ Việt Minh là gì? Các anh ấy cũng bảo: “Lớn lên Bui sẽ biết.” Không đợi lớn lên mới biết thế nào là sự tàn ác khi tôi chứng kiến về cái chết của chị Lựu, người vợ chưa cưới của chú Thạnh. Chị là một thiếu nữ trẻ đẹp, mang trong người hai dòng máu Việt – Pháp, hậu quả của một sự hãm hiếp phụ nữ của lính lê dương về làng trong vùng “dinh tề”. Hai mẹ con chị là những con chiên ngoan đạo, được cha cố nhà thờ Dinh Thủy đùm bọc, giúp đỡ. Một đêm tối trời, giữa khuya dân trong thị xã giật mình bởi những tiếng nổ vang trời. Sáng mai mới hay Tây bố ráp làng Tấn Tài và thân xác chị Lựu tan tành. Tôi đứng khệp nép sau lưng ba tôi cùng mấy người cậu thủ đá banh đến cùng lo tang lễ, chân tay tôi run rẩy, hai hàm răng tôi đánh lập cập, nước mắt tôi chảy dài. Câu hỏi được đặt ra: “Chị mang tội gì? Sao Tây lại quăng lựu đạn vào nhà chị?” Khuôn mặt người thiếu nữ tươi đẹp ngày nào bây giờ nát ra từng mảnh, máu tuôn xối xả. Sau này, đến 50 năm sau, tôi mới viết được truyện này mang tên Tiền Vệ.

Sau ngày chị Lựu tan xác tôi không dám đến làng Tấn Tài đó nữa. Mãi đến năm 1954, quân Pháp cuốn gói về nước, Việt

Minh tập kết ra Bắc. Tiếng súng đã bật im. Thanh bình. Thời gian này tôi đã cấp sách lên bậc Trung học, có thêm các bạn mới, đặc biệt vài người sinh ra và lớn lên ở làng Tấn Tài, là con chiên ngoan đạo. Cũng chính một trong những người bạn mới ấy đã dẫn tôi lên tận gác chuông để nhìn xuống toàn cảnh trong lòng nhà thờ, và hình ảnh người con gái – cô bạn cùng lớp mới từ ngoài Huế theo gia đình vào – đang quỳ gối cầu nguyện trước tượng Chúa bị đóng đinh trên giá thập tự, cứ ám ảnh tôi. Hoàng Nga đó. Nhân vật nữ đầu tiên trong tác phẩm văn chương của tôi thời mới lớn. Sau này Hoàng Nga đã thành một nữ tu, tôi không bao giờ gặp mặt được. Hoàng Nga trong tôi không già cỗi theo thời gian. Nàng luôn luôn chỉ là một cô bé 15 tuổi, ngây thơ, hồn nhiên nhưng có giọng hát buồn bã. Như một tiếng thờ dài.

Ngôi chùa nhỏ

Không biết ngôi chùa nhỏ trong xóm tôi được cất lên từ hồi nào và tên chùa là gì, chỉ biết người lớn trong thị xã nhỏ bé này gọi Chùa Thọ Cao. Lớn lên, tôi mới hiểu người sáng lập ra ngôi chùa này là một người thợ hớt tóc. Thuở nhỏ tôi chưa bao giờ bước vào ngôi chùa này. Bên ngoài nhìn vào chỉ thấy cái mái ngói âm dương cũ mèm phủ đầy rêu phong màu lá mạ, còn ngôi chùa bị bao quanh bởi một bức tường cao quá đầu chúng tôi, loang lổ, trơ ra những viên gạch sủi bọt. Và những vết máu tung tóe của những người tù năm xưa trong một trận xử bắn trước sân chùa thấm vào vách tường cùng những lỗ đạn xuyên qua lớp gạch. Tôi kể lại cảnh tượng này cho T. nghe. Người con gái ấy cùng người chị kể từ quê vào học trường Trung Học Duy Tân, và T. trọ trong chùa có người cô ruột làm trụ trì. Sau khi Ông Thọ Cao mất đi tôi không hiểu vì sao ngôi chùa nhỏ này lại giao cho những ni cô.

T. đưa đôi mắt đầy kinh hồn nhìn tôi vừa kể chuyện vừa dẫn T. đi theo bờ tường trong phạm vi ngôi chùa tìm lại những lỗ đạn thủng ấy. Chuyện xảy ra đã hơn năm mươi năm rồi, nhưng mỗi lần nhớ đến tôi đều rùng mình. Lần đầu tiên trong đời, một thằng bé lên 7 tuổi phải chứng kiến cảnh xử bắn những người tù bị kết tội oan uổng để trả thù thủ phạm ẩn danh đã quăng lựu đạn trong rạp chiếu bóng trước mặt ngôi chùa làm chết một cậu bé trai con của ông phó sứ trong buổi diễn kịch chào mừng

quan chánh sứ mới đổi đến tỉnh mới thành lập. Những người tù mặc bộ đồ đen, úp mặt vào vách tường, tay bị trói kẻ; bên kia đường, trước cổng rạp chiếu bóng một hàng lính cầm súng. Bắn. Một tràng tiếng nổ, một hàng người gục xuống. Máu tung tóe. Tôi ôm mặt khóc thét. Kinh hoàng.

T. run rẩy, nói khẽ: “Thôi chú đừng kể nữa. T. sợ ma lắm. Quên đi những cảnh chết chóc, đau thương đó đi.” Sau này, năm 1967, tôi viết lại trong một truyện ngắn, như trút bỏ một nỗi kinh hoàng trong lòng một đứa bé.

Trên căn gác nhỏ

Năm 1958, tôi rời thị xã nhỏ bé này để về quê nội, Huế. Tôi vào trường Quốc Học. Rồi vào Sư Phạm Qui Nhơn. Ra trường về lại nơi tôi đã bỏ đi. Để có một chỗ riêng, tôi cất thêm một căn gác gỗ nhỏ phía sau ngôi nhà số 11. Sau những giờ đứng lớp, trở về nhà tôi hoàn toàn sống cho riêng mình. Đọc sách. Nghe nhạc. Viết lách. Chỉ có những người bạn thân cùng một mẩu số chung: mê văn chương chữ nghĩa tôi mới tiếp trong căn gác này. Cà phê. Thuốc lá. Rượu chè. Những đêm say túy lúy, gặp nhau mà chẳng biết có còn dịp nào gặp nữa không, vì ngày mai bọn họ đã ra trận tuyến. Rượu chưa thấm nhưng cùng chung một ước mơ của mỗi người lại tuôn trào. Hòa bình. Đi cho thấy quê hương.

Những chiều vàng, anh em bạn bè kể nhau nghe những tình cảm mới nảy nở về một bóng hồng mới gặp làm trái tim xao động để viết thành một bài thơ, một bài văn. Còn tôi, trên căn gác nhỏ này cũng ươm mầm nảy lộc một mối tình thơ mộng giữa tôi và T. Những buổi trời mưa, nằm lắng tai nghe xem có tiếng guốc ai đó đang bước nhẹ lên cầu thang gỗ như hôm nào cũng dưới cơn mưa này em đến thăm tôi. Đôi môi em ngượng ngùng khi thốt lên tiếng gọi khẽ với tôi bằng anh thay thế tiếng “chú” trong những ngày đầu mới quen. Tiếng mõ gõ đều đều, giọng đọc kinh hằng đêm như một bản nhạc giao hưởng từ ngôi chùa vẫn vọng lại, tôi cố nhận ra giọng nào của T. cùng người cô trụ trì và các ni cô khác đang đọc kinh. Tôi hay nói đùa với T. là nếu T. không còn mái tóc dài mượt mà thì tôi phải gọi T. là ni cô rồi, vì cô sống trong ngôi chùa hằng đêm phải tụng kinh, hằng bữa đều dùng cơm chay. Chẳng ai buộc, nếu T. ăn mặn, như buổi tiệc tôi mời chị em T. và tên bạn thân,

người yêu của chị T., vào đêm Noel.

Đặc biệt năm nay, trên căn gác nhỏ này, trong đêm Giáng sinh chỉ có bốn người tham dự: tôi và T., cùng Thơ và Đ. Cả Đ. và T. đều mặc áo dài trắng nữ sinh. Đạo này ba tôi bệnh nặng, suốt ngày nằm trên giường nơi gian nhà giữa, chắn ngang lối xuống nhà sau mới lên được căn gác nhỏ. Không khí âm u vì lúc nào gian nhà cũng tối om, mù mờ, chúng tôi đều phải rón rén bước từng bước để tránh gây tiếng động, sợ làm mất giấc ngủ của một người bệnh sắp đến hồi kết cuộc. Trên căn gác nhỏ này, dưới ánh đèn màu hồng, từng cặp ngồi bên nhau, thì thầm hoặc im lặng, nhìn nhau. Tiếng đàn, giọng hát phát ra từ máy cassette nhỏ, những bài thánh ca dành cho đêm Noel, thánh thót, lạnh lạnh trong cái yên lặng quanh tôi. Giọng hát truyền cảm, từng lời một rõ ràng như tiếng chuông nhà thờ vọng lại của Hoàng Oanh trong bản “Giáo Đường Im Bóng” làm T. đắm ra ngẩn ngơ.

*Nhớ tới đêm đầy ánh sáng Hương trong gió tràn mênh mang
Giây phút như ngừng thời rơi Tiếng kinh muôn lời Dáng xinh
xinh bao tiên kiều quý ngân Thánh kinh ban chiếu Trong giáo
đường đêm Noel ấy ngàn đời tôi mến yêu Tiếng A men đều âm
u Hòa theo gió vàng đêm thu làm xao xuyến tâm hồn quá Thời
khắc mơ...*

Ánh trăng rằm trong đêm Giáng sinh

Như đã dự tính trước, chúng tôi phải đến nhà thờ Tấn Tài để xem lễ vào lúc 12 giờ khuya, sau đó cùng trở về lại căn gác nhỏ dự buổi réveillon trong không khí trữ tình. Đường đi từ nhà tôi đến ngôi nhà thờ Tấn Tài chỉ có một cây số, chúng tôi đi bộ. Trời về khuya và đã trở lạnh từ mấy ngày qua, cả hai chị em T. khoác thêm hai chiếc áo ấm màu rêu, còn hai tên con trai trên người vẫn mặc sơ-mi trắng. Tay nắm tay như truyền hơi ấm cho nhau, bước từng bước trên con đường làng vừa mới tráng nhựa, hai bên đường lúa thừa vãi ngôi nhà, ánh sáng của ngọn đèn điện từ những khung cửa sổ chiếu ra như những ánh sáng lập lờ của những con đom đóm trên ngọn tre đầu làng Tấn Tài. Thình thoảng vài con gió lốc nhẹ thổi tung lên bụi mù làm chúng tôi phải đưa tay che lấy mắt. Như ai đó thời tuổi thơ hay chơi trò bịt mắt bắt dê. Mở mắt ra, ngỡ ngàng trước mặt mình là mặt trăng tròn trịa lơ lửng giữa trời. Ánh sáng dịu dàng

chiều lên đám lúa đã trở đòng nặng trĩu những hạt lúa vàng đang lung lay theo chiều gió. Hương thơm của đồng lúa chín hai bên đường phảng phất quanh chúng tôi. Đến nhà thờ lúc nào không hay. Con chiên trong làng đã đến đông, những người đàn bà con gái đều thướt tha trong chiếc áo dài trắng, trên tay cầm cuốn Thánh Kinh, đàn ông chỉnh tề áo trắng bỏ trong quần tây thẳng nếp. Ở một góc thành dựng lên một hàng đá giả, cạnh cây thông lủng lẳng những trái châu tròn và dây đèn đủ màu sáng tắt. Những tượng bé nhỏ khắc họa bức tranh Chúa sinh ra trong máng cỏ. T. như một con chiên ngoan đạo, lặng người đứng nhìn những búp bê, những thiên thần có cánh, gắn ở một góc hang. Tôi nhận ra T. như một thiên thần bé nhỏ đó.

Mọi người đã bắt đầu bước lên những bậc thang rộng và dài để lên thêm nhà thờ. Tôi và T. còn đứng trước công chính, cảnh tượng trước mắt làm chúng tôi ngỡ ngàng, cánh đồng nhà chung rộng bao la, vàng rực, như một tấm thảm bao la đang dập dềnh theo chiều gió thổi từ biển vào. Ánh trăng rằm chiếu lên ngôi nhà thờ Dinh Thủy trang nghiêm, tôi vẫn nhận ra được con số 1900 gắn dưới cây thánh giá, là năm xây cất ngôi nhà thờ này. Tiếng chuông lanh lảnh vang lên át hẳn làm tan đi tiếng sóng vỗ của bãi biển rì rào từ xa vọng lại. Cả tôi và T. vội vàng kéo nhau vào lòng nhà thờ. Bản thánh ca vang lên. Tiếng người lâm râm đọc kinh. Bàn tay mọi người làm dấu. Amen. Chúng tôi là dân ngoại đạo chỉ biết nhìn mọi người làm lễ. Tôi cầm chặt lấy tay T. Còn môi nàng cũng mấp máy. Mắt nàng hướng nhìn cuối giáo đường trước tượng Chúa. Hình như T. đang nguyện cầu điều gì đó. Trong không khí trang nghiêm này, tôi không thốt bằng lời, nhưng trong tâm tôi hướng về ước mơ hòa bình cho đất nước tôi, mọi hạnh phúc sẽ đến với người thân.

Một làn gió thoảng

Bãi lễ, chúng tôi trở về căn gác nhỏ để tiếp tục cuộc chơi. Qua chỗ ba tôi nằm, dưới ngọn đèn dầu leo lét trên bàn thờ mẹ tôi chỉ đủ ánh sáng cho chúng tôi tránh những vật cản. Hai chị em T. phải xách dép trên tay, nhón chân bước nhẹ, tránh gây tiếng động làm thức giấc ba tôi đang thiêm thiếp trên giường bệnh. Trên căn gác nhỏ này, dưới ánh đèn ngủ màu hồng, cạnh cây

thông giả màu xanh, bên máy cassette nhỏ, những bản tình ca, những tiếng đàn ghi-ta, những tiếng kèn đồng đưa tôi và T. đến những miền hạnh phúc.

Trăng vẫn sáng, T. bỗng bỏ chỗ ngồi, ra đứng tựa mình bên khung cửa sổ, nhìn vầng trăng lên trời. Ánh trăng chiếu vào đôi mắt ngây thơ của người con gái làm tôi mang mặc cảm mình là kẻ có tội khi kéo nàng vào cuộc tình lãng tử của tôi. Tôi hẹn T. sau năm năm chúng tôi sẽ thành vợ chồng. T. gật đầu chấp thuận. Nhưng một cơn gió thổi làm tóc nàng bung ra, T. nắm chặt lấy tay tôi, nói rất khẽ: “Em sợ tình mình...” Tôi không muốn nghe tiếp, sợ như một điềm gở.

Quả thật, ngay hôm sau, chị của T. về quê báo cho gia đình biết chuyện tình giữa tôi và T. Gia đình T. phản ứng kịch liệt, ngăn cản cuộc tình này. Chúng tôi chia tay nhau, mỗi người mỗi ngã. Tôi bỏ cái thị xã bé nhỏ này, vào Sài Gòn làm báo. T. cũng bỏ thị xã này đi xa.

Lời hẹn năm xưa, tình cờ hai chúng tôi gặp nhau lại, đúng năm năm, nhưng mọi chuyện đều đã khác. Tôi say mê làm báo. T. bỏ đi lấy chồng.

Đợi chờ trăng rằm trong đêm Giáng sinh

Sau năm 1975, vợ chồng tôi lại trở về thị xã bé nhỏ này, nhưng không còn sống trong ngôi nhà số 11, mà kéo nhau đến một làng quê hẻo lánh. Trồng nho. Nuôi gà. Vợ chồng tôi sống như một nông dân thực thụ, nhưng vẫn mang bản chất “tiểu tư sản” như người anh cả từ Bắc vào gán cho. Buổi sáng, vợ chồng tôi vẫn ngồi ung dung uống cà phê, nghe nhạc cổ điển Tây phương, phì phà điều thuốc.

Những đêm Giáng sinh sau này tôi không đến nhà thờ, nhưng vẫn làm một buổi réveillon vào giờ Chúa sinh ra đời. Cái lạnh từ bên ngoài chẳng thấm gì cái lạnh từ trong tâm hồn tôi. Và bao nhiêu năm qua, đã gần nửa thế kỷ, tôi cứ tìm mãi ánh trăng rằm tròn trịa trong đêm Giáng sinh mà chẳng thấy sự trùng hợp lạ kỳ như đêm Giáng sinh năm nào.

Đến nỗi, bây giờ đây, Trần Hoài Thư gọi điện bảo Nguyễn Minh phải gởi bài viết về Giáng Sinh cho Thư Quán số đặc biệt về Giáng sinh năm 2011, phải có nhân vật T. Cả tháng trời, sáng nào cũng vậy, tôi dậy thật sớm, trước máy vi tính, nghe lại bài hát “Giáo Đường Im Bóng”, giọng hát truyền cảm

của Hoàng Oanh, tôi tự hỏi có đúng trăng rằm 15 cùng lúc đêm Giáng sinh hay không?
Câu trả lời tôi nhờ T. xác tín.

Nguyễn Minh

CÓ MỘT LỜI CẦU HÔN TRƯỚC TƯỢNG CHÚA

Lữ Quỳnh (Tạp bút)

Nước Pháp với dân số 67 triệu, mà khách du lịch nước ngoài hàng năm có tới 80 triệu người, dẫn đầu trước Tây Ban Nha và Mỹ, Ý. Những lúc nghỉ chân bên bờ sông hay trong công viên, Thạch kể về những tháng năm đầu tiên đến Pháp. Qua câu chuyện, tôi được biết cuộc sống Thạch ổn định, các con khôn lớn và đều thành đạt. Thạch bị bệnh thận nặng, phải lọc máu mỗi tuần ba lần từ 5 năm nay, thế mà vẫn đi thoăn thoắt, bước hai bậc cấp một, thỉnh thoảng còn dừng lại hỏi tôi anh có mệt không?

Rue De La Paix, không biết có phải là con đường chính, tôi thấy người đi bộ nhiều, trông nó đẹp, sầm uất với nhiều cửa hàng lộng lẫy, như đại lộ Oxford bên Luân Đôn.

Lúc chúng tôi dừng trước Notre Dame De Paris, du khách đã xếp hàng dài để lần lượt đi vào cánh phải của nhà thờ. Ngay cửa vào có một quầy bán tượng và hình ảnh lưu niệm. Rải rác bên trong có đặt những chiếc máy như máy rút tiền ATM, để du khách tự động bỏ vào hai euro và nhận lại một medal tròn, màu vàng, trên một mặt có khắc hình nhà thờ, mặt kia có hình thập tự với giòng chữ *Cathedrale Notre-Dame de Paris*.

Nhà thờ bắt đầu xây dựng từ 1163 cho đến 1345 mới hoàn thành. Mái vòm cao với những khối đường nét tuyệt mỹ. Những khung kính lớn lộng lẫy nhiều màu sắc tồn tại từ bao thế kỷ nay. Rất nhiều tượng mang ý nghĩa trong Kinh Thánh, mà tôi là người mền Chúa nhưng ngoại đạo, không thể nào

hiều hết. Cùng với các tín đồ đang cầu nguyện, tôi ngồi xuống một băng ghế sát tường, bên cạnh tôi là Kim. Thạch ngồi ở dãy ghế giữa. Tôi nhìn tượng Chúa trên cao, cảm thấy lòng thanh thản. Đây là lần thứ hai tôi vào nhà thờ, không ngờ lại là một nhà thờ nổi tiếng, mà văn hào Victor Hugo đã mượn bối cảnh để viết tác phẩm bất hủ *The Hunchback of Notre-Dame* (ở Việt Nam, anh Trần Quang Huế chuyển ngữ “*Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà*” trước năm bảy lăm.)

Còn lần thứ nhất tôi vào nhà thờ, cách nay hơn bốn mươi năm, ở một thành phố nhỏ ven biển miền Trung. Lần đó còn rất trẻ, vào một buổi sáng tôi đưa người bạn gái vào đây. Nhà thờ vắng vẻ. Những hàng ghế trống im lìm. Chúng tôi đứng cạnh nhau sau hàng ghế cuối, tôi bảo nàng nhìn lên tượng Chúa và im lặng. Rất trang trọng, mấy phút sau tôi hỏi nàng, Kim có biết tôi vừa nói gì với Chúa không? Nàng gật đầu, mắt long lanh ướt. Tôi thầm cảm ơn Chúa và nắm tay Kim rời nhà thờ. Tôi đã cầu hôn nàng như thế đó.

Bây giờ người con gái thuở ấy đang có mặt ở đây, trong ngôi nhà thờ danh tiếng Notre-Dame, cách xa nhà thờ năm xưa nửa vòng trái đất. Người con gái với áo dài lụa trắng được đón đưa trước cổng trường Sư Phạm ngày nào, giờ đây với mái tóc điểm nhiều sợi bạc, hạnh phúc vượt qua những tháng năm đầy khó khăn, gian khổ bên cạnh chồng con.

Tôi nhìn lên tượng Chúa nhân từ giữa giáo đường uy nghi rộng lớn, và như khi đứng trước Chúa bốn mươi năm về trước ở quê nhà, tôi thầm ngỏ lời cảm ơn.

Thạch ngồi ở hàng ghế giữa, mắt nhắm, miệng lâm râm cầu nguyện.

Chúng tôi đi vòng lối ra ở cánh trái nhà thờ. Những bức tường bên ngoài với nhiều phù điêu, hình tượng nghệ thuật rất đẹp được trang trí công phu, nói lên tài nghệ tuyệt vời của những điêu khắc gia các thế kỷ trước.

Ra khỏi nhà thờ băng qua đường, chúng tôi ghé một quán cà phê, ngồi ở dãy bàn đặt dọc vỉa hè giữa đám đông du khách. Thạch luôn miệng nhắc sóc, anh có mệt không? Tôi thấy thương Thạch, vì người bệnh mỗi tuần phải lọc máu ba lần lại luôn quan tâm đến người tương đối còn sức khỏe tốt./

Truyện hay Giáng Sinh ngoại quốc

(nguyễn thị hải hà dịch và giới thiệu)

Lời Giới Thiệu

Cả ba truyện ngắn, **Giáng Sinh** của Vladimir Nabokov, **Hai Người Chưa Gặp** của John McNulty, và **Giáng Sinh ở Tokio** đều được trích từ “Christmas at The New Yorker: stories, poems, humor, and art” xuất bản năm 2003. Nhiều truyện trong quyển này rất hay và của nhiều tác giả rất nổi tiếng như John Cheever, John Updike, Alice Munro,

Tôi dịch truyện Giáng Sinh của Nabokov trước nhất vì tôi yêu cái hình ảnh đầy tuyết êm đêm thơ mộng ở một miền quê của nước Nga. Sau đó tôi bị cuốn hút vào nỗi đau đớn của người cha khi nhớ lại cậu bé con của ông mới còn nô đùa bắt bướm giữa mùa hè mà đã lâm bạo bệnh và qua đời trước ngày Giáng sinh. Trong nỗi đau khổ và cô đơn tận cùng ông nghĩ đến việc đi tìm cái chết thì phép lạ hiện ra. Nabokov đưa tôi từ cái đẹp của băng giá mùa đông qua cái nồng ấm của mùa hè, cái tuyệt vọng của người cha bên cạnh cái thơ ngây yêu đời của đứa con, người cha chợt khám phá bí mật của cậu bé con rồi đến cái bí ẩn của sự sống. Còn gì hơn trong đêm Giáng sinh người ta khám phá ra sự nhiệm mầu của một sự sống vừa mới khởi đầu mà sự sống đó tưởng đã chết trong cái lá khô.

McNulty nói về những thiên thần luôn luôn có mặt chung quanh ta nhưng ta không biết sự hiện diện của họ. Hai thiên thần của nhân vật Eddie đã xuất hiện qua hình ảnh một người đàn bà có mặt trong khi cuộc đời của ông chìm dưới đáy vực thẳm và người kia là người quân nhân đã cứu mạng Eddie.

Truyện rất thú vị ở chỗ Eddie kể chuyện một cách trân trọng còn Harry không lắng nghe. Ông chỉ chêm vài câu vớ vẩn như xem câu chuyện của Eddie là chuyện tầm phào. Độc giả cũng thấy được cái rộn rã mừng Giáng sinh ở ngay khu vực giàu sang của Manhattan.

Giáng Sinh ở Tokio của Max Hill là một hình ảnh đầy hy vọng giúp người ta chịu đựng gian nan những lúc định mệnh khắc nghiệt đưa đẩy người ta đến chỗ khốn cùng nhất. Giọng văn của Max Hill đầy lạc quan, bất khuất, và không kém phần khôi hài. Tuy ngắn nhưng rất thật; truyện Giáng Sinh ở Tokio cho thấy cây Giáng sinh là biểu tượng làm ấm lòng người tù.

Giáng sinh có khi lại là một ngày đáng buồn cho những người nghèo khổ thiếu thốn vật chất hay tình cảm. Bạn đọc hẳn còn nhớ truyện Cô Bé Bán Diêm của Hans Christian Andersen, vừa đói vừa lạnh, cô đốt tất cả những que diêm không để sưởi ấm mà để giúp cô nhìn thấy người bà đã qua đời. Nhà văn John Cheever có một truyện ngắn mang tựa đề Giáng Sinh là một mùa bất hạnh cho người nghèo. Nhân vật của ông, Charlie, là người gác thang máy, đã dùng câu nói này đánh thức lòng trắc ẩn của những người sống trong căn chung cư. Chú bé Duane trong truyện ngắn Món Quà Vô Giá của Stephanie Ray Brown không biết nói những lời khôn ngoan ẩn ý để đánh thức lòng trắc ẩn của người chung quanh như Charlie. Hoàn cảnh của chú tuy rất bất hạnh nhưng món quà chú tặng cho cô giáo thật là vô giá.

John E. Schlimm II trong truyện ngắn Âm Thanh và Tinh Thần Giáng Sinh đã khéo léo nhắc nhở chúng ta rằng ngày nào cũng có thể là ngày Giáng Sinh nếu ta biết mở cửa tâm hồn thưởng thức cái đẹp của cuộc đời như âm nhạc, nghệ thuật, thiên nhiên. Mary đã không để cái khuyết tật về âm thanh ngăn cản cô trong việc thưởng thức âm nhạc. Sự rung cảm của Mary với bài hát Giáng sinh đã làm cho mọi người chung quanh xúc động. Tôi tin là độc giả cũng sẽ yêu mến truyện ngắn này.

Món Quà Vô Giá của Stephanie Ray Brown và Âm Thanh và Tinh Thần Giáng Sinh được trích từ *A Chicken Soup for The Soul Christmas*. *Chicken soup* cũng giống như cháo gà ở Việt

Nam được dùng để chữa những cơn cảm cúm. Có thể nó không có vị thuốc nhưng thường là sự săn sóc, tình cảm của người nấu cháo giúp người bệnh cảm thấy khỏe hơn. Jack Canfield và Victor Hansen đã tuyển chọn những truyện ngắn rất ngắn của tất cả mọi người chung quanh, có khi là nhà văn tốt nghiệp đại học như Schlimm II, có khi là một giáo viên dạy lớp một lớp hai như bà Brown.

Giáng sinh là của tất cả mọi người, và ai cũng có một mẩu chuyện nho nhỏ có khi vui có khi buồn để chia sẻ với mọi người. Độc giả cũng có thể bắt đầu viết một truyện về Giáng sinh để gửi cho Thư Quán Bản Thảo vào năm sau nhé.

Nguyễn thị Hải Hà



Tranh Đinh Cường (sưu tầm từ Internet)

GIÁNG SINH

Tác giả: Vladimir Nabokov

Sau khi đi bộ từ trong làng trở về trang viên băng ngang cánh đồng tuyết sáng lờ mờ, Sleptsov ngồi vào trong góc nhà, trên cái ghế bọc nhung ông không nhớ đã từng dùng đến nó. Tương tự như những chuyện chúng ta thường thấy sau một cơn đại họa. Không phải anh em mà lại là một người quen sơ, ông láng giềng ở nông thôn bạn chẳng mấy khi để ý đến, lúc bình thường bạn chẳng buồn trò chuyện đến, lại chính là người an ủi bạn, rất khéo léo và hoàn toàn dịu dàng, nhật hộ bạn cái mũ bạn đánh rơi sau khi tang lễ chấm dứt lúc bạn đang bị choáng váng trong nỗi đau khổ, rằng bạn đang run lập cập, và mắt bạn đang mờ nước mắt. Người ta cũng có thể nói như thế về đồ vật. Bất cứ căn phòng nào, ngay cả những căn phòng ảm áp thân mật nhất và nhỏ đến vô lý nhất, trong cái chái nhà ít khi được sử dụng của một trang viên đồ sộ ở nông thôn cũng có một góc không ai lui tới. Và đó là cái góc nhà Sleptsov đang ngồi.

Chái nhà này nối liền, bằng một hành lang dài và hẹp bằng gỗ, đang bị cơn tuyết miền Bắc Nga lấp đầy, với phần chính của ngôi nhà, chỉ được dùng vào mùa hè. Không cần thiết phải đánh thức hay sưởi ấm nó; chủ nhân của ngôi trang viên đến từ Petersburg ở chỉ đôi ba ngày và chỉ cần dùng phần nối liền của ngôi nhà, chỗ này đơn giản chỉ cần nhóm cái bếp bằng sứ Hòa Lan.

Chủ nhân của trang viên ngồi trong cái góc nhà không ai qua lại này, trên cái ghế bọc nhung, như thể ông đang ngồi chờ trong phòng mạch của bác sĩ. Căn phòng trôi nổi trong bóng tối, và màu xanh thẫm của hoàng hôn lọc thẫm qua chòm lông tơ pha lê của sương giá trên khung kính cửa sổ. Ivan, ông giúp việc bệ vệ và ít nói, mới cạo sạch bộ ria mép nên trông ông rất giống ông bố đã qua đời, trước là quản gia, mang vào một cây đèn dầu hỏa, lau chùi sạch sẽ và sáng rực. Ông đặt đèn lên cái bàn nhỏ và, rất êm ả, ông lấy cái chụp đèn lụa màu hồng rào vây chung quanh đèn. Trong một thoáng ngẩn ngui cái gương nghiêng phản chiếu ánh sáng lên lỗ tai và mái tóc bạc cắt ngắn

của ông. Xong, ông thoái lui và cánh cửa kêu kễ kệt nhỏ nhỏ. Sleptsov nhấc bàn tay ra khỏi đầu gối, chậm chạp quan sát. Một giọt nén đã dính và đông cứng lại ở khoảng da mỏng giữa hai ngón tay. Ông xòe các ngón tay và lớp vảy mỏng màu trắng bị vỡ tan.

~ ~ ~

Sáng hôm sau, sau một đêm đầy những giấc mơ vụn vản vô nghĩa hoàn toàn chẳng liên hệ với nỗi buồn khổ của ông, khi Sleptsov bước ra ngoài hàng hiên lạnh giá, nén nhà thoát ra tiếng kêu rảng rặc như tiếng súng nổ vui vẻ dưới chân ông, và ánh phản chiếu của các ô kính cửa sổ nhiều màu sắc kết hợp lại thành những hình thoi đẹp tuyệt trần chiếu lên trên những cái ghé trắng không bọc nệm đặt cạnh cửa sổ. Thoạt tiên lớp cửa bên ngoài hơi khó đẩy, rồi thì nó chịu mở ra với tiếng kêu giòn giã rảng rặc, và hơi băng giá choáng ngợp tạt vào mặt ông. Lớp cát màu đỏ đỏ được rải lên lớp băng che phủ những bậc thềm của hiên trước trông giống như bột quế, và các thoi băng nhũ thật dày có màu xanh lơ pha lục treo lủng lẳng trên mái nhà. Lớp tuyết dày len lỏi vào tận trong mấy cái cửa sổ của phần nhà nổi, xiết chặt dây hành lang hẹp bằng gỗ gọn gàng này bằng gong kèm giá lạnh. Cái khối màu trắng ngà, trước là nơi trồng hoa vào mùa hè, đã phồng to lên, hơi cao hơn mực tuyết của hàng hiên trước, và xa xa là ánh sáng lộng lẫy của rừng, nơi ấy tất cả các cành cây màu đen đều được viền ánh bạc, và những ngọn thông xanh dường như co rúm những cái vầu màu xanh lục bên dưới sức nặng đầy đà sáng rực của chúng.

Mang đôi ủng ni và cái áo khoác ngắn bên trong lót bằng lông thú có cổ áo bằng lông cừu, Sleptsov bước chậm chậm dọc theo con đường nhỏ rất thẳng, con đường vón vện đã được dọn sạch tuyết chạy vào cánh đồng tuyết sáng đến lóa mắt phía đằng xa. Ông ngạc nhiên thấy mình vẫn còn sống, vẫn còn có thể nhận thấy cái sáng rực rỡ của tuyết, và cảm thấy đau buốt ở mấy cái răng cửa vì không khí lạnh. Ông cũng chú ý đến cái bụi cây bị tuyết phủ trông giống như một cái nguồn nước phong-tên, và con chó đã để lại trên bờ tuyết một chuỗi dấu chân màu vàng nghệ hằn sâu vào rìa của bờ tuyết. Xa hơn một chút nữa, những bộ phận chống đỡ cái cầu dành cho khách bộ hành thò ra khỏi tuyết, và Sleptsov dừng lại ở nơi ấy. Cấu kính, giận dữ, ông xô lớp tuyết dày xóp phủ đầy lan can cầu. Ông nhớ thật sống động dáng dấp cây cầu vào mùa hè. Cậu bé con

trai ông đi dọc theo những thanh gỗ cầu trơn trượt, lấm tấm điểm hoa dại, khéo léo dùng vợt bắt con bướm đậu trên thành cầu. Thế rồi cậu bé nhìn thấy ông bố. Đã mãi mãi mất rồi tiếng cười đùa trên mặt cậu bé, bên dưới cái vành nón rơm bé cụp xuống bị nắng r ám đen; mấy món đồ chơi cầm tay và dây xích của cái ví da cột vào dây thắt lưng, đôi chân đáng yêu của cậu bé r ám nắng nhẵn nhụi trong cái quần “sọt” vải và đôi săng-đan ướt đẫm như lệ thường đứng ở thế dạng chân rất vui vẻ. Chỉ mới đây thôi, ở Petersburg, sau khi say sưa ba hoa về chuyện ở trường, chuyện cái xe đạp, về mấy con bướm Á châu rất đẹp, cậu bé bỗng qua đời, và hôm qua Sleptsov đã mang cỗ quan tài – rất nặng nề, dường như nó chứa sức nặng của cả cuộc đời – về làng, đưa vào nhà mồ riêng của gia đình ở gần nhà thờ trong làng.

Không gian yên vắng như chỉ có thể yên vắng đến thế này trong một ngày sáng sủa và lạnh giá. Sleptsov nhấc chân lên, bước ra khỏi lối đi, và để lại những vết lõm sâu màu xanh lơ trong tuyết, tạo lối đi giữa những thân cây trắng lạ lùng đến nơi cánh rừng bắt đầu rẽ xuống hướng bờ sông. Phía dưới thật xa, những khối băng tỏa ánh sáng lấp lánh gần một cái lỗ bị cắt thủng trong một màu trắng mịn bao la, và, ở bờ bên kia mấy cột khói màu hồng đứng thẳng bên trên mái nhà phủ đầy tuyết của những căn nhà được xây bằng thân gỗ tròn. Sleptsov cỡi cái mũ lông cừu đứng tựa lưng vào thân cây. Ở phía xa thật xa, nông dân đang bở củi – âm thanh của mỗi nhát búa vang vọng lên không trung – và ở bên ngoài làn sương mỏng màu bạc bao phủ rặng cây, bên trên những túp lều gỗ đang ngời xôm, ánh mặt trời chiếu sáng vẻ thư thái của cây thánh giá trên nhà thờ.

Ông sẽ đến nơi ấy sau bữa ăn trưa bằng cỗ xe trượt tuyết cũ kỹ có chỗ dựa lưng rất thẳng. Tiếng vó của con ngựa màu đen nện mạnh mẽ trong không gian lạnh băng, các chòm lông trắng của những cành cây thấp là đà trượt phía trên đầu, và đầu bánh xe ở phía trước lấp loáng màu xanh lơ có ánh bạc. Khi ông đến nơi, ông ngồi độ một giờ đồng hồ bên cạnh mộ, đặt đôi bàn tay đeo găng bằng len dày nặng lên trên những thành cầu bằng sắt, hơi lạnh xuyên qua lớp len làm bỏng rất bàn tay ông. Ông về nhà với một nỗi thất vọng nhẹ nhàng, như thể để con trong nhà mồ càng làm xa cách với ông hơn là chỗ này, nơi để lại vô số dấu chân thoãn thoắt của cậu bé đã được bảo toàn bằng lớp

tuyết bao phủ.

Chiều tối, bất chợt bị nỗi buồn mãnh liệt tràn ngập, ông bảo mở cửa gian nhà chính. Khi cánh cửa mở toang với tiếng kêu buồn phiền như tiếng khóc, thoang thoang có một mùi đặc biệt, tươi mát chứ không mốc meo như mùi của mùa đông, thổi từ tiền sảnh có chấn song sắt, Sleptsov lấy ngọn đèn với tấm phản chiếu bằng thiếc từ tay người gác cửa rồi vào nhà một mình. Nền nhà bằng gỗ kêu rảng rác đầy vẻ rùng rợn dưới bước chân của ông. Từ phòng này sang phòng khác trong ánh sáng vàng vọt, và những vật dụng trong nhà được che phủ bằng những tấm vải trông rất xa lạ; thay vì tiếng rung lạnh canh của cái đèn trần là một cái bao im lìm treo trên trần nhà, và cái bóng khổng lồ của Sleptsov, chậm chạp duỗi cánh tay, bông bênh trôi trên tường và bên trên những cái hình vuông xám của những bức tranh đã được phủ che.

Ông vào phòng cậu con trai đã dùng làm phòng học lúc mùa hè, để ngọn đèn lên bệ cửa sổ, rồi làm gãy móng tay khi ông cố mở cửa sổ, mặc dù ngoài kia chỉ toàn là bóng đêm. Trên tấm kính màu xanh, ngọn lửa vàng của cái đèn hơi bị khói ám hiện ra, và bộ mặt to lớn, râu ria của ông xuất hiện trong chốc lát.

Ông ngồi xuống ở cái bàn trống trải và nghiêm nghị, chau mày khám xét giấy dán tường màu nhạt viền quanh là những dây chuỗi hoa hồng xanh; một cái tủ hẹp thường được dùng ở các văn phòng với những ngăn kéo từ trên xuống dưới; một cái ghế nệm dài và mấy cái ghế bành được che trùm lại; rồi bất thần, gục đầu lên trên bàn, ông bắt đầu lắc mạnh, mê mải, mãnh liệt, ồn ào, áp đôi môi và sau đó đến gò má dẫm ướt vào cái mặt gỗ lạnh lẽo đóng đầy bụi và nắm chặt mấy góc bàn.

Trong ngăn bàn ông tìm thấy quyển vở, cái bảng, mấy cái kim khâu màu đen, và một hộp bánh bích-qui bằng thiếc trong đó có chứa một cái kén rất lạ mắt trị giá ba rubles. Sờ vào, nó mỏng manh như giấy và dường như nó được làm bằng một chiếc lá màu nâu cuộn tròn. Cậu con của ông đã nhớ đến nó lúc cậu bé đang nằm bệnh, hồi tiếc là mình đã bỏ nó lại ở nhà nhưng tự an ủi với ý nghĩ là con nhộng bên trong có lẽ đã chết rồi. Sleptsov cũng tìm thấy một cái vọt lưới đã mòn: một cái túi bằng vải mỏng như mút-xơ-lin đặt lên trên một cái vòng có thể xếp lại (và lớp vải này vẫn còn mùi của mùa hạ với mùi cỏ nóng vì ánh mặt trời).

Cúi gập người xuống thấp hơn, rồi thấp hơn nữa, ông khóc nức

nở rung chuyển cả thân hình, rồi ông bắt đầu kéo ra từng chiếc ngăn có nắp đậy bằng kính trong cái tủ đứng. Trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn, những vật làm mẫu được sắp xếp ngay ngắn, chiếu sáng như lụa bên dưới lớp kính. Ở đây, trong phòng này, trên bàn ấy, con ông đã dang đôi cánh những động vật cậu bắt được. Trước tiên cậu dùng kim găm cắm con côn trùng đã được cẩn thận giết chết lên cái khe rãnh có đáy bằng gỗ xộp của cái bảng trưng bày, ở giữa những lát gỗ mỏng có thể điều chỉnh được và ép nó xuống cho thật phẳng bằng kim ghim trên những mảnh giấy lên đôi cánh vẫn còn tươi và mềm mại. Bây giờ thì chúng đã rất khô và đã được chuyển vào trong cái tủ đứng này – loài bướm Đuôi Én tuyệt mỹ, loại bướm hiếm màu Đồng và màu Xanh, và các loại bướm quý khác, một vài con bướm được gắn lên bảng ở vị thế nằm ngửa để trưng bày trứng bướm. Con ông từng đọc tên Latin của những loại côn trùng này với giọng than thở một cách đặc thủng hay rẻ rúng. Và lũ bướm, lũ bướm Điều Hâu Aspen đầu tiên xuất hiện hồi mùa hạ của năm năm trước.

Đêm có màu xanh của khói và trắng rất sáng; mây mỏng lác đác trên trời nhưng không vệt mây nào chạm đến mặt trăng kiêu sa và mỏng manh. Rừng cây, những mảng dày băng giá màu xám, rải bóng đen trên tuyết, lấp lánh chỗ này nơi kia một thứ ánh sáng của kim loại. Trong cái ghế bọc nhung, gian phòng sưởi ấm áp của đoạn nối hai dãy nhà, Ivan đã đặt một cây thông cao chừng sáu hay bảy tấc trong một cái chậu đất sét nung lên bàn, và chỉ cắm một ngọn nến lên chân nến hình thánh giá khi Sleptsov từ gian nhà chính quay về, lạnh lẽo, mắt đỏ hoe, bụi xám còn dính đầy trên má, dưới nách cặp theo cái hộp gỗ. Nhìn thấy cây Giáng Sinh trên bàn, ông hỏi lơ đãng, “Cái gì đây?”

Đỡ cái hộp gỗ trên tay ông, Ivan trả lời bằng giọng rất nhỏ nhẹ, dịu dàng, “Ngày mai là ngày lễ.”

“Không, mang nó đi chỗ khác,” Sleptsov nói với vẻ cau có, trong đầu thì suy nghĩ, “Có thể nào là đêm Giáng Sinh? Tại sao ta có thể quên chứ?”

Ivan dịu dàng giữ ý kiến, “Nó đẹp và xanh mướt. Cho nó đứng ở đây một thời gian.”

“Làm ơn mang nó đi,” Sleptsov lặp lại, cúi người trên cái hộp gỗ ông mang về. Trong đó ông đã mang hết đồ dùng của con

trai – cái vợt bắt bướm có thể gấp lại được, hộp bánh bích-qui bằng thiếc với cái kén hình quả lê, cái bảng để giăng cánh bướm, những cây kim găm trong cái hộp sơn mài, cuốn vở màu xanh. Phần nửa trang đầu tiên đã bị xé đi, và phần còn lại chứa một phần bài chính tả tiếng Pháp. Sau đó có những bài nhật ký, tên của những con bướm bắt được, và những hàng ghi chú khác:

Đi ngang một vùng đầm lầy xa mãi tận Borovichi . . .

Hôm nay mưa. Đánh cờ với bố, sau đó đọc Frigate của Goncharov, cuốn sách chán kinh khủng.

Một ngày nóng tuyệt vời. Chạy xe đạp buổi chiều tối. Một con bọ bé xíu rơi vào mắt tôi. Cố ý đạp xe ngang ngôi nhà nghỉ hè của cô bé ấy hai lần, nhưng không gặp cô bé . . .

Sleptsov ngẩng đầu lên, nuốt cái gì đó rất nóng và to lớn. Con ông viết về ai thế?

Chạy xe đạp như thường lệ. Chúng tôi nhìn nhau. Cục cưng của tôi, người yêu ơi . . .

“Chuyện này không thể tưởng tượng được,” Sleptsov thảm thì. “Tôi không bao giờ biết . . .”

Ông lại cúi người xuống, tập trung cố giải mã nét chữ trẻ con hết nghiêng người đứng lên lại bẻ cong xuống lẽ quyền vở.

Nhìn thấy một loại bướm mới của giống Mỹ Nữ Camberwell hôm nay. Điều đó có nghĩa là mùa thu đã đến. Mưa lúc chiều tối. Cô bé có lẽ đã về thành phố rồi, chúng tôi chưa có dịp làm quen với nhau. Giã biệt, người yêu đầu. Tôi cảm thấy rất buồn. . . .

“Nó chưa bao giờ kể tôi nghe những chuyện như thế này . . .” Sleptsov cố nhớ lại, xoa trán bằng lòng bàn tay.

Trên trang giấy cuối cùng có một bức họa vẽ bằng mực: cái nhìn từ phía sau của con voi – hai cái cột to xù, góc cạnh của hai lỗ tai, và cái đuôi bé xíu.

Sleptsov đứng lên. Ông lắc đầu, cố gắng tự kèm chế những tiếng nức nở khùng khiep cứ chực trào ra.

“Tôi–không–thể–chịu–đựng–được–nữa,” ông lè nhè giữa những

tiếng rên, lặp lại càng chậm hơn, “Tôi–không–thể–chịu–đựng–
được–nữa . . .”

Ngày mai là ngày Giáng sinh, điều nhắc nhở đến bất chợt, và
tôi sẽ chết. Dĩ nhiên. Đơn giản thế thôi. Chính đêm nay . . .

Ông rút cái khăn tay ra và lau khô đôi mắt, gò má. Những vết
đen dính lại trên khăn tay.

“ . . . cái chết,” Sleptsov nói nhỏ nhẹ như thể kết luận một câu
dài.

Tiếng đồng hồ gõ nhịp. Những mô hình sương giá trùng lặp
lên nhau trên tấm kính xanh của cửa sổ. Quyển vở mở được
chiếu sáng rực trên bàn, bên cạnh nó ánh sáng xuyên qua lớp
vải mút-xơ-lin của cái vợt bắt bướm, sáng lóng lánh ở một góc
của cái hộp thiếc mở nắp. Sleptsov nhắm chặt mắt, mơ hồ cảm
thấy sự sống của trần thế trước mặt ông, hoàn toàn trụi đơn
giản và buồn thảm khủng khiếp, vô lý vô dụng đến nhục nhã,
tuyệt tự, thiếu vắng phép nhiệm màu.

Ngay lúc ấy bỗng có tiếng nứt – âm thanh mỏng manh như
tiếng sợi dây cao su bị căng thẳng rồi bị đứt. Sleptsov mở mắt.
Cái kén trong hộp bánh bích-qui bằng thiếc đã vỡ ra ở phía
trên đầu, và một con vật nhả nheo màu đen to cỡ một con
chuột sơ sinh đang bò lên trên tường phía trên bàn. Nó dừng
lại, cố bám vào mặt tường bằng sáu cái chân cuống quít và bắt
đầu phập phồng một cách lạ thường. Nó xuất hiện từ cái kén
bởi vì người đàn ông vật vã trong nỗi đau khổ đã mang cái hộp
thiếc vào căn phòng âm áp của ông, và hơi ẩm đã thấm vào cái
vỏ kén bằng lá và lớp tơ dày chắc của nó; nó chờ đợi giây phút
này từ lâu, gom góp tất cả sức lực, và giờ đây, đã nở, thoát ra,
nó từ từ và đầy nhiệm màu nở to lên. Dần dần những mảnh vỏ
nhả nheo, những đường viền nhung nở ra; những sợi gân hình
quạt xếp trở nên cứng cáp hơn khi nó chứa đầy không khí. Nó
trở nên loài vật có cánh, không thể nào tưởng tượng nổi, có
khuôn mặt trưởng thành và trở nên rất xinh đẹp. Và đôi cánh –
vẫn còn yếu ớt, và ướt át – tiếp tục lớn lên và mở ra, và bây giờ
chúng phát triển đến mức toàn vẹn nhất mà Tạo Hóa đã xếp
đặt, và nơi đó, trên vách tường, thay vì là một cái khối nhỏ của
cuộc đời, thay vì là con chuột đen, là một con bướm Attacus
như những loài có thể bay như chim, vòng quanh ngọn đèn
trong những buổi hoàng hôn bên Ấn Độ.

Và rồi đôi cánh dày và đen ấy, với các đốm sáng ngời như đôi
mắt trên ấy với một đóa hoa màu tím, nó xoa những cái chân

trước vào nhau như phù bụi, hít một hơi đầy bên dưới sự thôi thúc rất dịu dàng, khao khát, rất giống với hạnh phúc của loài người.

Dmitri Nabokov dịch từ bản tiếng Nga với sự góp ý của tác giả.

Vladimir Nabokov (1899 – 1977) nhà văn Nga biết rất nhiều thứ tiếng. Ông viết chín tác phẩm đầu tiên bằng tiếng Nga rồi nổi tiếng trên toàn thế giới là nhà văn lớn chuyên viết tiếng Anh với văn phong tuyệt vời. Tác phẩm Lolita của ông ra đời năm 1955 là một trong những tác phẩm đặc sắc nhất của ông. Lolita, Pale Fire, và Speak, Memory là những tác phẩm nằm trong danh sách Modern Library 100 Best Novels và Nonfiction (100 quyển tiểu thuyết và các thể loại khác như ký, phê bình, tiểu luận hay nhất của Thư Viện Hiện Đại).



GIÁNG SINH Ở TOKIO

Tác Giả: Max Hill

Thời Trân Châu Cảng, tôi được phát cho một con số, số 867, rồi bị nhốt vào căn phòng giam có diện tích một mét rưỡi nhân ba mét ở nhà tù Sugamo, người Nhật chỉ nhạt nhẽo gọi nó là Tokio Kochisko, hay Nhà Giam Tokio. Tháng 5, khi ấy tôi vẫn còn ở Sugamo, tôi bị xử và bị buộc tội đã gửi cho báo Associated Press, ở chức vụ phóng viên, những câu truyện mà theo sự phóng đại của ông thẩm phán, đã “làm tổn hại chính sách ngoại giao của Nhật Bản.” Tôi bị án tù mười tám tháng, nhưng án tù này tạm ngưng khi chính quyền Hoa Kỳ cương

quyết đòi phải bao gồm tất cả phóng viên trong đợt trao đổi đầu tiên giữa các quốc gia, và tôi thật sự rời khỏi Sugamo vào tháng 6 khi tôi được đưa ra trại tập trung nơi tương đối tự do hơn, sau đó được tàu Gripsholm đưa về New York, vì thế toàn bộ thời gian bị ở tù của tôi là sáu tháng. Sáu tháng ở trong nhà giam Tokio rất là tẻ nhạt.

Phòng giam của tôi có tường bằng xi-măng và cái cửa sổ rất bé có chấn song. Trang bị của phòng giam gồm có cái giường, chậu rửa mặt, cầu tiêu, cái chổi và hai tấm *tatami*, hay là đệm rom. Tôi không được phép ngồi hay nằm trên giường trước giờ đi ngủ, và nếu tôi muốn ngồi, tôi phải ngồi trên nền nhà hay ngồi lên cầu tiêu. Phần nhiều, tôi chọn cái sau. Mỗi ngày tôi thức dậy lúc năm giờ sáng. Sau đó tôi phải quét phòng giam và dọn giường. Lúc sáu giờ rưỡi một người gác sẽ mang bữa ăn sáng vào, mười một giờ bữa ăn trưa, và lúc ba giờ bữa ăn chiều, cả ba bữa ăn không thay đổi chỉ có một bát nước ấm, một bát rong biển hay canh củ cải, một chén cơm nguội trộn với lúa mạch. Bốn giờ cửa phòng giam được khóa hai lớp, chút sau chuông rung, dấu hiệu tất cả tù nhân phải đi ngủ. Đèn trong phòng giam được mở sáng suốt đêm, chói chang trên mặt tôi. Nhiệt độ trong tù hầu như luôn luôn dưới không độ; tôi chắc chắn đó là lý do nước trong chậu đặt dưới cái ống thoát nước bị rò rỉ của chậu rửa mặt luôn luôn đóng một lớp băng mỏng. Chỉ ở trên giường tôi mới có cơ hội làm tan chút băng, chứ không dám nói là ấm áp. Vì thế hầu như suốt ngày, tôi chỉ chờ cho đến bốn giờ chiều.

Tôi ở Sugamo chỉ mới đôi ba ngày thì tôi mắc phải một lỗi vì không hiểu phong tục Nhật Bản khi tôi cố gắng giữ cho đôi bàn chân được ấm áp. Người Nhật luôn cởi giày trước khi bước lên tấm *tatami* và họ muốn người nước ngoài phải vâng theo. Tôi chỉ muốn giữ cho đôi bàn chân của tôi đừng đông thành nước đá chứ không đề ý đến việc giữ gìn mỹ tục, và thường xuyên, khi từ góc bên này băng qua góc bên kia của phòng giam, tôi đã bước lên tấm đệm *tatami* mà không cởi giày. Một lần, tôi thất lễ với phong tục này, một gã quản tù răng vàng, đang tuần hành ngoài hành lang, bắt quả tang. “*Damé*” hấn gầm lên khi bước vào phòng giam. Chữ này có nghĩa là “xấu.” Hiên nhiên thích thú với kết quả của cuộc đi tuần trên cái hành lang gió lùa lạnh giá này, hấn ra lệnh tôi phải tháo giày, tóm lấy đôi giày, mang đi. Mãi cho đến bốn

tháng sau tôi mới được trả lại đôi giày. Trong khi chờ đợi tôi phải đi khắp nơi bằng đôi vớ. Điều thuận lợi duy nhất trong chuyện này là nó cho tôi thêm một việc làm để quên ngày dài. Cố gắng giữ ấm cho đôi bàn chân tôi có thể ngồi hàng giờ trên bồn cầu nhúc nhích ngoe nguẩy các ngón chân.

Nếu không làm thế, tôi có hai cách chính yếu để giết thì giờ. Một là ngồi đếm các cành của cây thông tôi có thể nhìn thấy qua cửa sổ. Con số cành thông tôi đếm được thay đổi từ một trăm năm mươi đến hai trăm và con số đếm ngay sau đó không bao giờ trùng lặp với số đếm trước. Để có thể nhìn thấy cây thông, tôi phải quì trên bồn cầu trong một thế ngồi rất là kỳ quặc, đẩy một bên của cánh cửa làm bằng kính mờ ở phần dưới cửa sổ, ngoẹo cổ, thò ra ngoài cái đầu nhìn nghiêng hẳn sang một bên. Tôi có thể nhìn thấy toàn thể cái cây qua khoảng trống hình tam giác nhỏ xíu của cánh cửa sổ mờ hé. Còn một cách khác là tìm cách nhớ lại tên của bốn mươi tám tiểu bang. Tôi đánh dấu con số tôi nhớ bằng chín que đếm tôi làm bằng cọng rom bẻ từ cây chổi. Liên tiếp ba tháng ròng rã, tổng số tiểu bang tôi nhớ được chỉ có bốn mươi bảy tiểu bang, bất kể tôi bắt đầu từ phần nào của Hoa Kỳ. Trong trí tôi luôn có thể nhìn thấy rõ ràng bờ Đại Tây Dương, vì thế tôi luôn bắt đầu với những tiểu bang bên bờ Đại Tây Dương, rồi di chuyển sang hướng Tây theo tầng lớp của các tiểu bang, ngón tay tôi dôi theo tấm bản đồ tường tượng trên tường. Nhưng đôi khi tôi tà tà dò hết tên này đến tên khác xuyên qua các Đại Hồ, hay là tôi bắt đầu từ hướng Tây Bắc của Đại Tây Dương, dù tôi dùng cách gì, tổng số tiểu bang tôi nhớ được vẫn là bốn mươi bảy. Cái tên của tiểu bang tôi quên trở thành mối bận tâm dai dẳng đeo đuổi tôi. Nó quấy nhiễu tôi hơn cả tên quản tù răng vàng luôn luôn bốc mùi khói thuốc lá làm tôi rất thèm được hút một điếu – ngay cả thuốc lá Nhật Bản nhạt nhẽo như rom mốc tôi thường hút khi còn trẻ. Vào cuối tháng thứ ba, tôi chợt nhớ ra tên tiểu bang thứ bốn mươi tám. Đó là Mississippi. Tôi thấy cần phải ăn mừng, và tự thưởng bằng cách nâng ly nước lạnh chúc mừng Mississippi.

Tiếng vọng trong nhà tù Sugamo thật là to khủng khiếp. Tôi không thể tự thi thảo mà tránh được tên quản tù đi từ trụ sở của hắn đến cuối hành lang, nơi giam tôi, để điều tra. Chuyện đếm những cành thông hay nhớ tên các tiểu bang chẳng làm hắn bận tâm, nhưng có một lần, lúc đó tôi mới vào tù, tôi đã làm

một việc làm hẳn rất lo lắng. Đó là khi tôi nghĩ về ngày Giáng Sinh sắp đến. Hôm ấy là ngày 15 tháng 12. Để làm gì, tôi suy nghĩ, chỉ còn có bảy ngày để mua sắm cho lễ Giáng Sinh, và tôi bật cười to. Gã quản tù lon ton chạy ngay đến phòng giam tôi để xem chuyện gì. Hẳn thấy tôi vẫn còn cười vang. Khó mà giải thích cho hẳn hiểu tại sao chuyện này lại buồn cười nên tôi chẳng nói gì. Hẳn đứng tần ngần một lúc, nhìn tôi với vẻ mặt thắc mắc khó hiểu rồi cúi kính bỏ đi.

Ngày thứ mười bảy tôi ở tù là ngày áp lễ Giáng Sinh. Đó là một ngày rất lạnh và rất buồn. Tôi làm công việc quét dọn lật vật trong phòng giam đã xong và không có gì để tự giúp vui, ngay cả chuyện đếm các cành nhánh của cây thông, bởi vì tuyết rơi đêm trước và những mảnh tuyết mềm xốp đã che lấp những đường nét của cây thông. Suốt ngày tôi ngồi trên bồn cầu, ngoe nguẩy ngúc ngoác những ngón chân. Như thường lệ, tôi đi ngủ ngay sau bốn giờ chiều, còn rất lâu mới đến nửa đêm. Sau khi tôi ngủ khoảng hai giờ đồng hồ, tôi nghe tiếng lách cách tra chìa vào ổ khóa cửa phòng giam tôi. Cánh cửa rít nhẹ mở ra và tên quản tù răng vàng bước vào. Hẳn cười toe toét và mang theo một hộp giấy to cỡ bằng cái hộp chứa mũ. Hẳn mở nắp hộp và liếc nhìn vào bên trong. Đến bên cạnh giường của tôi hẳn cúi khom người, nói “*Dozo*” (“Xin vui lòng”), và đặt cái hộp vào tay tôi. Bên trong có một vật có hình dáng lạ lẫm được bọc bằng giấy mềm. Họ tử tế quá, tôi nghĩ, và tôi nói, “*Dom-arigato*” (“Cám ơn ông rất nhiều”). Tôi kéo tờ giấy bao mềm. Bên dưới là một cái cây Giáng sinh nhân tạo cao chừng ba tấc đặt trong một cái chậu nhỏ màu trắng; những cành xanh lục cứng ngắt của nó được lấm tấm điểm tuyết sáng lấp lánh trong ánh đèn điện. Rải rác trong hộp giấy là sợi kim tuyến và một số vật để trang hoàng trên cây Giáng sinh – một trái tim màu bạc, một tượng thánh *Santa Claus* nhỏ xíu, và một ngôi sao.

“*Ano-ne*” (“Đây ông xem”), tên quản tù nói ngập ngừng. Trao cho tôi mảnh giấy nhỏ màu trắng, hẳn giải thích rằng cây do Ban Quản Đốc của trại giam gửi đến cho tôi, và hẳn cần tôi ký tên lên mảnh giấy để hợp lệ hóa việc trích bớt tiền của tôi họ đã giữ trong ngân hàng khi tôi mới bị họ bắt vào tù. Tôi phải trả tiền cho cái cây là hai yen, chừng năm chục xu tiền Hoa Kỳ. Tôi ký tên vào mảnh giấy. Tôi hỏi hẳn, Ban Quản Đốc đã mua cây Giáng Sinh này ở đâu? Cây này là một trong vài trăm

cây, hẳn trả lời, đã được tù nhân làm trước đây khá lâu để bán cho người Mỹ. Tôi đoán chiến tranh làm gián đoạn sự kinh doanh này, và hiển nhiên tôi là đối tượng thương mại tốt nhất còn sót lại, không chừng lại là đối tượng duy nhất. Tên quán tù bỏ đi, đóng cửa đánh sầm. Tôi bò ra khỏi giường quì xuống trên một trong hai tấm đệm. Tôi đặt cây Giáng sinh ở trong góc phòng giam rồi lấy các món đồ trang trí và những sợi kim tuyến ra khỏi hộp. “Chúc Mừng Giáng Sinh,” tôi nói một mình, rồi bắt đầu treo những đồ trang trí và quần dây kim tuyến chung quanh cây.

1942

Bài văn này được chọn đăng trên Christmas at The New Yorker xuất bản năm 2003 do Ban Biên Tập của The New Yorker tuyển chọn với lời tựa của nhà văn John Updike. Tôi không tìm thấy tiểu sử của Max Hill.



HAI NGƯỜI CHƯA GẶP

Tác giả: John McNulty

Eddie Casavan và Harry Marnix đang đi trên Đại lộ thứ Năm, khoảng đường cắt ngang đường thứ Năm Mười, thì chợt nhận ra lễ Giáng sinh đang bao trùm họ. Có vẻ nó nắm giữ ông Casavan chặt chẽ hơn, nhưng cả hai đều cảm nhận được lễ Giáng sinh đang kẹp lấy họ. Cửa sổ các cửa tiệm, không khí lạnh giá, đèn được thấp sáng lên lúc xế chiều, và có lẽ vài ly rượu mạnh họ uống khi đi dạo đã tạo nên cảm giác này.

Họ rẽ qua đường khác khỏi Đại lộ khi Eddie nói, “Đường

như tôi không còn muốn có quà Giáng sinh nữa.”

“Giáng sinh là để cho trẻ con thôi,” Harry nói. “Đó là mùa cho trẻ nhỏ, Giáng sinh.”

“Ngay cả khi tôi đã trở thành người lớn tôi vẫn muốn có quà vào lúc Giáng sinh,” Eddie nói. “Tôi bốn mươi chín tuổi và chỉ mới chừng vài năm trước tôi chợt nhận ra là tôi không còn muốn có quà vào dịp Giáng sinh nữa. Năm nay cũng thế. Những hàng hóa trưng bày ở cửa sổ trông đẹp lắm, nhưng tôi chẳng ham thích món nào.”

“Phần lớn chỉ toàn là đồ trẻ con – làm quà cho trẻ con lúc Giáng sinh,” Harry nói.

“Tôi biết thế, nhưng ý của tôi không phải thế,” Eddie trả lời. “Chúng mình vào đây đi. Tôi rành rang độ một giờ đồng hồ. Bác có phải đi đâu không?”

“Vào thì vào,” Harry nói. “Không, tôi không đi đâu cả. Ít nhất là không ngay bây giờ.”

Hai người không say rượu. Chỉ hơi nói nhiều, có lẽ - chẳng thân nhau. Eddie gọi hai ly rượu. “Hai ly Scotch sủi bọt,” ông nói, một cách nói lóng mà dân New York dành riêng cho rượu scotch pha sô-đa.

“Thậm chí tôi cũng chẳng muốn đi đâu vào dịp Giáng sinh, ý của tôi là thế,” Eddie tiếp tục nói lúc người phục vụ pha rượu và đặt chai rượu lên quầy.

“Trước kia tôi thích tham dự những cuộc đua xe gắn máy kéo dài những sáu ngày,” Harry nói.

“Người ta không tổ chức loại đua xe này vào lễ Giáng sinh,” Eddie nói.

“Tôi biết thế, tôi từng thích đến những cuộc đua vào mùa đông nhưng bây giờ tôi không còn thích nữa,” Harry giải thích. “Nói cho đúng, người ta không tổ chức nữa.”

“Vào dịp Giáng sinh tôi thường có dự tính sẵn,” Eddie nói. “Cho đến một hai năm trước đây, tôi luôn luôn chọn một nơi để đi chơi hay làm một cái gì đó thật đặc biệt để mừng Giáng sinh. Bây giờ tôi chẳng muốn quà gì, cũng chẳng muốn làm gì.”

“Người ta thường hét to ‘B-r-r-rocco!’ ở các cuộc đua xe gắn máy,” Harry nói.

Câu nói như rơi vào khoảng không, Eddie và Harry mân mê hai cái ly chân cao.

~ ~ ~

“Có một việc tôi rất muốn làm vào dịp Giáng sinh.” Eddie nói sau khi im lặng khá lâu. “Nhưng điều này thật là bất khả thi, có thể nói là điên rồ.”

“Giáng sinh vốn là chuyện điên rồ, hơi tí thôi.” Harry nói.

“Điều này chỉ có thể xảy ra nếu có cái đèn thần của Aladin. Bạn cọ lên cái đèn, rồi bạn được toại nguyện,” Eddie tiếp tục. “Hay là một trong những vị quái tiên nhân hậu từ trong cái chai Scotch ở đằng kia nhảy ra rồi cho chúng ta một điều ước. Chuyện trẻ con, tôi đoán thế.”

“Giáng sinh là trò của trẻ con,” Harry nói. “Nghĩ cho cùng, những cuộc đua xe gắn máy sáu ngày cũng trẻ con chẳng kém gì. Có vẻ như Giáng sinh đang đi trên Đại lộ, phải không? Nếu như có một quái tiên từ trong chai nhảy ra ngoài, thì sao nhỉ?”

“Tôi cũng vừa nghĩ đến điều ấy,” Eddie nói. “Hắn có thể cho tôi một điều ước.”

“Điều gì?”

“Tôi muốn được mời hai người bữa ăn tối mừng Giáng sinh, hai người tôi chưa bao giờ gặp mặt.”

“Hừ?”

“Một trong hai người có thể bây giờ cũng đến bốn mươi tuổi, một người đàn bà,” Eddie nói. “Ồ, nói cho đúng, tôi không biết cô ấy bao nhiêu tuổi. Tôi không biết cô ấy mấy tuổi khi tôi gặp lần đầu. Mà thật ra, tôi chưa bao giờ gặp mặt cô.”

“Một nữ minh tinh? Hay một người thuộc vào giới trình diễn?”

“Ồ, không, không phải thế. Giời ạ, bác cho tôi là trẻ con đây à?”

“Không, theo ý của tôi, Giáng sinh dành cho trẻ con. Tôi không ám chỉ bác khi tôi nói thế.”

“Từ đó, tôi thường xuyên nghĩ đến cô ấy. Khi ấy tôi đang gặp hoàn cảnh khó khăn, dễ cũng mười lăm năm trước. Tôi thuê một phòng nhỏ có sẵn giường ở đường thứ Ba Mươi Chín hướng Đông.”

“Ồ loại phòng cho thuê như thế thật là đáng nhớ nhỉ!”

Harry nói góp vào.

“Loại phòng cho thuê ấy nếu bác đã sống qua rồi thoát ra khỏi bác sẽ không bao giờ quên.” Eddie nói.

“Tôi đã từng trải qua chỗ ấy rồi.” Harry gật đầu.

“Giời ạ, lúc ấy tôi thật là chìm xuống tận đáy!” Eddie nói.

“Tôi say sưa quá độ và mất việc làm liên miên hết việc này đến

việc khác. Lần ấy tôi đang tìm việc làm và cứ khoảng bốn giờ chiều tôi trở về phòng trọ. Vì thế tôi không hề gặp mặt cô gái ấy.”

“Cô nào?” Harry hỏi.

“Cô gái mà tôi muốn đãi bữa ăn tối mừng Giáng sinh.”

“Nếu như có một quái tiên nhảy ra từ trong chai,” Harry nói.

“Vâng, nếu có một quái tiên như thế nhảy ra. Tôi nhớ tôi đã uống vài ly bia sau khi người ta hứa hẹn sẽ thuê tôi với vẻ không chắc chắn, và tôi gieo mình xuống giường trong cái phòng trọ nhỏ bé ấy khi tôi về lúc bốn giờ chiều. Căn phòng này nhỏ nhất trong các phòng tôi đã từng trọ, cũng cô đơn nhất.”

“Mấy cái phòng trọ thường mang vẻ cô đơn.” Harry nói.

“Vách tường mỏng lắm. Tâm vách cạnh giường ngủ của tôi rất mỏng. Mỏng như tấm giấy các-tông của mấy cái thùng. Cô gái ấy sống ở phòng bên cạnh, cô gái tôi chưa từng gặp mặt.”

“Ồ, thế à, thế à?” Harry nói.

“Tôi có thể nghe tiếng cô gái ấy di chuyển chung quanh phòng. Đôi khi cô hát ngân nga nho nhỏ trong cổ họng và tôi có thể nghe thấy tiếng của cô. Tôi nghe cô mở cửa sổ hay đóng lại nếu trời mưa.”

“Nhưng không bao giờ nhìn thấy cô ta?” Harry hỏi.

“Không bao giờ, thế mới nói. Tôi tưởng chừng như tôi đã quen cô ấy, qua những tiếng động tôi đã nghe. Tôi nghe cô ấy rời phòng trọ mỗi buổi chiều chừng bốn giờ mười lăm phút. Cô ấy có tiếng bước chân nghe rất đáng yêu. Tôi đoán cô làm nghề hầu bàn ở đâu đó, hay một thứ công việc nào tương tự, bác có đồng ý không?”

“Tôi không biết, có thể cô làm người hầu bàn, nhưng tại sao lại như thế?” Harry nói và bưng ly uống.

“Tại sao cô ấy làm hầu bàn hay tại sao tôi đoán cô là hầu bàn?” Eddie hỏi.

“Ừ, tôi muốn biết tại sao?” Harry trả lời có vẻ như ông ta muốn biết tại sao ông bạn đoán cô gái làm nghề hầu bàn.

“Ồ, có thể tôi sai. Cô có một công việc khá vững như nghề hầu bàn. Cô thường về nhà đúng giờ vào lúc một giờ mười lăm khuya. Bác có thể dùng thời gian cô đi về như là đồng hồ ấy. Tôi thường nhìn đồng hồ khi cô ấy đi làm về. Bước chân của

cô đầy vẻ mệt mỏi khi cô đi vào hành lang. Cô ấy phải làm việc chăm chỉ lắm. Cô ấy tra chìa vào ổ khóa và tôi nghe thấy tiếng động. Tôi ngủ không say vì lo lắng với chuyện tìm việc làm hết cái nọ đến cái kia. Lúc ấy đầu như chùng một giờ mười lăm theo cái đồng hồ của tôi. Tôi theo cái đồng hồ ấy. Tôi vẫn còn giữ nó.”

“Có nhiều người không thích giữ đồng hồ trong phòng ngủ,” Harry nói.

“Họ chưa từng ở phòng trọ nghèo,” Eddie nói. “Đồng hồ là món đồ rất quý giá trong gian phòng trọ. Cái đồng hồ của tôi có màu xanh lục giá tám mươi chín xu. Trong phòng trọ cái đồng hồ là bạn. Tiếng đồng hồ tích tắc làm bạn có cảm tưởng không ở một mình, nói có trời, nếu như bạn chỉ có mỗi cái đồng hồ ở chung phòng.”

“Chưa bao giờ gặp mặt cô gái ấy – có phải bác đã nói thế?”

“Chưa gặp mặt bao giờ. Có lẽ cô ta không phải là một cô gái trẻ. Tôi không thể chứng minh cô ấy là một người phụ nữ đứng tuổi hay còn trẻ. Khi cô ngậm nga, tôi thấy giọng của cô trẻ. Buồn cười là tôi chưa bao giờ gặp mặt cô ấy ở hành lang. Chẳng có lần tình cờ nào. Nhưng tôi có nói chuyện với cô một lần.”

“Nói chuyện với cô ấy?” Harry hỏi.

“Vâng, đó là câu nói đùa. Tôi bảo với bác là tôi có thể nghe tất cả mọi tiếng động. Giường của cô ấy ở sát bên cạnh giường tôi, chỉ có cái vách mỏng ở giữa. Một buổi chiều cô ấy thức dậy và cô hắt hơi. Nghe tiếng hắt hơi bên phòng bên kia khá buồn cười. Vì thế tôi nói rất to, “Chúa phù hộ!” Tôi nhớ là cô ấy cười to. Tiếng cười của cô như tiếng của cô gái hai mươi lăm tuổi.”

“Nhưng bác không biết tuổi cô, phải không?”

“Không, bây giờ và về sau tôi cũng sẽ không bao giờ biết. Nhưng nếu lúc ấy cô hai mươi lăm, bây giờ cô phải ở tuổi bốn mươi, đúng không?”

“Chuyện này xảy ra bao giờ nhỉ?”

“Tôi đã bảo chùng mười lăm, có thể mười sáu năm trước.”

“Hai mươi lăm cộng mười lăm là bốn mươi, vâng. Cô ấy có thể khoảng bốn mươi bây giờ,” Harry nói. “Cô ấy có thể chỉ là một kẻ đang hoang. Bác có bao giờ nghĩ thế không?”

“Harry, Harry, Harry, bác chẳng hiểu gì cả. Cô ấy không

thể nào là một người hư hỏng. Một kẻ hư hỏng không cần phải sống trong loại phòng trọ tồi tàn như thế. Tôi muốn quen với cô ấy chỉ vì hai chúng tôi đều đang trải qua thời kỳ khó khăn, trước sau vẫn vậy, chúng tôi vẫn không hề gặp nhau ngoại trừ khi tôi nói ‘Chúa phù hộ.’”

Harry nốc hết ly rượu của ông ta và nói vui vẻ, “Không, tôi không có ý như thế. Tôi không nghĩ cô ấy là người lười biếng, vô công rồi nghề. Vâng, tóm lại, cô ấy bây giờ có lẽ chừng bốn mươi.”

~ ~ ~

Eddie uống cạn ly và vẫy tay gọi người bán rượu. Ông ta đến rót sô-đa vào trong ly. Eddie rót whiskey vào ly và khi ông đặt chai rượu xuống ông nhìn cái chai như chờ đợi điều gì chừng một hay hai phút.

“Và ông ấy có lẽ cũng khoảng tuổi của tôi bây giờ, chừng bốn mươi chín hay cỡ ấy, phải không?” Eddie hỏi.

“Xin lỗi bác, ông nào thế?” Harry hỏi. “Ô, nhớ rồi, cái ông ấy.”

“Người đàn ông mà tôi muốn mời đi ăn tối cùng với cô ấy để mừng lễ Giáng sinh ở một nơi sang trọng nhất. Mời cả hai người. Bây giờ tôi có rủng rỉnh tí tiền rồi. Tôi đã thoát khỏi thời gian phải sống trong phòng trọ, đúng không nào? Tôi nghĩ đến điều này lúc đi trên Đại lộ khi tất cả đèn trang trí đều được bật lên sáng rực.”

“Bác lại nói làm xàm rồi, bạn già. Người ấy là ai, còn sống hay đã chết?” Harry hỏi.

“Chuyện trong quá khứ mà. Tôi không biết ông ấy ở đâu, đã chết hay còn sống. Tôi không hề nhìn thấy mặt ông ấy. Ông ấy là người lính đã đỡ tôi đứng lên ở bên Pháp. Ông ấy nâng tôi lên từ mặt đất, trong bóng tối đen kịt, và ông ấy không cần phải làm thế.”

“Trong chiến tranh?”

“Đúng rồi, trong chiến tranh. Không phải cuộc chiến này, cuộc chiến kia cơ. Nhưng tôi dám cuộc với bác là chuyện như thế cũng xảy ra ở cuộc chiến này.”

“Lúc bác bị trúng đạn, phải không?” Harry hỏi.

“Đúng rồi, dĩ nhiên. Bác biết là tôi ghét những người lính chuyên nghiệp như thế nào rồi, mấy cái tên luôn luôn nói về cuộc chiến tranh kia. Tôi không muốn bị liệt chung vào nhóm người này.”

“Ồ, tôi biết mà, Eddie. Tôi biết. Nhưng tôi biết bác cũng phục vụ trong cuộc chiến tranh kia và bị thương.”

“Không phải là chuyện bị bắn. Chuyện chẳng có gì. Chỉ mỗi ông ấy là tôi thường nghĩ đến rất vô cớ từ nhiều năm nay. Tóm lại, đêm ấy tối đen vô cùng và hoàn toàn không tiếng súng. Ông Thượng sĩ đầu tiên tên Baker đi chung với tôi. Về sau tôi mới biết, ông ấy tử thương. Ông ấy hứng những mảnh to của quả đạn. Tôi chỉ hứng mấy mảnh nhỏ. Chúng tôi đang đi bộ trở lại cái làng nhỏ ấy để tìm chỗ ngủ.”

“Một làng nhỏ của Pháp?” Harry hỏi.

“Chứ còn cái gì bây giờ? Chuyện này xảy ra ở Pháp, Giò a, vì thế đó phải là một làng nhỏ của Pháp. Thế rồi, chúng nó bất thình lình thấy qua phía chúng tôi một trái và nó nổ ngay chỗ chúng tôi, bởi vì sau đó tôi thấy mình bấu tay vào bức tường của căn nhà mà chúng tôi đang đi dọc theo. Tôi cố gắng đứng lên nhưng đôi chân tôi như bị biến thành dây mềm quặt nằm dưới thân hình tôi. Khi tôi cố đứng lên chúng lại khuyu xuống khoanh lại.”

“Bác bị trúng thương chứ còn gì,” Harry nói. “Tôi đã nhiều lần nhìn thấy đôi chân của bác lúc đi bơi, những vết sẹo vẫn còn.”

“Ồ, tôi chẳng để ý đến chúng nữa. Vấn đề là, người đàn ông ấy. Khi tôi tỉnh lại, trong bóng tối dày đặc, có người dùng chân dọ dẫm lên thân hình tôi. Và cái người ấy nói, ‘bị gì thế, bị gì thế?’ Tôi trả lời ông ấy. ‘Cặp giò chết tiệt của tôi.’”

“Đó là người đàn ông bác nói lúc nãy, phải không?”

“Vâng, đúng là ông ấy.” Eddie nói. “Rồi tôi lại ngất đi. Tôi không bao giờ nhìn thấy ông ta. Không bao giờ thấy mặt. Ông ấy có thể da trắng hay đen. Ông ta có thể là một vị thiên thần, cho đến bây giờ tôi chỉ biết có ngằn ấy. Tóm lại, ông ta là người mang tôi ra khỏi cái bóng tối mịt mù ấy, và ông không bị bắt buộc phải làm. Ông ấy có thể bỏ tôi nằm ở chỗ ấy. Và lúc ấy có lẽ tôi bị chảy máu ghê gớm. Tỉnh lại lần nữa, tôi thấy tôi đang nằm trên bàn. Đó là một trạm cứu thương ở dưới hầm của một căn nhà nào đó. Một vị bác sĩ đang rưới cả bình thuốc tê vào các cái lỗ trên chân tôi. Thuốc tê ấy trở nên lạnh kinh người nếu rót lên bất cứ cái gì. Người đàn ông không có ở đấy. Lúc ấy tôi chẳng nghĩ gì đến ông ta. Nếu không có người đàn ông tôi không hề biết mặt ấy, tôi không còn sống cho đến ngày hôm nay.”

“Hôm nay là một ngày rất đẹp để có mặt nơi này,” Harry nói.

Eddie cầm ly rượu và Harry cũng làm thế. “Đó là hai người – hai người mà tôi muốn được mời họ đi ăn tối khi đêm Giáng sinh lại về. Nhưng tôi sẽ không làm.”

“Đúng rồi, bác sẽ không làm,” Harry nói. “Không có anh quái tiên nào nhảy ra khỏi cái chai ngoài rượu Scotch.”

John McNulty (1895 – 1956), người Mỹ, là phóng viên và nhà văn chuyên viết truyện ngắn. Truyện ngắn trên đây tượng trưng cho những truyện về đời sống ở New York, là một trong những nét đặc biệt của McNulty. Ông thường viết ở tòa soạn báo The New Yorker và thường cùng các nhà văn như James Thurber, Joseph Mitchell, E.B. White uống rượu ở Costello. Tác phẩm của McNulty nằm trong chương trình Cao học Văn chương ở Đại học như Duke và Pitt.



Hai truyện rất ngắn Món Quà Vô Giá của Stephanie Ray Brown và Âm Thanh và Tinh Thần Giáng Sinh của John E. Schlimm II sau đây được trích từ A Chicken Soup for the Soul – Christmas (Cháo Gà Cho Tâm Hồn – Giáng Sinh) do Jack Canfield và Mark Victor Hansen biên soạn.

(Nguyễn thị Hải Hà dịch và chú thích)

MÓN QUÀ VÔ GIÁ

Tác giả: Stephanie Ray Brown

Những ai muốn hát luôn luôn tìm thấy bài hát – Tục ngữ

Sau khi các em học trò lớp hai của tôi đã đọc xong bài

chào cờ, các em ngồi xuống ghế. Nhưng Duane vẫn đứng. Duane là cậu học trò rất thông minh và tính tình rất dễ thương, nhưng hoàn cảnh gia đình không mấy tốt đẹp.

Mẹ của em không chồng nuôi con và có rất nhiều vấn đề khó khăn phức tạp. Duane và ba đưa em gái thường được Ban Xã hội mang đi mỗi khi mẹ em không thể đương đầu với cuộc sống. Cho là đêm qua lại có chuyện không hay xảy đến với em, tôi đi đến gần em để xem việc gì. Lúc ấy em ngược lên nhìn tôi với đôi mắt đen, tôi có thể nhìn thấy đầy nỗi buồn và thất vọng.

“Bà Brown, tại sao bà không mở gói quà Christmas của con?” - em hỏi tôi. “Con đặt nó trên bàn của bà.”

Khi tôi nhìn lên bàn, tôi chỉ thấy một núi giấy, các nhãn hiệu và sách. Nhìn thấy vẻ ngạc nhiên dò hỏi của tôi, Duane lên chỗ bàn giấy và lấy món quà của em. Khi em đưa tôi món quà, tôi thấy giấy gói quà là tấm khăn giấy ở phòng ăn. Cần thận mở tờ khăn giấy, món quà của tôi trông giống như hộp diêm quẹt. Mặc dù tôi chỉ mới làm cô giáo ba tháng nay, tôi học một bài học quan trọng là nên bảo đứa bé giải thích bức tranh, hay trong trường hợp này là món quà, thay vì làm cho đứa trẻ thất vọng vì lời đoán sai. Vì thế tôi bảo Duane nói cho tôi nghe về món quà.

Đầu tiên, Duane bảo tôi phải dùng trí tưởng tượng trước khi mở quà. Sau đó, cậu bé bảo tôi đây không phải là hộp diêm mà là hộp nữ trang. Bên trong, nếu tôi dùng óc tưởng tượng của tôi, tôi sẽ thấy hai viên ngọc quý.

Khi tôi mở hộp nữ trang, tôi ngạc nhiên bởi nhìn thấy hình dáng và ngửi thấy mùi của hai cái nắp chai bia. Duane bảo tôi, thay vì nắp chai bia, thì đó là hai chiếc hoa tai bằng bạc rất quý. Cậu bé đã để ý là tôi chẳng bao giờ đeo hoa tai và vì thế cậu muốn tôi có đôi hoa tai đẹp.

Mắt tôi bắt đầu rướm nước khi nhận ra tấm lòng của cậu bé qua món quà. Kể từ khi mới sinh ra, một lỗ tai của tôi hơi méo mó. Sợ đeo hoa tai sẽ làm người ta chú ý đến cái méo mó của lỗ tai hơn, tôi không bao giờ đeo hoa tai. Nhưng làm sao tôi có thể từ chối đeo đôi hoa tai quý giá của cậu bé đặc biệt này? Khi tôi dán hai cái hoa tai lên lỗ tai bằng băng keo, cả lớp vỗ tay khen, và Duane đứng cạnh tôi vẻ mặt rất vinh hạnh.

Nhiều năm sau, hộp diêm vẫn được giữ trên bàn của tôi. Nó nhắc tôi nhớ đến tấm lòng nhân hậu của cậu bé và bài học

tuyệt vời cậu đã dạy tôi. Cũng giống như câu chuyện người góa phụ tặng cái gia tài hai đồng xu của bà, Duane đã cho tất cả những gì cậu có – đó là tấm lòng của cậu bé. Mặc dù tình trạng gia đình của cậu không yên ấm, Duane vẫn nhìn thấy những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Hai cái nắp chai bia là một sự nhắc nhở tình trạng bất an trong xóm cậu bé nhưng Duane đã biến nó thành vật đẹp – hai viên ngọc quý. Mặc dù lỗ tai tôi méo mó, Duane vẫn muốn tôi có đôi hoa tai đẹp. Mặc dù chiếc hộp diêm đã chứa những chiếc diêm để đốt những điều thuốc gây bệnh ung thư, tấm lòng dịu dàng rất đáng ngạc nhiên của cậu bé đã cho chúng ta nhìn nó như là một hộp chứa kho tàng chứ không phải là một vũ khí nguy hiểm. Mặc dù Duane không có tiền cậu bé vẫn muốn tặng quà. Bất cứ lúc nào tôi nhìn thấy món quà của Duane trên bàn tôi, nó khuyến khích tôi. Nếu tôi không thể thông cảm một học sinh, tôi cố hành động như Duane và cho em học sinh ấy một phần tấm lòng của tôi. Khi tôi có một ngày không như ý, nhìn thoáng qua hộp diêm nhắc tôi nhớ về một cậu bé ngày nào cũng gặp khó khăn nhưng vẫn có thể tìm thấy kho tàng trong rác.

Từ tấm lòng quý giá của cậu bé học trò lớp hai, một cô giáo luôn luôn có một món quà để quý trọng. Nhiều mùa Giáng sinh đến rồi đi, nhưng kỷ niệm của món quà hộp diêm không bao giờ thất bại trong việc làm ấm lòng tôi hay bị xóa nhòa trong trí óc tôi.

Hy vọng chúng ta sẽ không bao giờ thất bại trong việc cho phép những tâm hồn nhỏ bé nhất dạy dỗ chúng ta. Các em sẵn lòng dạy nhưng chúng ta phải sẵn sàng bỏ thì giờ ra để thật sự lắng nghe.

Stephanie Ray Brown ở nhà nuôi con mười hai năm. Hiện nay bà làm việc bán thời gian dạy trẻ em lớp một và lớp hai tập đọc ở trường Tiểu học Niagara ở Henderson, Kentucky .

ÂM THANH VÀ TINH THẦN GIÁNG SINH

qua tai người phụ nữ bị điếc

Tác giả: John E. Schlimm II

Giáng sinh không chỉ là một ngày, một buổi lễ để chào đón rồi nhanh chóng lãng quên. Giáng sinh là một tinh thần nên được thâm thấu vào tất cả khía cạnh trong cuộc đời của chúng ta.

William Parks

Hằng năm vào tháng Sáu, thành phố Nashville tổ chức tiếp đón hằng chục ngàn người yêu âm nhạc đổ xô về Thành Phố Âm Nhạc (*Music City*) để gặp gỡ những ngôi sao âm nhạc sáng chói nhất mà họ ngưỡng mộ, tham dự Đại Nhạc Hội Nhạc Đồng Quê^[1] (*Country Music Association's Fan Fair*). Là người phụ trách việc ngoại giao cho John Berry lúc bấy giờ, tôi cùng đi với ngôi sao này đến tham dự đại nhạc hội năm 1997. Tôi hoàn toàn không ngờ âm thanh và tinh thần Giáng sinh đã đến với tôi hơi sớm hơn thường lệ.

Ở một gian rạp nhỏ trang trí giống như một hiên trước của nông trại ở tiểu bang Georgia, John ngồi trên ghế (loại ghế xích đu có thể nhích tới nhích lui), và mời khán giả ngồi lên những cái ghế xích đu chung quanh ông. Trong khi tôi đứng yên lặng một góc, lặng lẽ quan sát hiện trường, khán giả ùa vào đầy trong hiên.

Trong đám người yêu nhạc, một phụ nữ đã thu hút toàn vẹn tâm hồn chúng tôi khi nàng nhắc nhở chúng tôi rằng tinh thần Giáng sinh không chỉ giới hạn ở trong một thời điểm, một nơi chốn, hay một loại âm thanh. Chúng tôi, khán giả, được chứng kiến một phép lạ của Giáng sinh trong khi hằng ngàn người khác đang lướt lơ chung quanh.

Tên của nàng là Mary.^[2] Mary bị điếc, chỉ có một vài loại sóng siêu âm thanh có thể thâm nhập vào thế giới hoàn toàn im lặng của nàng. John là ca sĩ nàng yêu thích nhất, và nàng đến để yêu cầu John một điều từ trước đến nay hoàn toàn chưa có người nào yêu cầu. Dù không thể nghe được, các giác quan khác của Mary rất nhạy bén cho phép nàng được hưởng ân huệ

của đời sống, bằng những phương pháp nằm ngoài sự hiểu biết của người thường. Nàng cảm nhận âm nhạc, không qua thể giới âm thanh với những bộ phận phức tạp của búa, đe, hay mấy cái vòng ngáng chân khi cưỡi ngựa, mà qua những đầu ngón tay.

Trong khi chúng tôi xem, Mary ngồi ghé bên cạnh John, giải thích với ông là nàng sẽ nhẹ nhàng đặt bàn tay lên trên bộ máy phát âm thanh nổi để thưởng thức nhạc của ông bằng cách cảm nhận sự rung chuyển.

Trong môi trường dường như huyền ảo siêu thực, giữa những cơn xoáy của hàng triệu ánh đèn chói lòa, những cuộc hòa nhạc, những buổi tặng chữ ký, Mary đã yêu cầu món quà to lớn nhất mà một người có thể tặng một người – món quà thương yêu.

“Xin ông hát bài ‘*O Holy Night*’ (Đêm Thiêng Liêng) cho tôi nhé?” Mary yêu cầu bằng giọng rất khiêm tốn, nghe hơi khó hiểu vì đã nhiều năm đôi tai của nàng trở nên yên lặng. “Đây là bài hát tôi yêu nhất.”

Bài hát Giáng sinh bất hủ này là bài hát đã tạo nên tên tuổi của John.

Khi nhận ra tầm quan trọng của lời yêu cầu có một không hai này, ông giản dị nhìn vào đôi mắt của Mary và trả lời, “Tôi rất vinh dự.”

Nhắm mắt lại, Mary nhẹ nhàng đặt đôi tay lên cổ của John. John nhìn đắm đắm vào vị khán giả đặc biệt này, bằng giọng *capella*[3] tuyệt vời nhất, và ông hát bài hát theo phong tục chỉ dành cho lễ nửa đêm.

“Đêm thánh vô cùng, những vì sao chiếu sáng rực rỡ. Đêm nay là đêm Chúa giáng trần. . .”

Đối với chúng tôi, những người đứng xem, Mary là thiên thần của dương thế, được gửi đến để dạy chúng tôi bài học về tinh thần của Giáng sinh và cuộc sống. Ít có tiếng chuyện trò, lúc ấy chỉ có tiếng của John với những câu hát không thể nào quên được.

“Bây giờ thế giới đang ngủ say, trong tội lỗi và lầm lỡ quay cuồng, cho đến khi ngày xuất hiện và tâm hồn nhận ra giá trị của nó. . .”

Tôi chỉ là người xem, người được ân sủng, có thể nói là ơn trên chọn lựa, cho tôi đứng trong nhóm khán giả, chung quanh cái gian rạp ngày hôm ấy. Tất cả chúng tôi đứng yên lặng

chung quanh mái hiên để thưởng thức buổi trình diễn đầy hứng thú này, chúng tôi thoát khỏi thế giới ồn ào chỉ cách chúng tôi vài mét.

Nước mắt rơi từ đôi mắt nhắm nghiền của Mary, dịu dàng chảy dài trên má nàng. Mắt John cũng dâng đầy nước mắt mặc dù giọng tenor của ông vẫn vững chắc mạnh mẽ.

“Hân hoan vì hy vọng, thế giới mệt mỏi trở nên vui, ở ngoài xa ngày bắt đầu lên và buổi sáng rạng ngời. . .”

Trong khi chúng tôi xem, sức mạnh và lòng thành của Mary làm rung động cả những góc sâu thẳm nhất trong tâm hồn của mỗi chúng tôi. Nàng cho chúng tôi cái hân hạnh được là thành viên trong thế giới của nàng trong khoảnh khắc đặc biệt ấy. Trong vài phút giây ngắn ngủi, Mary cho phép chúng tôi được viển du với nàng trong chuyến du hành tuyệt vời đến một nơi rất thánh thiện rồi quay trở lại, đạt đến đỉnh cao xúc động nhất với câu kết thúc rất sống động của John:

“Qui xuống để nghe giọng hát của thiên thần, hay là sự thánh thiện trong đêm, trong đêm khi Chúa xuống trần, ôi đêm, ôi đêm thánh thiện.”

Tấm lòng trần tục trong tôi thầm mong giây phút này dừng bao giờ chấm dứt. Tuy nhiên, những giây phút đặc biệt này theo lẽ tự nhiên, không thể kéo dài mãi mãi. Về sau tôi hiểu ra những giây phút vô thường này chỉ để nhìn thoáng qua và cảm nhận khi chúng bay vượt lên bên cạnh chúng tôi và xuyên qua chúng tôi như một ngôi sao băng chiếu sáng rạng rỡ rồi mờ dần vào bóng tối để lại cho khán giả một ấn tượng và cảm hứng không thể nào tan biến.

Trong im lặng tiếp nối, Mary mở mắt và nhìn vào mắt John một đổi. Sau đó nàng chỉ nói vồn vện, “Cám ơn ông,” rồi lặng lẽ đứng lên đi ra khỏi hàng hiên, không yêu cầu gì nữa cả.

John ngồi yên lặng một lúc, nhìn theo bóng Mary khi nàng bước đi.

Cũng yên lặng và bất ngờ như khi nàng bước vào cuộc đời của mỗi chúng tôi, Mary một lần nữa bị chìm vào trong đám đông to lớn đang ồn ào tới lui tìm kiếm những vì sao băng của họ.

Tôi, lúc sau, cũng hòa lẫn vào đám đông, nhưng cùng với tất cả mọi người đã bị Mary và John cuốn đi, tôi mang trong tôi món quà Giáng sinh bất ngờ, buổi chiều hôm ấy. Tôi học được một điều là chúng ta không hưởng thụ tinh thần Giáng

sinh chỉ trong ngày Giáng sinh. Tốt nhất là hãy để nó ở với chúng ta hằng ngày và chúng ta cần mở rộng tâm hồn để cảm nhận và hiểu biết những giây phút quý giá của cảm hứng sáng tạo.

Chỉ có định mệnh biết Mary, John, và tất cả chúng tôi sẽ có bao giờ gặp lại nhau. Cái định mệnh thiêng liêng tạm thời kết hợp chúng tôi cũng ngầm bảo rằng chúng tôi sẽ không gặp lại nhau, nhưng sự gặp gỡ của chúng tôi là sự ràng buộc vượt qua cuộc đời này; nó là một phần của cuộc đời vĩnh cửu. Tất cả mọi người đứng vòng quanh cái hiên ấy trong cái nóng hừng hực một buổi chiều tháng 6 ngày hôm ấy ở Nashville sẽ mãi mãi có chung một tinh thần quý giá mà trong đó mỗi chúng tôi, đặc biệt nhất là Mary, đã cho một chút gì của nhau trước khi quay lại với thế giới của riêng mình.

John E. Schlimm II là tác giả của các tác phẩm như: *Corresponding with History*, *Straub Brewery*, *The Straub Beer Cookbook*, và *The Pennsylvania Celebrities Cookbook*. Ông có bằng Cao học Giáo dục ở đại học Harvard. Ông sinh ra và lớn lên ở St. Mary, Pennsylvania.

[1] Dịch chữ *Country Music* theo Wikipedia Tiếng Việt. Có thể độc giả không mấy hài lòng với cách dịch này nhưng tôi không nghĩ ra được chữ nào khác. Độc giả có thể thay thế bằng dân ca, nhạc miền Viễn Tây, nhạc miền Nam nhưng chữ nào cũng có cái bất toàn vẹn của nó.

[2] Tên được đổi để bảo toàn tính cá nhân

[3] Giọng hát dành cho những bài thánh ca

Nguyễn thị Hải Hà dịch và chú thích

Trần Yên Hòa

CÔI EM VÔ LƯỢNG

Vác thập tự mang bóng hình đạo nọ
Leo núi cao tìm kiếm cuộc tình xưa
Nghe chát chứa nỗi u sầu rã mục
Đời trăm năm sao nghe lạnh từng mùa

Nước mắt chảy có hao mòn thân thể
Mây ngàn năm mây vẫn tụ trên trời
Em mây nổi trôi về đâu em hỡi
Ta tìm hoài hình bóng tháng ngày qua

Cõi em xưa bát ngát cõi lòng ta
Cõi em xưa có tiếng chim chiến chiến
Có mây trời giăng mắc một lời ca
Tình yêu ơi bay sa đà mất dấu

Em vô lượng mà lòng ta chẳng thấu
Địa ngục nào dẫn lối tới âm u
Thơ thánh thiện ta làm hoài không nổi
Mà thơ ngây em nào biết, cho dù...

Thơ thất tình ta làm bài thứ nhất
Quay cuồng trong hờ hĩ chấp chùng
Hình dáng lạ động lòng cao chát ngất
Em bước qua đời sương khói tỏa mê cung.

Trần Yên Hòa

Buổi tối cuối năm với chị em Phyllis

Hồ Tịch Tịch

(nguồn sưu tầm: tạp chí Thế Đứng, số 2, năm 1969, tư liệu của tạp chí Thư Quán Bản Thảo)

1.

Một lúc chúng tôi lại xuống lầu. Tôi bảo Claudia chơi piano cho tôi nghe. Sau vài bản, Claudia xin tôi đánh cho Claudia một bản. Tôi xoa đầu và ngồi bên cạnh nàng. Theo những con số đã ghi trên mỗi nốt ở bài “Auld-Lang-Syne”, tôi đã đánh một khúc không ra hồn. Phyllis đứng dựa mình vào lưng tôi, hôn và vuốt tóc tôi. Tôi một tay đánh đàn, một tay quàng qua lưng Phyllis. Những nốt nhạc chạy loạn xạ trên tay tôi. Buổi chiều xuống ngoài kia tự bao giờ.

2.

Buổi cơm chiều thật đơn giản. Chúng tôi mỗi người phải tự “self-service” với bánh ngọt, *cheese* và *pizza*. Chúng tôi vây quần bên nhau vừa ăn vừa chuyện trò. Ăn xong, theo chị em Phyllis cùng hai bạn gái Phyllis vừa đến, lên lầu tham dự một trò chơi thật kỳ cục. Mỗi người đứng từ một vị trí trên một tấm giấy lớn và khom lưng di chuyển hai tay trên những ô màu – theo ô màu trên một bàn quay nhỏ có kim do một người ở ngoài quay và hô lớn. Năm sáu mạng người lòn quéo lại, léo quéo trên một tấm giấy trông buồn cười quá. Tôi không chịu tham dự, nhưng Phyllis ngồi bệt xuống sàn, tháo giày tôi và xô

tôi vào vòng chiến. Chưa kịp chống hai tay xuống một ô màu, chị em Phyllis đã hất tôi lăn cù. Tôi đưa hai tay lên trời xin thua, không chơi nữa. Phyllis háy tôi, lắc đầu.

3.

Chị em Phyllis lại “hô hào” mọi người ra chơi “sled riding”. Phyllis quỳ mọp dưới sàn gài từng khay trên *boot* của tôi. Xong nàng mang ra một chiếc áo ni - chắc của ba nàng - bảo tôi mặc vào. Tôi từ chối. Phyllis làm nghiêm bảo tôi giơ hai tay. Nàng tròng áo vào người tôi, xong đưa thêm cho tôi một đôi găng tay.

Ngoài trời tuyết xuống đều và không có lấy một người. Mọi nhà đóng kín cửa trừ những ánh đèn màu trên những cây Noël loáng thoáng cùng những ảnh tượng Chúa phía trong cửa kính.

Nhìn hai bạn gái Phyllis lăn mình trong tuyết trên “hill” như lăn trên cỏ ẩm trong nắng, tôi đến lạnh người. Chơi “sled riding” một lát, chúng tôi lại nắm tay nhau vừa đi vừa hát. Tôi nắm tay Claudia, Phyllis lại nắm tay tôi. Chúng tôi băng qua nhiều con đường. Khi qua mỗi thánh đài, tất cả đứng lại nôi tay thành hình tròn vừa nhảy vừa hát. Những tiếng hát của chị em Phyllis, của bè bạn Phyllis chạy thoai thoai trong đêm tối với tuyết. Tuyết bay đầy trong trời cùng tiếng hát. Tôi ngửa mặt, tiếng hát đọng trong tuyết thơm và ngọt đầy miệng tôi. Rồi chúng tôi băng qua một cánh rừng thưa ngập tuyết.

Tuyết phản chiếu từ những ánh đèn Noël xa xa loáng thoáng như ngọc trắng. Bạn bè Phyllis, rồi Phyllis dang tay và duỗi thẳng chân ngã lưng xuống tuyết. Khắc đậm thân thể dưới tuyết. Tôi quàng vai Claudia nhìn suốt thân thể Phyllis trong tuyết. Tôi thấy mình ngọt đi giữa sự trong trắng nào chợt đến và lòng tôi đang bay trong màu mắt xinh như màu lá của Phyllis.

Chúng tôi lại nắm tay chạy nhảy trong tiếng hát giữa tuyết và đèn tối. Rồi dưới một bóng đèn ở ngã tư, tôi chợt thấy hai bạn gái của Phyllis, dường như thân thể của họ đang rã ra vì tuyết. Áo quần dẫm những tuyết. Đôi mắt đục ngầu và mệt mỏi như người say. Họ đang say tuyết. Tôi chắc thế.

4.

Nửa khuya, ba Phyllis lái xe đưa tôi về “base”. Phyllis ngồi với tôi đằng sau. Đôi bàn tay chúng tôi đan vào nhau. Tôi chợt

hát khê:

*I'll tell you something
You'll understand
Then I'll say that something
I want to hold your hand
I want to hold your hand
I want to hold your hand
Oh please say to me
And let me be your man
And please say to me
You'll let me hold your hand
Now, let me hold your hand
I want to hold your hand
And when I touch you
I feel happy inside
It's such a feeling
That my love I can't hide
- I can't hide
- I can't hide
Yes, you got that something
I think you'll understand
When I say that something
I want to hold your hand*

Đường không một bóng người. Tôi hôn vào tóc Phyllis. Tóc Phyllis thơm và nhẹ như tuyết ngoài kia...

Hồ Tịch Tịch

Ohio, cuối năm sáu chín

Lữ Quỳnh

Những trái thông không rơi vào mùa Giáng sinh

Tôi trở về nơi làm việc cũ
parking lot không một bóng xe
cánh cửa mỗi sáng bấm giờ vào ca
im lìm đến hải hùng
tôi gọi thăm Amanda
mà sao cổ nghẹn
tôi gọi Amanda nhiều lần
mà âm thanh chỉ làm trái tim muốn vỡ

Gió reo hay thông reo
những ngọn thông cao vút
ném xuống lòng đường những trái khô queo
trái thông năm nào lúc chia tay
cũng xám màu huyết dụ
như chiều nay
giác ngủ mấy mùa đông
vì một tiếng thông rơi
mà tỉnh thức

Tôi bước đi trên lối cũ
tiếng gió và sự lặng thinh
bãi đậu xe lênh đênh hoàng hôn
tôi thất thanh gọi ...
sao chỉ nghe tiếng vỡ trong ngực mình.

San Jose, 12-2010.

TẠ TỰ

Vương mắc

(Nguồn sưu tầm: Văn 100 & 101 ngày 1-3-1968)

Căn cứ A1 được quây chặt bởi những vòng thép gai từng từng, lớp lớp. Một vùng rộng lớn nằm im lìm dưới vòm mây đặc sệt đến tận cuối trời. Từng cụm cây dại mọc thấp lờm chờm xen lẫn vào màu cỏ già nhấp nhô theo màng lưới nguy trang của những ô đại pháo luôn luôn hướng nòng về bên kia giới tuyến. Con đường đất đỏ dẫn vào căn cứ bụi mù bởi đoàn xe tiếp tế thực phẩm, nhiên liệu và đạn dược. Đó, hình ảnh tiếp diễn mỗi ngày tôi phải chứng kiến đến trở thành nhàm chán.

Ở địa đầu máu lửa. Chiếc áo giáp nặng nề bó chặt lấy ngang thân, mới được cấp phát mấy tháng, từ màu xanh đã thành vàng úa, nhem nhuốc đầy dầu, đất. Mấy trái lựu đạn M.26 đeo lưng lẳng ở ngực áo làm bút rút. Tôi đưa tay nắm vào một trái. Vỏ trái lựu đạn hẳn thui lạnh lạnh gây cảm giác tê ớn. Tôi xốc lại khẩu súng Colt cho ăn khít với bấp dùi rồi đi về phía ổ tác chiến số 3.

Thời tiết mấy bữa nay rét ngọt. Mặt trời chỉ ló dạng vào buổi trưa xong khuất chìm vào nơi mô chẳng biết. Phong cảnh Gio Linh xám ngoét. Dù đang ở góc độ nào, tầm mắt cũng chỉ thấy từng ấy sự vật, ngần ấy hình ảnh. Tôi cố thử nhìn qua lùm cây đằng xa kia, thị trấn Đông Hà, một thị trấn nhỏ bé, rất nhỏ, với vài con phố buồn hiu với những mái nhà thấp nép mình vào nhau e ngại. Cái thị trấn đó, lần thứ nhất tôi đặt chân đến sau một giờ bay trong mưa gió và viên phi công phải lượn rất

lâu sát mặt biển để tìm cách hạ cánh an toàn. Khi mọi người có mặt cảm thấy bánh tàu đã chạm vào phi đạo, đều trút tiếng thở dài nhẹ nhõm. Riêng tôi, không. Tôi thần nhiên như khi nhận lệnh khẩn đi quân đoàn 1 tới sư đoàn 1 và sau cùng trình diện tại trung đoàn 2 để từ đây đi căn cứ A1. Chẳng phải tôi can đảm gì hơn ai, nhưng tôi đã tự nhủ, từ khi mới bước vào quân trường rằng, đảng nào cũng một lần, dù ở nơi này hay nơi khác. Niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ, ôi! tuổi trẻ nhuốm độc bởi thành phố làm thui chột hoài vọng, tê bại sức sống. Tôi đòi bỏ đảm mê thành phố với niềm đau xót khôn nguôi, với chia lìa đứt ruột. Tôi ôm chặt Yến vào lòng trong đêm già từ thành phố. Yến đã cho tôi hết những gì tôi ước muốn. Dưới đóm lửa đục mờ của ngọn đèn đêm, tôi nhìn Yến, nhìn rất lâu để ghi lại từng đường cong mềm mại, từng hình thể chắc nịch nổi cao hay lõm xuống do ánh sáng tạo nên. Tôi không thể nhớ hết chúng tôi đã nói gì với nhau đêm ấy. Tôi như người mê muối. Tôi mê muối thật vì đáng lẽ, không nên hành động với Yến như vậy bởi biết chắc tự thâm tâm, chẳng bao giờ Yến sẽ là vợ tôi. Lý do rất đơn giản rồi đây tương lai không còn thuộc về tôi nữa, mà đích thực, do kẻ khác sử dụng và quyết định. Tất cả những hành động nào tôi có, đều ở ngoài tôi. Do đó, tôi không muốn và không thể để một ai liên hệ, dù cho kẻ đó là những người thương mến nhất.

Đã biết bao lần tôi gục mặt trên tấm bản đồ hành quân để tưởng nhớ vẫn vợ, để suy nghĩ về những địa danh chưa hề được biết. Những khu đỏ nằm chằng chịt dưới lằn bút chì xanh đỏ, mà tôi biết đó là những mục tiêu mà Vũ, người bạn pháo binh có nhiệm vụ phải gửi đến trăm ngàn viên trái phá mỗi đêm ngày. Tôi không bi quan hóa cuộc đời trong hoàn cảnh chẳng phải của riêng tôi. Nhưng đó chính là sự dần thân của cá nhân vào tập thể. Tôi thường nói với Vũ như vậy. Hấn cười khè khè:

- Mẹ kiếp, tao đếch cần nghĩ ngợi gì hết, nó bắn qua, mình bắn lại, đũa nào bắn dở đũa ấy chết, thế thôi!

Tôi giận dữ:

- Nói như mi, chẳng có suy luận mẹ gì cả! Tụi pháo binh sướng bỏ cha, ngồi một nơi an toàn nã đạn cho sướng, tụi tao đi gần chết mà thấy không?

- Úa, sao mày không học pháo binh, bộ mày dốt toán hả?

Nói xong, Vũ lấy mũi giày hất vào đồng hồ đạn đồng, mỗi

cái to bằng bắp chân kều lòn rỗng.

Chúng tôi sống ở đây kể trước người sau đều mang tâm trạng của những tên lính thú ngoài biên ải. Đêm đêm nằm trong hầm đất mơ chuyện viễn vông. Có ngày địch pháo kích rộn rã, cả doanh trại vắng hoe, tôi ngồi trong hầm canh nhìn khói lửa tung mù khắp phía. Tiếng đạn gửi đến, gửi đi làm choáng váng mặt mày. Tôi hét to trong máy truyền tin để ra lệnh cho toán quân phòng thủ. Tiếng nói của tôi bị tiếng dội của đại bác làm lạc mất âm thanh. Một vài ỏ tác chiến trúng đạn. Những mảnh ván bay tan tác giữa đám bụi vàng ệch. Tôi vòng tay ôm lấy ngực. Một hướng về phía đó, tôi đọc thầm tên từng người, từng người. Viên y tá với túi cứu thương khom người chạy dưới mưa lửa, khẩu súng cạc-bin choàng qua cổ đeo tòn teng, lúc lắc, chiếc áo giáp không giải khóa xõa xuống như hai chiếc cánh gà. Cứ như thế đó, những con người trần giũ địa đầu phải chấp nhận mọi sự rủi may, phải cắn chặt vào mặt đất để tìm thấy nghĩa sống. Một hiện tượng, tôi ghi nhận ở căn cứ A1 này từ phút giây thứ nhất là nét mặt khắc khổ đến giá băng ở mỗi con người có đây. Không khí chiến tranh khóa lấp từng giờ phút, dính chặt vào mỗi thân phận, cơ hồ không cách nào gỡ bỏ - Khuôn mặt tôi cũng biến đổi dần theo mỗi buổi soi gương.

Tiếng máy xe rô gằm gừ, ằng ặc phá tan sự im vắng của buổi sáng của mùa đông giới tuyến. Từng đoàn người chạy lằng xằng tập nập. Đoàn xe GMC đầy cát đậu dài theo con lộ duy nhất băng từ phía đông qua phía tây. Dọc theo những ụ đất dùng làm điểm tựa tác chiến, một toán lính hì hục khênh từng hòm đạn về phía giàn đại bác 105 ly. Những nòng súng hạ thấp xuống. Vũ đang chân chỉ trở đó đây rồi ghé mắt nhìn vào mỗi họng súng. Tôi nghe tiếng chửi thề vang vọng lại. Bốn, năm chiếc áo giáp quay lưng về hướng mặt trời đứng im như khúc gỗ. Vũ giờ cao chiếc gậy nhỏ đập vào khối thép rồi lầm lũi đi lại phía tôi. Trong khi đó, những bóng người chao động. Chiếc que sắt dài thông với nui giẻ ở nơi đầu, thụt ra thụt vào tới tấp ở mỗi khẩu đại pháo.

- Cái chi rứa, mi nôi sùng dữ vậy?

- Tụi nó làm biếng tổ cha. Nòng súng dơ như chó, không chịu thông. Bị khám bắt tử ăn củ lại kêu oan! Mẹ kiếp!

- Thôi mà cha, bắn suốt đêm lau nôi gì?

Vũ cau mặt:

- Mày không thấy sao, bữa nọ một trái nổ ngay trước mặt đó, không mất con nào là phúc tổ rồi! Tao muốn bắn cho ngon, trái nào gửi đi, địch nhận đúng trái đó tao mới vừa bụng, chứ đâu như tụi bây bắn ào, bắn tưới cho uổng đạn!

Tôi hơi nóng mặt:

- Nè, đừng có quá đà nghe!

Thấy tôi giận, Vũ cười khằng khặc:

- Giỡn chơi mà bỏ! Thôi, chiều nay nếu êm, tao với mày “dù” về Đông Hà làm bậy một cái. Thèm quá trời rồi, chịu hết nổi!

Nếp sinh hoạt của căn cứ A1 cứ tiếp diễn theo cường độ của đại bác với những cuộc đột kích, truy kích. Chỉ huy trưởng căn cứ là vị trung tá có trên hai mươi tuổi lính, 45 tuổi đời. Da mặt ông sạm đen cương nghị. Thoạt trông, ông giống như bức tượng đồng đúc vụng. Buổi trình diện, ông ngắm tôi rất kỹ rồi lạnh nhạt:

- Chuẩn úy tới đây, tốt lắm! Công tác đầu tiên, đi thử lửa. Ông ta hất đầu nói với đại úy đang ôm tập hồ sơ dày cộm đứng gần đó:

- Cho anh đó, đưa về C.4.

Ông đại úy dạ rồi quay sang tôi:

- Chuẩn úy đứng ngoài chờ chút!

Tôi chào, quay người ra khỏi lều theo đúng động tác quân trường. Ánh nắng cuối thu nhàn nhạt trải rộng trước mắt làm nổi bật từng hình thể mà chưa lần nào tôi được thấy ngay cả trong sách vở quân sự. Từng ụ cát nối tiếp nhau vượt khỏi mặt đất độ sáu tấc. Có nhiều ô cửa nhỏ thấp thoáng bóng người. Sân trại vắng tanh. Điểm nhô cao độc nhất của căn cứ là chiếc cọc ăng-ten đang rung rung ngất ngưỡng ngay sát căn lều bộ chỉ huy. Người lính gác trang bị áo giáp móc đầy lựu đạn ở hai bên ngực với những sọc-dờ AR.15 giắt kín ngang bụng trông nặng nề nhưng thực oai dũng. Màng lưới nguy trang đại pháo màu sắc loang lổ lẫn vào cỏ, đất đắp cao ba mặt. Tôi cảm thấy trơ vơ lạ lẫm, tự nhiên run sợ. Tôi thực không ngờ phải đối diện với thực tại quá tàn nhẫn như vậy. Câu nói, tôi vẫn nhủ thầm “đàng nào cũng một lần”, giờ phút này không còn hiệu nghiệm. Tôi móc túi lấy thuốc ra hút để trấn an. Hơi thuốc cay xè đầu lưỡi.

- Chuẩn úy theo tôi!

Cúi xuống cho tay cầm túi hành trang, tôi hồi hả theo vị đại úy

băng nhanh qua mấy chiếc giao thông hào. Tôi liếc nhìn xuống thấy những mảnh *ponchos* trải rải rác cùng nhiều hòm đạn đã mở sẵn. Vị đại úy đưa tôi xuống căn lều khá rộng, xung quanh ghép bằng những phiến gỗ thông cỡ lớn. Chiếc túi điện thoại treo lủng lẳng trên chiếc xà ngang vì không để ý nên tôi suýt va mặt phải. Trong hòm ngoài chiếc bàn làm việc, mấy chiếc ghế gỗ, phần còn lại chỉ toàn ghế bố.

Sau 15 phút, tôi bước ra khỏi căn hầm với nhiệm vụ rõ rệt và được biết chính ông đại úy đó là vị chỉ huy trực tiếp của tôi. Tên ông là Sâm. Trông ông phúc hậu, có vẻ dễ dãi. Tôi hơi yên bụng. Ngay buổi chiều tôi dẫn trung đội C.4 đi phục kích. Đại úy Sâm chỉ cho tôi thấy địa điểm trên bản đồ cách căn cứ khoảng 5 cây số và những yếu tố cần thiết. Đây là cánh rừng thưa với địa hình thiên nhiên thuận lợi cho các cuộc xuất phát đột kích hay pháo kích. Tôi thầm nghĩ, tại sao không dùng phi cơ hay đại pháo cày nát nó lên có phải đỡ vất vả lính không? Sự suy luận giản dị của tôi về quân sự quả thật thơ ngây. Càng sống lâu ở căn cứ A1 tôi càng thấy sách vở quân trường nó chẳng giúp cho tôi mấy tí.

Đêm xuất quân đầu tiên trong đời một chiến sĩ, nhất là vận mạng ba chục con người tùy thuộc vào lòng dũng cảm và sự khôn ngoan của mình, thật quá đối với tôi nó vô cùng nặng nề. Tôi nắm chặt khẩu súng trong tay mắt đảo nhìn bóng tối chập chùng vây lút bốn phía. Hình thể nào đối với tôi lúc này cũng là đe dọa, bất trắc. Vì chưa quen đường nên tôi phải bước theo chân trung sĩ Kha tiểu đội trưởng, tiểu đội 2. Tôi toan cho lệnh dừng quân để bấm đèn xem bản đồ thì trung sĩ Kha quay lại nói khẽ:

- Chuẩn úy có nhìn thấy cái cây khô phía mé trái đó không?

Tôi nhìn theo ngón tay của Kha:

- Ờ, ờ có thấy, chỗ ấy là địa điểm mình tới đó sao?

- Dạ chưa. Chỗ ấy cách nay hơn tuần tụi tôi bị nó kích đó, mình bỏ mất 3 “con” và thiếu úy Sơn, tội nghiệp thiếu úy Sơn tốt lắm. Ông ta mới ở sư đoàn ra được mấy tháng. Thế chuẩn úy ở đâu ra ?

- Thủ Đức

- Chắc chuẩn úy chưa đánh trận nào?

- Trận giả thì có, thật thì chưa. Nè, tinh thần anh em ở đây ra sao?

- Vậy vậy, có giặc là đánh, thân lính chiến mà, chuẩn úy!

Có tiếng đạn rít ngang trời. Chúng tôi nằm sát xuống đất hờn súng sang hai bên. Kha lằm bằm: “Đù cha nó lại pháo kích!” Những tiếng nổ lớn vang dội, vang dội. Tôi quay đầu nhìn về căn cứ A1. Từng đóm lửa lóe lên liên tiếp. Tôi biết các nòng đại bác của căn cứ đang phản pháo. Kha hỏi tôi:

- Minh nằm đây hay đi nữa, chuẩn úy? Còn bao xa?

- Độ non cây nữa!

Không hiểu sao tôi hùng dũng ra lệnh tiến. Trung đội lại lặng lẽ lần bước dưới tiếng xé không khí của đạn đại bác như đoàn quân ma.

Cả đêm hôm đó không tên địch nào đến với chúng tôi. Nằm nép mình vào gò đất tôi ngửa mặt nhìn trời. Vùng trời đen thui nặng trĩu. Gió đêm giới tuyến như cắt từng mảnh thịt. Chiếc áo giáp chỉ có công dụng chống mảnh đạn hoặc đạn thường, chứ nó đâu có làm cho lòng ấm được? Bàn tay tôi buốt giá, nhưng thép súng còn lạnh hơn. Tôi gói đầu lên chiếc mũ sắt mắt nhắm lại. Tôi móc túi lấy chiếc khăn tay ủ vào mặt cho đỡ rét. Mùi dầu thơm phảng phất làm nhớ Yên vô cùng. Tôi nhớ đã dùng chiếc khăn này để lau những giọt lệ cho Yên đêm nào. Yên đã cắn nát một góc khăn để ngăn túi hờn. Nước bọt và nước mắt của người yêu thấm đọng lại ở đây đang phủ lên da thịt tôi nỗi buồn cách trở. Chắc Yên không thể nào đoán được giờ này tôi đang ở đâu, làm gì? Tội nghiệp! Thật tội nghiệp cho những sự thực khốn nạn chẳng ai đoán biết.

Tiếng đại pháo nổ từng chập, từng chập. Tôi để tai vào máy truyền tin, bấm nút gọi về căn cứ xin lệnh. Giọng nói của đại úy Sâm khô cứng: “Năm nguyên đây, hết!” Tôi bỏ máy xuống bên cạnh rồi nghĩ vẩn vơ, nếu mỗi đêm đi kích thế này, chẳng chết vì “đụng” cũng chết vì mệt và hồi hộp.

Nếp sống của căn cứ mấy bữa nay sôi động hẳn lên. Từng súc gỗ thông lớn được trục thẳng vận chuyển đến giữa lòng căn cứ cùng với toán công binh Mỹ. Những chiếc GMC đầy cát tới tập đống xuống. Ông trung tá tay cầm chiếc gậy chỉ huy quát tháo om sòm. Chiếc xe ủi đất màu vàng chói do anh lính Mỹ cỡi trần hùng hục lái gầm gừ từ sáng sớm tới chiều tối. Sinh hoạt chỉ tạm ngưng khi có pháo kích. Chúng tôi đều bận tối mặt tối mũi không còn thì giờ đâu nhằm về chuyện đàn bà. Từng đống vỏ đạn đại bác chất cao như núi được các chiến sĩ di chuyển tới những miệng hầm đã thiết trí xong. Nhiều chiếc

áo giáp máng vào mũi súng hoặc để trên “ca-pô” xe. Bãi cỏ đại trước căn lều bộ chỉ huy được lót bằng những tấm vi sắt thường dùng cho sân bay tạm thời. Ở một góc sân, các anh lính khéo tay, súng dao đang ra công làm chiếc hang đá nhân tạo. Một toán khác cố ghép những tấm vi sắt làm thành chiếc công cao ngất ngenn. Tấm băng vải trắng tinh có hàng chữ *Mừng Chúa Ra Đòi* giăng ngang hai đầu trụ. Ở phía dưới treo cái đèn ngôi sao xanh biếc viền kim tuyến đỏ. Vị sĩ quan ban 5 chạy lăng xăng, tíu tíu để đôn đốc và giải quyết yêu cầu. Đây là nhiệm vụ của anh ta. Nhiều lúc nhìn anh tôi thấy thương hại. Mới có mấy bữa mà da mặt đã xanh teo chẳng còn bụ bẫm như bữa trước. Hai túi áo giáp căng phồng không phải chứa lựu đạn như thường ngày mà đựng toàn các vị Thánh băng bột với dây ngân nhũ. Mỗi lần gặp tôi, anh lắc đầu:

- Một bỏ cha, mỗi năm tổ chức độ vài lần chắc tịch quá cậu ơi! Tiền ít thịt muốn nhiều, cái gì cũng cần, cái gì cũng khẩn, giết ai ra!

Tôi cười khà khà:

- Ông ơi! có văn nghệ ướt át không đó?

Nét mặt anh tươi tắn:

- Hy vọng, hy vọng. Đánh công điện xin rồi.

- Mấy thuở xin được, mình ở xa quá mà, đường đi cách núi ngàn sông đó, biết không?

Chưa kịp nghe hết câu anh đã chạy đến phía có tiếng gọi dằng xa.

Vùng trời hỏa tuyến không một giọt nắng. Sắc mây màu ngả nước chạy dài theo lùm cây phía xa hiu quạnh. Gió thổi căm căm. Tôi khoanh tay trước ngực đứng trên lũy cát nhìn về phương Bắc. Cả một vùng đặc sệt im vắng bao trùm cảnh vật. Tiếng đại liên ùng ục vang vọng như tiếng kêu tức tối. Toán lính công binh Mỹ, quần áo dính đầy đất đỏ, đứng dang chân phanh ngực đầy lông hoe vàng nóc bia hộp. Da họ đỏ tía như da gà chọi. Họ sống riêng một khu nhỏ, ngăn cách với chúng tôi bằng vòng kẽm gai. Nhiệm vụ của họ là giúp căn cứ trong công tác kiến tạo loạt “băng-ke” mới với vật liệu gửi từ Mỹ qua để đủ sức chịu đựng những cuộc pháo kích hạng nặng. Căn cứ đã đổi thay bộ mặt. Những chiếc “băng-ke” thật rộng, thật an toàn thay thế cho những chiếc hầm đất được sử dụng có tính cách nhất thời. Riêng tôi vẫn tiếc chiếc hầm nhỏ mà tôi cùng

Vũ đã ở chung mấy tháng nay. Qua “băng-ke” mới chắc chắn sẽ nằm với nhiều người khác, câu chuyện tâm sự tay đôi khó mà nói lớn.

Lá quốc kỳ bay phấp phới ở bên trên trụ công. Tiếng máy điện chạy rè rè từ căn hầm vọng ra buồn nản. Công cuộc chuẩn bị cho đêm Giáng Sinh đã gần xong. Vị chỉ huy trưởng sắc mặt rần đanh đứng trước cái bàn thờ tam cấp làm bằng vĩ sắt phủ vải trắng tinh. Đèn nến và ảnh Chúa được trưng bày tươm tất. Tôi nhìn đồng hồ mười lăm giờ đúng, ngày hai mươi bốn. Chỉ còn ba tiếng nữa đến giờ hru chiến, theo sự thỏa hiệp giữa ta và địch trên toàn quốc. Trên nguyên tắc như vậy, nhưng thực tế, sự phòng thủ căn cứ A1 vẫn duy trì tới mức tối đa. Các giàn đại pháo do Vũ chỉ huy vẫn ở vị trí sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào vào các tọa độ định sẵn. Các vòng kềm gai thả dây hơn trước. Bãi mìn được nói rộng thêm. Sự chuẩn bị hai mươi bốn giờ hòa bình còn vất vả hơn khi cuộc chiến đang tiếp diễn.

Khi phát đại bác sau cùng Vũ gửi sang đất địch trước giờ hru chiến, cũng vừa lúc ấy tiếng điện thoại reo lên cạnh tôi:

- A-lô, thưa chuẩn úy có xe đoàn văn nghệ đến, cho vô không, hay chờ lệnh?

- Cho vô!

Đút ống nghe vào túi vải tôi chạy lên nóc “băng-ke” nhìn ra phía ngoài. Những vô đạn đại pháo xếp trên nóc “băng-ke” có tác dụng cản trở sự đào sâu của đạn địch khua rộn rã dưới gót giày trận. Bữa nay, tôi có nhiệm vụ giữ an ninh cho buổi lễ. Trung đội của tôi sẵn sàng tác chiến nếu bất trắc xảy ra. Tôi cho tay kéo khóa áo giáp để tránh lạnh. Càng về chiều gió thổi càng buốt. Đường chân trời chỉ còn ửng lên chút ánh vàng mong manh đứt nối. Đã nhiều lần tôi đứng cô đơn nhìn hoàng hôn chết dần giữa vùng hỏa tuyến mà chưa một lần buồn hơn. Con đường mòn dẫn ra quốc lộ 1 với vài nếp tranh nhỏ thấp tựa vào nhau như trốn tránh cơn bão. Bóng người chiến binh có phận sự canh phòng đứng im sừng. Bên bãi cỏ gần đó mấy đứa trẻ chơi trò cút bắt. Tiếng cười đùa vang lên ngăn ngui. Hình ảnh ấy cắm sâu vào trí não tôi với từng mũi nhọn.

Chiếc GMC nặng nề lăn chậm chậm vào căn cứ. Màu sắc xanh đỏ với từng cụm tóc đen lách bay dạt dào theo gió làm ẩm lòng chút ít. Vị sĩ quan ban 5 đang đứng dưới cột cờ kiểm

điểm cố gắng của mình sau mấy ngày vất vả. Tiếng còi xe làm anh quay ra. Nụ cười sáng ngời nở trên khuôn mặt. Chiếc xe ngừng lại ở vọng canh theo lệnh người lính gác. Anh ta đi vòng quanh rồi ngửa mặt lên cười toe toét xong mới cho lệnh xe queo về mé trái.

Từng người, từng người lần lượt nhảy xuống với đồ nghề linh tinh. Một cô ý chừng nhát không dám nhảy, được anh bạn đồng hành đón bằng hai tay ôm ngang thân. Tôi trách thầm, tại sao mình không học làm văn nghệ? Vị sĩ quan ban 5 hướng dẫn đoàn người đi về chiếc “băng-ke” mới tinh chưa sử dụng, trong đó, có đầy đủ ghế bố, mùng, mền. Toán lính Mỹ đang sửa soạn cho bữa ăn chiều ở gần đó thấy bóng con gái gọi nhau ới ới. Những đốm mắt xanh lơ ù dột vì chiều Giáng Sinh tha hương, bỗng vụt sáng. Mọi hoạt động của họ đều ngưng đọng, có chú đưa tay về đoàn người chào kiêu thân thuộc, có chú líu ríu lời chúc tụng nồng nhiệt. Mấy cô trông dễ thương nhưng dạn dĩ, cũng giơ tay lên cao “Hê-lô” âm ỉ. Tôi cúi đầu suy gẫm lấy làm cảm phục các bà mẹ Việt Nam!

Bữa cơm đoàn kết chiều Giáng Sinh có ngon hơn ngày thường. Nhưng trong thâm tâm mọi người đều chờ đợi món ăn hiếm có ở giữa trời máu lửa. Vũ vừa nhai vừa nhìn sang bàn có mấy cô ca sĩ để phê bình nhâm. Các sĩ quan có tiếng đạo đức vì ít khi vắng tục lúc này cũng cười xòa góp chuyện thích thú. Trái với lệ thường, tối nay ánh sáng có những ngọn néon tủa màu êm dịu làm tươi mát một khoảng căn cứ. Từ đó nhìn ra, tôi chẳng thấy gì ngoài ngọn đèn ngôi sao le lói và chiếc hang đá có nhiều đốm lửa vàng khẽ nhấp nháy liên hồi làm lóng lánh hàng dây ngân tuyến tượng trưng mùa tuyết giá.

Tiếng ca vút lên cao chơi vui theo cung bậc bập bùng giữ nhịp. Mảnh áo dài mang tâm sự của thành phố làm vui mắt người lính chiến địa đầu. Không gian bát ngát nổi trôi. Tôi đứng nép mình vào khoảng tối nhìn vào. Ôi! Tiếng hát, tiếng hát của người con gái hậu phương sao mê thiết lắm vậy? Tôi ngược lên cao. Vòm trời mệt mỏi. Tiếng hát lãng đãng trôi vào không gian. Những chiếc mũ sắt, những khẩu súng, những băng đạn như muôn thớ dài. Mấy chú lính Mỹ sặc sụa hơi rượu đi lang thang ngất nghe. Một chú rẽ về phía tôi đon đả với lời chúc Giáng Sinh, xong ngậy người nhìn về phía bực trình diễn

thì thảo - Con gái Việt-nam đẹp quá! Tôi mỉm cười trong tối - Sang Việt-nam lâu chưa? - Ba tháng - Biết Sài-gòn chưa? - Chưa, đồ bộ Cam Ranh rồi tới đây ngay. Mặt chú lính Mỹ trẻ măng ngây ngô nhìn chăm chăm vào cô ca sĩ vừa rời micro đi ra phía sân. Chú lính Mỹ bỏ tôi đi đến chỗ cô gái rồi móc túi quần lấy lon nước màu vàng ửng đưa tặng. Cô mỉm cười cúi đầu tỏ dấu cảm ơn. Chú lính Mỹ hồn nhiên ghé sát mặt vào mái tóc lú lo. Dưới ánh đèn mờ ảo trông cô xinh tẹt. Chẳng biết cô ta có hiểu tiếng Mỹ không, tôi chỉ thấy cô né tránh rồi chạy ù lại chỗ tôi cầu cứu:

- Ông ơi! Thằng cha này kỳ quá à?

- Sao?

- Nó nói gì đâu lãng xẹt, hơi rượu làm buồn nôn thấy mô! Chú lính Mỹ không chịu buông tha cũng sấn đến cuống quýt hỏi tôi xem có gì khác biệt giữa người Mỹ và người Việt? Tại sao cô gái lại chạy trốn? Tôi giải thích sự khác biệt và khuyên chú ta nên lịch sự đối với con gái nhưng hắn làm bộ ngờ ngờ không hiểu. Tôi đành phải dắt cô ca sĩ vào gần chỗ trình diễn, nơi tập trung nhiều ánh sáng nhất.

Khi hai bàn tay buông nhau, chính tôi cũng cảm thấy như vừa đánh mất chút gì. Ôi bàn tay tròn trịa với những móng nhọn như có sức nóng ghê gớm làm toàn thân tôi bùng bùng nhóm lửa.

- Sao cậu hay quá vậy? - Vũ đập mạnh vào vai tôi cười nhõn nhõn.

- Ô, bắt buộc!

Nói xong, tôi lẩn nhanh vào đám đông rồi lững thững men theo lối mòn đi về hầm ngủ.

Tất cả sinh động của căn cứ giờ này được thu hẹp vào một góc. Tôi ngồi ngay cửa hầm nhìn về góc đó. Tiếng nhạc khi trầm trầm khi rộn rã thoát vào rộng lớn. Tôi biết, nếu đứng lại, tôi sẽ được thưởng ngoạn đôi trò hấp dẫn với các nường con gái ngồn ngồn mà tôi đã thấy qua bộ đồ may quá chặt hồi chiều - Tôi biết, sẽ phát điên lên khi ngó thấy thịt da đàn bà uốn lượn nhịp nhàng được che đậy sơ sài bằng mấy mảnh vải nhỏ. Điều ấy, ít ra cũng làm nguôi ngoai phần nào nỗi khát khao của những lính chiến nơi ải đầu trường kỳ gian khổ. Tôi cũng biết chính tôi cùng sự yếu đuối của bản ngã có thể hành hạ và dẫn dắt tôi vào đau đớn bất ngờ. Tôi nhớ Yến qua năm

ngón tay của cô ca sĩ. Không một chữ viết cho nhau từ đêm già biệt.

Tôi búi cái gì có trước mặt, cái đó là trách nhiệm, súng đạn và tình đồng đội. Một vài thể xác đàn bà lạ mặt đã đi qua tôi từ khi xa Yên cũng chẳng đem lại nguồn vui thuở trước. Chiếc khăn tay thêm nước mắt và nước bọt của Yên đã phai hương mùa cũ. Tôi ngồi đây nhìn lên vòm cao, nhìn xuống mặt cỏ. Trời đêm bao la ghê sợ quá. Mặt cỏ khô cằn gai nhọn. Tôi chẳng biết cách đây gần hai ngàn năm Chúa ra đời ở dưới vòm trời nào có mang nhiều chứng tích bi thương như không gian có mặt? Tôi vẫn tin có một cái gì thiêng liêng lắm, cao xa lắm mà đôi tay ngắn ngủi của con người không sao vươn tới! Tôi cũng tin vào từng thân phận đã an bài với lời phán xét cuối cùng.

Trời vào khuya sương muối xuống dày đặc. Ánh đèn chập chờn mờ lung mỗi lúc như khuất chìm vào hư ảnh. Hơi đàn kéo lê qua lớp phấn sương dày mỏng úng nhện. Tôi ngả người vào bao cát xếp thành hàng ngay cửa hầm. Bên trong tối thẫm. Những con chuột đói đang cạy chiếc gà-mên trống rỗng. Tôi bấm đèn soi vào. Tiếng động im bật.

Tạ Ty

NGUYỄN THANH TRỊNH

LỄ GIÁNG SINH Ở MỘT thành phố lớn

(Nguồn sưu tầm: Giai phẩm Văn tháng 12-1973)

Như thế chỉ còn hai ngày nữa là Giáng Sinh sẽ đến, chậm rãi nhưng chẳng thể nào sẩy hụt.

Cả lớp đang rộn lên với những lời chúc mừng và mời hẹn. Tôi ngồi ở bàn giáo sư nhìn ngắm những thiệp mừng đầy những hình vẽ Chúa Hải Đồng, máng cỏ, lễ ba vua... do chính tay các em học sinh vẽ bằng màu nước sặc sỡ và ngộ nghĩnh gửi tặng. Một lớp học còn nhiều tình nghĩa, tôi nghĩ vậy, và vừa lúc tiếng chuông vang lên. Các em đứng dậy thẳng người và chuẩn bị đọc những lời kính mừng Chúa ra đời mà các em đã học trong giờ giáo lý. Tôi để lại xấp thiệp trên bàn đi xuống đứng dựa lưng vào vách tường cuối lớp. Trước mặt chúng tôi, trên bảng đen, tượng Chúa đóng đinh trên thập giá chìm ngập trong ánh nắng vàng nhạt buổi chiều.

Tôi không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo. Tôi quen một sư huynh làm Giám học trường nữ trung học này mời dạy, anh là một tu sĩ cấp tiến đã học chung với tôi nhiều năm tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Thú thật, tôi đã rất ngỡ ngàng hôm nhận được lời mời. Tôi phân trần với anh trong một ngôi trường

giàu đức tin như vậy làm sao có thể dung chứa được tôi. Anh cười nói, thế càng may cho cậu. Sinh hoạt trong một môi trường giàu đức tin, biết đâu nó sẽ giúp cho cậu có được đức tin, bộ cậu không cần đến đức tin sao. Đức tin, điều tôi chẳng bao giờ quan tâm đến. Tôi không biết khi tôi có đức tin tôi sẽ sống khác với đời sống tôi đang sống không, có đức tin tôi sẽ sống dễ dàng hơn hay khó khăn hơn? Dù sao cũng thử xem, nên tôi đã vui vẻ nhận lời phụ trách môn Việt văn cho ngôi trường thiên về chương trình Pháp của anh.

Vào những phút đọc kinh ở hai buổi sáng, chiều của các em, tôi cũng đứng lẩm bẩm những lời kinh còn nhớ được và khi những cánh tay của các em vừa giơ lên, tôi cũng theo các em làm dấu thánh nhanh và gọn gàng. Một em trong lớp đã buộc tôi phải làm như thế. Ngay trong giờ ra chơi buổi dạy đầu tiên, em đến hỏi tôi:

- Thưa thầy, sao thầy không đọc kinh?

Tôi chẳng biết nhận mình theo tôn giáo nào, còn giải thích sự thiếu đức tin trong tôi cho em hiểu thì thật phiền, vì sợ biết đâu lại chẳng gây ra mối ngờ vực tôn giáo trong em. Tôi đành nói:

- Tôi có thể đọc thầm được chứ.

Cô bé lắc đầu:

- Ai mà tin thầy. Em cũng không thấy thầy làm dấu thánh.

- Tôi cũng làm dấu ngầm trong đầu.

- Cái gì cũng trong đầu như thế thật tiện, lần sau em sẽ bắt chước thầy.

Tôi vội khua tay:

- Không được, các em thi khác.

Cô bé quay mặt đi, làm như không muốn cho tôi nghe, em đọc một câu trong sách kinh nói về sự bình đẳng của mọi người trước Thiên Chúa, và tôi đã phải hứa lần sau làm như các em, cô bé mới vừa lòng.

Để giữ lời hứa với cô bé, khi tan học buổi sáng đó, tôi đi tìm thầy giám học nhờ anh chép hộ bài kinh các em thường đọc (bài kinh ngắn khoảng nửa trang giấy học trò, nhưng đến bây giờ tôi vẫn chưa một lần đọc thuộc trọn vẹn), và nhờ anh dạy làm dấu thánh. Anh nghi ngờ hỏi tôi đã bắt đầu có đức tin rồi sao, nhanh vậy? Vì muốn giấu anh chuyện cô bé chất vấn, nên tôi trả lời là tôi muốn bắt đầu hình thức và anh gật gù nói chẳng bao lâu rồi nội dung sẽ đến sau.

Trong giờ học kế tiếp, vào phút đọc kinh, tôi thấy rõ ràng cô bé liếc mắt nhìn tôi kiểm soát. Thật may, tôi còn nhớ những lời kinh đầu nên đọc rất to và sau cùng tôi đã làm dấu thánh rất gọn gàng. Chẳng bao giờ tôi quên được nụ cười “đắc ý” của em.

Cô bé ấy tên Giang. Lúc đầu, tôi cũng bực mình vì tính tò mò bất bẻ của em nhưng sau vài tháng dạy học, tôi nhận ra em rất thông minh.

Những người thông minh (nhất là con gái) gây nên rắc rối là chuyện thường, nên dần dần tôi đã thông cảm và có thiện cảm với em. Thật thích thú được dạy những em hay chất vấn vì nhờ đó lớp học đỡ tẻ nhạt.

Những tiếng A-men vang lên báo hiệu bài kinh dứt. Các em vội vã lấy cặp chào tôi ra về. Đợi các em đã xuống cầu thang, tôi mới chậm rãi rời lớp học.

Ngoài hành lang, tôi thấy bé Giang còn đứng chần chờ đợi ai. Buổi chiều có gió nên một tay cầm cặp, một tay em phải vuốt những sợi tóc bay lữa xoa trước mặt. Khi tôi đến gần, em cúi chào và trao một phong bì nhỏ màu trắng.

- Thưa thầy, ba má em có lời mời thầy đến dự tiệc chung vui với gia đình em đêm Noel.

Tôi đọc qua những lời mời viết trên danh thiếp in tên một thương gia nổi tiếng, rồi nói:

- Cảm ơn gia đình em. Trường nghỉ lễ một tuần, có thể tôi sẽ về thăm nhà ở ngoài Trung nên không chắc đến dự tiệc được.

Cô bé có vẻ hơi buồn, ngập ngừng lúc lâu em mới nói:

- Em kính chúc thầy mùa Giáng Sinh tốt lành.

- Tôi cũng chúc em và gia đình có những ngày lễ thật vui.

Tôi đi xuống cầu thang phía trái, dẫn đến phòng giáo sư. Các giáo sư, đa số là sư huynh và dì phước, đang chuyện trò vui vẻ quanh chiếc bàn ngồi họp. Tôi gặp thầy giám học khi đến rửa tay ở *lavabo*. Anh nói với tôi những lời mời như bé Giang và tôi cũng xin lỗi không thể chung vui. Tuy vậy, anh vẫn căn dặn vào đêm Giáng Sinh nếu tôi đột nhiên đổi ý thì đừng ngại gì cả, cứ đến đây chung vui, những chai rượu nho luôn luôn có sẵn để đón tiếp tôi.

Ngoài sân chơi không còn một học sinh nào. Những tàn cây cao và tường quét vôi xám nhạt làm nơi đây trời tối rất nhanh.

Vào mùa này nắng quá yếu, buổi trưa gần như biến mất, người ta nhận ra buổi sáng quá dài, buổi chiều chỉ trong vài tiếng đồng hồ rồi buổi tối rất nhanh. Tôi đi bộ trên đường vắng, có hai hàng cây chạy dài che khuất màu trời ở phía xa. Không khí mát lạnh dần, thỉnh thoảng những con én bay lượn giữa hai chòm cây, trông như một đàn dơi đi kiếm ăn.

Gần một ngã tư, những ống đèn màu bên ngoài một siêu thị đã bật sáng. Tôi ghé vào như thường lệ để mua những thực phẩm làm sẵn. Những bữa ăn trưa, tôi đều ăn ở một quán gần nhà, nhưng bữa tối tôi thích tự tay mình làm lấy rồi ngồi ăn một mình thong thả và kiểu cách bên một ngọn nến.

Ở trong siêu thị đã trưng bày gần tuần nay một cây thông tươi lá xanh ngắt, mắc đầy những bóng điện có hình dạng ông già Noel và những trái cầu. Cô bán hàng quen thuộc mặc áo dài đỏ hồng đến chào hỏi:

- Hôm nay, ông có mua hộ hạnh nhân về làm bánh ăn réveillon không ạ?

- Tiếc quá, tôi phân bua. Tôi không biết làm bánh. Nhưng biết đâu chính vì thế Chúa sẽ thương hại ban ân sủng cho cô nào đó đến giúp tôi.

- Vậy thì tôi thành thật cầu chúc ân sủng sớm đến với ông.

- Cô không cần phải cầu chúc. Cô có thể làm cho ân sủng đó đến ngay bây giờ được mà.

- Đầu được. Như thế “tai họa” sẽ đến với ông ngay.

Nàng nói xong, cả hai chúng tôi đều bật cười. Tôi nhờ nàng lấy cho mấy hộp thịt, đậu, cà chua, những búp rau xà-lách tươi và một hộp trái vải. Tất cả được nàng bỏ vào một túi nylon có quai xách trao cho tôi đem đến tính tiền ở quầy hàng. Khi tôi bước đi, nàng nói:

- Ông quên chưa chúc mừng cho tôi.

Tôi nghĩ, không biết phải chúc gì cho nàng, nhìn thấy trên tường có dòng chữ điện màu đỏ *Merry Christmas*, tôi chỉ tay.

- Tôi chúc cô như vậy, đủ chưa?

- Ông hà tiện lời chúc quá.

- Tôi sợ lời chúc dài dòng của tôi không “đẹp” bằng dòng chữ ngắn gọn đó, nên sẽ kém linh nghiệm đi.

- Vậy thì xin cảm ơn ông.

Đèn đường đã bật sáng khi tôi ra ngoài siêu thị. Những bóng đèn được thay có màu trắng xanh khác hẳn những bóng đèn

tròn ngày xưa tỏa ánh sáng vàng đục. Ở phố chính, đèn xe và đèn các cửa hiệu bật sớm giúp bóng tối xóa nhanh chút ánh sáng vàng đỏ của buổi chạng vạng. Trong một quán kem thừa khách, dán đầy những *poster* các ca sĩ tóc dài và những dấu hiệu hòa bình. Tiếng nhạc Beatles thoát ra dồn dập. *Get back! Get back to where you once belonged.* Hãy trở về nơi anh đã một lần tùy thuộc. Tự nhiên tôi nhớ thành phố Đà Nẵng một cách kỳ lạ.

Thành phố ấy đã chất đầy những kỷ niệm trong trí nhớ tôi. Những ngày mưa tháng gió, những người bạn chân tình, những đam mê (như văn chương, tình yêu, cách mạng...) thật nồng nàn chua xót. Tôi không sinh ra ở nơi ấy. Một thành phố tạm cư, chẳng có gì bắt tôi phải giữ mỗi dây ràng buộc khi đã có dịp rời xa. Nhưng thành phố ấy, hình như còn muốn giấu, muốn nói với tôi một điều gì, nên đã nhiều lần rời xa, tôi vẫn cố gắng tìm cách trở về. Một ảo tưởng về nơi im khuất? Hay cần phải nuôi dưỡng một nơi chốn để trở về cho kẻ thiếu quê hương? Có thể ta sẽ trở về ngay trong ngày mai. Tôi nhủ thầm như vậy, khi băng qua đường đầy xe cộ dừng lại chờ đèn xanh.

Phải mất một tiếng đồng hồ, tôi mới làm xong bữa ăn gồm một nồi cơm, tô *soupe*, rau sống và thịt kho. Vừa ngồi vào bàn, tôi nghe có tiếng gõ cửa dè dặt, vì lười biếng tôi ngồi yên trên ghế nói mời vào. Lạ lùng chưa, Nguyên hiện ra ở cửa với chiếc va-li lớn. Tôi vội kéo ghế đứng dậy:

- Tôi không mơ đấy chứ!

Nàng cười nói:

- Thì Nguyên đã viết thư báo cho anh trước rồi còn gì.

Trong một lá thư, tôi còn nhớ đã viết: Nếu Nguyên có dịp xuống thăm thành phố ồn ào này hãy ghé thăm tôi. Chúng ta vẫn xem nhau là bạn như những ngày còn đi học và tôi hứa nhất định không yêu cô đâu mà sợ. Nguyên đã trả lời bằng lòng nhưng không hẹn rõ ràng nên tôi tưởng nàng sẽ đến vào dịp nghỉ hè không ngờ lại là đêm nay. Tôi chỉ mâm cơm:

- Số bạn thật may, tôi đang đói, nếu đến trễ chừng mười phút chắc bạn chỉ có cơ hội đi rửa chén. Bây giờ hãy đi thay quần áo rồi ngồi ăn với tôi cho vui.

Tôi đến xách va-li và chỉ cho Nguyên biết phòng ngủ và nhà tắm. Một lúc sau, nàng đã thay xong bộ quần áo có hoa lớn và

mặc thêm một chiếc áo len trắng mỏng. Nàng hỏi:

- Anh không lạnh sao mà không mặc áo len?

Tôi lắc đầu.

- Tôi vừa mới nấu cơm xong.

Nàng cười lớn.

- Tội nghiệp chưa. Ai bảo ông giáo cứ khó tánh kén chọn hiền thê mãi.

Trong phòng chỉ có hai chiếc ghế mây, thật vừa đủ. Tôi kéo một chiếc ghế mời Nguyên và tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với nàng.

- Ăn cho no nghe bạn. Đừng khách sáo rồi tối đến lại bắt tôi phải lặn lội đi mua bánh mì tội nghiệp.

Chúng tôi bắt đầu bữa ăn một cách vui vẻ. Ném qua món *soupe*, nàng khen tôi nấu ngon không thua gì những nhà hàng lớn. Tôi bật cười nói:

- Nịnh vừa thôi chứ bạn. Định bắt tôi ngày mai phải nấu nướng cho bạn ăn nữa sao?

Chợt nhớ ra câu chuyện với cô bán hàng ở siêu thị lúc chiều, tôi kể lại cho Nguyên nghe. Nàng hỏi:

- Vậy theo anh. Nguyên đem đến cho anh ân sủng hay tai họa?

- Đàn bà thường đem đến cả hai điều đó cùng một lúc.

- Nói chi mà dễ sợ.

Ngọn nến trên bàn ăn sắp tắt, tôi đứng dậy đi lấy cây nến khác, châm môi và gắn trên thân cây nến tàn.

- Bóng điện ở phòng này bị cháy hả anh?

- Không. Từ bữa ăn tối trở đi, tôi sợ phải nhìn ánh sáng đèn điện, nếu không có việc cần làm tôi thường để nhà tối om. Có chút bóng tối để ẩn mình, tôi thấy sống dễ dàng hơn, không tin Nguyên cứ làm thử xem.

Nàng lắc đầu.

- Nguyên chịu thua. Anh luôn luôn có những tính kỳ. Anh nhớ không, năm cuối ở trung học một lần chúng ta cùng đi dạo chơi trong rừng thông, anh mãi đuổi theo một con sóc rồi bỏ đi luôn. Sợ đêm xuống có thể bị lạc, Nguyên đã tức tưởi khóc lằn mò đi về một mình. Vào thành phố gặp lại anh ngồi ngoài hiên một quán cà phê, anh nói tình bơ: Tôi đuổi theo con sóc đến đây bị mất đầu. Nguyên không nhớ anh còn nói gì nữa, Nguyên mới chịu ngồi xuống uống nước với anh. Có lẽ ngay từ lần ấy, Nguyên đã bị cái tính kỳ quặc của anh mê hoặc.

Tôi khua tay:

- Thôi chứ. Kỷ niệm, bạn nhận ra không, chỉ làm bữa ăn nguội đi.

Nhưng rồi bữa ăn được hâm nóng bằng kỷ niệm của mỗi người. Nguyên kể lại những ngày học nội trú ở Đà Lạt. Nàng nói trên ấy bây giờ lạnh ghê lắm nếu ở trong phòng một mình, nhưng ra ngoài nhìn thấy những cây anh đào nở rộ tự nhiên mình cảm thấy ấm áp hơn. Rồi nàng tiếp tục nói về những người bạn, đặc tính của các giáo sư và các môn học.

- “Luận lý toán học” khô khan quá, nàng nói, đầu óc Nguyên chẳng ghi nhận được gì, đến kỳ thi cuối năm không biết làm sao đây.

Tôi nói:

- Vớ dĩ đàn bà, hai vớ hai là năm dễ hiểu hơn hai vớ hai là bốn.

Nàng nhăn mặt:

- Ông khi dễ tôi quá vậy. Nói cho ông biết kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt vừa qua, tôi đã đứng nhất và trong lớp tôi không thiếu những đấng “thông minh nhất nam tử” như ông đâu. Đùa vậy chứ, trường anh hiện dạy có dễ chịu không, tốt nghiệp xong Nguyên nhờ anh xin cho dạy vớ.

- Nêu bạn dạy ở đây, tôi xin đổi đi nơi khác.

- Bộ giận rồi sao?

- Không phải vậy. Tôi chỉ sợ gặp bạn mãi, tôi chắc sẽ bị bạn mê hoặc mất.

Tôi dùng hai chữ “mê hoặc” của nàng khiến Nguyên cười ngất đến phải buông đũa xuống.

Bữa cơm không có gì, nhưng chúng tôi cũng kéo dài khá lâu và chấm dứt bằng những trái mận vàng mọng, những trái dâu chín đỏ tươi, Nguyên mang từ Đà Lạt xuống. Nàng nói:

- Ở Đà Lạt, Nguyên biết có một chỗ bán rượu dâu nguyên chất rất ngọt lịm nhưng dễ say ngằm. Định mua cho anh mấy chai, nhưng nghĩ đàn ông có rượu dễ sợ lắm nên thôi.

Tôi ngây thơ hỏi:

- Tại sao vậy?

- Nguyên sợ biết đâu vì mấy chai rượu dâu anh sẽ nói “yêu” Nguyên.

- Ô! như thế người sợ rượu phải là tôi mới đúng chứ.

Chúng tôi pha cà phê uống và tiếp tục nói không ngớt những

chuyện đầu đầu đến khuya khi những đóa hồng Nguyên mua tặng tôi, cắm vào chiếc ly lớn trên bàn tỏa hương thơm ngào ngạt. Tôi phải mời Nguyên đi nghỉ để còn lấy sức đi dạo chơi ngày mai.

Đêm Giáng Sinh đến với sự chuẩn bị nhộn nhịp của người Công giáo. Trong nhà thờ Đức Bà đông nghẹt những con chiên đứng ở các hành lang, khiến người ta chẳng thể nào nhìn thấy Đức Tổng Giám mục đang làm lễ trên bệ cao. Bên ngoài nhà thờ, đa số là những người tuổi trẻ. Họ chung diện quần áo đủ mốt, đeo mặt nạ, đội mũ giấy và miệng thổi những chiếc ống có vòi thò ra thụt vào như lưỡi răn. Họ ném hoa giấy một cách xác xược vào mặt những người đi đường và tất cả đều giỡn như đang tham dự lễ mừng Chúa ra đời.

Vì lý do an ninh, lễ nửa đêm được cử hành trước mười hai giờ khuya. Buổi lễ thiếu cái lạnh của đêm khuya và sự yên tĩnh giả tạo làm cho buổi lễ như được mong cho chóng qua. Tôi còn nhớ lần dự lễ ở một ngôi làng nhỏ sát bãi biển Thanh Bò, nơi đa số dân chúng là những người di cư còn nghèo khổ và nghề chài lưới chưa đem lại mức sống tạm đủ cho mọi người. Nhà thờ được lợp tôn, gác chuông dựng trên những thân tre cao. Các con chiên đã phải quì gối đọc kinh ngoài sân trên cát ướt. Tiếng kinh cầu lẫn trong tiếng gió, tiếng sóng và sương lạnh đã giúp tôi thấu hiểu tại sao người ta phải tin một đấng thiêng liêng và tại sao đấng thiêng liêng cần phải hiện hữu. Tôi cũng đã tự hỏi, phải chăng tín ngưỡng đích thực chỉ có ở những người nghèo khổ. *“Vinh danh Thiên Chúa trên trời. Bình an dưới thế cho người thiện tâm”*. Tiếng đồng ca của các em nhỏ rét run trong những chiếc áo rách vải, nhưng vẫn cố gắng đứng thẳng người thành kính ngẩng mặt nhìn trời chờ mong phép lạ, đã làm tôi ứa nước mắt. Còn lúc này, ở đây, buổi lễ vừa chấm dứt bằng một hồi chuông uể oải, tiếng ồn ào đã dấy lên điếc tai bởi những người nôn nóng di chuyển sớm.

Tôi và Nguyên phải đi vào chỗ đậu xe hơi để đỡ chen lấn. Có tiếng thưa thầy khi chúng tôi đi ngang qua một chiếc xe sơn màu xanh thẫm. Bé Giang mở cửa xe bước xuống. Trong chiếc áo dài ngắn vạt màu cá vàng rực rỡ nổi bật trong đêm, trông em lạ và cao hơn ngày thường mặc đồ đầm đến trường. Em có

về mừng rỡ gặp tôi ở đây, em hỏi:

- Thưa thầy, thầy không về ngoài Trung?

- Không. Tôi ở lại đây.

- A! Như vậy, thầy có thể đến dự tiệc chung vui với gia đình em rồi. Ba má em ở nhà thờ sắp ra, xin thầy đợi ít phút để em được giới thiệu.

- Cám ơn em. Rất tiếc, tôi phải chung vui với người bạn đây.

Tôi chỉ Nguyên. Em ngạc nhiên nhìn nàng rồi quay lại hỏi tôi:

- Một người bạn của thầy?

- Phải.

Em cúi đầu chào Nguyên xong nhanh nhẹn mở cửa xe vào ngồi khuất trong bóng tối ở ghế sau.

Tôi nắm tay Nguyên đi len lỏi giữa những chiếc xe đang rô máy, thoát ra khỏi đám đông chen lấn, bằng một con đường nhỏ dẫn ra khỏi trung tâm thành phố.

Nguyễn Thanh Trịnh



ĐẠM THẠCH

Ý nghĩ Giáng sinh

Không phải tôi là người ngoại đạo
không nghe hương mùa đở Giáng sinh
mà chỉ lặng thinh
chạm sóng dồn tiếng nện đại hồng chung
tôi biết mình tin tưởng và nhớ nhung
Chúa ngự trên cao, và Phật, Trời tứ xứ
chỉ tiếc rằng
bây giờ
lòng còn giận dữ
khi chùa chiền, thánh thất, nhà dòng
và những chiếc còng
dọa mầm tôn giáo!

....

Nói không hết
dẫu tôi có chết
nhưng mầm thì bất diệt.

TRẦN HOÀI THƯ

Nay Lat

(Nguồn sưu tầm: Tạp chí Văn Đền, không rõ năm)

Buổi chiều, đơn vị dừng lại tại một ấp ven chân núi. Những người lính đã đào hầm phòng thủ trước khi sửa soạn bữa cơm chiều. Họ đào gấp rút hồi hả dưới cơn mưa triền miên của một ngày tháng chạp. Họ co ro trong tấm *poncho* rộng thùng thình, phập phồng trước những cơn gió xoáy. Nước mưa chảy theo từng nhát xẻng: nước mưa theo từng luống đất, tuôn vào hố hầm, và người lính phải lội bì bõm để di chuyển hoặc tìm những mô đất cao hơn. Bầu trời xám và nặng trên các đọt cây khô héo, trên cánh đồng rộng ngập nước mênh mông. Chỉ có mưa, mưa trắng xóa, mưa phủ cả đỉnh núi mờ một màu trắng giải. Sương bắt đầu đù lên sớm hơn trên chóp núi cao bên kia mặt khu.

Bây giờ toán lính đã xách những lon cơm bằng nhôm trắng, ăn vội vàng dưới cơn mưa đổ. Họ ăn vội vàng, bằng tay hay bằng những que củi nhỏ. Những người lính Thượng tụ tập dưới một tàn cây khô, nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ riêng. Thức ăn của họ là những con chuột, cóc hay nhái được mắu lâu ngày. Toán lính người Kinh đang cười giỡn một cách vô tư lự. Mưa đổ những giọt vào cơm, hòa lộn, nhão nhoẹt trong lon gỗ. Họ ngồi chồm hồm trên đám cỏ dại, chuyền cho nhau thức ăn bên những chiếc hố vừa đào âm ập nước. Người lính truyền tin đang ngồi dựa vào gốc cây. Tiếng máy sôi, át hẳn trong tiếng

mưa. Hình như hấn đang ngủ gục. Tỉnh thoảng hấn lại choảng dậy nhưng mắt vẫn còn nhắm, để chụp ống liền hợp lên nghe ngóng. Một tiếng chửi thề tục tằn vang lên rồi chìm đi trong bể âm thanh cuồng nộ. Không ai muốn đứng dậy. Ngay cả người lính gác cũng ngồi bất động trong chiếc áo mưa, bên khẩu súng lạnh lẽo. Đôi mắt hấn, dôi về phía núi xa, bây giờ chỉ là một con quái vật, đang yên giấc trong một buổi chiều sắp chết.

Trung đội hai. Trung đội chịu chơi. Trung đội đánh giặc chì. Trung đội cận thị. Từ trung đội trưởng, thiếu úy, luôn luôn mang kính suốt ngày, đến trung sĩ Vọng, trẻ tuổi đẹp trai, hai mắt lồi như hai ốc bươu, chỉ mang kính khi đi hành quân. Rồi khinh binh Võ Hồng Nga, to cao như Mỹ đen, biệt danh là trâu điên, nhưng hiền khô nhất. Hấn không bao giờ mang kính dù độ mắt nặng nhất. Hấn xấu hổ khi nghĩ rằng, cặp kính bắt hấn trở nên đạo mạo, có học. Rồi binh nhất Ứng Luông, nhỏ con nhất trung đội. Hấn cũng giống như Trung sĩ Vọng, chỉ mang kính khi đi hành quân. Tất cả tụ tập vào trung đội hai. Trung đội bốn mắt. Trung đội đui mù một nửa khi mưa ngàn đổ xuống, khi sương núi buổi sáng bốc lên. Trung đội trưởng cột kính bằng sợi dây thun quần đàn bà lò mò dẫn đám lính, mũ vải rừng chụp xuống trán, không cần nón sắt, áo giáp chớ che. Trung đội phó, chiếc kính vành đen, rộng, quay lại giục lính bước mau hơn. Khinh binh Nga, trâu điên hiền khô, vác M60 bước đi quờ quạng. Đôi mắt mở trừng khốn khổ. Hai con ngươi lồi ra như hai hòn bi lạc loài. Bước chân voi của hấn vấp phải bước chân của người đi trước. Binh nhất Ứng Luông, đạo mạo trong đôi kính phát bởi quân y, súng chĩa ra bìa làng, như một nhà triết gia cô độc giữa trần gian. Họ đến áp vào buổi chiều khi mưa đuổi theo sau lưng và gào thét trước mặt. Mưa bít bùng vào những ngày cuối tháng như thể tiếp tục kéo dài bất tận. Chỉ có những ngày như thế này, họ mới lên đường. Có lẽ đời họ bây giờ chỉ có màn đêm và mưa gió làm nhân tình. Mưa làm sự quan sát của địch trở nên thâu hẹp lại. Mưa làm sự canh phòng của toán cảnh giới trở nên lỏng lẻo. Địch làm sao ngờ được giữa đêm thiên la địa võng này, mà mưa gió cuồng loạn như xé cay tròng mắt, lại có những kẻ lên đường. Địch làm sao biết được giữa cõi đêm dày, trên một đồng ruộng ngập lụt mênh mông, lại có lũ âm binh đi săn mồi. Những dấu hiệu lẩn tinh trên vai áo, trên ba lô. Những nòng súng chúi mũi, sợi

dây thừng nối nhau từ người này đến người khác, những bàn tay bầu chặt, những đóm lửa thềm khát được tắt đi... Vì sao không còn hiện trên bầu trời để làm chuẩn điểm cho hướng đi. Bản đồ chẳng còn được dùng để tìm ra số nhà đột kích. Chỉ còn chiếc địa bàn trên tay người trung đội trưởng cận thị. Chỉ có chiếc kim nam châm chênh chéch cho một phương giác. Không cần biết đâu là hồ, ao, kênh, rạch. Đám lính dường như không biết được những gì sắp xảy ra trong đêm nay. Với họ, không có gì lạ lùng dưới màn đêm, cũng như ánh nắng mặt trời. Hành quân. Hết hành quân là trở về hậu cứ. Mỗi năm một lần phép. Ngày lau chùi súng đạn, làm tạp dịch, tu bổ hố hầm phòng thủ. Cuối tháng lãnh lương thêm mấy trăm đồng tiền thám kích, để trả nợ, đánh bạc, hay chơi bời... Những gì sắp xảy ra, vẫn quá chừng quen thuộc.

Mưa vẫn triển miên không dứt hạt. Người lính già nói băng quơ:

- Mình về kỳ này, chắc có lương.

Một người lính khác thêm vào:

- Lãnh sớm chừng nào mau hết chừng nấy, bố.

- Tội con vợ của tao. Nó khóc bù lu bù loa. Nó đòi trả con cho tao nuôi, về ở với má nó.

- Cho bà về đi. Đỡ tốn công nuôi, bố.

- Nghĩ cũng tội nó. Thằng hạ sĩ quan hậu cứ thặng tay trừ lương, làm sao tao có đủ mang về nạp cho nó chứ.

- Nè, bố!

- Gì, mày.

- Bố đi lính mấy năm?

- Từ thời Tây.

- Bố qua Tây không?

- Có. Bọn con gái bên đó mê tao ghê gớm.

- Bố xạo. Bố nghèo chứ đâu phải giàu như bọn lính Mỹ bây giờ muốn gì được nấy.

Giờ G. Giờ nào toán quân thức giấc. Đêm trôi bèn bồng trong cơn nước lớn. Trận bão rút đã thổi về vùng đất chết. Những trái sáng rơi rớt từ bên kia sông, và thảng thốt, những trái đạn pháo từ hậu cứ rớt vào mặt trận. Rồi những sửa soạn bắt đầu. Dây nịt đạn, ba-lô, bi-đông nước, cột chặt vào người. Hôm nay là ngày 23 tháng chạp. Hai ngày nữa là lễ Giáng sinh. Một ngày nữa là hưu chiến tạm thời. Đãi, tin tức đều nói vậy.

Những cơn gió mạnh thổi từ bên kia sông kêu rít trên những đợt tre. Bây giờ, một bề âm thanh náo nhiệt của ếch ương, ếch nhái kéo theo, lướt trên mặt nước. Đêm như mực xạ. Đơn vị bắt đầu di chuyển. Thiếu úy trung đội trưởng trung đội hai cảm địa bàn, xác định lại phương giác. Chàng quay lại hỏi người lính mang máy:

- Hỏi lại phương giác bao nhiêu, Trị ?

- Dạ.

- Trời lạnh ghê... Năm nay, Giáng Sinh lạnh hơn mọi năm.

- Dạ. Quê thiếu úy ở đâu?

- Langbiang.

- Tên thật ngộ quá ha!

- Tên Tây mà. Bây giờ là Đà Lạt đó, mày.

- Đà Lạt chắc lạnh lắm.

- Trị chưa lên Đà Lạt?

- Dạ.

- Mày phải lên Đà Lạt một chuyến. Đòi người vắng Đà Lạt là một đòi bỏ đi.

- Làm sao mà đi được, hở ông?

- Thì tìm cách mà về, không trước thì sau. Về để còn hút thuốc, uống cà phê, và đắp mền ngủ với đàn bà.

Một lúc, tiếng giục rè rè trong máy. Trung đội 2, cho các đứa con zulu về vang đi. Về cái cách bắc bình hai lần whisky...

- Bao nhiêu?

- Để em xác định lại, ám số mà thiếu úy.

- Mau lên. Tao lạnh quá rồi.

Trung sĩ Vọng đã đến bên người trung đội trưởng. Hấn hỏi nhỏ: Thiếu úy đâu? Ông đâu rồi, bọn mày? Người trung đội trưởng lên tiếng:

- Tao đây, Vọng.

- Zulu chưa, ông?

- Sắp rồi. Nói anh em sửa soạn. Chia tổ đi sau, đi đầu chưa?

- Rồi, ông.

- Mày cột dây thun vào gương chưa?

- Ông cột, tôi cột làm gì!

Tiếng cười khúc khích nổi lên, bị át trong tiếng mưa. Người lính truyền tin sửa lại máy sau lưng:

- 3400, thiếu úy.

Mưa vẫn thét gào. Mưa rất cắt da thịt. Mưa nhòa nhạt những gương mặt. Nước rỉ rỉ trên đầu trên tóc.

- Lạnh quá đi.
 - Đi chưa?
 - Đi rồi.
 - Trung đội nào đi đâu?
 - Minh, thiếu úy.
 - Đ. M, lại đi đâu. Đi đâu, trời sinh ra cứ bắt ta đi đâu. Mưa gì dữ thế này. Đưa nào có khăn mù-xoa khô không? Cho tao mượn lau mặt kính. Nước nhòe không thấy gì hết ráo.
 - Đêm mai Giáng Sinh, có hưu chiến không, ông?
 - Mà gọi Chúa về mà hỏi.
 - Chắc là mai mình về.
- Tiếng nói cất lên rồi đi vào cõi yên lặng. Chỉ còn lại mưa và gió.

Giờ G. Người lính đi đầu, thụt lui và ngừng lại. Toán lính dồn cục đợi chờ. Một đoàn quân dài như con trăn trườn mình trên mặt đất. Người lính đi đầu không can đảm bước tới. Hắn nói với viên thiếu úy: Em chịu. Đường đi khó quá. Nước thì mênh mông. Tìm đâu ra lối đi.

Một trái sáng từ một đồn trên núi, được bắn lên, soi vàng cả một vùng. Cúi đầu xuống. Tiếng ra lệnh của người trung đội trưởng. Nói chuyện với anh em cúi đầu xuống hết đi. Ánh hỏa châu soi cả gương mặt từng người. Giọng trung sĩ Vọng thăm thì:

- Thằng Nay Lat không chịu đi, ông. Nó khóc.
- Kéo cổ nó đi.
- Nó run như bị sốt rét. Tôi chửi hoài nó vẫn trơ trơ.
- Bắn đi. Chết tao chịu.

Nhưng chàng biết chàng lỡ lời. Tiếng nổ bây giờ sẽ gây một hậu quả tàn khốc cho đám quân ma. Nếu như là ban ngày, chàng sẽ có biện pháp dễ dàng dành cho tên lính Thượng nhất gan này. Chàng đứng lại, chờ đám lính vượt qua.

- Thằng Nay Lat đâu?
- Nó đứng đằng sau kia?

Chàng gọi nhỏ:

- Nay Lat?
- Tui đây, thiếu úy.
- Sao mà không đi?
- Tôi sợ.

- Ai cũng sợ, chứ có phải một mình mày đâu. Tao cũng sợ. Anh em cũng sợ.

- Tôi sợ, thiếu úy bắn tôi thì bắn.

- Mày ở lại thì ở. Bọn tao đi.

Chợt Nay Lat òa lên khóc:

- Tự nhiên tui sợ ông à. Tui không dám đi nữa. Đi nữa nguy hiểm lắm. Tui còn cái rừng cái núi, thiếu úy.

- Mày theo tao. Đi sau tao. Có gì đâu mà sợ.

- Tui còn về buôn về làng của tui. Mấy ngày nữa tôi được về rồi.

- Tao biết mày sắp được thuyền chuyển. Mau lên, anh em chờ mày.

- Ủ, thiếu úy đi trước, tui đi sau, thiếu úy đừng bỏ tui.

- Làm sao mà bỏ mày được, Nay Lat. Can đảm lên!

Bỗng nhiên những tiếng cười khúc khích nổi lên: Thằng Nga trâu điên té bọn bây. Nó uống nước bọn bây. Người trung đội trưởng quay đầu lại giận dữ: Có im đi không. Một trái sáng từ đồn binh xa lại được bắn lên, cánh dù rơi lơ lửng giữa bầu trời trắng bạc bởi mưa.

Giờ G. Mục tiêu là đây. Con kênh bao bọc quanh làng như một biên địa giữa sự sống và sự chết. Cả bọn ngồi dưới bờ đất. Trời lấp lửng sáng. Nổi im lặng rờn rợn. Chỉ có chẳng là tiếng nước xoáy giận dữ dưới kênh. Chỉ có chẳng là tiếng đánh thành thạch trong lồng ngực bởi một nỗi lo âu vô cơ. Giọng của thằng truyền tin thì thảo bên ống liên hợp. Nó nói như run run với người trung đội trưởng: Đại bàng muốn nói chuyện với thiếu úy. Người trung đội trưởng bắt lấy ống liên hợp. Lệnh chuẩn bị vượt kinh trong vòng 15 phút nữa.

- Con kênh sâu lắm. Đại úy không nghe nước gầm xoáy sao?

- Dĩ nhiên. Nhưng mọi giá các con anh phải nhào vô.

Lệnh của ông dứt khoát, thẳng thừng. Mưa đã dứt, nhưng gió vẫn lồng lộng trên cánh đồng ngập nước. Người trung đội trưởng hỏi người lính mang máy:

- Thằng Nay Lat đâu rồi, Trị ?

- Em không biết, thiếu úy.

- Tìm nó thử coi.

- Có lẽ nó còn ở dưới mương.

Người trung đội trưởng bước dọc theo bờ mương, vừa thăm thì

cùng những người lính đang ngồi ẩn đằng sau các mô đất. Bình tĩnh bọn mày. Sắp xung phong rồi đấy. Một tiếng nói thốt lên: Thêm thuốc quá đi. Cho em hít một hơi, em giấu trong áo mưa, thiếu úy. Chàng gằn giọng: Đ. M mày, mày tưởng như ở nhà sao? Chàng tiến về tổ cuối cùng đang bố trí về mạn Bắc. Chàng thấy mặt mờ dáng tên Nay Lat. Hắn ngồi bất động dưới gương và đang chấp hai tay cầu nguyện: *Maria chúng con là kẻ có tội*. Lời kinh buồn bã quá chừng tha thiết. Nó vang lên trước giờ toán quân vượt qua vùng đất chết. Nó lẫn quất trong cơn gió buốt giá của mùa đông, như kêu gọi lòng xót thương của đấng Cứu Thế, của Chúa Ba Ngôi trước giờ người lính lâm trận. Một giọng nói phát ra từ một người lính nào đó:

- Lại cái thằng Nay Lat này nữa. Giờ phút này mà đọc kinh, đọc kiết. Lát nữa đây, không biết Chúa có nghe lời cầu của nó hay không?

Chàng nói:

- Hãy để nó cầu nguyện. May ra chúng ta sẽ may mắn.

Và chàng ngồi bên cạnh người lính Thượng. Chàng bỏ chiếc nón rừng xuống, cúi đầu. Khẩu súng đặt trên đùi. Chàng nhắm mắt lại. Lòng chàng nghe lạnh đi. Dù chàng là kẻ vô đạo, nhưng chàng cũng thâm thi: Ngày mai là Giáng Sinh, xin Chúa ban cho tất cả chúng con bình an trong giờ phút sắp sửa. Hình như chàng nghe trong thính không, một khúc nhạc phong hồ cầm vọng về réo rắt.

Trần Hoài Thư

MANG VIÊN LONG

Mấy ngày trước

Giáng Sinh

(Nguồn sưu tầm: Tạp chí VĂN số Giáng sinh năm 1974)

Tại X. tôi được Linh Mục Hiệu trưởng cho giữ chức giám thị của trường trung học S. Trường S. là một ngôi trường tư thục lớn vào bậc nhất nhì của X. Trường gồm hai dãy lầu, dãy bên phải dành cho học sinh đệ nhất cấp, cũng là khu cho nam sinh. Dãy trái, tầng trên là các lớp đệ nhị cấp chung cho cả nam nữ, và các lớp đệ nhất cấp nữ sinh. Dưới lầu, ở phòng tiền đường trống, kế bên phải là phòng của Giám học, phòng Hiệu trưởng, cũng dãy này, phòng dành cho giáo sư được xây thêm bên cạnh. Phía sau, giữa hai dãy lầu, là Văn phòng. Một dãy hàng rào gỗ ngăn chia khu vực học sinh và nhân viên làm việc. Tổng giám thị, giám thị, thu ngân, sổ sách, được chia ra từng ngăn riêng. Học sinh có thể liên lạc với từng phần hành bên này hàng rào gỗ, và cũng có thể từ cửa phía sau nếu cổng trường phía sau đã đóng. Trường có hai lối ra vào riêng. Cửa trước dành cho nữ sinh và giáo sư, cửa sau dành cho nam sinh. Trong giờ học, các cánh cửa đều được đóng. Có người gác coi sóc mở đóng khi đổi giờ học. Chỗ tôi làm việc cạnh bàn của Tổng giám thị. Thường thì tôi thay thế Tổng giám thị, giải quyết hết mọi việc. Theo Linh Mục Hiệu trưởng, tôi phải quán xuyến như vậy, để niên khóa tới, tôi sẽ thay thế vị Tổng giám thị của trường, bởi vị này bận dạy.

Công việc thường ngày của tôi rất bận. Trường ít giám thị mà học sinh trên bốn ngàn, tôi phải cực nhọc với những giải quyết nhiều lúc không là của giám thị nữa. Từ việc liên lạc với gia đình học sinh, tiếp xúc thân nhân, kiểm soát việc ghi điểm, kiểm diện, sổ phát, nhắc nhở trật tự, đến việc điều động công

tác mỗi liên lớp, cấp giấy vào lớp cho học sinh vắng mặt hoặc đi trễ, giữ gìn sổ sách hồ sơ học sinh; tôi cảm thấy công việc đã xoay tôi như một con vụn. Nhưng tôi rất ham thích với công việc của trường học. Những sinh hoạt của nhà trường, tôi đều tham dự, và đôi lúc, đề nghị với Linh mục Hiệu trưởng những dự định mới mẻ khác, cốt gây được một không khí tươi trẻ, vui nhộn song song với việc học. Tôi tự đứng ra trông coi một tờ đặc san. Tôi tổ chức một ban văn nghệ. Những ngày lễ, tôi đã dành thì giờ để nói chuyện một đề tài nào đó về văn chương, hay giáo dục, cho học sinh của trường.

Tôi nhớ nhất là những ngày lễ Giáng Sinh năm đó. Một tuần trước ngày tới hôm lễ chính, tôi cho phát hành ở các lớp một đặc san. Nhân ngày lễ, ngoài các phòng triển lãm tranh, đồ nữ công, bích báo của các lớp, tôi chuẩn bị một đêm văn nghệ thực toàn hảo. Đêm đó, tôi ở lại trại sinh hoạt liên hoan với các lớp mà không trở về nhà. Tôi bỏ lễ nửa đêm để nói chuyện với Lam.

Lam nói chuyện với tôi không được tự nhiên. Có lúc như sợ hãi, có lúc như ngưng ngạt, cũng có đôi lúc Lam tỏ ra nồng nhiệt, mạnh dạn, cứng rắn đến nỗi tôi không hiểu được nàng. Mở đầu, Lam có vẻ trách móc, hoặc dỗi hờn, giận tức điều gì. Tôi không để ý, bởi vì, thực tình tôi không nghĩ gì về Lam ngoài việc cảm mến năng khiếu văn nghệ, đầu tóc demi garçon, vóc dáng nhỏ nhắn của nàng. Trong câu chuyện, dần về sau, Lam trách thẳng tôi. Nàng dùng mấy chữ “độc ác, lạnh lùng, vô tâm” để tỏ tình cảm của tôi với nàng. Tốt sừng sốt. Đến đây thì tôi đã hiểu được đôi phần thái độ của Lam lúc gặp tôi.

Tôi nhớ lại một lần Lam đi học trễ, vào xin giấy vô lớp, tôi đã quở trách nàng. Giống như những học sinh đi trễ khác. Lần thứ hai trong tháng, tôi không cho giấy phép vô lớp như lần trước vì Lam bị trễ quá mười phút. Nàng khóc. Tôi vì bận công việc không để ý tới. Thái độ Lam lúc đó ra sao, tôi cũng không biết. Hình như nàng đã nhìn tôi với cái nhìn vừa trách cứ, vừa dỗi hờn băng khuâng. Thời gian sau, lúc tôi tổ chức một ban văn nghệ của trường, Lam làm trưởng ban văn nghệ đến gặp tôi ở phòng giám thị. Nàng có mặt trước mười lăm phút theo như

giờ họp ấn định. Tôi có nói đôi câu với Lam, nhưng chỉ để vui đùa, hoặc bởi sự cởi mở thường ngày. Tôi nhớ tôi đã khen giọng hát Lam. Khen đầu tóc demi garçon. Khen nàng dễ thương.

Một tuần lễ sau đó, lúc vào bàn làm việc, tôi nhìn thấy tập vở để sẵn tại đó. Tôi liếc nhìn tên lớp, rồi gọi một học sinh mang lên trả... Tôi nghĩ có lẽ tập vở của một học sinh bỏ quên, có người nhặt được thả vào bàn giám thị, để giám thị có việc làm. Khoảng hai ba ngày sau, tôi lại nhận thấy một tập vở khác nằm ở bàn. Lần này, vì trong giờ học, tôi thấy bỏ phía sau học bàn, chờ giờ chơi mới gọi trả lại. Tôi coi rõ tên, lớp, và tập vở học: Lê thị Kiều Lam, lớp đệ tam, vở vạn vật. Đến giờ chơi, tôi gọi học sinh cùng lớp, gọi trả cho học sinh có tên ghi ở nhãn, kèm theo lời quở trách nhờ nói lại, Lạ thay đúng vào sáng thứ hai, tôi nhận thấy quyển vở (tập vở cũ, môn vạn vật) lại nằm sẵn ở giữa bàn. Lần này tôi giữ tập vở, chờ giờ học, viết giấy gọi học sinh đến lớp kêu tên Lê thị Kiều Lam đến Văn phòng giám thị. Lam đến. Ngượng ngập. Tôi đã nặng lời với Lam hôm đó. Nàng khóc. Giống như hôm đi trễ không xin được giấy vô lớp. Nhìn thấy Lam khóc, quả thực là tôi hơi hối hận. Nhưng với một trách nhiệm đã lãnh, tôi không dễ chịu như những lúc sinh hoạt văn nghệ. Giám thị, đó là hình ảnh của một ông thầy tay cầm cái roi mây lớn, tay đặt sau đít, đôi mắt lờm lờm theo dõi học sinh. Còn tôi tuy chẳng đến thế, tôi không có cái roi mây, không có đôi mắt lờm lờm hung tợn kia, nhưng tôi phải có sự cứng rắn, nghiêm minh. Đời sống trong các chủng viện đã tập cho tôi một sự nghiêm khắc làm cho nhiều người khó chịu. Đời sống kỷ luật khép kín và gò bó cũng tạo nơi tôi sự hẹp hòi, đến như ích kỷ. Tuy vậy, tôi luôn xét tôi, và rất may, bản tính tôi rất cởi mở, phóng dật nên có thể tránh bớt va chạm với học sinh hay người bên cạnh. Buổi sáng trách mắng Lam đã đột nhiên biến tôi sống trở lại với cái ảnh hưởng cũ. Lầm lì. Cộc cằn. Nóng nảy bất chợt.

Đêm hôm đó, Lam cho tôi biết nàng muốn gửi cho tôi một lá thư trong tập vở đặt ở bàn làm việc của tôi. (Những giám thị thuê ở ngoài phụ giúp tôi, đồng thời họ có một dãy bàn kê bên phòng chứa sổ sách). Tôi ngạc nhiên, có chút hối tiếc. Nếu tôi được đọc những lá thư đó? Tôi muốn thử coi nàng còn nói

thêm điều gì nữa nên tỏ lộ sự ân hận. Tôi ân cần xin lỗi nàng. Lam đã xúc động khi nghe tôi nói thế. Nàng hết vẻ ngượng ngập hay lạnh lùng, bây giờ tôi nghe thấy giọng nàng như một tiếng chim buổi sáng. Nàng nói biết tôi là thế nào, nhưng không hiểu sao lại yêu thương tôi. Hình ảnh tôi đã ám ảnh nàng rất nhiều, đến nỗi không học được. Nàng kể cho tôi nghe, những giờ ra chơi, từ trên hành lang lầu một, nhìn xé xuống chỗ tôi ngồi mà tôi không biết. Mỗi buổi sáng, khi tôi nói chuyện ở máy phóng thanh, nàng đều theo dõi rất tường tận. Ngay cả việc ăn mặc thường ngày của tôi nữa. Hôm nào tôi mặc chiếc áo dài đen đã cũ, cổ sòn rách, hôm nào mặc áo mới, vân vân. Nói tóm đêm đó, nghe Lam nói tới điều gì, tôi cũng ngạc nhiên, và cảm thấy lạ lùng.

Những tháng về sau, tôi thường viết giấy gọi nàng xuống phòng giám thị. Dĩ nhiên là để hỏi, và nói những chuyện lật vạt, cho vui. Tôi cũng cảm thấy, từ đó, tôi khó xóa bỏ hình ảnh Lam trong đầu. Tôi viết được mấy bản nhạc, nhờ những cảm nghĩ xúc động về nàng. Làm được bản nhạc, tôi sao chép cẩn thận, gọi nàng xuống tặng nàng với tất cả hân hoan. Lam cũng rất thường viết thư gửi tôi, bằng cuốn vở vụn vặt để ở bàn, hay trong hộc tủ.

Sang niên khóa mới, tôi được Linh mục Hiệu trưởng cử làm tổng giám thị. Giúp việc bên cạnh tôi có một tu sĩ *probation libre*. Anh ta trang tuổi tôi, đi giúp ở một trường trung học ở Y. vừa đôi tới. Khác tôi, anh ăn mặc tự do, đời sống cũng phóng khoáng tự do hơn. Ngày đầu gặp anh, tôi đã hiểu được đôi nét cá tính của anh ta qua cách ăn mặc chải chuốt, những ngôn từ trong lúc nói chuyện. Anh ta còn cho tôi biết Ngọc, anh chàng giả làm Huyền Trần lúc nọ, đã xin ra khỏi chủng viện, sống với một người con gái vừa tốt nghiệp trường Nữ hộ sinh quốc gia, ngay tại Huế. Tôi chợt hiểu tại sao những thư gửi thăm tôi, cha Châu đều không nhắc tới Ngọc. Lúc này, tôi mới hiểu tại sao Ngọc có thể nói giả giọng gái Huế một cách tài tình như thế. Tôi cũng hiểu được, trong những giờ bắt buộc như giờ kinh, giờ nguyện gẫm, giờ giảng, nhất là giờ nguyện gẫm, huấn đức, tại sao Ngọc lại vắng mặt. Có lẽ anh ta phải “nguyện gẫm” một mình?

Có thể nói năm thứ hai ở trường S. là năm tôi khổ tâm nhiều

hơn hết, mặc dầu bên cạnh tôi có Đức (tên người bạn ở thời kỳ *probation libre*) phụ giúp, và trường tăng cường thêm hai giám thị nữa. Năm này, tôi về sống chung với Đức trong một căn phòng thuê được ở một đường hẻm. Quả thực như tôi đoán, Đức rất phóng khoáng và có tâm hồn. Chúng tôi dần dà kể hết những tâm sự, vui buồn, sâu kín nhất cho nhau nghe. Đức bị cha sở ở Y. đề nghị chuyển chuyển tới Y- để cảnh cáo lần đầu, theo lời cầu của anh, về một chuyện tình với một người bạn gái cùng nơi trọ. Nguyên cô gái là người có đạo, trước cũng học ở T. (trường trung học công giáo ở Y.) nhưng thi hỏng tú tài một, ở nhà tự học để thi. Cô ta biết Đức, rất rõ. Nàng lần la làm quen, rồi mời đến nhà giới thiệu với cha mẹ, sau đó Đức phải nhận nàng làm “con nuôi tinh thần” theo lời nài nỉ của nàng. Từ đó những liên hệ trở nên mật thiết hơn, gần gũi hơn. Chuyện đến tai Linh mục Hiệu Trường T., năm sau Đức phải đổi đi.

Tôi cũng đã kể đầu đuôi câu chuyện với Lam cho Đức nghe. Anh ta an ủi, và khích lệ tôi. Chính Đức đã khuyên tôi cùng đi với anh lên phố tìm mua một chiếc bím tóc màu, gởi tặng Lam để đền lại những quà tặng của nàng. Thực là buồn cười, sau khi nghe Lam giải thích tại sao không dùng cái bím tóc tôi tặng, mà dùng cái cũ: tóc nàng ngắn, theo kiểu *demi garçon* mà tôi lựa mua cái dành cho tóc dài.

Đồng thời với sự liên lạc thường xuyên như vậy, tôi cảm thấy một nỗi khó khăn, một tình cảm gần như phạm lỗi. Không ngờ sự ray rứt, băn khoăn của tôi Lam đã nhận biết. Nàng viết gửi tôi liên tiếp ba lá thư trong ba ngày, trách tôi đổi thay, hay hờ hững. Quả thực, trong đôi lần gặp nàng, tôi muốn lần tránh. Tôi gặp nàng, đôi khi như một cô găng. Không còn cái nao nức đón đợi. Hết cái nồng nàn âu yếm.

Cũng có nhiều lúc, tôi muốn như Ngọc. Tôi thử để tình cảm tôi, nổi xúc động tôi chảy đến đâu thì đến. Ra sao thì ra. Đó là những hôm tôi hẹn cùng Lam đi chơi ở quê, hay đến nơi tôi trọ. Trong những hôm như vậy, tôi cảm thấy rộn rã, một niềm vui nào thực tươi mát và phấn khởi xâm chiếm lấy tôi. Chúng tôi xa lánh thành phố, hẹn nhau ở quán nước một ngã rẽ đi N. Nàng đi xe Yamaha dame. Tôi dùng chiếc Honda của nhà

trường cấp. Thế là chúng tôi cứ đi mãi miết vào xóm, dừng lại những nơi muốn dừng và nói hết nỗi lòng, những mơ ước của nhau, về một tương lai sum họp.

Tôi nhớ lần đầu tiên hôn Lam sau một ngôi chùa, sau khi chúng tôi thử vào xin một cái xăm. Xăm xin được, theo lời Thầy trụ trì, không được tốt. Lam thì hồng. Rồi chúng tôi không thể gần nhau. Nghe nói, Lam chạy ủa ra phía sau khóc. Tôi hôn nàng. Lòng tôi bây giờ thực yếu mềm. Tâm trí tôi hoang mang cùng độ. Tôi an ủi nàng bằng lòng tha thiết của mình. Nàng hỏi tôi, nếu lỡ nàng thi hồng, tôi còn thương nàng hay không. Tôi nói nàng đừng nên hỏi những câu vớ vẩn, đừng lo những mối lo không đâu. Tôi không yêu thương nàng bằng chuyện đó, nhưng tôi hứa sẽ gởi Lam cho những người bạn giám khảo ở X. Thời gian sau này, nhớ tới lá xăm, chúng tôi chỉ nhớ tới những nụ hôn; bởi vì chúng tôi sống rất gắn bó và nồng nàn. Ở trường về, tôi thay bộ áo quần của Đức tìm cách gặp nàng. Nếu là ngày chúa nhật, ngày lễ, chúng tôi đều có bạn.

Có một buổi sáng chúa nhật Lam đến trễ giờ hẹn mười lăm phút. Tôi đã trách cứ nàng. Thực ra, vì quá nóng lòng và bực chạt, tôi nghi ngại nàng không thành thực. Lam giận. Nàng bỏ tôi. Sau đó, cả hai cùng vòng xe đi kiếm nhau, nhưng không gặp nhau được. Suốt một tuần lễ tôi không gọi nàng xuống văn phòng như bấy khi vẫn làm. Tôi cố gắng giữ cơn giận lâu hơn, để coi Lam sẽ thế nào. Đáp lại, nàng cũng im lặng, ơ hờ. Tôi nhận thấy, trong dáng vẻ lạnh lùng đó, có một cái gì khổ sở, thất vọng. Trong giờ học chiều thứ hai, tôi gọi tên Lê Thị Kiều Lam xuống văn phòng.

Tôi điềm nhiên hỏi :

- Sao? Đạo này cô có mạnh khỏe không?

Lam hơi mím môi :

- Vẫn mạnh luôn.

Tôi cười:

- Còn giận hết ?

Nàng nhìn tôi, ánh mắt thực sáng:

- Hết rồi.

Tôi viết lên mảnh giấy: “Nếu hết giận tuần này anh đợi em ở chỗ cũ, tám giờ sáng, nhé?”, đưa cho Lam. Nàng cúi đọc, ngừng lên mím cười, gật đầu. Sự nhỏ nhắn của nàng trong chiếc jupe màu xanh nhạt khiến tôi thấy nàng thực tội nghiệp.

Giáng sinh năm đó tôi và Lam ăn lễ trước một ngày bởi vì trong suốt ngày và đêm lễ chính tôi rất bận. Buổi sáng chúng tôi đi chơi ở quê đến xế chiều mới trở về thị xã. Dịp này tôi có mang theo chiếc máy ảnh của Đức. Tôi chụp cho Lam. Chúng tôi cũng có chụp chung mấy *pose*, nhờ một người lính chịu chơi và đa tình làm phỏ nhòm hộ. Buổi tối, chúng tôi ăn tiệc ở nhà. Đêm đó Đức đã chuẩn bị sẵn để rời phòng trước khi Lam đến nửa giờ. Tôi coi đồng hồ đúng giờ hẹn, thắp sáng hết những ngọn đèn sáp trên bàn, ở lồng đèn, trong hang Bê-lem. Trời đổ mưa nhẹ, nhưng gió lộng. Một chút hơi lạnh đủ để mặc tấm áo len ngắn tay. Để đốt một điếu thuốc chờ đợi.

Lam đến. Thực rực rỡ và xinh xắn. Nàng mặc *jupe* màu xanh, bím tóc đỏ, đi giày da. Gương mặt nàng hiện ra ở khung cửa sô như một Giáng Kiều. Tôi đón Lam, trước hết, bằng cái hôn thực ấm.

Tôi hỏi:

- Ngoài phố có vui không?

Nàng ngòai cạnh tôi:

- Em đi một mạch đến đây, không để ý gì hết.

Tôi choàng tay qua vai Lam, nhìn vào gương mặt hơi ngơ ngác của nàng:

- Em lạnh lắm không?

Nàng ngước mắt nhìn tôi, nở nụ cười:

- Lúc này thì có, bây giờ hết rồi.

Tôi cúi hôn lên tóc nàng. Mùi nước hoa phảng phất, dịu dịu. Lúc này, nàng mới hết vẻ sợ sệt, lo lắng của lúc mới đến. Trong ánh sáng lung linh của những ngọn nến, gương mặt Lam tươi tắn, đỏ hồng. Đôi mắt rực sáng.

Lam giờ xác lấy ra một gói giấy, nàng hỏi đó anh những gì trong này. Tôi cười, anh chịu. Mắt anh đâu phải mắt thánh mà nhìn suốt lớp giấy dày đó. Tức thì nàng mở ra cho tôi xem. Đó là một tấm đá cẩm thạch, khắc hai chữ: *François Xavier-Marie*. Tôi bồi hồi. Lam sung sướng khi nhìn thấy tôi cảm lặng vì ngạc nhiên và xúc động.

Tôi hỏi :

- Em thuê làm bao giờ?

Nàng cười:

- Đồ anh?

- Anh chịu thua. Cái gì em cũng ưa đồ anh. Em làm như anh là

học trò.

- Chứ anh là gì của em?

- Là gì cũng được.

- Em muốn chúng ta là những người học trò trong tình yêu.

- Anh cũng muốn vậy.

- Thì trả lời mau lên.

- Em thuê làm hôm chúa nhật?

- Sai rồi. Chúa nhật ai đi chơi với anh?

- Chứ bao giờ ?

- Trong tuần lễ em giận anh đó. Anh coi, nàng lật tấm đá ra phía sau, có ghi ngày tháng đây này.

Tôi cảm thấy chưa có một mùa Giáng sinh nào tôi được hạnh phúc như vậy. Năm ngoái, tôi nhìn Lam với cái nhìn ngó chừng chừng, với sự tạnh không của tâm hồn. Đêm Giáng sinh, khi nghe chuông lễ nửa đêm đổ, tôi nói chuyện với Lam gần như là đùa cợt, băng quơ. Hơn một năm trôi qua, phút này hình ảnh Lam đã trở nên hình ảnh của hạnh phúc, của nguồn vui và hy vọng của đời sống tôi. Nàng còn dự phần chính trong quyết định mà những tháng sắp đến đây tôi sẽ trình bày với Cha Châu. Tôi chọn lựa con đường đi vào đời cam khổ, phấn đấu sắp đến, cũng vì Lam. Lam đã khiến tôi khổ sở trong nhiều tháng nay, để chọn lấy một thái độ. Một cách sống.

Sau cùng, tôi cảm thấy phần khởi và tin tưởng, để gần Lam. Hình ảnh những mùa Giáng sinh cũ trong ký ức chạy thoáng qua, tôi rất đỗi ngạc nhiên khi nhìn thấy bóng dáng mình thấp thoáng trong đó. Những ngày Giáng sinh hồi còn ở Làng Sông, cái không khí tĩnh lặng, cái buồn bã khép kín không xóa hết được cho dầu những sinh hoạt những ngày kế cận có được tổ chức. Chúng tôi đi chơi ở miền núi. Những năm sau, chúng tôi được đi chơi tập thể ở bờ biển Qui Nhơn. Hồi về sống ở khu La San tuy cái không khí ít u mặc, ngưng đọng, nặng nề như ở Làng Sông, nhưng nỗi tê lạnh không voi trong tâm hồn tôi. Trái lại, thời gian này, tôi hiểu được tương lai tôi, những ngày sống khép kín nghiêm nhặt làm tôi bỗng nhiên đôi lúc thấy ngơ ngác. Ở Đại chủng viện, tuy sinh hoạt được tự do hơn xưa; đời sống thoải mái, nhưng cũng từ đó, trong tôi nhen nhúm một nỗi mơ ước đi xa.

Lam nắm lấy bàn tay tôi đặt lên ngực nàng:

- Anh mơ nghĩ gì thế?

Tôi vẫn còn bàng hoàng. Thời gian êm ả cùng đời sống thắm

lặng, cúi đầu ở ký túc xá, còn đứng lại trong đầu tôi. Tôi đưa bàn tay Lam lên môi. Tôi nói: “Anh nghĩ tới ngày mai, những ngày Giáng sinh sum họp của chúng ta”.

Lam thờ ngậy:

- Không còn xa nữa đâu, anh nhỉ?

Tôi đáp:

- Chẳng còn lâu đâu. Như đã định với em mấy lần trước, hè này anh ra lại Huế, gặp Cha Châu. Sau đó anh vào Sài Gòn trong hai năm, học xong hai chứng chỉ chót, anh sẽ trở về...

Lam nhắc:

- Nếu em thi hỏng, anh còn thương em không?

Tôi cười :

- Đừng nói bậy nữa. Chuyện đó, anh đã lo sẵn cho em rồi.

Chúng tôi cũng dùng những món ăn nguội đã sẵn sẵn từ buổi chiều mà Đức đã chịu khó đi tìm giúp. Một con gà quay. Bánh mì. Chả lụa. Nem nướng. Hai hộp bánh ngọt. Bấy nhiêu đã quá đủ cho chúng tôi mừng đêm Chúa giáng sinh. Tôi uống bia, còn Lam uống Coca pha một ít bia từ ly của tôi. Gần Lam, được sống cùng nằng những giây phút ấm áp và quẩn quít như vậy, tôi thường nghĩ tới những ngày ở các trường học. Hình ảnh tôi trở lại một cách rời rạc và xa lạ làm sao. Tiếp theo, khi cố xua đuổi những bóng dáng làm lủi cảm lạnh đó, tôi nghĩ tới một mái gia đình. Một sum họp. Điều này bao giờ cũng làm tôi chệnh choáng, tôi tưởng như bị lạc vào một cõi nào thực xa.

Trước khi đưa Lam trở về, tôi ôm hôn nằng thực lâu. Dường như tôi bị say. Lam vừa rời tay tôi ra khỏi cửa, bỗng chạy vào ôm lấy cổ tôi, nằng hôn tôi như một đứa trẻ.

Tôi không biết diễn tả thế nào để có thể nói được đôi phần cái tâm trạng tôi khi rời hẳn Đại Chủng Viện Xuân Bích. Khi xa cha Châu, người Cha Linh hướng đã giúp tôi tu học, hướng dẫn tôi vượt qua được những cơn khủng hoảng tối tăm của tâm trí. Rời Đại Chủng Viện lần này, tôi biết rằng, tôi sẽ rời xa nó mãi. Nếu có dịp tôi trở lại, cũng là sự trở lại của một kẻ ở ngoài, một du khách hay một tìm về lạc lõng, bơ vơ. Rời phòng Cha Bề Trên, đi giã biệt quý Cha giáo sư, tôi cảm thấy vừa nôn nả, vừa ngại ngùng. Cụ Sau, giáo sư Thần học, nhìn tôi với đôi mắt sâu thẳm, ưu tư hơn Cha Nhân, giáo sư Cựu ước, lặng lẽ và triu mến. Các giáo sư như Bouyer, Nguyễn

Hữu Đăng, an ủi và cầu chúc tôi như một đứa con sắp rời gia đình đi vào chốn khó khăn, nguy hiểm. Chỉ có Cha Michel Barnouin (mà chúng tôi gọi là Cao Như Sơn), cười nói rất bình thản khi nghe tôi già từ ông.

Bây giờ, nghĩ nhớ lại, tôi hiểu tôi lúc đó bị dẫn dắt bởi những lời nguyện ước, và những mơ ước về đời sống: Tôi bị lạc lõng, hơi lo sợ và cũng có một hạnh phúc êm ái. Tôi từ già các bạn còn lại mà không lời giải bày, bởi vì, tôi không thể nói gì được khi tôi đã nghĩ và quyết định trái ngược với họ. Tuy thế, họ đã hiểu tôi, rất niềm nở và tự nhiên, với sự ra đi vĩnh viễn của tôi. Có lẽ, họ coi tôi đáng thương hại, hoặc không đáng chê trách, khi tôi không đủ ý chí, nghị lực, cũng như không đủ ơn phước để nhận lãnh ơn nghĩa Thiên Triệu thiêng liêng. Tôi là một kẻ đã bỏ cuộc. Tôi chọn lựa một cuộc đời sống khác, hợp với bản chất và lòng mơ ước tự nhiên của tôi. Ngày gặp Lam, tôi tự nhủ, hãy cứ để tình cảm trôi chảy, cứ việc sống hồn hậu và nồng nhiệt theo tâm hồn. Bây giờ, tôi đã bị trôi đi, bị cuốn hút vào một giòng nước mạnh mẽ, tôi không thể cưỡng lại. Nói cho đúng, tôi không muốn cưỡng lại. Ngày mẹ tôi được tin tôi vào đời, bà tự nhiên không nói. Trên gương mặt bình thản, đầy ắp tình thương của bà, tôi biết bà không trách tôi. Hình như bà cho tôi làm vậy, là một việc không có gì để nói.

Tôi vội vã trở lại X. khi mùa Hè sắp đến. Tôi gặp lại Lam. Chúng tôi tiếp tục sống với những hò hẹn, gặp gỡ, và cuồng nhiệt được mấy tuần trước ngày tôi đi Sài Gòn thực hiện những dự tính mà tôi đã nói với Lam. Lam thường đến với tôi, sau bữa cơm chiều, cho đến mười giờ đêm mới về nhà. Tôi tạm trọ chung với Đức. Nhưng tôi và Lam hoàn toàn tự do, bởi Đức thường vắng mặt giờ đó. Hơn nữa, Đức tỏ ra một người sành sỏi, đã tạo dịp thuận tiện cho chúng tôi sống những ngày sắp xa nhau. Lam thường đến, mini jupe màu, giày da, tóc cột bím, mắt sáng, môi đỏ, nụ cười hồn nhiên, tấm lòng dào dạt khao khát. Gặp nhau Lam như vừa lo sợ xa cách và tham lam, ôm chầm lấy tôi, không rời. Tôi bỗng nâng lên ghé như một con búp bê. Đôi khi, tôi bị lôi cuốn bởi Lam, con sóng dào dạt, không ngăn được những khao khát sôi nổi bùng nóng trong lòng. Chúng tôi nằm ở giường cho đến giờ Lam phải trở về.

Tôi không thể kéo dài thêm một vài ngày nữa với Lam bởi vì chuyến bay tôi đã ghi trước, mọi việc đã được thu xếp chuẩn

bị. Buổi sáng hôm ra đi, tôi không muốn Lam đưa tiễn. Chúng tôi đã đưa tiễn nhau mấy hôm trước rồi. Nhưng lúc Đức vừa chở tôi đến trạm hàng không thì tôi nhìn thấy Lam ở đó. Tôi trông thấy nàng ngơ ngác và tội nghiệp. Nàng có vẻ sợ hãi. Vẻ mặt xanh xao. Ánh mắt lạnh lùng kia làm tôi nao núng lạ. Tôi nghe tôi khóc trong lòng. Tôi thấy tôi chệnh choáng. Gặp tôi, Lam chỉ trao tôi tập Văn số mới đặc biệt về Simone De Beauvoir, rồi lẳng lặng đi về. Tôi muốn giữ nàng lại, muốn được nhắn nhủ (cho dầu suốt mấy tuần qua đã nhắn nhủ), muốn ôm hôn nàng (dầu tôi đã hôn nàng chiếc hôn từ giã từ tối hôm trước). Nhưng Lam đã bỏ đi.

Trong tập báo nàng trao tôi, có một lá thư:

X. Đêm 5 tháng 7 năm 1970

Anh yêu dấu,

Mai anh đi rồi, để lại cho em sự cô đơn và buồn bã cũ. Và nỗi thương nhớ không nguôi. Sự chia lìa đã đến thực rồi. Em phải làm sao đây? Làm sao để níu kéo lại những ngày yêu nhau cũ. Vậy mà những ngày qua em vẫn còn mù mờ không nghĩ rằng anh sẽ xa em, sự xa cách đau khổ cho em biết chừng nào. Đêm qua, rồi anh trở về, em suy tư và nghĩ ngợi về anh quá nhiều. Em nhớ anh - nhớ ngay cả trong giấc ngủ nên không thể bình thản để học hành. Anh đã lấy mất linh hồn và thể phách em tự lúc nào. Xa anh trở về, mang theo nỗi buồn trống vắng, nỗi cô đơn, sâu thẳm nào đang vây bọc quanh em. Anh yêu dấu muôn đời của em, nhớ lại những ngày tháng xa, những lúc cùng anh vui chơi, em đã khước từ những mê đắm, những ôm ấp thương yêu nhưng anh biết đâu đó chỉ là cái vầng nổi của một phần con người thực trong em, để rồi, buổi chiều, buổi sáng em đã nằm mãi, mơ mộng mãi, không thể học, không thể ngủ, không thể làm được một cái gì. Điều nào ước muốn đang lẩn khuất, hành hạ trong em.

Anh yêu dấu,

Cho em trở lại những ngày đầu tiên thần tiên đẹp đẽ. Anh ơi, đây là hành lang, dưới kia là văn phòng, anh đang làm gì, đang nghĩ gì? Xin hãy ngược nhìn, có em đứng đây với vô số những miên man suy tưởng. Ôi, chuyến đi xa, mi đã tạo ra một khoảng cách giữa ta với người. Tội nghiệp cho ta, cho đôi mắt

mê mãi nhìn. Anh có còn nhớ không giờ lễ nửa khuya Giáng Sinh năm kia, chúng ta đã nói chuyện quên ngủ. Mới đây, mùa Giáng Sinh tuyệt vời nhất đời em, bên cạnh anh. Buổi sáng rong chơi khắp miền ngoại ô. Buổi tối âm cúng bên nhau, trong nhau, bên ánh đèn mờ tỏ. Và những ngày say đắm nhất, in khắc vào tâm hồn em nhiều nhất, vừa mới vượt khỏi tầm tay em, sáng hôm nay.

Anh yêu dấu,

Anh đi rồi. Em phải làm sao đây khi sự xa cách quá lâu? Dù muốn hoặc không thì bây giờ cũng không thể nối tiếp lại những ngày vui cũ. Thôi hết rồi những lần hẹn hò chờ đợi. Thôi hết rồi những lần quấn quít bên nhau quên cả giờ về. Anh ơi, từ đây một mình sao em có thể trở lại chốn cũ. Nhìn tên thánh của hai đứa đã khắc sâu vào phiến đá? Xa anh rồi, tâm hồn em lạnh lẽo, bây giờ càng lạnh lẽo xa vắng hơn. Đầu óc em mê muội, trí óc em bỗng bênh trôi nổi. Trời ơi, thế này mãi thì làm sao em học được. Anh ơi, nếu em thi rớt rồi anh có còn yêu em không? Hay lúc đó, bao nhiêu tình cảm đều tiêu tan mất? Em sợ lắm. Sợ vì xa cách anh sẽ quên em mất thôi.

Em của riêng anh,
Lê Thị Kiều Lam

Tôi viết thư cho Lam mỗi ngày khi đến Sài Gòn. Cuộc sống mới, hoàn toàn xa lạ, đã làm tôi càng ao ước được trở về với Lam - sống thu nhỏ trong một khu vườn, một mái nhà. Tôi đã phải phấn đấu và nhẫn nại với sự chọn lựa một cách khổ sở. Lam gửi thư thường xuyên, giống như tôi, mặc dầu nàng nói đang bận lo học thi. Tôi có viết thư gửi Lam cho vài giáo sư quen, nhưng họ đã đến một nơi khác. Tôi không nhắc đến chuyện này, ngại nàng buồn. Hơn nữa, nhắc tới thi cử, là nhắc lại câu hỏi: “Anh ơi, nếu em thi rớt, rồi anh có còn yêu em không?”, càng khiến nàng lo lắng, và tôi buồn bực. Tôi cũng không hiểu lý do gì, vì đâu, đã khiến Lam cứ nhắc lui tới việc thi cử của nàng, rồi coi đó là một yếu tố quyết định tình yêu. Nàng cũng không ngớt sợ hãi, hoang mang bởi sự xa cách. Một thư nàng viết: “Anh ơi, có đang buồn, có đang nhung nhớ, có đang thao thức như em? Sao em nóng cả ruột gan, không thể vui đầu vào chăn gối, vào giấc ngủ. Thôi em thức mãi nghe

anh? Em thức để nhớ tới ai đã đến và đã xa khuất nẻo mù tăm. Hai năm, hai năm nữa, ta mới thực là của nhau cho suốt một đời. Biết em có còn sống để chờ đợi, biết anh có mãi mãi nuôi dưỡng một tình yêu nhỏ dại, hay rồi anh ơi, đây chỉ là giấc mơ, một tấn kịch trong đời em ngắn ngủi?” Sự hoang mang của Lam chuyển đến tôi như cơn bệnh truyền nhiễm hiểm nghèo. Tôi muốn trở về X. Muốn chung sống bên Lam. Tôi đã thay đổi được đời mình thì tôi cũng có thể khước từ hết thảy mọi thứ ở đời để chỉ cần có nàng. Trong lúc chờ đợi sự quyết định dứt khoát, tôi gởi tặng nàng chiếc nhẫn cưới. Đáp lại, Lam gởi tôi sợi dây chuyền có thánh giá thường ngày vẫn đeo ở cổ. Sau đó, những thư của nàng vui bớt buồn rầu, cái ý nghĩa ly biệt mù tăm cũng tiêu dần, nhường lại cho những kẻ lẻ kỷ niệm, những dặn dò hy vọng. Một thư nàng viết: “Anh ơi, buổi sáng nào cuối, sao anh chẳng hôn em. Anh quên hôn em mất rồi anh ạ. Em muốn đứng lại, cố níu kéo nhưng không thể làm khác hơn là quay đi. Em nhìn theo anh từ một góc đường mà không dám đưa anh đến tận nơi vì ngại gặp mặt, phải chào hỏi người ta. Nên để anh đi, không một vẫy tay đưa tiễn, một lời cuối dặn dò. Nhìn chuyển xe ca chở anh rời thành phố mà em không ngăn được những giọt nước mắt âm thầm chia ly.”

Tôi được Đức viết thư báo tin Lam thi hỏng tú tài. Dù chưa nhận được thư chính thức của Lam nói về chuyện này, tôi vội vã viết một lá thư an ủi và phân tích những ý nghĩ không chính xác, nông nổi của nàng về việc thi cử. Tôi chờ tin. Một tháng trôi qua. Tôi sống trong cùng cực lo âu và thất vọng. Tôi trở về X. muộn bởi đang phải lo thi. Vừa tới X. tôi cùng Đức đến ngay đường Cao Thắng, số 32. Với tư cách là giáo sư và Tổng giám thị trường S. (Đức lên làm Tổng giám thị trường S. từ khi tôi ra đi), Đức hỏi người nhà cho gặp Lê thị Kiều Lam để có việc cần. Làm lại hồ sơ gì đó. Người nhà vào trong, trở ra thưa không có Lam ở nhà. Chúng tôi ra về. Một tuần lễ lưu lại X, tôi lẩn quẩn hoài bên khúc đường Cao Thắng, hy vọng sẽ gặp Lam, nhưng vô ích. Bên này một quán nước, từ tám giờ sáng đến mười hai giờ trưa, tôi nhìn ngó sang nhà Lam. Buổi chiều, từ hai giờ đến sáu giờ. Suốt một tuần như thế. Đức cũng không giúp tôi gì hơn sau lần cùng tôi đến nhà. Anh ta nói cũng không hiểu được. Quả thực, tôi cũng không hiểu.

Khi rời X. vào lại Sài Gòn, tôi nhờ Đức đến nhà trao hộ Lam lá thư cuối cùng của tôi. Tôi gọi là cuối cùng, bởi vì, tôi đã viết nó với tâm trạng và lời lẽ của một người vĩnh viễn ra đi. Đến nay, tôi không còn nhớ hết tôi đã nói những gì trong ấy, nhưng tôi biết chắc rằng tôi đã bày tỏ hết nỗi thất vọng, đau xót của tôi vì sự tan vỡ, vĩnh biệt này. Với Lam, tôi nghĩ, có lẽ bởi tuổi trẻ và sự hoang mang dễ bị lung lạc dễ thất vọng, nàng đã không thấu hiểu hết tôi.

Ở Sài Gòn khoảng vài tháng, sau đó, tôi xin làm giáo sư khế ước, được bổ nhiệm tới dạy tại P. một thị trấn miền duyên hải Trung phần. Đó là một nơi thực tĩnh lặng, và heo hút.

Tôi là người luôn luôn đến trường sớm nhất. Lý do: Không có đồng hồ, nằm mãi trong phòng suốt buổi sáng (tôi chỉ dạy một buổi chiều), nên muốn được ra ngoài. Hằng ngày, hễ tôi mở cửa bước ra là để đi dạy, còn trở về thì nằm lì luôn. Cơm nước đã nhờ đứa nhỏ ở cạnh lên hiệu ăn xách về giúp. Tôi trở nên trẻ nài trong việc giao thiệp, và lười biếng trong việc ăn mặc. Hơn nữa ở trường, giáo sư trên ba chục nhưng nghe nói phe phái đã có tới ba bốn nhóm. Họ ăn nói gìn giữ, kênh kiệu, khách sáo thái quá. Ai cũng nghĩ rằng mình là một người quan trọng. Bởi thế, cách ăn mặc họ cũng phải tỏ ra là như thế: cà-vạt luôn luôn dính vào cổ, ngay cả những ngày nóng bức. Có người mỗi ngày một bộ đồ, một chiếc cà-vạt. Màu sắc phải *harmonie*.

Tôi ngồi ở dãy ghế dựa nhìn ra ngoài sân. Học sinh đã đông. Trời buổi nhiều nay tạnh ráo, nhưng gió lạnh. Những cành dương trong sân trường xơ xác sau những ngày mưa bão lụt lội. Đứa con gái người phu trường mang hai bình nước trà đặt lên bàn. Tôi chồm tới rót một tách nước trà nóng. Tôi bỗng nhìn thấy tấm bảng kê ở vách thấy ghi: “Yêu cầu quý vị Giáo sư nộp phiếu điếm tháng 12 cho Văn phòng kịp làm thành tích. Hạn chót: Trước ngày nghỉ Noel”, phía trên hàng chữ cũ vẫn không xóa: “Yêu cầu quý vị Giáo sư dạy dỗ như thường vì lụt đã rút hết nước. Văn phòng”.

“Hạn chót trước ngày nghỉ Noel”, tôi đọc thầm. Lại một mùa Giáng Sinh nữa sắp đến. Chỉ còn bốn hôm. Thốt nhiên tôi đưa tay lên cổ, cầm chiếc thánh giá của sợi dây chuyền, nói khẽ: “Bây giờ Lam ở đâu?”

LỆ HẰNG

Buổi chiều áp lễ

(nguồn sưu tầm: Tạp chí Văn số Giáng Sinh 1974)

Tôi đếm từng bậc thang, một, hai, ba, bốn, mười hai, mười bảy, mười chín... Bàn tay của tôi lướt trên thành vịn đã trơn láng và đã quen thuộc từng ngày. Tôi đi về phía tay mặt của tôi. Cái gì cũng “của tôi” hết, của người ta khác kia. Tôi tin như thế. Lối đi cũng có một hàng lan can sắt, và bàn tay tôi mỗi ngày đều chạm tới, vuốt ve níu lấy bọc cho chúng lớp sơn thời gian nhiệm màu của sự trơn láng, phẳng lì và lạnh mướt tay. Cái gì rồi cũng trơn láng đi như thế này hết. Tai ương và định mệnh của tôi cũng trơn láng đi như thanh sắt, như thành vịn cầu thang, như lối tôi quen đi mỗi ngày. Tôi đếm đủ hai mươi bước rồi rời tay trên một cánh cửa, tìm quả nắm bằng đồng xoay nửa vòng. Cánh cửa dĩ nhiên mở ra, tôi bước vào, chốn này mới thật của tôi. Không cần nhìn, tôi cũng biết rõ từng vật trong phòng. Năm bước kể từ cửa, tôi sẽ đặt được tay tôi lên mặt bàn. Mặt bàn có tấm gương lớn, trên đó, mẹ tôi để những tấm danh thiếp cần nhớ của nhiều người và một máy điện thoại, mẹ tôi đã cẩn thận gắn chặt vào bàn ở góc tay mặt, nếu tôi ngò vào ghế. Từ chiếc ghế này, muốn tới cửa sổ, tôi sẽ lùi lại bốn bước. Đối diện cửa sổ, là một tủ sách, muốn tới những kệ sách dựng đứng trăm nghìn đời sống kỳ dị đó, những đời sống bất diệt, đời đời im lặng, choán đầy trên từng trang sách, từ cửa sổ, tôi sẽ đi đủ hai mươi một bước.

Hết rồi. Trong căn phòng này chỉ có bao nhiêu đó thôi. Quên chứ, tôi chưa nhắc tới cái ghế của hai mẹ con tôi. Đó là một chiếc ghế xoay tròn được bọc nệm da, êm và được chú Toàn cho dầu mỗi tuần để mỗi vòng quay của tôi chiếc ghế không phải rên xiết vì đau đớn. Tôi hay quay tròn nó lắm, mỗi khi đứng lên để di chuyển trong phòng, tôi đều quay tròn nó, đặt hai chân tôi xuống, ngay ngắn và bắt đầu đếm.

Và như thế, người yêu của tôi là những con số, bởi tôi chưa nhắc tới ai nhiều bằng chúng. Tôi cũng xuống vườn nữa, tôi hay đi loanh quanh dưới đó vào buổi chiều, khi lũ chim líu ríu của mẹ tôi bay hết về tổ của chúng, bỏ lại ngôi nhà, và khoảng vườn chút im lặng của đêm tối. Bên kia một hàng cây, và một bức tường, ngôi giáo đường nhỏ, mỗi chiều vang tiếng kinh. Không hiểu sao, tôi vẫn yêu những lời kinh nguyện buổi chiều hơn sáng. Chúng thoát bay lên không những âm thanh không dấu rì rầm, đều đặn và nghiêm trang. Ở đó, những nữ tu đọc tiếng Latin và hát tiếng Latin để nói chuyện cùng Thượng Đế. Tôi yêu những buổi chiều, yêu cả buổi sáng, và yêu luôn những đêm trong ngôi nhà này. Tôi thấy mình tham lam tệ, nhưng tôi không bao giờ ghét tôi vì điều đó đâu. Đời sống trôi qua trước mặt tôi một cách bí mật và đầy tràn dấu hỏi. Mẹ nói, mắt tôi luôn luôn mở tròn, thăm thẳm và băn khoăn. Tôi tiếc, cho tôi, không bao giờ thấy được chính hai mắt của mình. Tôi yêu quý những vòng dây âm thanh chung quanh tôi. Tiếng kinh chiều từ nhà nguyện của dòng tu, tiếng hát líu lo như bầy chim của lũ trẻ con, những giờ học, giờ chơi. Sáng sớm ra, cũng như mọi người, tôi “mở mắt”, lắng nghe tiếng chuông rung nhẹ trên nóc nhà thờ. Rồi những bài kinh nguyện bằng La ngữ. Những lúc sau này, vào những ngày chủ nhật, vòm âm thanh đó thoát lên những lời kinh nhiều dấu của ngôn ngữ nước tôi cho giáo hữu quanh khu phố dự lễ. Tôi lạc lõng và cảm thấy vắng mắt, tôi yêu những lời kinh nguyện không dấu, rì rầm và đều đặn bằng La ngữ hơn, bởi vậy, ngày chủ nhật, tôi đóng lại cánh cửa sổ phòng tôi và nghe nhạc tình.

Ngày trước, tôi ở bên dòng tu đó cũng học đủ mọi thứ như những đứa trẻ khác. Mẹ gọi tên tôi là Ô Thước, bởi vì tôi, ba mẹ bỏ ý định xa rời nhau vĩnh viễn. Năm tôi hai tuổi, ba mẹ tôi bất hòa, nổi bất hòa tưởng không gì hàn gắn được nữa, hai ông bà đứng đưng nhìn ngó nhau sống. Khi tai nạn tới cho tôi, một

hàn gấn quá đất cho một hạnh phúc xót xa. Sabin đã khổ công dạy tôi đàn dương cầm, ba đã dạy tôi cách nghe và quay số điện thoại. Mẹ đã dạy tôi những bước đi làm trơn bóng tay vịn cầu thang. Ngày của tôi yên bình và êm ả bù cho những ngày trẻ tuổi của ba tôi. Ba tôi nhiều quyền hành lắm, ông có dưới tay nghìn vạn đàn ông, một lời ông nói lên, có thể làm cho một trăm người ngã xuống. Một ngón tay ông búng ra, nghìn người lao tới cùng thần chết. Mẹ tôi ra vào nhà thờ, lui tới cô nhi viện để đền bù cho ông. Những năm sau này, ba tôi về chiều, thôi làm tướng, thôi hét ra lửa. Mẹ tôi mua ngôi nhà này của một bà già người Pháp, và mở vườn trẻ để dạy lũ trẻ con hát líu lo như chim những bài hát thanh bình không có máu tươi. Ba tôi sợ nơi này, ông vẫn ở dinh thự cũ của ông, thỉnh thoảng ba tôi mới về lại nhà những ngày lễ và những ngày chúa nhật ông mới rời tay cô nhân tình bé nhỏ của ông. Cô ấy có hai chân dài thích để trần, và bộ ngực thích bày ra ngoài. Chị Hai nói cho tôi biết đó. Chị Hai lạ đời lắm, chị nằng nặc bảo rằng, cô ấy cùng một loại với chị vì cô ấy cũng làm thuê cho ba tôi, nhưng việc cô ấy làm nhẹ nhàng hơn việc chị Hai chút thôi. Chị Hai dọn dẹp dưới bếp, còn cô ấy, cô ấy làm việc trên giường. Tôi cũng có việc làm của tôi chứ. Tôi là điện thoại viên của vườn trẻ Ô Thước đấy. Nhiệm vụ của tôi nhẹ nhàng lắm, mỗi sáng, tôi rời phòng ngủ, đếm đủ mười tám bước trên hành lang để tới cửa phòng này, ngồi vào bàn, khi chuông rung nhẹ nhẹ những đường ngân dài, tôi rời tay lên cái máy nghe hơi lạnh và áp vào tai mình.

- Vườn trẻ Ô Thước, tôi nghe đây.

Đôi khi là một phụ huynh, đôi khi một bà bạn của mẹ. Tôi có thể gọi mẹ tôi lên, hoặc tự trả lời thay bà tùy từng trường hợp. Những lúc sau này, mẹ tôi loanh quanh với bầy chim của bà. Ghé vào lớp Sơn Ca nhắc cô giáo trẻ, một em bé có tật khóc nhè lúc mười giờ, lúc đó, phải cho em ngồi chung ghế với cô giáo. Em bé đó không có mẹ, mẹ em đi xa lắm, bên kia đại dương khi ba em về từ mặt trận, với một chân đã chôn xuống mộ. Lớp Phượng Hoàng có một bé khác, lớn rồi, đã tới vườn trẻ, bé vẫn lẫn đăm với ngày hoài. Tại có đến bốn tháng, bé sống dưới hầm tối với cha mẹ khi thành phố của bé lọt vào trận mưa pháo. Bốn tháng đó, không có mặt trời mọc, không có mặt trời lặn. Bé có thể đang ngồi học đó, hát líu lo đó rồi lẫn ra ngủ. “Mọi sự đã đảo lộn hết mong tới ngày trật tự trở lại chốn

này”, mẹ tôi thường nói hoài câu đó.

Cho tới một buổi sáng, giờ làm điện thoại viên của tôi. Chuông rung, tôi nhắc máy lên, giọng nói người đàn ông ấm áp và dịu dàng dù biết ông ấy đã lâm số, tôi vẫn ngồi im nuốt vào ngực tôi những lời thì thầm của ông ấy: Nhớ gọi cho anh, đêm nay, lúc chín giờ. Tôi gác máy, tay vẫn còn run, tôi rờ tay lên mặt tôi để chìm bĩm xuống với cơn bàng hoàng ngây ngất đó. Chín giờ đêm, hồi chuông cuối ngày và những lời kinh rì rầm của những nữ tu bên kia khoảng vườn đã tắt. Tôi rời phòng ngủ tìm tới đây, nhắc máy gọi lên. Ông ấy đã cho tôi những con số, những con số hằn dấu trên những nếp óc còn nguyên vẹn của tôi. Tôi nghe chính hồi chuông rung nhẹ của tôi, nhịp tim đập rối bời trong ngực; đúng giọng của ông ấy: Anh nghe đây, em phải không? Chín giờ, cảm ơn em đúng hẹn. Tôi tê đi mất một giây rồi mới run rẩy nói: Tôi không phải là cô ấy, nhưng tôi thay thế cô ấy bữa nay được không? Ông ấy im lặng như đang ngạc nhiên và suy nghĩ.

Hồ thẹn choàng ôm lấy ngực tôi, cho tới khi ông ấy dịu dàng nói: Được chứ, tôi yêu những gì tình cờ lắm. Cô có yêu không? Tôi im lặng, tôi thích nghe nhiều hơn nói. Suốt một đời, tôi chưa được nghe ai nói với tôi như ông ấy: Cô đừng gác máy nghe, nói gì đi, thường thường vào giờ này cô làm gì? Tôi nói nhỏ: Tôi học dương cầm. Vậy hả? Tại sao cô không để máy lên đàn và cho tôi nghe chung với gió. Để gió mang đi uông quá phải không?... Đàn không có ở đây... Nơi cô, có gì nữa không? ...Buổi sáng, có lũ nhỏ dưới vườn trẻ hát líu lo, buổi chiều, nữ tu đọc kinh bằng La ngữ... Ô chồn của cô tuyệt quá, thảo nào giọng cô ngọt ngào tôi muốn biết tên nơi cô đang ở?... Sẽ không bao giờ tôi cho phép tôi nói ra với ông điều đó... Tiếc cho tôi, nhưng không sao, chúng ta nói chuyện, cho tôi số điện thoại của cô đi... Tôi chỉ xin phép thay thế cô ấy của ông một lần thôi... Không được, cô đã chiếm lấy chỗ của người ta rồi, cô phải gọi cho tôi mỗi đêm. Chín giờ. Đêm mai nhớ nghe. Và như thế đã gần nửa năm. Mỗi tối, tôi đếm đủ tám bước, rờ tay lên cánh cửa phòng này, xoay một vòng khóa để tự nhốt mình và gọi tới chàng. Tôi nhờ chú Toàn và ông gác-dan dời cái dương cầm từ phòng ngủ sang đây đêm đêm buông những nốt nhạc mềm cho ông ấy nghe. Đời sống tôi đầy ngất những giây âm thanh đó. Tôi lắng nghe và nuôi nấng chúng cho thể

giới của tôi ngày một tràn đầy. Tôi phân biệt được từng ngày lễ, từng mùa Vui, mùa Thương, mùa Mừng theo lời kinh đều đặn mỗi ngày của những nữ tu. Tôi biết giờ giấc bằng âm thanh nữa. Tám giờ sáng lũ trẻ hát líu lo bài ca thứ nhất. Chúng vỗ tay đều nhịp lúc chín giờ, chúng đọc ê a lúc mười giờ. Tôi thường chỗi dậy theo hồi chuông thứ nhất tỏa xuống từ đỉnh tháp cao của nhà nguyện, mắt tôi dõi tìm, đời đời dõi tìm vào khoảng không mù mịt thăm thẳm của riêng tôi. Tôi đứng hàng giờ để nghe và để nhớ những bức tường bằng đá, đặt tay lên đó, cảm nghe được chúng cũng đang nguyện cầu. Bên đó, có Sabin hiền dịu đủ hai mươi bốn giờ trong ngày. Mỗi bước Sabin đi, loạt soạt sóng áo và chuỗi kinh. Mười hai giờ trưa âm thanh thoát bay lên rất cao, khi lũ trẻ con đã rời lớp. Rồi giờ nguyện ban chiều êm ả nhưng đầy những thở than. Một đôi khi, chỉ cần nghe những lời kinh bằng La ngữ, không có dấu, đều đặn một giọng, tôi biết vậy trong bốn bức tường nghiêm khắc đó, một nữ tu vừa mới năm xuống, chấp khí hai tay trước ngực và nhắm mắt nghìn thu. Những hôm có hồi chuông báo tử, có bài kinh nguyện cuối đời đó, tôi bỏ đàn, đứng hàng giờ ở cửa sổ, dù chẳng nhìn thấy gì trên vòm trời cao.

Bây giờ, căn phòng có thêm chiếc đàn, tủ áo của tôi và một cái giường cũng nhỏ bé như giường nội trú. Mẹ có bao giờ không chiều tôi? Mẹ chẳng cần hỏi vì sao tôi đòi ngủ đêm trong căn phòng này. Căn phòng có nhiều sách, dựng đứng bên nhau như những linh hồn nghiêm túc kính trọng nhau và căn phòng, có giọng nói chàng đã từ bên kia giây chuyền tới. Thế giới của tôi, chẳng còn thiếu gì nữa dù ai cũng nhìn tôi bằng tia nhìn tiếc nuối và xót xa. Tôi quên mất những hình sắc rồi, tôi cố gọi nhớ những màu áo tôi mặc. Xanh đỏ tím vàng là sao? Sao ta không trộn chúng vào nhau thành một màu thăm thẳm và tối tăm cho rồi.

Tôi rời cửa sổ, gần chín giờ đêm rồi, đêm bên tu viện đã phủ đầy rồi đó, Sabin chắc đã xõa dài tóc xuống lưng, mặc áo vải trắng từ cổ xuống gót chân. Tôi đếm đủ bốn bước để trở lại bàn. Tay tôi rờ nhẹ lên mép bàn, cái ghế, rồi mới nhẹ nhàng ngồi xuống. Còn năm phút mới chín giờ, tôi đoán giờ ít khi sai lắm, dù mẹ đã mua cho chiếc đồng hồ đặc biệt, nhưng ít khi tôi dùng tới nó. Tay tôi vừa chạm tới máy nói, chưa kịp quay những vòng số của chàng, chuông đã rung. Tôi khựng người,

chắc hai mắt tôi tròn lấm. Có lẽ một phụ huynh gọi tới cho mẹ, tôi nghĩ thầm.

Một tiếng cười, trời ơi của chàng... tại sao chứ? Làm sao chàng biết được số của tôi? Chỉ có tôi gọi, mãi mãi phải là tôi gọi tới chàng thôi.

- Kim ơi, em không trốn được anh nữa đâu, hôm nay, chính anh anh gọi cho em nhé, phải cho anh gọi tới em chứ.

Tôi run rẩy, hai môi lắp bắp:

- Nhưng tại sao anh biết số của em? Tại sao hả?...

Chàng dịu dàng:

- Đàn cho anh nghe đi, anh nghiệm tiếng đàn của em mất rồi.

Kim, em nghe anh nói không?

- Em run tay lắm, đàn không nổi nữa.

- Anh xin lỗi, nhưng em hiểu cho anh, anh phải biết về người anh yêu. Em quên, có một lần em khoe, mẹ gọi em là Ô Thước.

Tôi hỏn hển:

- Anh, nghe em nói, đừng tìm tới em, đừng tới.

Chàng say sưa:

- Anh cũng ngạc nhiên, tại anh không có con nên không để ý tên vườn trẻ, mãi tới chiều nay, anh tới thăm bà chị họ, cả năm trời anh mới tới thăm lại bà ấy. Bà chị anh khoe thằng con út đi học vườn trẻ, Vườn trẻ Ô Thước. Anh ngăn người ra chứ. Mừng quá. Hết trốn anh nữa nghe.

Tôi buông máy xuống, tôi không đủ can đảm. Những gì nữa sẽ tới, khi chàng biết sự thật về tôi? Tôi rờ tay lên mắt tôi, ở đó, còn những hàng mi rung nhẹ. Sợ chàng sẽ gọi tới nữa tôi háp tấp đứng lên, đầu gối tôi va vào thành giường, con đau buốt tới xương. Ra tới cửa, tôi ngần ngừ đứng lại. Đêm mất rồi còn đâu, lũ trẻ đã bay hết về tổ, cho khu vườn chìm vào yên tĩnh. Cũng không còn những lời kinh La ngữ, đều đặn cất lên. Tôi ôm lấy ngực tôi, hai mắt tôi cố mở ra thật lớn. Tôi không muốn vừa đi vừa lấm nhấm đêm nữa, những con số không thể là người tình. Tôi muốn gọi tên chàng. Vũ Nguyên, Vũ Nguyên... Tôi muốn bám vào tay chàng, thay vì bám tay lên cái lan can lạnh ngắt này.

Mười giờ đêm, tôi trở về phòng, tôi chưa bao giờ lên giường trễ hơn nữa. Tôi mở cửa sổ để lắng nghe lời của đêm tối kể, những ngọn lá thì thầm kể chuyện người cho nhau nghe. Bên tu viện, nổi im lặng tràn trề phủ kín. Chuông lại rung nhẹ. Tôi với tay nhắc máy nghe lên, tôi biết ai đang gọi tới cho tôi rồi:

- Kim, đừng trốn anh, tại sao em lại trốn anh?

Tôi im lặng, trái tim tôi nhói lên rồi lặng lẽ, tôi gác máy xuống. Vẫn biết, như thế tôi tàn nhẫn với chàng, nhưng gặp nhau, giữa hai chúng tôi sẽ có một kẻ biến thành sát nhân.

Một giờ sau, chuông lại rung. Tôi ôm lấy mặt quay đi, rồi tôi vẫn nhắc máy lên áp vào tai mình.

- Em chưa ngủ phải không? Anh không ngủ được. Anh chưa hiểu gì hết, ai ngăn cản em? Kim, nghe anh nói, đừng gác máy, nghe rõ chưa? Sao em im lặng mãi thế? Anh một mình, và anh yêu em. Anh biết em xinh và đẹp, em đã đọc cho anh nghe những bản luân vũ mềm như thế, em không thể nào không xinh đẹp. Sa Kim, nói gì cho anh nghe đi. Nói đi em, đừng im lặng nữa. Để anh nói về anh cho em nghe.

Tôi cắn nghiến tay tôi, rồi nặng nề đặt trả cái máy nghe vào giá. Tôi dướn người lên để thờ đọc từng con, tôi vừa leo một con dốc kinh khủng quá.

Sáu giờ sáng ngày hôm sau, hồi chuông và lời kinh thứ nhất trong ngày tỏa lên không trung, tôi vẫn mê mải nằm lịm trên giường vì suốt một đêm trằn trọc thao thức. Những lời nguyện, trầm âm bay ra từ mái ngói cổ kính bên đó khiến tôi ngồi sững sờ. Sao tôi có thể quên được? Mùa này? Giáng Sinh? Những bài ca nguyện thanh thoát, trong như những giọt sương, trắng như mưa tuyết đó có bao giờ tôi quên đâu?... Vì chàng với con mê quay tròn êm ái, tôi quên mất thời gian đã ru trời đất vào tháng lạnh... *Đêm Thánh vô cùng. Giây phút tung bồng. Đất với Trời se chữ đồng...* Linh hồn tôi vỡ theo giòng nhạc đó. Tôi đứng như thế mãi, cảm ơn Thượng Đế, còn cho tôi biết nghe và nhốt vào hồn tôi những âm thanh lung linh như sao vỡ này. Không nhìn thấy, tôi cũng biết Sabin đang ngồi trước đàn bên trong vòm nhà nguyện bằng đá đỏ. Đá biết áp ủ nhạc thánh, biết run lên theo từng cung bậc. Đá ơi, đá cũng không nhìn thấy màu trời mùa Đông xám ngắt bên đó phải không? Tôi không thấy gì hết, nhưng tôi thấy chàng, bằng trái tim run vỡ của tôi.

Khi lũ nhỏ tràn tới, lú lo dưới vườn, những bước chân nhỏ nhỏ của chúng tung tăng trên cuội nhỏ, và những viên cuội cũng hớn hờ lẫn theo bước chân chim hiền ngoan của chúng. Hôm nay lũ nhỏ được mỗi đứa một gói quà, chúng thỏ còi nhựa vừa được cho, lúc lắc món đồ chơi có tràng nhạc trong bụng và hát những đoạn thánh ca ngắn: *Chuông reng, chuông reng reng...*

Tôi áp hai tay tôi lại trước ngực, cẩn thận trở vào phòng lần theo đường giây tôi cắt đứt sợi giây nối kết tôi với chàng. Mẹ sẽ vô tình tưởng máy hư, và phải qua lễ vài ngày mẹ mới báo cho bu điện biết. Chàng nữa chàng sẽ gọi tới hoài, nhưng chuông sẽ không bao giờ rung, để tim tôi đừng tan nát thêm. Một năm nữa lại sắp mất đi. Minh bao nhiêu tuổi rồi? Thôi Sa Kim, đừng thèm đêm thời gian nữa, mi không có tuổi lớn, vì mi không bao giờ thấy được mặt trời lên và tắt.



Hai ngày rồi, vườn nhà tôi vắng lặng, bởi lũ nhỏ nghỉ lễ. Buổi chiều áp lễ Giáng Sinh, tôi chậm chạp xuống vườn. Ba hôm rồi, chuông điện thoại không rung nữa. Nhưng tôi nghe hoài những hồi chuông vui mừng tỏa quanh đỉnh tháp nhà nguyện. Ba về cho quà, và ba đã đi. Mẹ tôi còn loanh quanh đầu dưới phố. Chú Toàn cặm cùi trang hoàng lại nhà cửa. Tôi nhẩn nha đi từng bước. Tôi vào lớp Sơn Ca, những chiếc bàn thấp, những chiếc ghế nhỏ. Tôi cũng ngồi xuống, chống tay dưới cằm và nhìn mông lung vào khoảng không trước mặt. Tôi len đi giữa những bàn những ghế rồi ra ngoài vườn. Những cái ghế đu buồn bã không thờ nữa. Lũ nhỏ bỏ quên chúng rồi, thiếu lũ nhỏ, ghế đu, cầu tuột, rũ liệt như chết.

Tôi cẩn thận bám vào những hàng rào cây vây quanh khu vườn dành cho lũ nhỏ và bắt đầu đếm nhỏ trong miệng: một, hai, ba...mười bốn bước. Tôi dừng lại, đặt được tay trên thành ghế, tôi ngồi xuống. Ở đây, tôi có thể nghe thật gần những lời kinh La ngữ của nữ tu khi họ phàn nàn, than thở cùng Thượng Đế về kiếp người. Tôi muốn mở lớn hai mắt tôi ra, tôi muốn nhìn thấy tất cả mọi vật quanh tôi? Rõ ràng, hai mắt tôi đã mở thật tròn nhưng tôi nuốt vào cho tôi, một khoảng chân không tối thăm. Tôi nghe được hơi thở của bầu trời buổi chiều, những cụm mây nổi trôi nửa phả xuống mặt đất, những nốt ngân lặng lẽ. Có tiếng chân ai về trước cổng. Một người, và không phải là mẹ. Tiếng chân mẹ tôi nhận biết ngay. Là ai, đã tới trước hai cánh cổng sắt? Tôi nhìn về phía đó, lắng nghe, hai bàn tay tôi miết trên thành ghế.

Tiếng chân đi động tới gần tôi. Tiếng cánh cửa sắt rít nhẹ trên bản lề. Tiếng những viên cuội nhỏ lúu rúu khoe nhau người khách lạ.

- Chào cô bé, có ai ở nhà với cô không?

Tôi lặng người, mọi người có thể nghe lầm, nhưng tôi thì không? Chúa đã cho tôi hai vành tai rất nhạy cảm với âm thanh. Những ngón tay run của tôi nắm vào nhau. Vũ Nguyên đã tới. Tôi nghẹn ngào ngửa mặt tôi lên cùng chàng. Hình như chàng cũng chăm chăm ngó tôi.

- ...

Tôi nói với chàng, một lời thầm trong buồng tim bé nhỏ của tôi. Chàng dịu dàng:

- Tôi tìm Sa Kim. Kim có nhà không cô bé?

Tôi biết chàng đã không nhận ra tôi, bởi chàng tưởng tôi là thiếu nữ, ít nhất, cũng mười tám hay hai mươi rồi.

- Sa Kim không còn ở đây nữa. Đã đi xa lắm.

Chàng kêu lên:

- Cô nói sao? Sa Kim không còn ở đây nữa? Không, tôi không tin, mới cách đây vài ngày.

- Chị Kim làm việc ở đây, vườn trẻ Ô Thuốc. Và chị ấy đã xin nghỉ việc từ tuần trước rồi. Ông là ai vậy ông?

- Tôi là... này cô bé, có biết Sa Kim đi đâu không?

- Chị ấy về dưới tỉnh, tôi quên hỏi mẹ tôi là tỉnh nào.

Chàng im lặng, tôi cảm thấy chàng đang ngó quanh. Tôi ngạc nhiên thấy tim tôi còn đập bình an, cõi của tôi êm ả.

- Đây là vườn trẻ Ô Thuốc mà?

- Vàng, nhưng Sa Kim mới nghỉ việc chừng một tuần nay.
Chàng trầm ngâm:
- Tôi không muốn tin, nhưng đành tin, bởi hai mắt cô lạ lùng quá, mắt của cô bé không thể nói dối tôi, phải không bé? Bé mười mấy tuổi rồi?
- Dạ mười bốn.
- Chàng cười trầm ngâm:
- Sao bé cứ nhìn hoài phía trước, có gì ngoài đường đâu mà bé nhìn đăm đăm vậy?
- Tôi nhẹ nhàng:
- Tôi quen nhìn như thế rồi. Ông đừng để ý mắt của tôi. Những viên cuội nhỏ lại reo lên với nhau dưới chân chàng. Hồi chuông vui mừng bắt đầu vang lên trên tháp chuông nhà nguyện. Đã tới giờ nữ tu nói chuyện cùng Thượng Đế bằng những âm thanh không dấu của họ. Tôi giơ một bàn tay lên:
- Ông có thể dắt tôi về phía đó không?
- Chàng cầm lấy tay tôi:
- Được chứ, bé đau chân?
- Không, tôi mất một thứ khác. Ông yêu chị Sa Kim lắm hả ông?
- Nàng bí mật, dễ thương và dịu dàng.
- Tôi nhắm mắt lại.
- Tôi muốn gặp nàng đêm nay, muốn tặng cho nàng món quà Giáng sinh thứ nhất. Sa Kim đi rồi, bé là em ruột của Sa Kim mà, sao giấu tôi?
- Tôi xúc động:
- Tại sao ông nói như thế?
- Tôi đoán, giọng nói bé non nớt hơn, nhưng cũng ấm và ngọt như Kim. Mắt Kim có thăm thẳm như mắt bé không?
- Tôi cẩn nhẹ môi rồi gật đầu:
- Chị ấy cũng hay nhìn soi vào khoảng không trước mặt như tôi, cũng thích ngồi một mình hằng giờ, thích nghe nhạc thánh tỏa ra từ những bức tường đá bên dòng tu.
- Chàng xiết nhẹ tay tôi:
- Cho tôi địa chỉ của Kim đi. Kim đang ở đâu đó trong nhà phải không bé?
- Tôi lắc nhẹ. Chàng tò mò:
- Kim có hay lắm nhắm đếm số khi đi dạo như cô bé không?
- Tôi giật mình:
- Ô không...

Chàng cười:

- Chị em cô lạ lùng quá. Bé thích dắt tôi đi đâu đây?

- Tôi thích tới ngồi trên những bậc thềm đá nhà nguyện, tôi thích ngồi ở ngoài hơn là vào hẳn trong nhà thờ. Ông có thích không?

Chàng im lặng, ý vào chàng, tôi đi thềm thang không dò dẫm nên hụt chân xuống một đường rãnh nhỏ. Bàn chân tôi buốt đau và lảo đảo ngã xuống. Chàng kêu lên một tiếng nhỏ, ngạc nhiên và xót xa:

- Không chịu nhìn gì hết vậy, mắt nhỏ để đi đâu?

- Tôi không có mắt.

Chàng dừng lại:

- ...

- Tôi mù.

Chàng cười khẽ:

- Đừng giận, xin lỗi rồi đó nghe.

- Tôi có giận ông bao giờ đâu. Tôi mù thật mà.

Hình như chàng nín thở, tôi nghe rõ hơi thở chàng sau đó dồn dập hơn:

- Cô bé không đùa chứ?

- Không, tôi đùa sao nổi.

Chàng buông tay tôi xuống, tôi nghe thấy chàng lùi ra xa tôi một chút, mắt tôi vẫn bất động, im lìm và tê điếng.

- Cô mù?

Tôi gật đầu, chàng lâm bầm:

- Đôi mắt của bé đẹp quá, tôi không tin, không thể nào tin được.

Tôi vẫn nhìn thẳng về phía trước, tôi muốn xé rách tấm màn tối tăm của tôi xuống, để nhìn thấy chàng, lúc này, một giây thôi cũng được. “Lạy Chúa, cho tôi nhìn thấy, dù một giây, đôi mắt của chàng...” Tôi rờ tay tôi trên hè đá trước khi ngồi xuống, chàng chụp lấy tay tôi:

- Trời ơi, em mù thật sao?

Tôi rung rung gật khẽ. Chàng xiết tay tôi, rồi chàng im lặng.

Bờ tường đá ngấm lên những nốt nhạc trầm, rồi lời kinh La ngữ rì rầm toát ra:

- Em có thấy tôi không? Tôi đang đứng hay ngồi hả? Nói đi, cô bé.

Tôi lắc đầu:

- Tôi không thấy gì hết.

Tôi giơ tay ra trước, và chạm ngay vào cổ của chàng, trái bom oan khiên trên cổ chàng đang run. Tôi để yên tay tôi trên đó, sự im lặng tràn xuống. Lời thở than bên trong những bức tường đá đều đều cất lên. Một lúc rất lâu chàng không nói, và tôi nữa, tôi ngồi im, mở lớn mắt ra ném vào cõi tối tăm của riêng mình những dấu hỏi muôn đời còn đó.

Chàng cũng vuốt nhẹ tay chàng lên cổ tôi, dỗ dành, và chế ngự.

- Đừng buồn nữa bé, bé không thấy thật đó, nhưng biết đâu, bé thấy được nhiều hơn tôi, đừng tưởng thế giới của người sáng không có sự mù lòa.

Tôi ngồi im, rồi chàng đeo vào cổ tôi một sợi giây nhỏ:

- Của Kim đó, bây giờ dành cho bé.

- Trượng Đức Mẹ phải không ông?

Hình như chàng gật đầu, tôi hỏi tiếp:

- Nó màu gì hả ông?

- Màu trắng, bạch kim.

- Màu sắc có đẹp không ông? Trời hôm nay xanh hay là xám ông? Ông đang mặc áo màu gì đó?

Chàng để nhẹ tay lên ngực tôi:

- Để tôi đưa bé về nhé, mẹ sẽ hoảng sợ nếu bé vắng mặt lâu.

Tôi rờ tay lên bức tường đá một lần chót:

- Đá cũng mù lòa như tôi phải không ông?

Lần về, chàng dắt tôi cẩn thận hơn, và hỏi:

- Tại sao mắt bé hư? Tôi thấy mắt bé vẫn đẹp và hiền, không một dấu hiệu nào của sự mù lòa hết, nó có nói cho cô bé biết, mắt cô bé đẹp như mắt thiên thần không?

Tôi lắc đầu, vẫn mãi mãi soi tìm phía trước, cái khoảng trời thăm thẳm bí mật với tôi.

- Mắt của tôi màu gì hả ông?

- Màu xanh, rất trong và rất đẹp.

- Ông an ủi tôi.

- Không phải đâu cô bé, tôi nói thật đó, nói chuyện hàng giờ với bé, tôi đâu có biết bé không thấy đường.

- Ông cứ dùng chữ mù đi, gọn và giản dị hơn, tôi quen với sự mất mát của tôi rồi.

Chàng nhắc bổng tôi lên, để băng ngang một quãng đường trơn ngại nào đó, hồn nhiên và ngay thẳng.

Khi chàng đẩy nhẹ cánh cửa sắt, những viên cuội trong vườn lại reo lên với nhau. Chàng đem tôi trả lại cho chiếc ghế mây.

- Bé ngồi xuống đây đi, bé thích tôi ở lại dẫn bé đi lễ đêm nay không?

Tôi nhẹ nhàng:

- Còn Sa Kim?

- Sa Kim hả? Tôi sẽ tìm cho bằng được nàng, sẽ tới ngày nàng không trốn được tôi nữa.

- Ông yêu Sa Kim lắm hả?

- Bé hỏi câu đó rồi mà.

Tôi lần tay trên sợi giây chuyền nhỏ, chàng tò mò:

- Bé có biết tại sao chị Kim của bé trốn tôi không?

Tôi đáp nhỏ:

- Sẽ không bao giờ chị Kim gặp ông đâu.

Chàng kêu lên:

- Sao kỳ quái vậy?

Tôi lắc đầu:

- Tôi không nói được, gặp chị Kim, ông tự biến ông thành sát nhân.

Chàng chụp lấy vai tôi:

- Sát nhân, tôi không hiểu gì hết.

- Ông tự giết chết chị ấy trong tim ông, không phải là sát nhân sao?

Chàng thở dài:

- Tôi không hiểu gì hết, thôi được bé, nhớ xin phép mẹ đi nhé.

Tôi sẽ trở lại dắt bé đi lễ đêm.

Bên kia dòng tu. Tiếng kinh chiều êm ả cất lên. Rồi chuông

ngân vang trên thính không, mừng vui tràn lan. Trời và đất...

Đêm thánh vô cùng... giây phút tung bùng. Đất với trời se chữ đồng, đêm nay Chúa sinh ra chốn hang lừa...

Chàng đặt nhẹ tay trên tóc tôi:

- Nói với chị Kim, anh yêu nàng.

Tôi cắn môi, lắng nghe bước chân chàng xa dần. Tôi tự biết, sẽ không bao giờ tôi gặp lại chàng nữa.

Viết tặng bé Kim, trường mù Nữ Vương QN

Giáng Sinh năm ấy

truyện

Hồ Minh Dũng

(Nguồn sưu tầm: Tạp chí Văn số Giáng Sinh 1974)

Giáo xứ của ngài rộng và hoang vu nhất trong giáo phận, điều đó chẳng những không làm cho ngài lo ngại mà ngài còn sung sướng và hãnh diện.

Không ai biết tên thật của ngài, ở đâu người ta cũng gọi ngài bằng cái tên thánh giản dị: cha Gioan.

Trước khi đến nhận giáo xứ này, ngài làm linh mục tuyên úy cho một bệnh viện. Trong bệnh viện ấy có một căn phòng dành riêng cho những người điên, nơi ngài chú ý hơn cả và cũng là nơi mà khi xa nó, ngài thấy có nhiều vấn đề cần phải nghĩ tới, dĩ nhiên có một vài kỷ niệm khô khan nào đó thấp thoáng trong cõi lòng mà có người ví như bãi sa mạc về chiều.

Ngày tôi mới đến, ngài đã tâm sự, cách đây không đầy một tháng cha đã ở với những người mắc bệnh điên, có một điều cha không thấy họ mắc bệnh gì cả. Tại sao gọi điên là một con bệnh, một con bệnh tại sao không có bệnh trạng, không có thuốc chữa. Cha coi họ như những con chiên... Tôi cũng góp ý kiến, con cũng đồng ý với cha, nên coi họ như những con chiên, dù là chiên ghê, chiên lạc đàn. Ngài điềm tĩnh, tiếng nói nghe xa vời, đã là chiên thì dù hoàn cảnh nào cũng mang linh hồn một con chiên, con chiên có nhiều ghê cũng không phải con chồn, con cáo được... Nói xong, ngài gọi chú giúp việc pha hai ly cà phê và trải ra trước mắt tôi một tấm bản đồ, ngài nói: - Con thấy đây, những vòng chì đỏ là thuộc về giáo xứ của cha, đây là đầm, đây là cồn cát, đây là đồng ruộng hy vọng cha về

là không để cho lau lách mọc, đây là những hồ bom, đây là nghĩa địa, đây là làng mạc, người ta không đánh dấu số lượng của các ngôi mộ trong nghĩa địa này nhưng cha đoán là nhiều lắm, con hiểu chứ?

Tôi gật đầu vui vẻ tiếp nhận, cảm ơn cha, còn hiểu.

Đặt ly cà phê lên môi, uống từng ngụm nhỏ, mắt cha không rời vạt nắng đan chiếc lưới vụng về trên bãi cỏ non, hân trí cha lúc đó còn nghĩ tới những đám mây bay trên trời, những con chim sâu chuyền từ cành hoa giấy này đến cành hoa giấy khác. Tôi cũng đặt ly cà phê lên môi. Chiều xuống, ngày thoi thóp thở.

Nhìn tôi uống một cách ngon lành, ngài hỏi:

- Con hút thuốc không, cho cha một điếu.

Tôi mời ngài và bật hộp quẹt. Ánh lửa soi sáng một phần căn nhà vừa mới quét vôi và làm rạng rỡ thêm vầng trán cao rộng của ngài. Nhà khói lên trần nhà, ngài nở một nụ cười:

- Lúc nào cha cũng yêu tuổi trẻ, thích chan hòa với nó. Con đừng có ý nghĩ là tâm hồn cha đã già cõi nhé. Hồi còn ở đại chủng viện, thỉnh thoảng cha về phố thể nào cũng tìm cách vào tiệm uống một tách cà phê, ngồi ngắm cảnh phố phường, tiệm nào ở bên bờ sông cũng tốt, cha thấy Chúa ở trên sông, trên lá cây. Chúa ở khắp mọi nơi mà. Ngày lên thầy sáu, khi nhận thấy mình khó lòng mà về đời được, cha bắt đầu làm thơ, dĩ nhiên là trước đó cha thuộc lòng hầu hết những bài thơ tiền chiến. Thơ cha làm chỉ để ca ngợi mấy con đường trong nghĩa địa nhà dòng, tặng cho các cha chết già những bài kinh mà hội thánh chưa làm để đọc. Tóm lại cha là một người nghệ sĩ, chính vì thế mà cha viết thư yêu cầu con về đây ở với cha, trước phụ giúp cha trên đường truyền giáo, sau...

Ngài ngừng lại đột ngột và tôi cũng không muốn ngài nói hết câu. Tôi cắt ngang:

- Thưa cha, con là một người ngoại, làm sao con giúp cha truyền giáo được?

Ngài cười nhẹ nhàng:

- Điều đó, cha sắp sửa nói với con. Chính những lúc con ở bên cạnh cha, ăn cơm với cha, đi với cha, bàn bạc việc đời với cha, đó là những lúc con đại diện cho cha, nói lên tiếng nói của cha, chắc con cũng đồng ý với cha rằng, cái thế gian tuy rộng lớn này nhưng chỉ có một bầu trời, tất cả đều ở dưới mái nhà không lồ ấy, tất cả là anh em. Có ai trong loài người dám nói

mình không phải là con của Adam đâu.

Tôi trình bày tiếp:

- Và thơ con, chỉ để ca ngợi những cuộc tình.

Ngài thoáng một chút ngạc nhiên:

- Tình đẹp đẽ hay tình dở dang?

- Thừa cha, loại nào cũng có. Thơ con diễn biến tính chất những cuộc tình đến rồi đi trong đời con.

Suy nghĩ một lát, ngài gật gù:

- Cũng tốt. Tình yêu vun xới cho mặt đất tốt tươi thêm. Rất tiếc, trong kinh thánh không nhắc đến những mối tình của Chúa Giê-Su nhưng cha tin chắc chắn ngài là một người giàu tình cảm.

Nhìn những cụm núi đứng xa mờ, sương chiều cất ra từng mảnh, ngày như còn trình diễn một bản nhạc cuối cùng ở đâu đó. Nét mặt người linh mục bỗng trở nên cần cỗi:

- Mấy mươi năm về trước, khi chưa thọ phong chức cha, một mối tình chợt đến với cha, nhưng con biết những gì xảy ra sau đó không... cha phải tự đào một cái huyệt để chôn nó...

Ngài cũng nhìn ra ngoài hàng hiên như tìm kiếm lại những cảnh vật ban chiều. Bóng tối thì thầm bắt đầu nổi hân hoan của đêm. Một hồi chuông khởi đầu bằng mấy tiếng rì rào. Nền trời thấp thoáng sao. Đôi mắt ngài đốt cháy sâu thẳm, *con còn thuốc không, mỗi cho cha một điếu nữa, trời đã bắt đầu có gió mùa thu sao, suốt cả tuần nay cha không nghe một tiếng chim hót, con đợi cha một chút, cha đọc vài lời kinh cảm tạ rồi ăn cơm.*

Ngài bước vội ra hành lang. Chút ánh sáng đầu điếu thuốc không đủ sức cản nổi đám bóng tối quái đản chạy đuổi theo ngài. Gió thổi mạnh lay động hầu hết những thân cây bên ngoài. Một cơn mưa lại đến, cũng như hồi chuông mai táng một ngày, khởi đầu bằng những giọt lơ đãng. Tôi lắng tai nghe, tiếng gì nức lên trong gió, vĩnh biệt em... vĩnh biệt cõi đời này... kiếp sau xin em nhìn ra tôi... Rồi những tiếng sau đó mất hút đi, vội vội. Và, ngài trở vào, dưới ánh nến mới đốt lên, đôi mắt ngài như có những hạt mưa tinh khiết vừa đậu xuống.

Ở với ngài, ngoài việc dạy dỗ đám học trò quê mùa, thơ ngây, tôi còn đi theo ngài về những vùng thôn quê hẻo lánh. Những chuyến đi mà ngài thường ví, đem hạt giống tới cho cánh đồng đang bỏ hoang. Một học sinh vừa rời ghế nhà trường, sinh

trường nơi thành thị, hẳn tôi chọn lựa và mến yêu cuộc sống của dân lành, hay ít ra cũng gần gũi được họ. Và cũng từ giai đoạn đó, tôi chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện làm thơ nữa. Cha Gioan đã nhiều lần thôi thúc tôi nên làm thơ, ngài nói, giục giã lên kéo ngày tháng sẽ hết. Tôi hiểu ý ngài muốn nói đến tuổi trẻ, sợ tuổi trẻ sẽ qua đi. Để cảm ơn cha, tôi cố làm sống lại cảm xúc của mình giữa thiên nhiên, nhưng nỗi cảm xúc đó không bao giờ thành những vần thơ được. Rồi chiến sự xảy đến. Khởi đầu bằng một câu chuyện vào đêm Giáng Sinh năm ấy...

Cũng như hàng năm, bầu trời đen đặc mây mù. Có những đám mây về lợp mái trắng cho tháp chuông từ buổi chiều. Khí trời lạnh lạnh vừa đủ để cho cây cối cảm thông với người. Thời tiết như chỉ có một bồn phận duy nhất để nhắc nhở cho đời người vạch những đường ranh giới quá rõ rệt cho từng giai đoạn cuộc sống. Chúng con có nhìn thấy không, bóng hoàng hôn đang chạy đuổi theo sau lưng ta. Có một bàn tay nào đó đang cầm cái cọ với lon sơn trắng chờ quét lên mái tóc ta... Trong thánh đường cũ kỹ này có ai nghe những lời tha thiết của ngài thì bây giờ chắc chắn phải dừng lại một giây phút nào đó trước thánh đường để nhìn lớp sương mù đậu phủ trên máng cỏ lộ thiên, ở đó người họa sĩ có ẩn ý cho mọi người thấy rằng, ngay trên cánh đồng Bê-lem lịch sử, thời tiết vẫn là yếu tố quan trọng để nhắc nhở đến đoạn chót của cuộc sống nhân loại.

Bên trong căn nhà của cha bốn sở nhờ những ngọn đèn nền tỏa chiếu êm dịu, chúng tôi tìm lại không khí hân hoan xa cách với màu trời bên ngoài.

Sau lễ nửa đêm, chúng tôi đang quây quần ăn réveillon thì đột ngột ngay giữa cửa chính hiện ra một người.

Tất cả chúng tôi đều đứng phất dậy ngạc nhiên, chờ đợi.

Dường như tôi là người đầu tiên có cảm giác mình đang đối diện với một địch thủ, hay ít ra là đang nhìn thấy một kẻ thù.

Không hiểu cha Gioan nghĩ thế nào trong một thái độ vô cùng điềm tĩnh khi ngài nở một nụ cười hướng về người lạ, mà người ấy đang mang trên mình một khẩu súng AK và nhiều đạn dược trang bị.

Mấy phút nặng nề trôi qua, người lạ cất tiếng:

- Thừa cha tôi muốn gặp cha.

Không do dự, ngài vui vẻ:

- Mời anh cứ vào.

Người lạ vừa bước chân lên bậc tam cấp thứ nhất bỗng trượt xuống ngay:

- Thừa cha, tôi muốn gặp cha ở ngoài.

- Vâng.

Trước khi đi theo người lạ mặt, ngài ân cần dặn chúng tôi:

- Các con cứ tiếp tục nhé. Trong phòng ngủ cha còn nhiều đèn cầy, lấy đốt lên chờ cha.

Khi hai người tan vào đêm, chúng tôi mới kết luận đại khái rằng, đó là một người cán binh cộng sản, tuổi quá trẻ, nói giọng Bắc, v.v... Và, mỗi người đưa ra một lập luận, có người lo sợ cho số phận của cha Gioan, hoặc bị thủ tiêu, hoặc bị bắt đi, hoặc bị đầu tó, cảnh cáo, có người kinh nghiệm thời cuộc hơn cho rằng đã đến lúc phía bên kia bày tỏ thái độ, ít ra cũng buộc ngài rời khỏi giáo xứ này, trả lại ngôi thánh đường cho hoang vu, cỏ lác. Nhưng tất cả chúng tôi đều tin tưởng ngài trở về trong đêm. Những ngọn nến hồng tiếp tục đốt lên để chờ ngài. Con chim sáo trong chiếc lồng treo ở hàng hiên cất tiếng, đây là lần đầu tiên tôi nghe nó hót trong đêm. Mưa rơi xuống và ở xa tiếng súng vọng về.

Đúng như lòng mong ước của chúng tôi, gần một giờ sau, cha Gioan trở về bình an vô sự. Áo quần và tóc cha ướt đầm mồ hôi và nước mưa. Bước vào nhà với nụ cười bình thường, ngài kêu chúng tôi đốt thêm vài ngọn nến nữa. Chúng tôi xúm lại bên ngài hỏi han tin tức. Ngài nói, hãy thông thả, không có gì quan trọng, các con hãy tiếp tục bữa tiệc, đêm nay phải là đêm cứu rỗi.

Gần mãn tiệc, ngài mới bắt đầu:

- Anh ta đúng là một cán binh cộng sản xâm nhập, năm nay 17 tuổi, còn một mẹ già ở ngoài Bắc, anh gặp cha để xin xưng một vài tội mà suốt thời gian ở giữa rừng sâu không biết xưng với ai. Cha dĩ nhiên không thể tiết lộ cho ai biết những tội của anh. Cha cũng đã nhân danh Chúa để giải tội cho anh và cha chúc anh may mắn. Dù sao cha vẫn lấy thiên chức của một linh mục để cư xử.

Tôi hỏi chen vào:

- Thừa cha, rồi người cán binh ấy đã đi đâu?

- Cha không biết được nhưng anh ta có hẹn sẽ ghé thăm cha trong tòa giải tội.

Một lúc sau, ngài hỏi:

- Chúng con có nghe con sáo hót không?

- Chúng con đâu có nghe.

- Lúc ở trong tòa cha cũng có nghe nó hót. Lạ quá nó cất tiếng hót cùng một lúc người cán binh khóc. Anh ta có hỏi cha một câu: “Trong Cựu Ước có nhiều đoạn cổ võ chiến tranh phải không cha?” Cha chưa kịp trả lời thì anh đã từ giã ra đi. Như vậy, cha phải mang một món nợ.

Nhìn lại một lượt mấy ngọn nến, ngài tiếp :

- Trời chắc cũng đã gần sáng, đêm nay dài thật. Rồi ngài đứng dậy bước vội ra ngoài khi trở vào ngài xách theo chiếc lồng chim trong ấy có xác con chim sáo đã chết. Mấy giọt máu còn nguyên màu, chưa khô đọng trên nền lồng sắt.

Trước những đôi mắt ngạc nhiên của chúng tôi, cha Gioan vẫn bình tĩnh như không xảy ra chuyện gì.

- Thưa cha, tại sao cha giết nó? - Tôi hỏi.

- Không, cha không giết nó.

- Hay là người cán binh trở lại giết nó? - Bạn tôi đặt nghi vấn.

Cuối cùng ngài mỉm cười:

- Trời lạnh quá nó phải chết. Chúng ta cứ tin như vậy.

Ánh nến tàn cuối soi vào những giọt máu long lanh như đổ thêm vào đó một màu đỏ thật tươi.

HỒ MINH DŨNG

CHUYỆN CHÓ CHẾT

Trần thị NGH.

1.

Hai mẹ con ở với bà ngoại. Bốn tuổi bé An đòi nuôi chó, bà ngoại nói:

- Không được. Nó ỉa đái dơ lấm con, rồi lông lá rụng đầy nhà. Hai mẹ con đều suyễn, nhớ không? Hai ba ngày con phải tắm cho nó không thôi nó có ve. Mỗi ngày phải dắt nó đi chơi không thôi nó quạu. Cả nhà mình đi đâu xa phải mang nó đi gọi. Ôi, mệt lấm con. Đó là chưa kể đến chuyện nó có gia đình, rồi phải mang đi chích ngừa không thôi nó bị dại hoặc ca-rê. Câu cuối bà nói với mẹ chứ bé An chưa đủ trí khôn để hiểu những chuyện phức tạp loại đó. Bé nói:

- Con thấy thằng Tí Sún có con Ki-nô, nó dắt chó đi đái ở cột đèn á. Vậy chừng nào bà cho con nuôi?

Bà bực mình:

- Nói hoài không chịu hiểu. Chừng nào bà chết rồi hai mẹ con muốn làm gì làm.

Bé ngây thơ hỏi:

- Chừng nào bà chết?

Sáu tuổi bé An học lớp một, đã chấp chững biết đọc biết viết từ một năm trước. Khoảng tháng 10 bé viết thư cho ông già Nô-en nhờ mẹ mang ra bưu điện. Mẹ hỏi:

- Sao con viết sớm vậy? Còn hai tháng nữa mới Giáng Sinh

mà!

- Bưu điện đi chậm lắm. Con thấy mẹ đợi thư dì Hương quá chừng. Ngày nào mẹ cũng ngóng ông phát thư.

Mẹ cầm bao thư đọc mấy dòng chữ nắn nót:

*Thư bé An gửi ông già Nô-en
Địa chỉ Thiên Đàng*

Mẹ cười cười, nói:

- Rồi, để mai mẹ đi làm ghé ngang bưu điện gửi liền.

Tối 9 giờ bé đi ngủ sau khi làm xong bài tập viết. Mẹ rửa chén, dọn dẹp nhà bếp, đi tắm, quên khuấy cái thư nhét trong quyển sách đang đọc. Một truyện dịch dở ẹc, giấy đen sì nhám xam, chữ in lu cam, đọc mấy tháng trời chưa hết, nhưng mẹ đã lỡ mua vì thấy báo chí khen hay. Cái thư vì thế nằm chết trong đó.

Một tuần trước Giáng Sinh mẹ đi lòng vòng các tiệm bán quần áo, đồ chơi, dụng cụ học sinh tìm chọn cho bé một món quà. Giờ bé đọc giỏi rồi, có lẽ nên tập cho bé thích sách. Đến đây mẹ sực nhớ cái thư nhét trong quyển truyện dịch.

Tối đó thư được khai ra.

Kính thưa ông già Nô-en

*Con là bé An học lớp 1 trường Nguyễn Thái Sơn con đang ở với mẹ nhà bà ngoại con hay bị suyễn nhưng con rất ngoan con ráng thở khi con bị suyễn ở trường bạn Hồng Anh hay giật tóc con nhưng con không méc cô hôm qua con để quên cây bút chì trong lớp chắc nó mất rồi mẹ nói con hay quên đồ đi lại bỏ quần áo đồ chơi bừa bãi mẹ không thương con nữa con xin ông già Nô-en thương con cho con một con chó
Ký tên bé An 6 tuổi*

Mẹ đọc xong cái thư, thở dài.

Sáng 25 tháng 12 bé An thức dậy tóc tai chôm bôm mắt mũi kèm nhèm bông quơ chân đung gói quà có cột dây nơ. Đó là một ngày chủ nhật rất đẹp trời. Mẹ đang phơi đồ ngoài hiên sau, bà vẫn ngồi cạnh cửa sổ nhà trước chăm chú nặn từng mũi kim. Bà hay may những cặp bọ nhấc nổi bằng cách ráp tinh vì những mẫu vải vụn xin được ở tiệm may quen gần nhà. Đường

kim mũi chỉ thật khéo. Ai đến chơi bà tặng cho một cặp. Bé An mở quà thấy quyển truyện Hoàng Tử Bé có chữ ký của ông già Nô-en đề tặng ở trang đầu:

Tặng bé An 6 tuổi.

Con chơi với Hoàng Tử Bé đi, vui lắm.

Ký tên: Ông già Nô-en

Kẹp trong sách là một lá thư. Bé mở ra đọc.

Bé An dễ thương của ông già Nô-en,

Ông đã nhận được thư bé gửi, kể chuyện bé bị suyễn nhưng ráng thở, bị bạn Hồng Anh giật tóc nhưng không méc cô, bị mẹ hết thương vì hay làm mất đồ và bừa bãi... Ông nghe vậy thương bé lắm.

Về việc bé muốn ông cho con chó, bây giờ chưa được. Nuôi chó phải có thì giờ chăm sóc cho nó. Bà ngoại già rồi, còn mẹ thì đi làm cả ngày, bé An cũng phải đi học nữa, ai sẽ lo cho nó đây? Thôi để từ từ ông tính. Để ông xem có con chó nào thật khôn, biết tự đi tắm, biết chỗ đi tè, biết đi chơi một mình khỏi cần người dắt, biết kiếm ăn khi chủ vắng nhà. Một con chó thật khỏe mạnh không có lông rụng tùm lum làm bé với mẹ phải khò khè.

Trong khi chờ đợi bé An vẫn cứ ngoan nhé. Mẹ giận thì nói vậy chứ mẹ thương bé nhất trên đời.

Ông già Nô-en chúc bé hết suyễn, học giỏi và không bị bạn ăn hiếp nữa. Ông cũng chúc bé một mùa Giáng Sinh thật an lành với mẹ và bà.

Ký tên: Ông già Nô-en.

Bé An vừa đọc thư vừa ràn rụa nước mắt lúc nào không hay. Bé chạy xuống cầu thang ra nhà trước méo máo với bà:

- Bà, ông già Nô-en viết thư cho con nè!

- Đầu đưa bà coi!

Cầm cái thư, bà nheo nheo mắt đưa tờ giấy ra xa, xong chặc lưỡi nói:

- Chèng ơi, chữ ông đó hã, sao giống chữ bà quá...

Mẹ từ dưới nhà đi lên đứng sau lưng bé An khoát khoát tay làm hiệu với bà. Bà chữa :

- Ông viết chữ đẹp quá chớ! Cho bà đọc qua được không?

- Bà đọc đi. Ông già Nô-en hứa cho con một con chó biết tự săn sóc đó. Bà, mai mốt bà cho nó vô nhà mình nghe bà!

Bé An 9 tuổi. Bà qua đời ngày 11 tháng 6. Ngày 14 bé nhắc mẹ, giọng e dè :

- Bà nói khi nào bà chết rồi hai mẹ con muốn làm gì thì làm. Mẹ nhìn bé An, mặt mũi mẹ nhợt nhạt, hai mí mắt sưng mọng. Trong nhà còn khói nhang nghi ngút, hoa cườm treo dựng kín hai mặt tường, khách khứa đến viếng trao đổi thì thăm làm không khí thêm nặng nề thê thảm. Mẹ đặt ngón tay trở lên miệng :

- Suyt! Con qua nhà Na chơi đi. Chừng nào khách về hai mẹ con mình nói chuyện.

Bé An không thích chơi với Na. Miệng nó thú vị vì không chịu đánh răng. Nó lại hay xung mảy tao, chơi nhảy dây đếm ăn gian, chơi đồ hàng khi nào cũng dành làm người bán, chơi gia đình thì đòi làm mẹ, chơi dạy học chỉ muốn làm cô giáo. Học lớp 4 rồi nhưng bé An vẫn còn ngây thơ viết thư cho ông già Nô-en mỗi mùa Giáng Sinh để nhắc ông giữ lời. Năm nào ông cũng hẹn, bảo chưa kiếm được con chó thông minh xuất chúng. Bây giờ bà chết rồi, nó buồn lắm vì rất thương bà; bà lúc nào cũng bệnh khi nó bị mẹ la mắng, bà cũng hay giúi cho bánh kẹo. Buồn, nhưng nó bỗng thấy có nhiều hy vọng; hay là nó viết thư cho ông già Nô-en nói ông chỉ cần kiếm cho một con chó khôn vừa vừa thôi. Thay vì qua chơi nhà Na, bé An lặng lẽ lên gác viết thư.

Kính thưa ông già Nô-en,

Con là bé An nè. Năm nay con chín tuổi rồi. Con học giỏi, chỉ có môn Toán con bị 6 điểm. Cô Nguyễn dữ lắm, đánh con vô xương sườn tại con làm sai, nhưng bị đánh rồi con vẫn làm sai, con không biết tại sao. Con xin hứa sẽ cố gắng học đều các môn.

Ở nhà con cũng ngoan hơn nhiều. Mẹ con đi làm nhưng con tự làm bài nhà và tập đàn không đợi nhắc. Quần áo mẹ phơi khô xong con xếp lại để vô tủ.

Ngoài ra bây giờ trong nhà chỉ còn có hai mẹ con. Lúc khách về hết rồi chắc buồn lắm. Bà con nằm trong hòm màu vàng, đang chờ người ta khiêng đi xa.

Hồi đó bà con nói chừng nào bà chết rồi hai mẹ con muốn làm gì thì làm, vậy năm nay ông có thể mang con chó đến được rồi. Nếu nó ngu quá con sẽ dạy cho nó, như thằng Tỉ Sún đó.

Con Ki-Nô bây giờ biết bắt cả chuột.

Ông không còn gì phải lo vì con thôi không xin một con chó thông minh, bà con cũng không còn ngồi ở cửa để chặn không cho nó vô nhà.

Bé An ký tên.

Giáng Sinh năm đó ông già Nô-en lại không giữ lời, đến năm tiếp theo thì bé An đã thôi tin ở chuyện thần tiên. Chữ viết của mẹ trong các bức thư viết thay, dù cố gắng làm cho khác đi, vẫn còn phảng phất những nét đá đuôi rất mạnh tay ở những chữ g và y, dấu sắc luôn được phết ngược từ dưới lên, nét vuốt không thể lẫn vào ai. Có một bức thư mẹ quên gửi bưu điện nhưng ông già Nô-en vẫn biết tuồn tuột những chuyện bí mật.

Ngày bé An biết sự thật động trời là một ngày thê thảm cho hai mẹ con. Cả hai cùng ngồi khóc ai oán, tiếc cho đoạn kết của câu chuyện cổ tích đã được nuôi nhiều năm. Tuy vậy từ lần đó trở đi, mỗi mùa Giáng Sinh bé An vẫn giữ thói quen viết thư cho ông già Nô-en – bây giờ là bà già Nô-en rồi, mặc dù tuổi còn rất trẻ, không mập thù lù và không có râu. Thư nào cũng gồm rõ ràng ba phần: nêu những điểm tích cực làm được trong năm, liệt kê những việc chưa tốt, cuối cùng bày tỏ nguyện vọng. Bé luôn nhận được thư trả lời, và mẹ không còn phải gõ chữ thật đẹp, thật đặc biệt để giữ uy tín cho thần tượng đã sụp đổ, tuy vẫn giả mạo chữ ký.

Vào cái lúc An ít chờ đợi nhất, Koko xuất hiện.

Nó đến từ gia đình ông bà Lee, phụ huynh của hai trò tên Ka Eun và Sang Eun mà mẹ dạy kèm. Gia đình dọn về nước nhằm lúc họ đang nuôi một con chó ba tháng tuổi, đành phải mang cho vì không muốn tốn thêm phí máy bay. Trời ơi nó dễ thương gì đâu! Lùn, mập, có lông xù màu cà phê pha nhiều sữa. Cái mõm ngắn ngắn làm mặt coi ngu ngu, nhưng hai con mắt biểu cảm khiến người ta cảm chắc là nó nhiều sự.

Bà Lee mang Koko đến bằng xe Mercedes có tài xế lái. Cùng với Koko là tấm khăn ghiền của nó, một hộp bánh kem mua ở tiệm Brodard và một số sức khỏe có dán ảnh đương sự, trong ghi rõ những lần chích ngừa. Ngoài ra bà cũng tặng cô giáo ảnh gia đình chụp hai cô con gái cười rất tươi đứng cạnh bố

mẹ, còn Koko đứng góc mõm nhìn lên cả nhà, trông rất sum vầy và cảm động. Lúc từ giã ra về để Koko lại, bà Lee rơm rớm nước mắt không biết vì phải chia tay nó hay vì không còn dịp gặp cô giáo. Bà vuốt tóc An dặn dò:

- Koko rất thích ăn bánh ngọt. Phần bánh này để tủ lạnh có thể dành cho nó ăn được một tuần. Bé thương nó dùm Ka Eun và Sang Eun nhé.

Bà Lee đi rồi, An nói với mẹ :

- Chết rồi mẹ ơi, nó giàu quá. Nếu bà Lee không nói, con đã xin mẹ cái bánh sô-cô-la rồi. Thấy muốn chảy nước miếng.
- Thật tình mẹ không muốn nhận nó. Minh không đủ giàu để nuôi nó bằng thịt bò bánh kem, nhưng thấy năm nào con cũng viết thư xin ông già Nô-en một món quà « mềm mềm nong nóng » mẹ...chịu không nổi. Với lại, mỗi lần mẹ đến dạy học, nó thường quẩn dưới chân thầy thương. Bây giờ nó về nhà mình, con phải bỏ thì giờ chăm sóc nó đó. Nó không phải con chó xuất chúng có thể tự tắm rửa và tự kiếm ăn được đâu.
- Rồi mình cho nó ăn gì ?
- Mình ăn gì nó ăn nấy; mình sẽ cho nó học tập cái tạo.

Chiều đó hai mẹ con ăn cơm với tép rang mặn và canh đậu hũ, Koko chê, nằm buồn hiu. An lo quỳnh:

- Mẹ, con sợ nó chết quá.
- Không sao, đói bụng nó sẽ ăn.

Koko nhìn đói qua đến hôm sau thì thua, nó mon men xuống bếp khi mẹ đang xào sả với mắm ruốc thịt băm. Mẹ hỏi ;

- Mày ăn mắm không? Nhà này nghèo không nuôi chó bằng thịt bò.

An nhăn nhó :

- Mẹ đừng kêu Koko bằng mày, nghe tội nghiệp nó lắm.

Chỉ sau một tuần Koko đã thích nghi với thực đơn thuần Việt. Nó thích mắm ruốc, biết đứng trên hai chân vẫy đuôi mỗi khi đòi ăn. Trộn cơm phải trộn thật đều, không thôi nó chỉ lựa thức ăn chừa lại cơm trắng. Ban đêm đã hết khóc ti ti nhớ chủ cũ. An đi học rất nôn nê về để thấy Koko chạy lăng quăng ra mừng chị. Mỗi ngày An dắt Koko ra cột đèn theo địa chỉ tư vấn của Tí Sún. Thịnh thoảng trong nhà lại có một chiếc giày bị gặm đứt quai, bình nhựa đựng nước bị cắn thủng lỗ, chân ghế bị cạp

trầy trụa, nhưng An khen :

- Koko khôn quá, mẹ! Nó toàn phá đồ cũ.

Sợ nó có ve, mẹ ra chợ chó mua cho nó một cái vòng bằng chất gì dẻo dẻo, mùi hôi rất khó chịu, ngoài bao bì có ghi *vòng cổ trị ve*. Koko rất bực cái vòng; nó lấy chân trước quào ngược lên cổ tìm mọi cách để bứt ra. Mẹ giải thích :

- Chỗ bán vòng họ nói mùi hôi sẽ đuổi hết ve đi. Con đừng ôm nó nhiều rồi bị sưng. Đừng trộn đồ ăn mặn quá nó rụng lông. Đợi nó lớn chút hai mẹ con mình dắt nó đi chơi. Tạm thời nhốt nó trong nhà không thôi nó kết bạn với mấy em mình đây ve. Chó đẹp như nó dễ bị bắt cóc.

Ki-nô thỉnh thoảng đứng trước cửa ngõ vô kêu ư ử rồi ghéch chân lên xịt dầu thơm ngay chân tường. Koko te te chạy ra hít hít ra chiều thưởng thức. An rầy :

- Koko, đừng chơi với nó. Chị thấy nó đen mà xấu nữa. Nó ăn thịt chuột đó, coi chừng bị lây bệnh dịch hạch.

Từ ngày có Koko An thấy vui lắm. Mẹ có bỏ ở nhà một mình cũng không thấy sợ. Chơi với nó An không lo bị ăn hiếp, trái lại còn cảm thấy mình kẻ cả, thường giở giọng chị. Lâu lâu nhìn lên bàn thờ thấy bà ngoại trong ảnh cười cười, không có vẻ gì giận việc hai mẹ con đã chờ cho bà chết để nuôi chó.

Một buổi sáng mới ngủ dậy mẹ xuống bếp hốt hoảng thấy Koko nằm xuội lơ, bụng thoi thóp, chiếc vòng cổ đã đứt, chỉ còn nham nhờ một đoạn ngắn. Mẹ kêu:

- An ơi xuống coi con Koko nó bị gì rồi, chắc nó nhai chiếc vòng.

Mẹ bồng nó lên, vạch răng, móc họng, lay, lắc. Nhưng có vẻ nó đang yếu từ từ, hai mắt lơ lơ, ánh nhìn không đậu vào đâu. Sau này mẹ kể, thật kinh khủng khi cảm thấy rõ ràng từng khắc nhịp tim nó yếu và chậm dần rồi ngừng. Cơ thể oằn xuống, mềm đi nhưng còn hơi ấm. Mẹ nói, bất lực khi cảm nhận một sự sống đang bị lấy đi ngay trên tay mình là một kinh nghiệm đau đớn và dễ sợ.

Mẹ gói Koko vô tấm khăn ghiền quý tộc của nó, cho vào cái giỏ đệm rồi mang ra đầu hẻm, khúc đường còn đất đá lổn nhổn

chưa trắng xi-măng. Cùng với một chú trong xóm hai người đào cái hồ cạn cạn chôn Koko. An không muốn đi theo. Nó ngồi trong nhà vừa khóc mũi mần vừa nhìn chiếc giầy đứt quai, bình nước thùng lỗ còn máng tòn teng nơi cầu thang, cái ghế có ba chân sần sùi trong góc bếp. Kể từ nay..., nghĩ đến đây nó òa lên khóc lớn cho bụng hết nổi niêm.

2.

Mỗi ngày đi học ngang chỗ khoảnh đất chôn Koko, An không thể nhìn thẳng. Mẹ nói có làm dấu để nhớ, nếu An muốn lâu lâu rủ Na và Tí Sún ra thăm. Đã có dạo ba đưa mang bông mười giờ ra cúng hàng tuần, van vái Koko đừng thêm đau thai làm chó khổ lắm, thế nào cũng bị ve rồi chết vì cái vòng trị ve. Khi chấp tay xá xá, mặt Na trông thành kính, không chán ăn trần quần như những lúc chơi chung. Còn Tí thì đã mọc răng rồi nhưng vì thói quen lúc còn sún, ít khi cười nên khi khăn lau rằm trông cũng buồn bã ra gì. Gần đây sát hèm người ta mới mở một quán nhậu. Mấy ông nóc bia vô đầy bụng xong ra đứng đái dọc theo chân tường, đám cỏ lở ngổ bình thường chẳng mạnh khỏe gì nay bị u-rê liều cao hết góc đầu lên nổi. Mẹ cấm không cho cà rà khu vực mất vệ sinh, bảo Koko đi đâu thai rồi giờ chỉ còn xương khô không có hồn vía gì nữa, giống đất cát vậ thôi. An cố tập cho quen với ý nghĩ đó.

Vậy nhưng không ngoài ngoài được. Một hôm mẹ có vẻ dút khoát nói:

- Mình đi mua một con chó.

An chân chừ :

- Con chỉ thương Koko thôi.

- Mẹ mua cho mẹ mà. Nếu con thích, mẹ cho con chơi chung.

Gọi là chợ chó nhưng có cả chim chóc, mèo, thỏ, bọ, cá, rùa, trăn, rắn... An mê mần. Chỗ này hấp dẫn còn hơn sở thú nơi cộp beo óm nhóm buồn hiu nằm trong chuồng nhìn ra, mặt dân chúng khều chọc bắt phải nhúc nhích; trẻ con quăng vô linh tinh bất cứ cái gì có thể nhưng chỉ được đáp lại bằng ánh mắt thờ ơ, nếu không nói là chán chường lẫn coi thường. Mẹ

đang lom khom trước một chuồng chó con. Bốn con na ná nhau nằm chen chúc trong góc ngủ ngon lành, một con còn thức đưa mõm ra ngửi tay mẹ. Nó có lông dài màu trắng đen rừ mềm ôm hai bên sườn trông rất điệu. Trên hai mắt có hai chấm đen, nghe nói chó bốn mắt rất khôn. Ông bán chó rôm rả:

- Lấy con đó đi cô, nó lanh lắm. Cô coi nè!

Nói đến đây ông ta mở cửa chuồng bắt con chó ra, lấy cái muống canh vớt từ trong cái nồi gần đấy chất gì sệt sệt, xong tróc lưỡi:

- Lại đây ăn nè, ăn nè...

Con chó lanh thật, nó chạy lých quỳnh về phía cái muống liếm hồi há như sợ mất phần. Mẹ có vẻ bị thuyết phục. Có tiếng thì thâm bên tai, mẹ quay lại. Một ông lạ hoắc:

- Chị đừng mua con đó. Trông nó đẹp nhưng cái đuôi nó cụt như chó bị chặt đuôi. Đuôi chó quan trọng lắm chị. Tưởng tượng chị đi làm về nó chạy ra mừng mà chị không thấy nó vẫy đuôi, mắng nó không thấy đuôi nó cụp xuống biết lỗi. Nhìn nó nằm chơi lâu lâu phất đuôi một cái đuối ruồi cũng thấy thích.

Mẹ nhìn ông người lạ mỉm cười biết ơn. Thấy hai người xì xào bàn tán một hồi rồi cùng bỏ đi, ông bán chó tiu nghiu quay mặt chỗ khác có vẻ giận. Lang thang cả buổi mẹ mới chọn được một con cũng trắng đen, có xoáy chạy dài theo sống lưng, bốn mắt; còn cái đuôi thì phải công nhận là cực đẹp. Nó lòa xòa như cái quạt phe phẩy hầu vua.

Mẹ nói:

- Mẹ đặt nó tên là Bonnie nghe. Bonnie trong bài tiếng Anh mà con hay hát đó ! Con có thấy nó ngo ngác y như từ bên kia đại dương theo mình về nhà không?

Mẹ lái xe gắn máy, máng cái gió đệm chỗ tay lái, miệng hát nhỏ:

My Bonnie is over the ocean

Oh bring back, bring back my Bonnie to me, to me...

Từ chỗ ngồi ở yên sau An nhìn thấy nó ngoi đầu ra khỏi miệng giỏ giỏ xe cộ qua lại, gió thổi làm hai mắt nó nheo nheo, hai lỗ tai mỏng bay bay giống y trong phim hoạt họa.

Bonnie về nhà mới, ngo quanh quất rồi đi thẳng đến nằm bên dưới ghế đàn, nơi nó coi là chỗ ưa thích ngay lần chọn đầu tiên. Kể từ hôm đó Bonnie là thánh giá trung thành mỗi khi An

tập đàn, có điều nó dị ứng với mớ âm cao của giàn phím bên phải, nên nhiều bản nhạc An tập có chêm thêm phần bè giọng tru của fan. Chỗ của mẹ nhưng An chơi chung, chưa thương bằng Koko vì sâu cũ chưa nguội.

Bonnie ngoan, dễ nuôi, không kén ăn tuy không từ chối thịt bò và bánh kem, không sợ tắm nước lạnh, không phóng uế bậy, biết sửa dũ với những người An không ưa - thậm chí thù dai, và vẫy đuôi niềm nở với khách quý, vốn không ai khác hơn là Na và Tí Sún, sau này thỉnh thoảng có thêm bạn học của An ở Minh Khai đến chơi. Nhận định của An:

- Bạn nào xấu tính thì nó mới sửa, tốt thì nó mừng; nó không lắ mẹ, biết chọn bạn giùm con.

Càng lớn lông Bonnie càng mượt, trên sống lưng gợn cầu kỳ những xoắn trắng đen kéo dài đến tận chóp đuôi. Không phải giống to con nên lúc cao đến khoảng 50 phân thì nó ngừng lớn. Cái mõm ngắn thuở mới nhập hộ khẩu, nay dài ra làm nó trông hơi lưu manh, mắt láu liên gian xảo, hai bên mép lại lia chia mấy cọng râu bằng bạc. Nó không xấu đi, chỉ trở mã thành một thiếu nữ đánh đá có nhan sắc, may còn cái đuôi xòe cánh quạt giữ lại chút dịu dàng nữ tính. An hỏi:

- Sao con gái mà có râu mẹ?
-
-



Tranh Thân Trọng Minh

Mẹ đi làm, An đi học, ngày nghỉ ai cũng có việc phải xong để sẵn sàng cho tuần lễ tiếp theo, nhất là An càng ngày bài vở càng nhiều, chưa kể những buổi đi học thêm Toán Lý Hóa và piano ở nhà các thầy cô vì vậy Bonnie luôn khi bị nhốt trong nhà. Không có chuyện dẫn chó ra cột đèn cho ị và tè như Tí Sún đã tư vấn thuở còn Koko, không có thông dong đi dạo công viên hay thậm chí huấn luyện kỹ năng bắt chuột. Nhịp sống hàng ngày của Bonnie đơn điệu, thiếu vận động, thiếu cả bạn để chơi với. Buồn tình, nó hay ngồi xõm ở hàng hiên, đưa mõm ra khe trống của cổng rào ngó ông đi qua bà đi lại, thỉnh thoảng sủa hoảng. Ki-nô của Tí Sún, chúng nào tật nấy, lại ve vãn, tưới nước hoa cảm dỗ. An lại có dịp bỏ giọng chị:
- Bonnie à, nhà mình phụ nữ ai cũng đang hoảng...

Sinh nhật 16 mẹ mở cassette bài Sixteen Candles, An nhảy cà tung theo nhạc, có em Bonnie lẳng quẳng chạy theo vòng vòng. Chị An đã thành thiếu nữ tuổi trăng tròn, mắt sáng môi tươi, da dẻ mịn màng trắng trẻo, tóc dài, cũng xoắn tự nhiên như lông Bonnie, ngón đàn đã mượt, điểm ghi trong học bạ luôn có kèm lời khen của thầy cô phụ trách bộ môn, đặc biệt văn và ngoại ngữ. Cũng có một chàng ve vãn. Anh này là học trò cũ của mẹ. Sau 6 năm định cư ở Úc, Việt kiều về thăm quê hương, một hôm ghé qua ngôi nhà trong hẻm nhỏ của cô giáo già bỗng thấy con bé 10 tuổi ngày xưa đã lớn sần sần, xinh như mộng. Trong hai tháng lưu lại với gia đình ở khu chợ Vườn Chuối, anh lui tới Phú Nhuận thường xuyên, gần như hằng ngày. Ban đầu Bonnie sủa mùi bơ sữa, mùi dầu thơm, mùi quần áo nồng nặc nước xả Comfort. Chỉ mới đánh hơi thoang thoang xa xa ngoài ngõ nó đã lòng lộn như bắt cướp khiến An quyết đoán:

- Việt kiều này thuộc loại người xấu, rất nên đề phòng.

Lại còn tỏ ra rành rọt:

- Mẹ đọc báo thì biết.

Chỉ vài hôm sau Bonnie đổi thái độ, chuyển sang niềm nở mừng chào khách quen, hẳn do mê muối phồn vinh giả tạo, không biết khách nựng nịu vượt ve mình cốt để lấy lòng chủ. Thỉnh thoảng anh có xin phép cô giáo đưa em đi ăn kem. An vừa điệu vừa cảnh giác. Thích được quà nhưng nhận nhiều lại đâm lo.

Chiều chủ nhật Việt kiều mặc quần kaki trắng, áo sơ-mi huyết dụ, cà-vạt sọc xám đỏ đến xin phép đưa em đi ăn tối ở nhà hàng Thanh Niên đường Nguyễn Văn Chiêm, có nhạc nền dương cầm và vĩ cầm. Công vừa mở, Bonnie mừng quần đít chồm lên người khách, thè lưỡi liếm tá lả. Em sững sờ nhìn anh xô ngược Bonnie tàn bạo, hai tay anh phải lấy phải để những vết lấm trên cái quần trắng tinh tươm trong khi Bonnie, hình như bị té đau, tẽn tò cụp đuôi chệnh choạng lui vào nhà trong, vừa đi vừa ngoái lại nhìn khách, ánh mắt vừa sợ vừa dỗi vừa hoang mang. An bấu lấy ánh mắt đó. Suốt buổi tối, trong nhạc nền óng ả và đèn vàng lãng mạn, em ít lời, chỉ chăm chú quan sát anh mân mê chỗ áo sơ-mi lụa bị quào sướt bởi móng chân Bonnie. Trên kia Vương Hương đệm piano cho Luân Vũ cưa kéo bài Czardas, dừng không mà nghe bị bõm hụt hơi như bị sặc nước.

Việt kiều bay rồi, An thở phào khăng định, giọng bà cụ non:

- Ai không thương được loài vật không thể yêu được loài người.

Mẹ nói hùa:

- Dám trúng lấm à!

Bonnie theo An đến hết cấp ba thì già, quạu quọ, khó chịu. Con nít đi ngang nhà cũng bực, sủa lâu bầu, giọng đã bớt sung. Ai đến nhà cũng nghe răng ra gừ sần sảng phập. Đã có lần mẹ phải đền tiền chích ngừa chó dại cho một bà dữ như chần có đưa con trai phá như quỷ hay thọc tay vô công chọc Bonnie. An thường rửa coi chừng có ngày nó đớp cụt tay cho đáng đời. Đáng đời mẹ chứ đời ai, đã bị chửi còn phải nghỉ dạy một buổi đưa thằng nhỏ đi viện Pasteur. Mẹ nói:

- Bonnie già rồi con, một năm của mình bằng 7 năm tuổi của nó.

Nhưng Bonnie không chết già. Ở tuổi thất thập cổ lai hi nó bị một tí ve bầu không biết từ đâu tấn công. Ban đầu thấy nó gãi thôi là gãi, tưởng bị ngứa vì bộ lông dày, lúc vạch ra thấy sờn tóc gáy! Trên người không có chỗ nào trên da là không có ve, con nào con nấy no nóc máu. Bác Tâm hàng xóm bình luận hèm sau lưng có chó mới chết, chắc mấy con ve bò sang đây tìm chỗ tạm cư. Nếu quả đúng như vậy, tội này đạt kỷ lục về

tốc độ bò tập thể.

Mẹ khám phá ra cứ một phu nhân ve bầu màu cảm thạch to tròn bằng hạt đậu phộng thì lại có một đực phu quân bé tí bằng con chí mền đen thùi lùì bầu sát gót, cứ vậy mà gia tăng dân số theo cấp số nhân. Tắm xà bông thuốc, cào, móc, nạy... mẹ làm đủ cách trừ việc cho nó đeo cái vòng diệt ve như Koko. Đi dạy thì thôi, về đến nhà là nhào vô lo cho nó trước, nhiều hôm đến khuya hai mẹ con mới xong cơm tối. Máu đầu mà nuôi một ti ve chứ! Nó bỏ ăn, ốm nhom, buồn hiu, lại có vẻ thêm thiếp như sốt. Cái đuôi đẹp nay đã xơ xác giống khúc chổi cùn.

Phải mất cả tháng trời Bonnie mới tạm lấy lại sức nhưng lông vẫn thưa thưa hai bên sườn, kết quả của xà bông, hóa chất, thuốc ghê. Mẹ hào phóng cho nó ăn cả thịt bò, thậm chí hầm thịt sườn nấu cháo như đút từng muỗng như nuôi em bé nhưng nó chán ngán nhoi nhả, xương xẩu nổi gò trên sống lưng nơi trước đây từng có những gọn lông xoắn pha trắng đen kéo dài đến tận đặng đuôi. Thiếu nữ danh đá có nhan sắc giờ trông y hệt bà già trâu vừa còm nhom vừa hom hem.

Đã sạch ve nhưng coi bộ nó yếu lắm, chỉ vài tuần sau thì bị đại nạn, liệt hai chân sau. Chắc con chó hèm bên kia qua đời vì bệnh ca-rê, trước khi trút hơi cuối cùng đã trần trối căn dặn lũ ve mang vi trùng bệnh sang gieo rắc hèm bên này. Tội gì đâu! Để di chuyển, nó ghì hai chân trước giữ đà rướn rồi trườn người tới kéo lét theo hai cái chân liệt. Thường nó ở yên một chỗ chịu trận; tìm được chỗ kín và tối, nó đút đầu vô đó nằm im im, đuôi xuôi lơ kẹp giữa hai chân sau duỗi thẳng ra ngoài. Vẫn là chỗ ưa thích dưới ghế đàn. An ngại tập đàn khi có Bonnie nằm bên dưới nên phải kéo nó ra đời qua gầm bàn. Những lúc như vậy nó rất quạu, gần như hung dữ muốn xực lại chủ, nhưng yếu quá đành tiu nghỉu ừ ừ chấp nhận.

3.

Dưới nhà Bonnie khóc ti ti suốt đêm trong khi hai mẹ con nằm chung giường trên gác, đang cố dỗ giấc. An trần qua trở lại, lo nó chết không có ai bên cạnh. Nhớ lần phát giác ra Koko thoi thóp, mẹ cầm nó trên tay nghe nhịp tim nó yếu dần rồi ngưng,

người còn ảm. Không quên mẹ đã nói *bất lực khi cảm nhận sự sống đang bị lấy đi ngay trên tay mình là một kinh nghiệm đau đớn và dễ sợ*. Cầu Trời sẽ không phải có thêm một kinh nghiệm tương tự. An tưởng tượng chẳng thà sáng dậy thấy Bonnie đã lạnh cứng, đầu đứt dưới gằm ghế đàn, nửa phần thân sau đưa ra ngoài. Chắc, tội nghiệp quá không biết nó chết lúc mấy giờ. Rồi mẹ sẽ mếu máo kéo nó ra.... Chỉ nghĩ thôi An đã khóc thút thít, thất thỏm như biết trước sắp mất một đứa em hay một người thân trong gia đình. Đầu hẻm đã được tráng xi-măng, có xác Koko nằm dưới chân tường, nơi các đệ tử lưu linh từ quán nhậu bên cạnh chốc chốc chân nam đá chân xiêu bước sang đứng quay mặt vô tường xả bia bọt trước khi trở lại quán uống tiếp. Trong căn phòng đã tắt đèn tối thui, An ngo nguẩy, thê thiết:

- Rồi chỗ đầu mà chôn Bonnie?

Mẹ bảo:

- Trời ơi, ngủ đi để mai mẹ tính.

- Con hỏi thăm người ta nói bệnh ca-rê không thể chữa được, ăn thua là hồi chó còn nhỏ phải mang đi chích ngừa. Ủa sao mình không chích ngừa nó hả mẹ?

- Hôm mình mua, người bán chó nói đã chích rồi. Chó chợ, có phải quý tộc đi xe Mercedes ăn bánh kem Brodard như Koko đâu mà có số sức khỏe. Nó sống với mình 10 năm từ hồi con còn là thiếu nhi đến thành thiếu nữ, lúc nào cũng khỏe mạnh, thấy có bệnh tật gì đâu!

- Vậy bẻ nào nó cũng chết, con không muốn thấy nó chết mẹ ơi!

- Vậy làm sao?

- Con không muốn thấy nó chết. Rồi mình làm sao? Lòng dạ nào quẳng nó vào một bãi rác công cộng, cũng không thể tìm đâu ra một góc đất trống để chôn....

- Con im một lát cho mẹ tính có được không?

Giọng mẹ chua, xẵng nhưng buồn. Có cảm tưởng như cả hai lần đều do lỗi ở mẹ. Với Koko là cái vòng trị ve, với Bonnie, mẹ đã cả tin lời người bán.

Chiều thứ ba An nghỉ học Toán nhà thầy Song Minh, theo mẹ đưa Bonnie đến trạm thú y trên đường Lý Chính Thắng. Bonnie được cho vô cái giỏ đệm cũ, nay đã chật so với ngày bé con nhập hộ khẩu 10 năm trước. Bằng tất cả sức lực còn lại, nó

vùng vắng muốn thoát. An leo lên yên sau xe gắn máy, tay ôm cái giỏ có hơi ấm của Bonnie, mẹ lái. Đây là lần thứ nhì Bonnie được đi chung với hai mẹ con. Lần đầu từ phố về nhà, lần này từ nhà ra phố. Nó cục cựa, cổ ngoi đầu ra miệng giỏ nghếch mõm ngó dòng xe cộ xẹt qua xẹt lại, hai tai cụp, mắt lơ dờ. Sao lâu nay mình không chờ nó đi chơi? Sao mình ít chạy nhảy với nó? Sao mình cấm nó có bạn? Sao mình để tuổi thanh xuân của nó tàn héo trong hẻm nhỏ, chỉ vì nhà mình... phụ nữ ai cũng đang hoảng? Trong cổ An vương một cục nghẹn, nó trôi lên hụp xuống như chết đuối trong dòng nước mắt bị nuốt ngược vô ngực.

Trạm thú y nhỏ xíu, tối hù. Bước vô cửa thấy liền một bàn gỗ có một cô mặt mũi lạnh lẽo đang ngồi nghiêm trang hí hoáy. Mặt lạnh ngắt lên hỏi:

- Cần gì?

Mẹ từ tốn:

- Dạ chúng tôi có một con chó bị ca-rê...

- Chỗ này không trị bệnh, không chích ngừa; bị ca-rê thì chờ chết chứ còn non nước gì nữa!

- Dạ thì... nó đang chờ chết, nhưng chúng tôi không muốn chờ; ngoài ra cũng không biết sẽ giải quyết ra sao khi nó...

- Hiểu rồi! Ghi địa chỉ tên họ chủ chó, đóng 12.000 tiền mũi thuốc với tiền công, chờ lát có người mang nó qua bên kia.

Mặt lạnh giờ ngón tay chỉ sang bên phải. Đâu thấy gì. Tường chắn ngang, mặt tường tô vôi vàng vàng, nhiều chỗ tróc vữa. Nghe xa xa tiếng chó ăng ăng đủ cung bậc, coi bộ đông. Ở đây người ta làm gì mấy con chó? Gửi điều trị, gửi tạm trú trong khi chủ đi vắng, gửi bán giùm, gửi cho không để chờ người đến xin hay chờ mấy tay chủ quán thịt cày, còn gì nữa? Hai mẹ con ngồi chờ, cái giỏ đệm đặt dưới đất theo thế nằm. Bonnie đang cố gắng dùng hai chân trước yếu ớt cơi miệng giỏ tìm cách thoát thân. Nó đã nghe ra ngôn ngữ đồng loại? Nó đang nhặt tin hiệu qua sóng từ trường, biết trước chung cuộc? Nghe nói con gà con vịt con heo trước khi bị cắt tiết cũng biểu hiện sự kinh hãi do linh tính. An bắt đầu mếu. Cục nghẹn đã trôi lên khỏi cổ, bật ra thành tiếng. Mặt lạnh cao giọng:

- Khóc cái gì? Chó chứ có phải... Xời, đem tới đây mà còn khóc, sao không để nó ở nhà? Kia, xách con chó đi theo ông đó đó!

Ông đó đó có vẻ một tay bặm trợn, mặt ngầu ngầu, mắt lừ lừ. Hai mẹ con lú rú xách cái giỏ đệm đi theo. Vòng qua một khoảnh sân nhỏ lờm chờm gạch đá, đi ngang một bãi củi chất cao đến vai, thấy khói vùn vù từ một hốc to trông giống cái lò khổng lồ được tấn sớ sĩa bằng những thỏi gạch 4 lỗ - thứ người ta xếp chồng xen kẽ rồi khàn lại để xây tường, sau cùng đến một cửa hẹp.

Mặt ngầu nghiêng cái lưng dềnh dang chen vô trước. Hành lang hẹp tó tron trọt dẫn đến một khu ẩm ướt, nền tráng xi-măng loang lổ. Chuồng, chuồng, chuồng, 20 cái xếp hàng dọc mỗi cái bề ngang khoảng 8 tấc, dài một mét, cửa bốp ống khóa Trung Quốc; tất cả tù mù trong ánh sáng nhợt nhạt của duy nhất một ngọn huỳnh quang 6 tấc mắc lòng thòng ở góc nhà. Từ các ô chuồng, chủ hộ gồm đủ mọi chủng loại, kích cỡ, màu lông đang cùng nổi gân cổ trỗi lên bản giao hưởng tạp âm làm lạnh xương sống. Mặt ngầu mở cửa một ô trống, ra lệnh:

- Cho vô đó đi!

An tê tái trái lên cái nền nhóp nhúa tấm khăn vuông bằng ni màu xanh da trời, rồi mẹ cẩn thận kéo Bonnie ra khỏi giỏ đệm, nhẹ nhàng bế đặt lên đó. Bonnie bị kích động thấy rõ, nó như ráng sức rên to hơn, bụng thóp, ngực phình, hai chân trước quơ quào tuyệt vọng. Chúng nó đang truyền đạt cái gì với nhau qua bản đồng ca? Tại sao Bonnie hốt hoảng ra mặt như thể biết chắc sắp bị bỏ lại? Mặt ngầu lâu bầu, tay lắc lắc ống khóa:

- Xong rồi ra ngoài đi.

Hai mẹ con bầu nhau đứng nhìn Bonnie. Nó nhìn trả. Suốt đời An sẽ không quên. Ánh mắt níu đến sượng, được vài giây bỗng ngời lên. Vào cái lúc bất ngờ nhất, khi hai mẹ con sắp bước giật lùi ra cửa, Bonnie thu hết tàn lực đứng dậy, 4 chân lập cập như gãy khớp, đoạn khuyu liền xuống, rũ ra trên tấm khăn ni. An ôm mặt chạy ra ngoài; giữa mớ tạp âm đình tai sũa, tru lẫn khặc khặc, em vẫn nhận ra được tiếng kêu ư ử thảm thiết của Bonnie. Nó đã ám em suốt 10 ngày qua, và sẽ còn lâu nữa.

Trở lại gian bên, ngồi lại hai cái ghé kê sát tường ngó xéo qua bàn gỗ của mặt lạnh, hai mẹ con chờ. Không biết chờ gì. An khóc đến sung mắt, đầu nặng, người chùng xuống. Mẹ lựng bụng không muốn về. Mặt lạnh se sẽ liếc, không nghe buông

lời nào dám đặng, chắc cuối cùng cũng ít nhiều cảm thông nỗi niềm chia ly của người trong cuộc.

Lát sau, qua bức tường ngăn hai khu vực bỗng nghe xa xa bật lên một âm mí, cao đên nhói ngực, hực, rồi im. Mặt ngẫu vừa tiêm thuốc cho Bonnie. Nó đã lằm liệt đứng dậy vào phút chót để nhìn vói theo mẹ và An, cô bé mà nó đã lớn cùng. Nó muốn chứng tỏ, vói tất cả sĩ diện, rằng nó vẫn còn đủ sức để cùng quay về nhà. Nó không muốn chết trước khi thực sự bị vắt kiệt bởi chứng bệnh quái quỷ. Chỉ là một buổi đi chơi bằng xe gắn máy thôi mà. Nhớ không bé An, mười năm trước...

Mẹ cầm cái giỏ không đưa cho An, đứng dậy nói:

- Mình đi về con.

Giọng mẹ như có nhúng nước. Hai mẹ con lừ nhừ chào mặt lạnh ra công. Bỗng nghe gọi giật chói lói:

- Chị gì đó ơi, quên nữa, đóng thêm 3.000 tiền củi.

Vậy là người ta sẽ thiêu nó hay nướng trui nó? Ba ngàn đồng củi thì chín tới đâu chứ? Hóa ra cái lò gạch có khói vẫn vù nhìn thấy lúc này là lò thiêu. An nghe trong đầu mình đang lằm lằm hát:

My Bonnie is over the oven

Oh bring back, bring back my Bonnie to me, to me...

Mẹ trở đầu xe, đi ngược đường Lý Chính Thắng để ra Hai Bà Trưng. Xe chạy ngang một bãi rác. Có một bé gái 6, 7 tuổi đang lom khom móc bịch ni-lông. An hỏi:

- Con bỏ cái giỏ lại đây nghe mẹ?

Vừa loay hoay rà xe tấp vào lề, mẹ vừa nói ừ, giọng trầm. An lia cái giỏ. Gió thổi bạt chữ ừ của mẹ theo cái giỏ đệm, nó bay chệch xuống đường. Cô bé chợt nhìn thấy, lảng nhảng chạy ra nhặt. Xe gắn máy thẳng két, mặt rần rì, giọng thô:

- Đụ mẹ, muốn chết hả?

Cười toe, khoe hàm răng sâu, giọng kim:

- Đụ mẹ, chớ bộ tưởng tui muốn sống hả?

Trần thị NgH

Helsinki, 06.2011

Ngân lệ chiều áp lễ

Giáng Sinh

đoàn xuân thu

Melbourne mùa Giáng Sinh tuyết chỉ rơi trên màn ảnh truyền hình. Thay vì tiếng nhạc tuần lộc kéo xe trượt tuyết, Jingle Bells, Jingle Bells, là tiếng hú còi inh ỏi “Cháy đâu? Cháy đâu?” của xe chữa lửa. Thay vì gió tuyết tràn qua khung cửa sổ, qua những dãy đồi thông, tùng, bách, là gió sa mạc từ phương bắc thổi về thành phố, mang theo tàn lửa, khói, bụi của hàng chục, trăm ngàn mẫu rừng bạch đàn đang phùng phùng bốc cháy.

Lúc ấy, tôi đang làm Santa Claus ở một *shopping centre*. Công việc làm theo mùa, bắt đầu vào đầu tháng chạp, chấm dứt vào chiều áp lễ Giáng Sinh. Khách hàng đa số là trẻ con. Việc làm nhiều giờ, nóng kinh khủng; áo ướt đẫm, mồ hôi chảy thành dòng trên má. Cực hình. Hỏa ngục. Ấy là chưa kể đến những đứa trẻ nghịch ngợm, quậy phá, hò hét: “Á! Santa Claus da màu!” Nếu mình không giới hạn, phát cáu, phản ứng lại quá đáng là hư bột, hư đường, hư việc... “Khách hàng là thượng đế.”

Tuy đối với một số người việc làm này là cực hình, là hỏa ngục nhưng đối với một số người khác thì lại thích. Chín người mười ý. Riêng tôi, thích hay không gì cũng phải làm. Mới từ đảo, chân ướt chân ráo đến Melbourne, trợ cấp an sinh xã hội chỉ đủ cho tiền ăn, tiền *share* phòng, trong khi vợ con tôi bỏ lại quê nhà đang đói, tôi chụp lấy bất cứ cơ hội nào để kiếm tiền. Không có việc lương thiện nào xấu, chỉ có người xấu mà thôi.

Nước Úc này nhận di dân, tị nạn vào là để làm việc, đóng thuế, góp phần xây dựng chứ không phải để nuôi làm kiếng. Nuôi

hoài, nó đâu có chịu.

Vậy thì “muốn ăn phải lặn vào bếp, muốn chết phải lết vô hòm”, tôi viết đơn xin việc gọi đi khắp nơi, bất cứ việc gì cũng chẳng từ nan, từ bảo vệ, gác-dan, thâu tiền *car park*, thậm chí đến nhân viên vệ sinh, lau chùi, quét dọn.

Thư xin việc gọi đi nhiều, mới đầu còn hy vọng được kêu đi phỏng vấn, chờ hoài, chờ hủy, dần dần thành tuyệt vọng. Suy nghĩ hoài mà tôi chẳng thể tìm được lý do nào khả dĩ cắt nghĩa được tại sao họ chẳng kêu mình. Mình có đòi làm thầy chú, luật sư, bác sĩ gì đâu, mà có đòi cũng không được, mình biết thân mình, chỉ xin làm cu li thôi; hay là khi thấy cái tên họ chần vắn, đằm đằm mùi nước mắm của mình thì họ đã thân nhiên vứt cái đơn xin việc vào sọt rác rồi cũng nên. Chính sách một thời Úc trắng, *the White Australia*, chỉ mới khai tử gần đây, đám cũng còn sót lại cả đồng tay kỳ thị.

Vậy là tôi quyết định phiên âm tên mình ra tiếng Anh, Tony Dawn, cái tên phảng phất mùi bơ sữa.

Biết chuyện, anh bạn cùng *share* phòng với tôi, trong một bữa nhậu cuối tuần, đã vội quở:

“Anh chân ướt, chân ráo qua Úc mới mấy tháng, tiếng Anh nghe còn điếc, nói còn cà lăm, mà đã vội quên mô mà ông bà. Mình mất nước, mình chạy; nhưng hình ảnh quê hương, ông bà, cha mẹ, mình mang theo, mình giữ chứ. Vậy mà ngay cái tên cúng cơm của cha mẹ đặt, anh cũng bỏ luôn.”

“Anh trách tôi, tội nghiệp, tôi không phải hạng người tham đồ bỏ dăng, thấy trắng quên đen, hay trường giả học làm sang. Cuống nhau rún của tôi, ba má tôi đã chôn đầu đó ở một làng quê ven thị xã Mỹ Tho thì làm sao tôi quên được. Má tôi từng nói: “Cuống nhau rún của con chôn ở quê hương, bản thổ, lỡ sau này thời thế đổi thay, làm thân lưu lạc, đất khách quê người, tha phương cầu thực, vẫn còn cái nhớ để trở về.”

“Tôi đổi tên chẳng qua để dễ xin việc. Tôi cần tiền. Vợ con tôi đang ăn độn bo bo ở quê nhà mà anh.”

Trong lúc không còn hy vọng gì nữa thì tôi được gọi đi phỏng vấn. Phỏng vấn tôi, Maria Paterson, trẻ, tóc vàng sợi nhỏ, mô đỏ, mắt xanh, là nhân viên điều hợp của công ty Southern Cross có một đội ngũ hơn 600 Santa Claus trên toàn quốc.

Khi tôi đến, da vàng, mũi tẹt, tóc đen, dưới một cái tên rất Úc thì Maria trở đôi mắt xanh lơ ngạc nhiên nhìn tôi, làm tôi hơi bực bội. Tôi hít một hơi thở thật sâu: “Nhìn nó đi! Nhìn nó đi! Mình đến đây để xin việc chứ không phải để cãi lộn. Vợ con mình đang đói, đang ăn độn bo bo ở quê nhà kia.” Dù thâm nhủ lòng như vậy, nhưng khi Maria hỏi tôi: “Ông có thể cho tôi biết tại sao ông lại muốn làm Santa Claus không?”, tôi tức quá, không nhịn được nữa, nổ luôn: “Tôi muốn làm Santa Claus vì hai lẽ. Thứ nhất là tôi cần tiền, cần việc làm.” Tôi lên giọng, hơi gay gắt: “Thứ nhì là làm Santa Claus, tại sao không? Chúa là của muôn người, không phân biệt chủng tộc, màu da: trắng, vàng, đen, đỏ. Santa Claus cũng vậy thôi! Da trắng làm Santa Claus được; tôi, da vàng, thì cũng được; có sao đâu?” Tôi muốn cho cô ta biết tôi đang bực bội. “Nè! Đừng có lên giọng kỳ thị nghe cô nương!” Ai dè, Maria Patterson có vẻ chịu câu trả lời của tôi, đáp lại bằng cái tiếng Anh hơi ngọng, giọng Úc: “*Fair enough!*” Có lý!

Vậy là tôi được nhận vào lớp huấn luyện Santa Claus bắt đầu vào trung tuần tháng chín; sau khi qua sự thẩm tra lý lịch tư pháp của cảnh sát.

Mặc dù dưới tay Maria Paterson có hàng trăm Santa Claus, đồng phục đỏ, viền trắng, mỗi năm cô vẫn phải kiểm thêm người. Việc làm đòi hỏi nhiều thể lực nên khi Santa Claus tuổi già chồng chất, yếu quá không thể nào kham nổi nữa. Có lần Maria điện thoại cho một Santa Claus trong danh sách để xem ông có rảnh để làm việc cho mùa Giáng Sinh này không thì mới hay ông đã qua đời. Thật là một cái tin tang chế buồn bã.

Nhiều người đã làm Santa Claus suốt 18 năm ròng rã, nên muốn mình mới là chính hiệu cầu chứng Santa Claus. Có lần Maria nhận điện thoại, bên kia đầu dây nói: “Chào Maria Paterson! Santa Claus”. “Nhưng Santa nào đây? Khi trong tay tôi có hơn 600 Santa Claus trên toàn quốc.” - Maria kể lại.

Lớp huấn luyện Santa là phòng hội của chi hội cựu chiến binh Úc, *RSL*, ở khu lao động miền tây Melbourne, Footscray. Hơn 70 người đến dự hai ngày huấn luyện trước khi được phân về các *shopping centre* để làm việc: chụp hình kỷ niệm Giáng Sinh với trẻ con, dĩ nhiên có tính tiền, sau là đáp ứng lời ước Giáng Sinh của trẻ con về một món quà nào đó và biến giấc mơ đó thành hiện thực... bằng tiền của ba má chúng.

Trong căn phòng nhộn nhịp, một ông già tóc bạc, râu dài, chặn tôi ở cửa, quắc mắt nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi gầm gừ đe dọa: “Này, tôi cho anh bạn biết, không được tiết lộ bất cứ bí mật nào của căn phòng này ra ngoài nhé!” Tôi lúng túng chưa biết trả lời sao thì ông già đã nháy mắt, cười rung cả bụng: “Chỉ đùa thôi!” Rồi dùng tay mình vỗ vào gan bàn tay tôi một cách thân thiện.

Đó là quang cảnh lần đầu tiên tôi thấy rồi suốt đời chẳng thể nào quên. Cả một biển người tóc bạc, có người mang kiếng lão, râu trắng như cước, với những chiếc bụng bự đầy mỡ, Việt Nam mình hay gọi là thùng nước lèo, mà từ nhỏ tới lớn đây là lần đầu tiên tôi mới thấy cái thùng nước lèo bự đến thế.

Santa trẻ nhất 25 tuổi, già nhất 92 tuổi. Đủ nghề: tài xế xe buýt, nhân viên ngân hàng, kỹ sư hay những người đã về hưu. Nhiều người kỳ cựu, đã làm Santa Claus chuyên nghiệp rất nhiều năm. Tái huấn luyện chỉ là dịp để họ cập nhật hóa những luật lệ và phương thức làm việc mới nhất. Nó cũng là dịp gặp lại những người bạn Santa cũ để trao đổi kinh nghiệm và tiện thể đầu láo cho vui. Cuộc sống ở đây, xứ Úc, già, cô đơn, buồn chán lắm.

Họ ngồi trên những chiếc ghế bằng nhựa, làm chun ghế muốn oằn luôn, tay cầm quyển cẩm nang huấn luyện, nhưng không thèm để mắt tới một chữ, chỉ lo nói cười ầm ĩ và có vẻ chẳng để ý gì đến Maria Paterson, người điều hợp chương trình, đang rất cố hò hét để có át tiếng ồn ào như ong vỡ tổ...

Lớp huấn luyện kéo dài hai ngày. Nhiều người nghĩ đóng vai Santa Claus dễ như ăn cơm sườn nhưng thực sự không phải vậy. Nhiều học viên bỏ cuộc vì khó quá!

Ngày đầu học lịch sử Santa Claus, nhớ tên các con tuấn lộc, nghiên cứu cách sử dụng các loại đồ chơi mới nhất ở thị trường, Santa Claus phải học cách mặc quần áo rất phức tạp, mất nhiều thì giờ để hóa trang cho đúng. Giày boots phải màu đen và được đánh *cirage* cho bóng. Santa không bao giờ mang đồng hồ. Bút nịt không được xệ khỏi rún quá xa. Râu, tóc giả thẳng thớm, phất phới, bay bay. Ông già Santa có người mập, có người ốm. Ốm phải độn thêm miếng vải lót. Joe Jolley, người giỡn mặt tôi khi lần đầu tôi bước vào lớp, là ông già Santa mập, nên miếng lót được trao cho tôi, vốn ốm nhom ốm

nhách. Joe cười, vỗ vào bụng đầy mỡ của mình rồi nói: “Nhìn nè! Tôi tự đem theo miếng vải lót đây rồi.” Sau khi hóa trang, Santa Claus phải tập cách cười rung cả bụng, biết lúc nào thích hợp để nói “ho, ho, ho”. La “ho, ho, ho” không đúng lúc có thể làm cho trẻ con giật mình, sợ hãi.

Ngày thứ hai học tâm lý, cách giao tiếp với trẻ con kể cả với những bé không may bị tàn tật. Santa Claus được xem video, trong đó đạo diễn cuốn phim dàn dựng những tình huống đời thường, có thể xảy ra, khi giao tiếp với trẻ con trong mùa lễ Giáng Sinh. Làm Santa là làm kịch sĩ. Mà không có kịch bản nào giống kịch bản nào vì mỗi cháu mỗi khác.

Ra vậy, kiểm đồng tiền quê người cũng “đổ mồ hôi, sôi nước mắt” chứ chẳng phải chuyện giỡn chơi.

Joe Jolley, 66 tuổi, bụng bự, chân mày chổi xể lồm đóm bạc, là cựu binh, huynh trưởng. Tôi là lính mới, đàn em. Joe có nhiệm vụ kèm cặp, hướng dẫn tôi, đầy óc hài hước, nói đùa: “Tôi được nhận làm Santa Claus vì họ của tôi là Jolley.” Jolley nghĩa là vui. Joe Jolley, Joe Vui Vẻ, tài xế xe buýt. Ông quyết định về hưu non để trở thành Santa Claus chuyên nghiệp.

“Dù đã thực tập làm Santa Claus trong những bữa tiệc Giáng Sinh gia đình rất nhiều lần tôi cũng không tránh khỏi hồi hộp khi lần đầu làm việc với tính cách chuyên nghiệp. Khi bước ra khỏi phòng thay đồ, tôi cúi gò luôn, tôi thấy mình có vẻ ngổ làm sao ấy.” - Joe kể lại.

Kinh nghiệm làm Santa Claus hơn mười năm của Joe đã giúp ích tôi rất nhiều.

Chẳng hạn Joe chỉ tôi trước khi đội tóc râu giả nên đội phía trong một cái kết đã cắt mất phần chóp để giữ cho đầu tóc giả được thẳng đứng.

Joe cũng chỉ tôi cách giữ gìn sức khỏe. Joe dặn tôi: “Khi chụp hình kỷ niệm, đặt trẻ con trên đùi, hãy nhớ thay đổi chân này chân kia.” Có Santa Claus quên bằng việc này, để đến cuối ngày làm việc mới thấy một bên bắp đùi mình bầm tím vì trẻ con vừa ngồi vừa đánh đồng đưa cả hai chân.

Nhưng kinh khủng nhất là cái nóng, vì hầu hết các Santa Claus phải làm việc ít nhất 6 đến 8 tiếng một ngày trong thời tiết nóng bức, dưới ánh sáng chói chang của đèn chụp hình, mặc

bộ áo Santa Claus dày cộm, đội râu tóc giả bùm xùm có thể làm thân nhiệt của Santa Claus tăng cao, gây chảy máu cam, đôi khi bị choáng đưa đến bất tỉnh nhân sự; nếu không cấp cứu kịp thời có thể đưa đến tử vong.

Santa cần quạt máy cho bớt nóng, *shopping centre* ở vùng nghèo làm gì có máy điều hòa không khí. Nóng nực làm cho Santa khát nước, phải uống nước liên tục; uống nước nhiều khiến họ phải đi *toilet* nhiều hơn. “Nhưng nên nhớ rằng Santa Claus không bao giờ đi *toilet*, ông ấy đi cho mấy con tuần lộc ăn” - Joe dặn tôi.

Joe nói chân thành: “Tôi thích nghe những điều ngộ nghĩnh trẻ con nói.” Có lần Joe hỏi một bé gái 5 tuổi: “Con có cho *baby* bú không?”. “Bởi vì tôi nghĩ *baby* bú bình”, Joe nói. “Nó chăm bẵm nhìn tôi rồi lớn tiếng: “Làm sao được? Con không có sữa. Chính vú mẹ con mới có sữa; cho *baby* bú tí được.” Joe cười ngặt nghẽo: “Tôi bị quê quá là quê.”

Trẻ con lớn nhỏ khác nhau, tính tình, ước muốn cũng khác nhau. Đáp ứng đủ loại lời ước khác nhau của trẻ con là điều rất gay go.

Có cháu đòi một chiếc xe đạp. Santa Claus phải xem ba má cháu chịu hay không, vì không phải ai cũng đủ tiền mua cho con mình chiếc xe đạp giá cả vài chục đô để làm quà Giáng Sinh đâu, nhất là đối với những gia đình di dân lao động nghèo mới đến ở miền tây Melbourne; chứ còn đối với những gia đình thượng lưu ở Toorak đó là chuyện nhỏ. Nếu ba má cháu lác đàu, Santa có thể nói cháu còn nhỏ quá chưa cỡi xe đạp được. Tuy nhiên Santa Claus sẽ có một món quà Giáng sinh rất thú vị cho cháu.

Có cháu nằng nặc đòi một cây súng mà phải là cây súng thật mới được, (thế giới này đầy dẫy bạo lực rồi, cháu còn đòi súng nữa mà chi?), thì Santa Claus trả lời là bà Santa không thích bạo lực nên không có làm súng cho trẻ con.

Có cháu sún răng, rụng mất hai cái răng sữa mà răng vĩnh viễn chưa kịp mọc, cháu ước Santa Claus cho cháu hai cái răng cửa vào đêm Giáng Sinh để còn kịp đón mừng năm mới. Joe, Santa Claus, trả lời “Cháu ngoan thì hai cái răng cửa sẽ từ từ mọc ra, nhanh chậm là tùy theo cháu ngoan nhiều hay ít.”

Sau hai ngày huấn luyện vào trung tuần tháng chín, đầu tháng chạp tôi được gửi về một trung tâm mua sắm miền Tây Melbourne, nơi đang có nhiều di dân Á Châu lục tục đến định cư, nhất là người Việt tị nạn, để làm việc.

Một mình một thân, mùa Giáng Sinh đầu tiên xa vợ, xa con, tôi cố vui với công việc để mong giết chết nỗi buồn xa xứ. Mùa Giáng Sinh làm việc bù đầu rồi cũng trôi qua. Tôi đã đóng tròn vai Santa Claus. Tôi không dám nói mình là một kịch sĩ tài ba, tôi chỉ muốn san sẻ niềm vui với khách hàng, những thượng đế ngây thơ, được cha mẹ dắt đi *shopping*, cho chụp hình kỷ niệm với Santa Claus, được quà tặng Giáng Sinh.

Tôi nhớ vợ, tôi nhớ con tôi - còn kẹt lại ở quê nhà thì làm gì có việc chụp hình kỷ niệm với Santa Claus, làm gì có quà Giáng Sinh, cơm trắng còn không đủ ăn, phải độn - mà lòng đau như cắt.

Buổi chiều áp lễ Giáng Sinh đã gần 5 giờ, *shopping centre* sắp đóng cửa cho nhân viên về đoàn tụ với gia đình. Mấy cô thu ngân đang hối hả đếm tiền, kết sổ. Nhân viên lần lượt vào gặp viên quản đốc để nhận *cheque* tiền lương, một hộp *chocolate* làm quà Giáng Sinh và câu chúc "*Merry Christmas!*" Riêng tôi và ông thợ chụp hình được thêm lời chúc "*Happy New Year!*" với lời hẹn gặp lại vào mùa Giáng Sinh năm sau.

Áo tôi hầm hập nóng, mồ hôi chảy thành dòng trên mặt, ướt cả hàm râu già. Chiếc quạt máy xả hết tốc lực, quay điên cuồng, cũng không xua đi được cơn nóng mùa hè xứ Úc. Ông thợ chụp hình đang dẹp đèn chớp, xếp chân chống máy chụp hình để chuẩn bị ra về thì họ xuất hiện. Đó là hai cha con người Việt. (Họ nói với nhau bằng tiếng Việt, vốn đơn âm, trầm bổng, riu rít như chim hót.)

Người cha là một thanh niên áng chừng hơn 30 tuổi, cỡ tuổi tôi, mặc chiếc áo trắng tay dài, dù đang mùa hè nóng bức, bỏ vào chiếc quần tây màu tro xám. Da ngăm ngăm đen như chưa nhả hết nắng của ông làm tôi nhớ những ngày nắng cháy đi lao động, đào kinh thủy lợi. Có lẽ ông này mới đặt chân đến đây chưa được bao lâu, giống như tôi, để có thể ăn nhiều bơ sữa Úc, thân hình mới tạo ra một lớp mỡ cần thiết để chống lại cơn lạnh khắc nghiệt mùa đông xứ Úc. Đôi giày ông mang, ngay cả quần áo ông mặc, chắc có lẽ xin ở hội từ thiện nào đó nên giày

giống giày Sạc-Lô, quần áo thì rộng thùng thình so với thân hình còm cõi của người dân Việt Nam nhiệt đới mình vốn dĩ đã nhỏ con.

Riêng cháu gái chừng sáu, bảy tuổi, mặc chiếc đầm trắng tương đối đắt tiền, vừa chiến, tôi chắc hàng hiệu của Myer. Tôi nghĩ thầm trong bụng ông này thương con dữ. Cha mặc đồ linh xình. Con mặc đồ xịn.

Tóc cháu đen, dày, thẳng đuột, dài chấm tới bả vai. Trên đầu là miếng mousse màu xanh lá, cắt tua tủa, giả làm những nhánh sừng của con tuần lộc. Mắt cháu mí lót như những người Á Châu khác, tròn mắt đen, tròn như hạt nhãn, lấp lánh dưới ánh đèn điện trông như có sao sa.

Tôi nhìn cháu gái, bùi ngùi nhớ đến hai đứa con trai tôi mà đứa lớn trạc tuổi cháu, còn kẹt lại ở quê nhà. Cái Tết đầu tiên này ở Melbourne, nếu tôi không kiếm được tiền để đóng một thùng quà gửi về cứu đói, thì chắc vợ con tôi ở nơi ruộng lúa cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi, cũng phải tiếp tục ăn độn bo bo là thứ mà trước năm 1975 người ta dùng nuôi gia súc.

Khi thấy tôi, Santa Claus, và ông thợ chụp hình, mắt cháu ánh lên một nét mừng vui.

“Ba ơi! Ông già Noel kia!”

Ông ngược mắt nhìn tôi, hơi ngạc nhiên, khi nghe tôi chào ông bằng tiếng Việt:

“Chào ông. *Merry Christmas!* Ông có muốn cho cháu chụp hình kỷ niệm Giáng Sinh không?”

Ông, vẻ lưỡng lự, bối rối nhìn con, rồi móc bóp ra, kiểm lại tiền. Chỉ lèo tèo vài tờ 5 đô và những đô tiền các.

Tôi thầm nghĩ cha con ông này còn may mắn hơn cha con tôi nhiều. Nhưng khi nhìn nét mặt ngây thơ, thánh thiện, đáng yêu của cháu nhỏ tôi đâm ra tội nghiệp. “Nó cũng trạc tuổi con mình.” Cầm lòng không đậu, tôi nói với ông khách: “Xin ông đừng từ chối; có lẽ ông và cháu đây là người khách cuối cùng của chúng tôi mùa Giáng Sinh năm nay nên tôi sẽ nói với ông thợ chụp hình người Úc chụp cho cháu một tấm hình với ông già Noel miễn phí. Ông chỉ cần cho biết địa chỉ để khi rửa hình ra chúng tôi sẽ gửi đến cho cháu để làm kỷ niệm, vài năm nữa cháu lớn khôn có dịp nhìn lại chắc cũng thấy vui vui.” (Năm

ấy chưa có máy chụp hình kỹ thuật số, chụp và in ra liền như bây giờ).

Khi cháu gái đứng cạnh tôi để chụp hình, tôi thấy trong mắt cháu một vì sao sáng lung linh niềm hy vọng.

Vì sao đó hình như một lần tôi đã thấy trong hang đá Bethlehem của mùa Giáng Sinh đoàn tụ ở quê nhà trước năm 1975.

Vì sao đó một lần tôi đã thấy khi đang tuyệt vọng nhìn lên bầu trời đen tối, không biết đâu là bờ là bến, tìm một ánh sao, chỉ một hướng đi, cầu cho một phép lạ nhiệm mầu hiện ra trong đêm lênh đênh, trên con thuyền ọp ẹp, vượt biển Đông.

Hành trình biển Đông. Tôi đã đi vào chỗ chết để tìm ra cái sống dù hy vọng rất mỏng manh còn hơn ở lại quê hương tù ngục; bị những người chiến thắng o ép, đày đọa lần mòn cho đến chết.

Đêm biển Đông. Đêm mênh mông. Có vì sao lung linh dẫn đường cho đám người vượt biên khốn khổ tới bờ bến tự do được bình an. Nhưng cũng có người đi mà không bao giờ tới. Vợ chồng, mẹ con, chết chóc, chia lìa, phân tán. Họ bỏ mình vì đắm thuyền, vì khát, vì đói, vì cướp biển Thái Lan. Hành trình biển Đông đầy nước mắt.

Tôi, Santa Claus, nhìn cháu nhỏ, hỏi một câu theo thông lệ mà tôi đã từng hỏi hàng trăm đứa trẻ con khác trong mùa Giáng Sinh năm nay:

“Cháu có ước gì không?”

“Ông ơi! Con không ước đồ chơi gì hết. Ba con nói: mẹ con lạc trên biển Đông đã bao năm mà chưa tìm được đường về. Ông có thể tìm ra mẹ, rồi dắt mẹ về với con được không? Con muốn mẹ.”

Tôi hoàn toàn bất ngờ, bối rối không biết phải trả lời sao bèn ngược mắt nhìn ba cháu, cầu cứu.

Tôi thấy mắt ông rung rung đầy ngấn lệ.

đoàn xuân thu

Melbourne – Australia

Bay cao lên, những thiên thần bằng sành!

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

1

Bé Thơ trở về khi mùa đông gần tàn lụi.

“Bé Thơ” vẫn được gọi là “Bé” khi về đến mái gia đình. Bởi “Bé” xa nhà đã ba mươi năm, khi còn là một cô nhóc đang học những năm đầu bậc trung học. Mà không riêng gì Bé Thơ, hầu như mỗi cô cậu nhóc trong khu xóm này đều có một cái tên để gọi ở nhà. Tên Bé Thơ là còn đẹp đấy, vì Thơ là tên đi học. Có một số đứa tên Xí, tên Tèo, tên Tí, tên Cu... nghe thì tức cười và không ai muốn được gọi bằng những cái tên đó khi lớn lên vì mắc cỡ. Bé Thơ, tên gọi ở nhà, đã thành một chữ kếp. Và cái tên đó nghe không mắc cỡ.

Anh chị Danh đón Bé Thơ về nhà ngay bằng chiếc xe Simca cà tàng, loại thịnh hành từ trước năm 75. Không có máy điều hòa, chỉ có chiếc quạt máy nhỏ xíu gắn ngay bên hông tài xế làm mát cho cả xe. Nhưng không cần mở chiếc quạt này, vì trời đang là cuối đông, và không khí lúc càng lên cao càng mát lạnh. Bé Thơ đang về lại nhà xưa.

Sương mù! Sương mù đầy cả! Bé Thơ reo lên như đứa con nít. Đã lâu không được hưởng cái cảm giác đi trong sương mù. Bé Thơ nhớ có những khi anh Danh gò lưng đạp xe đạp chở Bé đi học, lên con dốc cao, bỗng anh phải dừng lại vì sương mù từ đâu ập tới làm anh không thấy đường. Sương mù những ngày mùa đông như đám bông gòn xốp, vây lấy hai anh em. Thế là

Bé Thơ tha hồ tóm lấy, mà tóm có được đâu! Sương mù lại bay đi nơi khác rất nhanh.

Nhà xưa đây rồi! Căn nhà nhỏ ở giữa một con dốc rất đẹp. Căn nhà thuở ấu thơ của anh em mình đây, không thay đổi bao nhiêu. Chỉ có một điều mới, đó là phía trước có thêm một lò gốm. Anh Danh bảo gọi là “lò gốm” cho oai chứ đó chỉ là một cái lò gốm mi-ni, lò gốm tí hon, anh chị chỉ sản xuất những món đồ trang trí chứ không có sức để làm ra những hũ bình lu khạp to lớn. Bé Thơ reo lên khi trông thấy những bức tượng búp bê, những con thú, những đồ chơi đủ loại dành cho con nít. Anh Danh hẳn đã có một cách sinh sống khá an nhàn. Nhưng hay hơn hết, là anh đang sống với cái thế giới trẻ thơ do anh tự tạo ra.

Và đây rồi! Những thiên thần bằng sành!

Bé Thơ òa khóc. Những thiên thần nhỏ nhắn xếp tằm tấp bên nhau, anh Danh sắp đầy trong một cái tủ. Không phải là hai mươi, mà dễ có đến mấy trăm. Bé Thơ thương anh Danh quá! Ngày xưa, ngày Bé Thơ còn là đứa bé con sắp “tốt nghiệp mẫu giáo”, anh Danh đã làm cho Bé những thiên thần bằng sành. Hai mươi thiên thần. Đúng số tuổi hai mươi của anh. Số tuổi quá đẹp của đời người. Anh đã vội vàng bỏ Bé mà đi trong một buổi sớm mùa đông. Bé thức dậy reo vui khi thấy những thiên thần mơ ước của mình. Một mảnh giấy đặt bên cạnh những thiên thần đó với nét chữ của anh Danh: “*Anh là Ông Già Nô-en, đêm nay đến tặng cho bé Thơ món quà này. Ông Già Nô-en hết tiền, nên chỉ cho bé hai mươi thiên thần bằng sành. Cho bé ngoan mãi*”. Anh đã đi thật sớm. Đã đến ngày anh đi rồi! Tượng thiên thần thứ hai mươi chưa hoàn thành. Có một cái cánh gắn chưa kỹ vào vai. Dù thế, Bé vẫn cho nó nhập bọn với những tượng kia. Bé sắp cho các thiên thần đứng chung với nhau thành một dãy dài trên bàn học. Bé ngắm những đồ chơi đó và mỉm cười một mình. Tự nhiên Bé thấy nhớ anh Danh kỳ lạ. Khi đó anh đang đi ở một nơi nào. Anh không có mặt ở nhà để thấy Bé vui với những thiên thần nhỏ. Anh đi xa rồi! Bé phải đi học với chị Thi. Và những hôm chị Thi bận, Bé phải đi học một mình. Bé leo về con dốc cao, đường có nhiều hoa Cúc, dừng lại một chốc ở trước lò gốm. Người ta đang tiến tục làm

những chén đĩa hũ bình, phơi đầy sân và chờ đem bán. Lúc đó Bé muốn reo lên cho người ta biết rằng chưa có ai nghĩ ra việc làm những thiên thần bằng sành cho trẻ nhỏ. Chỉ có anh của Bé mới làm được mà thôi. Người ta sẽ hỏi rằng anh của Bé là thợ trong lò gốm, là họa sĩ hay là nhà điêu khắc? Bé sẽ đáp rằng anh của Bé chỉ là một người biết đạp xe đạp chở em đi học và biết mua kẹo cho em ăn. Kỷ niệm của anh Danh và Bé là đó!...

- Bé Thơ! Nín đi! Bây giờ Bé không cần ao ước nữa nhưng cũng có đến mấy trăm thiên thần. Bao nhiêu năm qua, cứ đến Nô-en thì anh lại ra sức làm những thiên thần bằng sành cho Bé, nghĩ đến một ngày Bé trở lại, Bé sẽ được vui với món quà này.
- Anh Danh, Bé cảm ơn anh.
- Anh em mình mà!
- Anh Danh, ngày xưa mỗi năm nhận được quà Nô-en, Bé chỉ nói cảm ơn Ông Già Nô-en mà không cảm ơn anh. Bây giờ Bé phải nói cảm ơn anh mấy chục lần. Nhiều thiên thần quá, Bé chắc phải đóng đến năm bảy thùng để đem đi đó!

Hai anh em ôn lại những kỷ niệm xưa tưởng chừng vô tận.

2

Anh Danh dẫn Bé Thơ đi thăm “lò gốm” của anh, cái lò gốm chỉ làm toàn những đồ chơi và hàng trang trí. Anh nói như mơ màng trở về kỷ niệm:

- Bé Thơ biết không, ngày xưa anh nặn tượng thiên thần tặng Bé, vì là thợ gốm “tay ngang” nên không để ý rằng đồ sành sứ phải được nung lên thì nó mới bền chắc, nếu không thì sẽ nứt gãy. Cái lò gốm này, tuy “mi-ni” nhưng anh theo rất đúng quy trình của một nơi sản xuất gốm nhà nghề. Anh học một ông thầy tốt, truyền hết kinh nghiệm cho anh, và cũng là người giúp anh xây dựng cơ ngơi này, nhờ đó anh chị không đến nỗi chết đói. Hai vợ chồng làm lụng nuôi nhau, thế là vui.
- Bé cũng vui vì anh chọn ở lại và... không bị đói.

- Trời thương anh, Bé ạ! Ngày đó khi ba má dẫn các em đi, anh chọn ở lại vì không muốn mình trở thành gánh nặng cho gia đình trên bước đường trốn chạy và cả lúc về sau. Anh biết mình sẽ gặp khó khăn rất nhiều vì ở lại anh không được ai giúp đỡ hết. May mắn anh đã gặp chị, người con gái mồ côi trong chiến tranh, anh chị sống nương cậy nhau và lập nên cái lò gốm nhỏ này. Chị giúp anh rất nhiều đó! Trong những năm tháng đầu tiên, chị lái xe gắn máy đi chở đất về cho anh làm. Bây giờ anh chị sắm được chiếc Simca cà tàng của một gia đình đi định cư bán rẻ lại nên... anh lái. Mất một chân thì không được lái xe gắn máy nhưng được lái xe hơi, Bé thấy vui không?

Bé Thơ nghẹn ngào nhìn chân anh Danh, cái chân đã mất. Anh Danh mất chân trên chiến trường sau ngày ký Hiệp định Paris năm 73. Cánh Dù đã rơi. Thiên thần Mũ Đỏ trở thành phé binh sau ngày “hòa bình” vì chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Cái ngày anh Danh trở về với cái chân đã mất, anh nói rằng anh không thể đạp xe chở Bé Thơ đi học được nữa. Bé đã khóc ròng vì thấy thiên thần phải chịu đớn đau. Chiếc xe đạp ngày xưa anh còn giữ trong cái kho sau nhà. Sườn xe, dây xích, “ghi-đông” đã rỉ sét hết. Hai bánh xe xẹp lép. Chỉ còn giữ lại những tiếng quay đều như reo vui khi Bé Thơ quay chiếc bàn đạp ngược chiều. Hai anh em theo tiếng quay đều ấy ngược về kỷ niệm.

Và họ cùng bắt tay vào nặn tượng những thiên thần. Ngày xưa anh Danh đạp xe đi xin đất ở lò gốm, về nắn tượng, tô màu, và thể là xong. Ngày nay đã trở thành thợ “nhà nghề”, anh Danh chọn mua đất sét thật tốt, khi muốn làm thì phải đạp đất nhỏ ra, phun nước vào đất sét, nhào trộn rồi ủ qua một đêm, hôm sau mới đem ra, trộn đất với cát mịn rồi nhào cho nhuyễn trước khi nắn tượng. Nắn tượng thành hình dáng xong anh lại mang phơi dưới nắng một buổi cho khô bớt, rồi nhúng men, để khô, vẽ trang trí, rồi lại phơi nữa cho khô hẳn rồi mang đi nung. Bé Thơ biết làm giống như anh rồi! Bây giờ những sản phẩm đủ loại của anh, từ con heo “tiết kiệm”, cái tráp đựng nữ trang, cái hũ đựng tiêu hay muối cho đến những cái lọ đựng bút, những chiếc bình cắm hoa trang nhã... sẽ trở thành quà để các Ông Bà Già Nô-en mua về cho trẻ con. Những hang đá Giáng Sinh

sẽ vui lên với các thiên thần nhỏ. Bé Thơ sẽ hưởng một mùa Giáng Sinh đầy yêu thương nơi này.

3

Mấy anh chị em đi mua đất sét, tiện thể anh Danh thăm một người bạn đồng ngũ lâu ngày không gặp, sống ở khu vực gần đó. Anh và chị thay nhau lái xe, còn Bé Thơ thì không, chẳng là anh Danh đã bảo Bé Thơ “về đây là phải treo cái băng lái lên giàn bếp”.

Đi ra khỏi thành phố sương mù, mới thấy cả một vùng đất bao la. Thuở nhỏ Bé Thơ nào biết quê hương rộng như vậy. Những con đường dốc đầy đất đỏ trơn trượt, những hàng rào hoa quý nở vàng rực trong ngày đông, những buổi trời mưa giăng kín, những sáng sương mù mờ ảo, đó là “quê hương” trong tâm mắt của cô bé. Trở về quê hương sau nhiều năm xa cách, Bé Thơ tự hứa sẽ tìm thấy lại một quê hương to tát hơn, thoáng đạt hơn. Bé Thơ sẽ viết một ký sự về vùng đất này.

Đến nhà người bạn ở huyện Bảo Lâm, anh Danh thất vọng. Người bạn đã dọn đi. Anh đứng lại hỏi thăm. Những nhà hàng xóm cũng đang rục rịch dọn đi. Đi đâu? Họ tỏa ra nhiều phương hướng, nhường vùng đất này cho một dự án lớn. Ở đây làm sao sống?! Hoa màu do họ trồng trượt làm ra, cà phê và chè, đã bị nhiễm độc. Họ lắc đầu ngao ngán. mấy anh chị em lên xe đi về hướng dự án đang thực hiện. Và chỉ được đứng ngó từ xa. Đây rồi, quê hương to tát của Bé Thơ! Một thung lũng hiện ra đỏ rực. Dưới đó, những chiếc xe lu, những chiếc máy gạt, máy xúc, xe chạy đất... hoạt động rì rầm, trông xa nhỏ như những chiếc hộp diêm. Chúng đang làm những công việc cuối cùng trong việc xây dựng hồ bùn đỏ!

Mấy anh chị em đứng chết sững. Một quê hương bị tàn phá. Đất thịt đang bị cày xới để bán đi. Màu đỏ của những con đường thơ mộng cũng là màu đỏ của “tài nguyên” đang bị bán. Bauxite!!! Mai đây bùn đỏ sẽ theo những vết rò rỉ tràn ra đầy cả vùng đất dân cư đang sinh sống. Cây cối sẽ chết. Con người sẽ phải bỏ chạy. Những điều Bé Thơ chỉ nghe, bây giờ hiện ra rất rõ trước mắt. Những tiếng động cơ từ xa vẫn vang vọng

thầu óc. Đất đỏ màu máu như nhồi như chảy ra từ tim.

4

Mùa đông sẽ tàn lụi, Bé Thơ biết như thế. Cả những cơn gió lạnh rồi cũng sẽ không còn. Còn một thứ vui thích của Bé ngày xưa là được nhận những món quà của “Ông Già Nô-en” cũng không còn nữa. Bé Thơ đã lớn, đã làm Ông Già Nô-en cho những đứa con của mình. Nhưng ý nghĩa của Lễ Giáng Sinh bao giờ cũng trọn vẹn. Vì Bé biết trong những ngày chuẩn bị cho Giáng Sinh, những thiên thần nhỏ từ bàn tay anh Danh và Bé làm ra sẽ đến với các hang đá của thành phố này, trong những căn nhà nhỏ xinh xắn ở phố chợ, nơi ven đồi, hay bên bờ suối. Cho dù là ven đồi loang lổ vì bị cạo gọt cây xói, hay bờ suối nhem nhuốc uế nhiễm vì con người vô tâm, những người dân của xứ sở mù sương này vẫn là những con người thuần hậu. Cho dù những con đường sạch sẽ trong thành phố một thời thanh lịch đã được thay bằng những con phố rộng lớn nhưng lề đường bình an cho khách bộ hành lại chỉ còn dành cho xe cộ quán sá, người dân cũng biết co lại để tự bảo vệ lấy những gì tốt đẹp xưa của mình. Cho dù những ngôn từ lạ lẫm dùng tiếng lóng làm nền có tràn ngập trong sinh hoạt, người dân hiền lành cũng biết dạy cho con em mình những ngôn ngữ hiền hòa một thời làm nên phong cách của họ. Nhưng tội nghiệp lắm, mỏng manh lắm, cái sức đề kháng âm thầm đó!

Bé Thơ dành nhiều thời gian để đi thu nhật hình ảnh về “quê hương to tát” của mình. Bé vẫn sẽ viết một ký sự. Nhưng chắc là ký sự này sẽ không thơ mộng một chút nào. Ký sự sẽ nói thật rõ về những vùng-đất-thịt bị cày xói bán rẻ cho ngoại bang, về những người dân hiền lành bỗng chốc thấy mình xa lạ trên chính quê hương của mình.

Anh Danh thì lại có thêm một suy nghĩ mới: anh đang nghiên cứu làm ra những đất sét màu, không độc hại, dành cho các học trò mẫu giáo và tiểu học. Anh nói người ngoại quốc qua mua đất sét của nước mình về làm ra đất sét màu rồi bán lại cho mình để dùng trong trường học. Một thời tuổi thơ của anh đã trôi qua, anh muốn làm chút gì để đền lại cho người khác.

Những ngày đông đã tàn lụi. Lễ Giáng Sinh trôi qua êm đềm. Ông Già Nô-en được Bé Thơ cảm ơn đến một trăm lần. Tượng thiên thần gãy cánh năm xưa anh Danh làm vội trước khi ra lại vùng hành quân đã được hàn gắn kỹ chiếc cánh gãy vào vai và được phủ thêm một lớp men sáng bóng. Bé Thơ phải đi.

5

Bé Thơ đứng trong phi trường San Francisco. Bé đã dặn người nhà đừng đón, vì Bé sẽ đến ngay tòa báo. Bé muốn làm việc ngay trước khi trời tối rồi sẽ về nhà. Bao nhiêu năm nay vẫn vậy. Cô bé có cái số di chuyển đã không ngừng nghỉ dù ở trong hoàn cảnh, trong công việc nào, đến đâu là bắt tay làm việc ngay nơi đó.

Bé Thơ vào taxi. Chiếc xe chở Bé đi lên phố, rồi qua cầu Golden Gate. Bé hít một hơi dài như tìm chút thoải mái. Bé ngoẹo đầu định lim dim mắt nghỉ một chút. Nhưng kia! Trên phần đường nhỏ sát thành cầu dành cho xe đạp và khách bộ hành, có hai anh em chờ nhau trên chiếc xe đạp. Bé Thơ nhòm dậy nhìn. Xem chừng lúc này trời đang gió khá mạnh. Đứa anh gò lưng đạp, trông hơi khó khăn giống như người ta đang đạp xe lên dốc. Đằng sau, đứa em gái nhỏ nhắn ôm chặt lấy anh.

Rồi bỗng đâu một đám sương mù cuộn cuộn bay tới. Đám sương mù vây lấy hai anh em. Và không thấy rõ họ nữa...

Thảng thốt, Bé Thơ lấy điện thoại ra, gọi về anh Danh. Đầu bên kia anh Danh hỏi:

- Bé Thơ???
- Dạ, anh Danh...
- Bé đã đến nơi?
- Dạ.
- An toàn hả Bé?
- Dạ... Anh Danh ơi!
- Sao Bé?
- Anh Danh ơi, Bé nhớ anh lắm!

Rồi Bé Thơ bật khóc. Suong mù vẫn che kín hai anh em đang đạp xe trên cầu. Bên kia, anh Danh hẳn đang nghe Bé sụt sùi. Giọng anh nhẹ nhàng, ấm áp:

- Bé Thơ, đừng khóc. Những thiên thần Bé đem theo về đó, chúng có những đôi cánh vững vàng, hãy cho chúng bay cao, bay cao lên mãi, Bé nhớ nhé!
- Dạ, Bé sẽ nhớ. Anh Danh ơi! Bé nhớ nhà của mình. Bé nhớ quê của mình.
- Nhớ quê của mình, Bé nhớ câu gì anh em mình nói với nhau không?
- Bé nhớ. “*Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperriem, Give Pleasure to Some and Freshness to Others*”, câu của ông Yersin lấy làm tên cho Đà Lạt của mình.
- Phải rồi, Bé. “*Cho người này niềm vui, cho người kia sự mát lành*”.(*)

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

2011

(*): Câu bằng chữ La-tinh của bác sĩ Alexander Yersin, người khám phá Đà Lạt: “**Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperriem**” (Cho người này niềm vui, cho người kia sự mát lành). Nhiều người cho rằng tên Đà Lạt là ghép lại từ những mẫu tự bắt đầu những chữ trong câu cách ngôn này.

PHẠM CAO HOÀNG

Mơ Cùng Tôi Giấc Mơ Đà Lạt

*Đứng bên bờ vực tử sinh
Vẫn nghe em hát bản tình ca xưa*
P.C.H

Hôm ấy là Saint Patrick's Day, 17.3.2011.

Như thường lệ, tôi và Cúc Hoa thức dậy sớm, uống với nhau một cốc cà phê, ăn nhanh bữa điểm tâm nhẹ, rời nhà và đi làm. Chúng tôi không làm chung một công ty, nhưng đi làm cùng một giờ, và ngày nào chúng tôi cũng phải có mặt ở chỗ làm trước 6 giờ sáng. Từ nhà đến chỗ làm không xa, khoảng mười phút lái xe.

Khoảng 7 giờ sáng tôi nhận được điện thoại của chỗ Cúc Hoa làm, hỏi sao không thấy Cúc Hoa đến. Tôi hết hoảng. Từ lúc rời nhà đến giờ đã một tiếng đồng hồ rồi, sao lại chưa tới chỗ làm? Đây là điều không bình thường. Hoặc là xe bị hỏng trên đường đi, hoặc là bị đụng xe. Không lẽ bị bắt cóc? Tôi bấm máy gọi điện thoại cho Cúc Hoa. Gọi nhiều lần nhưng không thấy Cúc Hoa trả lời. Rõ ràng là có chuyện chẳng lành. Tôi báo tin cho các con của tôi biết và cùng nhau đi tìm trên lộ trình Cúc Hoa vẫn đi về hàng ngày. Không thấy bóng dáng Cúc Hoa và cũng không tìm thấy chiếc xe của Cúc Hoa đâu.

Lại liên tiếp bấm số điện thoại của Cúc Hoa để gọi. Đến hơn 8 giờ thì điện thoại của Cúc Hoa đổ chuông, Người trả lời không phải là Cúc Hoa, mà là một giọng nữ người Mỹ.

Tôi hỏi ngay:

- Nhà tôi đang ở đâu, thưa cô?
- Inova Fairfax Hospital.
- Chuyện gì đã xảy ra cho nhà tôi?

- Bà ấy bị đụng xe. Xe cấp cứu đưa vào bệnh viện sáng sớm hôm nay.
- Bị thương có nặng không?
- Thoát chết nhưng bị thương khá nặng.

Vừa lúc ấy thì tôi nhận được điện thoại của Quỳnh Anh, cô gái út của tôi.

- Con đã vào tới bệnh viện. Đang làm một số thủ tục về thông tin cá nhân và bảo hiểm. Má đang nằm trong phòng cấp cứu. Họ cho biết má bị rạn ở xương chậu và phía dưới đầu gối. Họ nói rằng má cần được phẫu thuật ngay trong ngày hôm nay.
- Ba và mọi người sẽ vào bệnh viện ngay.
- Khỏi cần . Có con ở đây được rồi. Vào cũng ngồi đó thôi, họ chưa cho gặp đâu. Chuẩn bị đồ đạc cho má, chiều mang vào.

Ở nhà đứng ngồi không yên nên sau đó mọi người vào hết trong bệnh viện.

Đến 3 giờ chiều thì ca mổ xương chậu hoàn tất và một tiếng sau đó họ đưa tôi vào phòng hồi sức gặp Cúc Hoa. Tôi bước vào, nhìn thấy Cúc Hoa. Mặt Cúc Hoa hơi sưng và có một vết bầm nhỏ trên mũi, còn chân trái thì băng kín mít. Cúc Hoa mở mắt nhìn tôi, không nói gì, rồi hai dòng nước mắt từ từ lăn trên má. Khuôn mặt và đôi mắt của Cúc Hoa buồn một cách lạ lùng. Suốt đời tôi, tôi sẽ không bao giờ quên khuôn mặt Cúc Hoa và những giọt nước mắt ấy. Khuôn mặt của sự chịu đựng một đời gian khổ cùng những giọt nước mắt của hạnh phúc xen lẫn khổ đau. Chúng tôi yêu nhau thời chiến tranh, cưới nhau lúc hòa bình, trải qua những khổ ải về vật chất lẫn tinh thần trong hơn hai mươi năm, và bây giờ Cúc Hoa phải chịu những đòn đau ghê gớm về thân xác trong những ngày lưu lạc ở xứ người. Tôi tự hỏi tại sao không phải là tôi mà lại là Cúc Hoa. Tôi cũng không ngờ có một ngày Cúc Hoa phải rơi vào một hoàn cảnh như thế này vì Cúc Hoa vốn là người lái xe rất cẩn thận.

Đêm đó ai cũng muốn ở lại trong bệnh viện với Cúc Hoa

nhưng họ chỉ cho phép một người. Tôi nói các con cứ về lo đi làm bình thường, còn tôi sẽ là người ở lại. Trong những giờ phút khó khăn nhất của Cúc Hoa, tôi cần phải có mặt bên nàng.

Cúc Hoa nằm đó, trên giường bệnh, lặng lẽ, hơi thở mệt nhọc. Tôi ngồi bên cạnh, nghĩ lan man đủ thứ chuyện, nhớ mênh mang đoạn đường đời mà hai chúng tôi đã đi qua. Chúng tôi quen nhau trong một đêm thơ nhạc do nhóm bạn Phan Bá Chúc, Nguyễn Ngọc Phong, Trần Minh Triền, Nguyễn Khắc Nhượng và Nguyễn Hiền Tiên phối hợp với Lê Uyên Phương tổ chức ở quán cà phê Lục Huyền Cầm, Đà Lạt. Thuở ấy tôi mê thơ và nhạc hơn bất cứ thứ gì trên cõi đời này. Tôi là một con ngựa hoang chỉ thích rong ruổi lang thang đây đó. Khi quen Cúc Hoa, mọi thứ bắt đầu thay đổi, và tôi biết đã đến lúc tôi cần phải dừng bước giang hồ. Cúc Hoa đến với tôi nhẹ nhàng, nồng nàn, và vô cùng lãng mạn. Thế hệ chúng tôi, mà Trần Hoài Thư gọi là “*thế hệ chiến tranh*”, là một thế hệ không may mắn. Thời chiến tranh thì sống trong chết chóc, lo âu, sợ hãi. Khi hòa bình thì sống trong cơ cực, hít thở bầu không khí chính trị nặng nề. Sự nhẹ nhàng, nồng nàn, và lãng mạn ấy của Cúc Hoa đã giúp tôi vượt qua những khó khăn nhiều lúc tưởng chừng như không vượt qua nổi.

Cúc Hoa nằm đó, trong nỗi đớn đau của thân xác.

*Thương em ngày nắng Tuy Hòa
Chiều mưa Đúc Trọng sáng Đà Lạt sương
Thương em và những con đường
Một thời tôi đã cùng em đi về
Bây giờ lạ đất lạ quê
Bước chân phiêu bạt biết về nơi đâu
Thương em nắng dải mưa dâu
Đau cùng tôi với nỗi đau riêng mình
Chia cùng tôi một chút tình
Của ngàn năm trước và nghìn năm sau*

Cúc Hoa nằm đó, vẫn khuôn mặt thánh thiện nhưng có hằn lên những nét khổ đau. Một đời Cúc Hoa hết tình hết nghĩa với tôi và các con. Tôi cầu mong sao vết thương không nặng lắm để Cúc Hoa có thể vượt qua tai ách này.

Đến gần nửa đêm, Cúc Hoa tỉnh thuốc mê và đã có thể gương nói chuyện với tôi.

- Em có nhớ mọi việc xảy ra như thế nào không?
- Em chỉ nhớ là mình lái xe chạy trên đường Westfield, qua khỏi bưu điện thì không biết gì nữa.
- Em thấy trong người thế nào?
- Đau nhức và ê ẩm khắp người. Em bị thương có nặng không anh?
- Chân trái em bị rạn hai chỗ. Chiều nay họ đã mổ và chỉnh sửa phần bị rạn ở xương chậu.
- Chùng nào họ mổ chỗ còn lại?
- Họ nói phải theo dõi sự hồi phục và sức chịu đựng của em rồi mới tính tiếp.
- Sau này chân em có bị tật hay không?
- Không đâu em.

Tôi nói để Cúc Hoa an tâm chứ thật ra chỉ có trời mới biết rồi đây Cúc Hoa sẽ như thế nào.

Cúc Hoa trầm ngâm, im lặng hồi lâu.

- Em đang nghĩ gì?
- Em buồn quá. Hết chuyện này đến chuyện khác. Muốn yên mà vẫn không yên.
- Em cứ bình tĩnh, mọi chuyện rồi cũng sẽ ổn thôi.
- Em nhớ Đà Lạt. Mai một lành bệnh anh đi với em về Đà Lạt anh nhé.
- Ừ, anh sẽ đi với em. Sao em lại nghĩ về Đà Lạt trong lúc này?
- Thật ra, không phải chỉ lúc này, mà lúc nào em cũng nghĩ về Đà Lạt. Em tìm thấy sự bình yên ở đó. Những nơi khác, ở đâu cuộc đời mình cũng đầy sóng gió
- Anh cũng nghĩ như em.
- Anh ơi. Anh hát em nghe bài GỬI EM, ĐÀ LẠT đi.

Vẫn là một Cúc Hoa đầy chất lãng mạn trong bất cứ hoàn cảnh nào nên tôi không ngạc nhiên về đề nghị này. *Đứng bên bờ vực tử sinh. Vẫn nghe em hát bản tình ca xưa.* Lúc này đây, trong nỗi đau đớn tột cùng của Cúc Hoa, tôi sẵn sàng làm bất cứ điều

gi dễ nhẹ bớt đi nỗi đau của nàng, huống chi là hát một bài hát. GỬI EM, ĐÀ LẠT là bài hát tôi viết cho Cúc Hoa khi chúng tôi mới quen nhau. Tôi hát nhỏ, vừa đủ cho Cúc Hoa nghe.

*Sáng nay mưa đã về
Ngàn thông xao xuyên khách phương xa
Hỡi cô em Đà Lạt
Về đâu?
Tôi muốn theo về với người
Mưa cho đôi má em hồng
Mưa cho đôi mắt nai tròn
Mưa bay qua cõi vô cùng, và tôi bay giữa mệnh mông
Mưa âm vang suốt bên đời
Mưa lang thang mấy phương trời
Mưa qua như dáng thu người
Đời vui thêm tiếng em cười
Sáng nay mưa đã về
Vườn kia hoa nở đóa tương tư
Gửi cô em Đà Lạt bài thơ tôi viết khi về với người*

Cúc Hoa nói nhỏ:

- Cảm ơn anh.

Tôi đùa:

- You're welcome.
- Anh ơi. Em muốn gặp Thuần. Anh nói Thuần sang thăm em đi.
- Sao em lại nghĩ đến Thuần trong lúc này?
- Cứ nghĩ về Đà Lạt là em lại nghĩ đến anh, đến Thuần, và những ngày tháng êm đềm hồi đó.

Thuần là bạn thân của Cúc Hoa. Cả hai học cùng một lớp, nhà ở cùng một đường. Sau 1975, còn gặp nhau được mấy lần. Rồi Thuần vượt biên, mất liên lạc. Mãi đến thời gian gần đây, nhờ một bài viết của Trần Yên Hòa trên nhật báo Sài Gòn Nhỏ ở California, Thuần mới nối lại liên lạc với Cúc Hoa. Thuần đẹp, lãng mạn, và chuyện tình của Thuần và Thịnh là một trong những chuyện tình tuyệt vời nhất trần gian này. Trong thời gian Cúc Hoa quen với tôi thì Thuần quen với Thịnh, lúc ấy đang học ở Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Sau ngày

Sài Gòn thất thủ, Thuần tiếp tục học năm cuối ở đại học khoa học, còn Thịnh bị đưa đi học tập cải tạo, và hai người mất liên lạc với nhau. Một ngày kia, trong một lần đi thực tập tại một vùng nông thôn ở Bình Thuận, tình cờ Thuần gặp một nhóm tù cải tạo, trong đó có Thịnh. Trước mắt Thuần, Thịnh không còn là Thịnh hào hoa phong nhã ngày nào, mà là một tấm thân tàn ma dại, bước đi không nổi, phải chống gậy. Sau lần gặp gỡ ấy, Thuần thường xuyên đi thăm nuôi Thịnh. Bất chấp những dèm pha, lời ra tiếng vào, Thuần giữ nguyên tấm lòng chung thủy, và khi Thịnh ra tù, hai người tổ chức đám cưới. Rồi người đi trước, kẻ đi sau, cả hai cuối cùng cũng đến được nước Mỹ sau nhiều lần vượt biên thừa sống thiếu chết. Hiện nay họ là những người khá thành công, sống hạnh phúc cùng hai con ở New Orleans, tiểu bang Louisiana.

- Ủ, anh sẽ nói Thuần sang thăm em. Bây giờ thì em cố gắng ngủ để lấy lại sức.

Năm ngày sau các bác sĩ tiến hành ca mổ thứ hai, chỉnh sửa chỗ rạn ở phần xương phía dưới đầu gối. Lại lên bàn mổ. Lại gây mê. Lại ngồi nơi phòng tiếp tân của khoa giải phẫu, hỏi hộp từng giây từng phút chờ kết quả ca mổ. Chỉ trong vòng năm ngày mà Cúc Hoa phải trải qua hai ca đại phẫu, liệu nang có đủ sức để chịu đựng ca mổ thứ hai không?

Cuối cùng thì mọi việc diễn biến tốt đẹp và ca mổ hoàn tất.

Lisa, cô y tá trực, nói với tôi:

- Các bác sĩ rất ngạc nhiên về sức chịu đựng và khả năng hồi phục của bệnh nhân này. Đa số phải chờ một hoặc hai tuần sau mới thực hiện ca mổ tiếp theo.
- Cô có nghĩ là sau này nhà tôi sẽ bình thường không?
- Tôi nghĩ vậy.

Tuy nhiên tôi vẫn không an tâm. Tôi tìm gặp Daniel, bác sĩ chính của ca mổ.

- Thưa bác sĩ, phải mất bao lâu nhà tôi mới có thể đi lại được?
- Khoảng 6 tháng. Mấy tháng đầu dùng gập đầu gối quá 90 độ và hai chân không được chéo qua nhau.

- Khi về nhà việc chăm sóc sẽ như thế nào?
- Chúng tôi sẽ cho y tá và therapists đến tận nhà chăm sóc và theo dõi trong một tháng, mỗi tuần 3 lần. Tuy nhiên người nhà cần sắp xếp để chăm sóc bệnh nhân hai mươi bốn trên hai mươi bốn. Nếu cần giúp đỡ, hãy gọi chúng tôi.
- Liệu sau này nhà tôi có bị tật ở chân không?
- Cái đó còn tùy vào sự luyện tập của bệnh nhân.

Thời thì bao lâu cũng được, vất vả bao nhiêu cũng được, tốn kém thế nào cũng được, miễn là Cúc Hoa có thể trở lại cuộc sống bình thường, đi tiếp với tôi cùng các con trên quãng đường còn lại.

Cúc Hoa xuất viện vào một ngày cuối đông. Những cơn bão tuyết đã đi qua, cây phong trước nhà đã bắt đầu đâm chồi non, và khu vườn sau nhà đã có tiếng chim hót líu lo sau những ngày trốn tuyết. Cúc Hoa *trở về mái nhà xưa* bằng xe lăn nhưng miệng vẫn tươi cười. Tôi hiểu tâm trạng của nàng. Ở đâu cũng không bằng ở nhà của mình. Còn về được tới nhà là mừng rồi.

Các con của tôi, Thiên Kim, Anh Kim, Quỳnh Anh, tôi, và chị Vân, một người bạn của Cúc Hoa, lên lịch chăm sóc Cúc Hoa, chia phiên nhau để lúc nào cũng có người bên cạnh giúp Cúc Hoa tập therapy và các sinh hoạt cá nhân. Tôi đặt chiếc sofa gần chỗ nằm của Cúc Hoa làm giường ngủ cho mình vào ban đêm để tiện việc chăm sóc. Đó là khoảng thời gian tôi không phân biệt đêm và ngày, khi nào cần thức thì cứ thức, khi nào mệt quá thì ngủ thiếp đi.

Cúc Hoa ái ngại cho tôi và các con:

- Em ân hận quá. Vì em mà anh và các con phải khổ.
- Em đừng nghĩ vậy.
- Đã nhiều đêm anh mất ngủ. Anh có mệt lắm không?
- Đâu có sao. Có mệt một chút nhưng thấm vào đâu so với những khổ sở mà em đang phải gánh chịu.
- Nằm một chỗ em mới hiểu hết giá trị của đôi chân.
- Vấn đề là thời gian. Sáu tháng sẽ trôi qua, rồi em sẽ đi

lại bình thường thôi mà.

Cúc Hoa dân Đà Lạt nên quen uống cà phê vào buổi sáng. Sáng nào Cúc Hoa cũng pha hai ly cà phê sữa, một cho tôi, và một cho nàng, sau này thành thói quen lúc nào không biết. Trừ phi có bạn bè, còn bình thường tôi ít khi ra quán vì chỉ thích cà phê do Cúc Hoa pha. *Cám ơn những sáng êm đềm. Khỏi cà phê quỵện bên hiên nhà mình.* Bây giờ Cúc Hoa nằm bệnh tôi quên mất thói quen này, sáng ra cũng chẳng buồn pha cà phê.

Cúc Hoa nói với tôi:

- Em đã quen với mùi cà phê mỗi sáng mấy chục năm nay rồi, bây giờ vắng nó thấy nhớ quá. Em không uống được, nhưng thôi anh cứ pha một ly cho anh để em có thể tìm lại mùi cà phê.
- Lu bu đủ thứ chuyện rồi cũng quên luôn. Ừ, mỗi sáng anh sẽ làm như vậy.

Đến cuối tuần, các con của tôi tổ chức barbecue, mừng mẹ đã về nhà. Các em của Cúc Hoa, Ánh và Trung, từ Maryland cũng lái xe sang tham dự. Mọi người đều vui vì Cúc Hoa đã có thể nhìn thấy ánh sáng ở cuối đường hầm.

Vừa lúc ấy, Nguyễn Trọng Khôi từ Boston gọi sang:

- Tình hình sao rồi? Cúc Hoa đã về tới nhà chưa?
- Về rồi. Cả nhà đang ăn mừng.
- Ông nói gì lạ vậy? Sao lại ăn mừng? Nghe nói bị nặng lắm mà.
- Đúng là nặng. Mừng là vì chỗ bị thương là chỗ có thể chữa trị được, còn đầu óc thì vẫn bình thường.
- Như vậy thì cũng đáng mừng thật. Đầu tháng tới sang Virginia triển lãm tranh tôi sẽ ghé thăm.

Trước 1975, khi còn ở Đà Lạt, Cúc Hoa và tôi rất thân với Phan Bá Chức và Hoàng Ngọc Lĩnh. Bây giờ có lúc Lĩnh ở Canada, có khi ở Singapore, rồi lại trở về Việt nam. Lĩnh thương Cúc Hoa như một cô em gái. Tháng trước Lĩnh từ Canada sang ở lại với chúng tôi mấy ngày, đã có một tối họp mặt đáng nhớ, và Lĩnh cứ khóc vì được sống lại cái không khí

âm cúng của thơ và nhạc, của tình bạn thuở nào. Đêm đó chúng tôi uống rượu chát, nghe Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Ngọc Phong hát, nghe Đinh Cường, Nguyễn Minh Nữ đọc thơ.

Lĩnh gọi sang, giọng hốt hoảng:

- Lĩnh có nghe tin này, và mong nó là cái tin không có thật. Có phải Cúc Hoa bị đụng xe không?
- Đó là tin có thật Lĩnh ơi!
- Mới tháng trước gặp Cúc Hoa mà bây giờ sao lại thế này?
- Hôm đó Cúc Hoa lái xe đi làm và không may tai nạn đã xảy ra.
- Có biết nguyên nhân vì sao không?
- Phải chờ report của cảnh sát mới biết được .
- Bị thương có nặng không?
- Nói là nặng cũng được, mà nhẹ cũng được, nhưng nói chung mọi việc sẽ không đến nỗi nào.
- Như vậy là mừng cho Cúc Hoa quá. Hàng tuần Lĩnh sẽ gọi sang nói chuyện cho Cúc Hoa vui.

Thời gian ở Virginia tôi may mắn được gặp gỡ hai họa sĩ tài hoa Đinh Cường và Nguyễn Trọng Khôi. Cả hai đều có đặc điểm chung là sống hết lòng với nghệ thuật, bạn bè, và gia đình. Đinh Cường người nho nhã, hiền hòa, ít nói. Nguyễn Trọng Khôi lịch lãm, hào sảng, và tháo vát. Nhìn những công trình đồ sộ của họ về nghệ thuật, tôi thấy mình nhỏ bé lại. Riêng Nguyễn Trọng Khôi có một khả năng rất đặc biệt, thuộc vào loại hiếm có: anh có thể viết nhạc, tự soạn hòa âm cho bản nhạc đó, tự hát như một ca sĩ có đẳng cấp, tự thu âm, và sau đó tự làm thành đĩa CD hoặc DVD. Duyên văn nghệ đã giúp tôi có được mối thân tình với những kỳ nhân dị thảo này.

Đầu tháng tư, Nguyễn Trọng Khôi từ Boston mang tranh sang Virginia để cùng Đinh Cường và Trương Vũ tổ chức cuộc triển lãm chủ đề *Awakening Spring* tại Arlington Arts Gallery; sẵn dịp hai anh đến thăm Cúc Hoa.

Bước vào nhà, nhìn thấy Cúc Hoa ngồi trên xe lăn, anh Đinh Cường nói ngay:

- Mấy hôm rồi tôi vẫn cầu nguyện cho Cúc Hoa.

Còn Nguyễn Trọng Khôi lấy từ túi xách ra một gói nhỏ:

- Quà cho Cúc Hoa.

Cúc Hoa và tôi không thể tin vào mắt mình. Đây là đĩa DVD bài hát GỬI EM, ĐÀ LẠT, Nguyễn Ngọc Phong hát, Nguyễn Trọng Khôi soạn hòa âm và thu âm, trên đĩa có in cả hình của Cúc Hoa. Cúc Hoa xúc động đến nghẹn ngào, còn tôi khó có thể diễn tả hết cảm xúc của mình lúc ấy. Tôi thấy có sợi dây tình cảm thiêng liêng nối những tấm lòng của những người bạn văn nghệ lại với nhau. Từ khi nghe tin Cúc Hoa bị nạn đến hôm nay chỉ mới có mười ngày, lại bận rộn với việc chuẩn bị tranh cho cuộc triển lãm, vậy mà Nguyễn Trọng Khôi làm xong bài hát.

Trước ngày Cúc Hoa bị tai nạn một thời gian ngắn, Cúc Hoa và tôi cùng hàng triệu người đã xúc động về câu chuyện tình của hai bạn trẻ người Mỹ Chris Medina và Juliana Ramos. Medina, 26 tuổi, người Chicago, đính hôn với Ramos vào năm 2007, và lễ cưới dự định sẽ diễn ra hai năm sau. Trước ngày cưới hai tháng, Ramos không may bị đụng xe, chấn thương sọ não, không còn nói được, chân tay gần như bị liệt, và trở thành một người tàn phế suốt đời, mọi sinh hoạt của bản thân phải cần đến sự trợ giúp của người khác. Medina vẫn giữ lòng chung thủy với vị hôn thê, tự nguyện làm người chăm sóc thường xuyên (*a full-time caretaker*) cho Ramos. Những ngày Ramos nằm bệnh viện, Medina viết ca khúc WHAT HAS BECOME OF ME tặng cho Ramos, trong đó có những ý tưởng đầy xúc cảm: *Tôi đang dành cho em tất cả những gì tôi cần phải dành cho em... Trong giờ phút đen tối nhất của cuộc đời em, tôi sẽ là ánh sáng cho em (I'm giving you all I've got to give... In your darkest hour, I'll be your light)*. Trường hợp của Cúc Hoa không bi đát như Ramos, nhưng câu chuyện của Medina và Ramos nhắc tôi phải làm một cái gì đó nhiều hơn cho Cúc Hoa. DVD GỬI EM, ĐÀ LẠT mà Nguyễn Trọng Khôi và Nguyễn Ngọc Phong thực hiện là món quà vô giá dành cho Cúc Hoa vì tôi biết Cúc Hoa vốn rất coi trọng những giá trị tinh thần.

Liên tiếp trong nhiều ngày Cúc Hoa xem đi xem lại DVD GỬI EM, ĐÀ LAT. Món quà của những người bạn quý làm Cúc Hoa thay đổi rất nhiều: có vẻ lên tinh thần và bớt bị quan. Tôi liên lạc với chỗ làm, xin nghỉ vacation một tháng để ở nhà với Cúc Hoa. Trong cái rủi có cái may, từ khi cưới nhau đến giờ, đây là lần đầu tiên chúng tôi có dịp ở gần bên nhau trong một thời gian dài như vậy. Còn những lúc khác, tất bật kiếm sống, lấy đâu ra thời gian mà ở bên nhau. Theo hướng dẫn của các nhân viên therapists, tôi giúp Cúc Hoa tập therapy. Đưa chân lên, thả chân xuống, Trèo lên giường, xuống khỏi giường. Nhảy cò cò một chân. Tập đi bằng cái walker. Lê lét, mệt nhoài, đốn đau, toát mồ hôi, và cả nước mắt. *Bị tật ở chân hay không còn tùy ở sự luyện tập của bệnh nhân.* Một đời đã vượt qua bao khó khăn, lần này không thể bỏ cuộc. Lại còn giấc mơ Đà Lạt nữa. Về Đà Lạt sẽ đi bộ nhiều, đi để tìm lại những kỷ niệm một thời, không đi được thì làm sao thực hiện giấc mơ Đà Lạt? Nhìn những đau đớn của Cúc Hoa khi luyện tập, tôi thấy quá tội nghiệp. Dù hết sức cố gắng trong hơn bốn tháng, Cúc Hoa vẫn chưa tự đi được, mà vẫn phải nhờ vào cái walker. Tôi không ngờ việc khôi phục những bước đi của Cúc Hoa lại khó khăn đến như vậy. Thôi thì tự an ủi, bác sĩ đã nói phải mất sáu tháng mà.

Cho đến một ngày đầu tháng tám, cả nhà chuẩn bị để hai hôm nữa Thuận từ New Orleans sang chơi, thì phép lạ đã xảy ra. Buổi sáng thức giấc, Cúc Hoa xuống khỏi giường, thử đứng lên và bước đi thì bỗng đứng đi được. Một bước, rồi hai bước, rồi những bước tiếp theo, rất chậm, nhưng không cần đến cái walker. Thử đi lên cầu thang thì cũng đi được. Quả là một ngày đáng nhớ. Cúc Hoa đã tìm lại những bước đi của mình. Không biết là vì đã đến lúc đi được, hay vì niềm vui gặp lại người bạn thân sau hơn ba mươi năm xa cách đã làm cho Cúc Hoa tăng thêm sức mạnh. Có thể là cả hai.

Cô út Quỳnh Anh và tôi được giao nhiệm vụ ra phi trường đón Thuận. Máy bay đến đúng giờ. Tôi dễ dàng nhận ra Thuận trong đám đông hành khách vì Thuận không thay đổi bao nhiêu. Vẫn đẹp và có phần trẻ hơn so với tuổi tác.

Thuần đi nhanh đến chỗ tôi:

- Anh Hoàng phải không?
- Trông Thuần không khác hồi xưa bao nhiêu.
- Hơn ba mươi năm rồi còn gì. Cúc Hoa đỡ chưa?
- Đỡ nhiều rồi. Gặp Thuần chắc sẽ đỡ hơn.

Gặp lại Thuần là điều Cúc Hoa mơ ước trong nhiều năm . Những ngày Thuần ở lại là những ngày vui bất tận. Thôi thì nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Các con tôi vốn rất quý bạn bè của bố mẹ, sắp xếp công việc để vui với Thuần, làm các món ăn Việt Nam để đãi Thuần, đưa Thuần đi thăm những nơi cần viếng thăm như Khu Thương Mại Eden của người Việt, Thủ Đô Washington, DC... Sự có mặt của Thuần làm Cúc Hoa mạnh mẽ hẳn lên, bước chân nhanh hơn, và tác động khá mạnh đến tinh thần của Cúc Hoa.

Sau ngày chia tay với Thuần, Cúc Hoa siêng năng luyện tập hơn, bước đi có tiến bộ thấy rõ .



Tranh Thái Tuấn

Tai nạn xảy ra vào cuối mùa đông. Bây giờ là đầu thu. Những hàng cây hai bên đường bắt đầu ngả sang màu vàng. Nhiệt độ dịu dần. Cúc Hoa đã có thể đi lại gần như bình thường.

- Anh ơi. Tối nay anh đi bộ với em nghe.
- Em muốn đi bộ ngoài trời?
- Ừ, đi bộ ngoài trời. Mùa thu rồi mà.

Mùa thu rồi mà. *Mùa thu năm ấy bên thềm lá bay. Bàn tay nắm chặt bàn tay. Diu nhau qua những tháng ngày gian nan.*

Chúng tôi chậm chậm đi bên nhau dọc theo những con đường quanh khu nhà chúng tôi đang ở. Đây là lần đầu tiên, kể từ cái ngày định mệnh ấy, Cúc Hoa có thể đi bộ ngoài trời trên một đoạn đường khá xa. Nhà tôi ở đường Ngựa Ô, và đêm nay Cúc Hoa đã có thể đi bộ đến tận hồ Thạch Thảo.

- Em rất cảm ơn anh và các con về những ngày đã qua.
- Em phải cảm ơn bạn bè, di Ánh, chú Trung, chú Kịch, và thím Minh nữa chứ.
- Em như vừa sống lại. Bao giờ mình đi Đà Lạt hả anh?
- Lấy vé máy bay rồi mà. Ba tháng nữa thì mình sẽ đi.
- Anh biết em mơ gì không?
- Mơ gì?
- Khi vừa đến Đà Lạt, mình kiếm một chiếc xe chạy về đường Hai Bà Trưng để em nhìn căn nhà nơi em đã được nuôi dưỡng và lớn lên.
- Sau đó?
- Sau đó cho xe chạy đến đường Bùi Thị Xuân, ngang qua chỗ của quán Lục Huyền Cầm, nơi đã đưa anh đến với cuộc đời em.
- Tiếp theo?
- Vào cà phê Tùng, anh uống một ly cà phê đen, em uống một ly đá chanh, và tìm lại chỗ ngồi năm xưa.
- Xong rồi đi đâu?
- Xuống Cầu Ông Đạo, ghé Thủy Tạ uống thêm một cái gì đó. Có thể anh uống một ly rượu mạnh, còn em sẽ uống một ly cà phê sữa.
- Rồi thì đi đâu nữa?
- Rồi thì đi đâu cũng được, miễn là Đà Lạt. Chỉ có ở Đà Lạt em mới tìm thấy sự bình yên.

Trời đông bắc đêm nay đẹp lạ lùng, và bên tôi Cúc Hoa đang mơ cùng tôi giấc mơ Đà Lạt.

Phạm Cao Hoàng

Virginia, October 2011

Thơ Giáng Sinh 2011

Luân Hoán

biết Chúa không hề đến
thăm ổ tình chúng tôi
mỗi năm mỗi trang trí
mừng Giáng sinh làm vui

năm nay không ngoại lệ
giăng treo những nụ cười
lấp lánh vàng xanh đỏ
cùng trắng tinh tinh người

bởi tôi khá bé nhỏ
nên thường chuộng của to
những hình thể đầy cộm
thường ẩn nhiều thom tho

tiêu chuẩn thường quá lớ
không chịu lượng sức mình
nên nhiều lần bị hố
chả sao, miễn làm thình!

ông *Bonhomme*... quá lớn
hiên nhà không đủ chung
cái *tempo* chiếm đóng
đánh cất ông vào thùng

Père Noel áo đỏ
bày vài năm, thấy nhàm
bày hươu kéo xe mãi
chưa thấy tới thiên đàng

cây thông cao ngạo nghề
cành nhánh thật thập toàn
lộ ngay ra cái giả

ngắm lâu thấy đỡ òm

dây đèn non trăm bộ
thừa treo đủ vài tầng
mặt tiền cùng lối ngõ
solo hoài run chân

cẳng rươi lên thang đứng
nhiều khi rất phập phồng
cao tuổi, gió đầu nê
ngã xuống buồn xương gân

bảo bụng treo thấp thấp
đại khái chỉ vừa tâm
miễn có đèn nhấp nháy
Giáng sinh đủ ấm lòng

Chúa ngòi cao hiệu hết
một con chiêm trời-ơi
tôi tin ngài có liếc
dòm chừng tôi đẩy thôi

kính mong ngài và Phật
cùng các đảng quyền uy
thực thi lời cầu nguyện
tôi mãi mãi thâm thì:

cho Việt Nam lành lặn
đừng mê đất sứt trời
đủ tự do, no ấm
độc tài chóng qua đời

riêng tôi được khỏe mãi
viết bài và trả bài
không dừng ở chín chục
vẫn theo đời dài dài

Luân Hoán

2011

Khoa Hữu THƠ VIẾT DƯỚI THẬP GIÁ

Dẫn thơ:

Vào những năm 66, 67, 68 chúng tôi thường có những buổi cầu nguyện ngắn ngủi trên trục thăng hay trên thiết vận xa trước khi đổ quân. Nhiều người lính đã bị bắn chết trong giây phút cầu nguyện ấy. Trong số những người lính đó, có hai người là bạn và cũng là cấp chỉ huy của tôi.

- Nguyễn Xuân Hùng, đại úy bị thương ở chiến trường Campuchia 1970, bây giờ sống thương tồn ở Mỹ.

- Vũ Văn Nhâm, trung tá, hy sinh ở Tam Giác Sắt, an nghỉ tại nghĩa trang Phú Bình.

Và tôi đang ở VN viết những bài thơ này thay lời cầu nguyện, giải bày cho một thời ấy và cho tôi bây giờ nỗi cô đơn lạnh lùng trong góc một giáo đường ngày Chủ nhật.

Bản Tình Ca Năm 2000

I/

Về đây giọt nắng trên vai
ơn mang thánh thể một đời tội con
hồn trong đen tối ngàn năm
xanh xao cổ độ điêu tàn cõi xưa
từ vườn dĩ vãng cỏ hoa
một lời quên lãng ru ta mấy trời
từ dòng vô thức mù khơi
gọi trong trí nhớ những đời đi qua
biển sâu vô vọng cõi bờ
trời cao không đỉnh. Bây giờ thế gian

về đây cát bụi phé hung
sông chia mộng tưởng núi cùng chiêm bao
tay trong số phận kẻ nào
khuất thân gỗ đá phủ đầu gió bay.
trái tim cơ khổ trên tay
phận con xin gửi cho ngày hàm oan
cánh chim qua cuộc hồng trần
bóng câu qua cửa ru thân phận này
một mai chẻ ngọn tóc mây
tội thân yêu dấu tội đời thủy chung
về đây giáp mặt hư không
ngày riêng trí nhớ đêm chung muện phiền
tóc xưa ngắn tuổi yêu em
môi thơm mắt biếc giờ thêm tội người
lá bay theo ý ngậm ngùi
cây chen bóng xế lưng đời lãng du

II/

Về đây trong bóng thiên thu
long lanh giọt nước mắt mùa phục sinh
lời ca ru tiếng thánh kinh
đời ta ánh sáng, bình minh cõi ngoài
rượu ước xưa tưởng kẻ môi
đời đời vinh hiển, lời lời sắt son
tử trong chân lý sinh con
cho thân cát bụi cho hồn hiển nhiên
bụi ơi từ chốn không tên
cát ơi phiêu dạt trăm miền dân gian
hồn như vết máu bàng hoàng
hồn như tượng đứng đôi hàng giọt đau
từ cao ngọn thập tự sâu
từ sâu đáy vực đời đau kiếp này
trời bao la cũng gió mây
đời thành thang cũng cỏ cây ngậm ngùi
này tay những ngón chia phôi
này chân lang bạt này vai chung tình
này môi chân chính lời xin
này thân nguyện khổ trái tim nguyện cầu

của tin đủ kiếp thương đau
lòng tin đôi cánh mai sau về trời
của tin con vết thương tươi
lòng tin máu chảy như lời thánh ca.

III/



Tranh Thái Tuấn

Về đây đất hứa ước mơ
hiển nhiên đời Chúa đời ta có ngày
sớm mai lời hát ru say
có không hiện tại sáng ngời vô biên
đất xưa lạ bước chân xin
trời xưa đau giọt nắng mềm dẫu vai
cây thay lá đôi hình hài
mầm trong cội cũ nói lời biết ơn
về đâu trí tuệ ngàn năm
trái tim vô hạn tâm hồn tự do
về theo ký ức vây mù
về trong trí nhớ đôi bờ lãng quên
lời xin hèn mọn bình yên
lời xin tàn tật cho thêm tuổi này
quyền uy Chúa mở hai tay

ta là vua của đời đời các con
hình như cỗ tích nước non
hình như thần thoại đời sang kiếp nào
tầng tầng ý chạm ngời cao
trông trong ánh sáng Chúa vào đời chung
phút giây riêng đến khôn cùng
phút giây chung một tắc lòng bao la.

IV/

Về đây chân lý quê ta
hai nghìn năm Chúa đã qua cõi này
lời lời dâng nguyện như mây
hàng hàng thương tưởng ru đây tuổi con
của tin Người dấu da xương
ơn công cứu chuộc ơn đường tái sinh
tội xưa ngọn giáo bạo quyền
máu con thập tự rao truyền ý cha
về đây nhánh huệ thân ta
lòng tin xin đến thiên thu vẫn còn
trái tim vừa mới như son
xác thân vừa sạch tâm hồn thanh cao
bàn tay những ngón ngời hầu
bàn chân theo dấu bước vào đời riêng
vai thờ ngời thánh thiêng liêng
tóc râu gội sạch ưu phiền thế gian
về đây sâu suốt ngày vàng
cao đôi cánh rộng thiên đường mai sau
và em phận nhỏ đời đau
kiếp này tư tưởng kiếp sau nước trời
cám ơn em, cám ơn đời
về đây trong trái tim Người, AMEN.

Khoa Hữu

4-1979



Nhiều người viết *TQBT & 11 năm có mặt*



Thư Quán Bản Thảo xin được trình diện cùng bạn !



***Bạn đọc và thân hữu chia vui cùng Thu Quán Bản
Thảo bước vào năm thứ 11***



*Chiếc bánh do Thu Hằng, một bạn đọc của TQBT ở Nam Cali , mang đến để mừng TQBT lên 11 tuổi.
Hình trên: Vợ chồng THT đang cắt bánh.*



Và cuộc họp mặt đầy thân tình tại Nam CALI vào thượng tuần tháng 9-2011

Trần Hoài Thư

Cám ơn Thư Quán Bản Thảo...

Thượng tuần tháng chín vừa qua, chúng tôi có dịp về Nam Cali để dự đám cưới con trai vợ chồng người bạn thân. Lại thêm một dịp bị bạn bè níu kéo, mời mọc đến ngất ngư. Lại thêm một dịp để thấy rằng, phải cảm ơn Thư Quán Bản Thảo. Ít ra, nó cũng là nhịp cầu. Giữa tác giả và người đọc. Giữa người chủ trương và bạn đọc. Nếu không có nó, làm sao chúng tôi lại có những giờ phút khó quên trong đời mình như thế này:

*Những con đường dù tiếng lạ mà quen
Những dãy phố tên người mà hồn rất Việt
Khi qua Bolsa, làm sao quên Brookhurst
Rẽ phải bạn bè, rẽ trái anh em*

*Ta ở nơi này bé cẳng đôi chân
Mới về Cali mấy ngày mà yêu đời quá đỗi
Bạn hiền ơi, xem dùm Bolsa còn dư một chỗ
Trông đại dùm ta một góc si tình*

Buổi chiều hôm ấy, khi nghe tin chúng tôi qua, mặc dù đường bị kẹt nhiều nơi, và nhất là trong giờ tan sở, anh Nguyễn Hoàng Quân, đã cấp tốc lái xe từ Los Angeles về thăm chúng tôi. Anh Quân đã tặng tạp chí TQBT 2 máy *scanner* loại cầm tay di động. Anh nói, một dành cho tôi, và một dành cho nhà tôi. Để hai ông bà cùng *scan* tài liệu cho nhanh. Tấm lòng của anh đối với văn học miền Nam thật khó có thể tưởng tượng. Anh kể trước 1975, bất cứ tác phẩm nào có ở Khai Trí là anh đều mua. Những bộ như Sáng Tạo, Nhân Loại, Thế Kỷ Hai Mươi, Phổ Thông, Văn, Văn Học, Bách Khoa v.v... anh đều có đủ bộ. Sau 1975, tất cả bị đốt hủy. Anh hy vọng trong tương

lai sẽ giúp tôi sưu tập một số sách báo quý hiếm mà anh tin anh sẽ tìm được... Anh còn hứa sẽ dịch sang tiếng Anh một số bài trên TQBT. Hai kẻ trước đây xa lạ, giờ đây ngồi trong một nhà hàng ở đường Bolsa, để cùng nhau kể về những cuốn sách yêu dấu cũ, chìm trong lửa ngọn, hay bán cho ve chai... và niềm tin về công việc mà chúng tôi theo đuổi. Anh giúp chúng tôi không cảm thấy cô đơn. Men tình, men lính tráng, men văn chương, hòa thêm men rượu, ôi hạnh phúc nào bằng!

Người thứ hai là Thu Hằng, người độc giả trẻ tuổi lâu năm của TQBT, ngay từ số 1. Thu Hằng hỏi chúng tôi chừng nào trở lại New Jersey để biết mà tổ chức một buổi họp mặt thân hữu. Tôi cương quyết từ chối. Tôi viện đủ cách. Và để chắc ăn, tôi gọi lại một lần nữa năn nỉ Thu Hằng nên tha cho anh chị đi. Thu Hằng lại bảo: Ai bảo anh mời? Anh chị chỉ cần đến. Bọn này đã lo hết rồi.

Bọn này là ai? Sau này tôi hiểu là anh chị Nguyễn Đình Thuần và Thu Hằng.

Có lẽ Thu Hằng đã đọc được lời “rao trước” trên tạp chí TQBT số 48, kêu gọi thân hữu đóng góp bài cho số kỷ niệm 11 năm nên đã âm thầm chuẩn bị sau khi nghe tin tôi đến CA chẳng...

Rõ ràng cô em gái của chúng tôi đã dẫn chúng tôi vào chân tường. Chiếc bánh Thu Hằng tự tay làm, mang từ một vùng ngoại ô đến buổi chiều hôm ấy, cùng những bạn bè bằng hữu, những lời ca tiếng hát, bài thơ, tiếng sáo, tất cả như vẫn còn bồng bồng trong tôi mãi đến bây giờ. Tôi hiểu rằng, nếu không có TQBT thì tôi sẽ không bao giờ được có những giờ phút nhớ mãi như thế này. Cảm ơn TQBT đã tạo nên nhịp cầu giúp tôi và các bạn tôi ở ngoài và trong nước có thêm bằng hữu, có thêm những niềm vui, có thêm những hạnh phúc.

Trở về lại nhà, bắt đầu lo cho số đến. Bạn bè đã bắt đầu gửi bài về đóng góp. Càng ngày càng nhiều. Riêng những bài viết về chủ đề TQBT 11 năm, bài nào đọc cũng thấy bạn dành cho bản thân tôi những cảm tình đặc biệt. Ngay cả ông bạn Trần Phù Thế cũng đã hứa sẽ viết thật, viết bằng tất cả trái tim chứ không bằng tình bạn, vậy mà cũng đưa THT lên mây...

Xin được kể ra đây, để bạn đọc xa gần thông cảm. Chẳng lẽ tôi lại cất đục những giòng những câu viết *ca* về mình, như ngày

xưa, sở Thông tin cất chữ “ông Tướng” trong một truyện đăng trên tạp chí Bách Khoa vì nghĩ rằng tên chuẩn úy nào đó chơi cha, lại ra lệnh ông Tướng tập hợp trung đội trình diện chuẩn úy v.v... Họ làm sao biết được ông trung đội phó ấy có tên thật là Lương văn Tướng, gốc Nùng, cấp bậc trung sĩ nhất.

Vui là vui thật, mừng là mừng thật, vì tạp chí TQBT là một tạp chí nghèo, không giống ai, không quảng cáo, không bán, lại sống không phải là *sống sót* mà là *sống mạnh, sống hùng*, qua 11 năm có mặt. Chẳng những thế, nó trở thành một mái nhà, ở đó, dù độc giả hay dù tác giả, chúng tôi cùng một ý hướng: phục hồi một nền văn học miền Nam đã bị mai một, quên lãng. Xin mời đọc bài viết của Trần thị Nguyệt Mai để hiểu rõ hơn. Có biết bao người bạn giúp tôi trong thâm lặng. Sẵn sàng đánh máy khi tôi cần. Sẵn sàng làm trung gian giúp chuyên dùm tôi đến những bạn đọc ở Pháp, Úc... vì cước phí gửi quá kinh khiếp... Còn nữa. Còn những tác giả luôn luôn dành cho TQBT sự yêu mến đặc biệt. Bài gửi đóng góp thay vì gửi lên mạng, có nhiều người đọc, lại nhanh cấp kỳ, lại dành ưu tiên cho TQBT... chờ đến khi tạp chí phát hành rồi mới phổ biến đến các nơi khác...

Thật khó có thể tìm một tạp chí nào có một cõi tình thân như TQBT. Tôi nghĩ vậy.

Một lần nữa, xin cảm ơn quý bạn hữu và bạn đọc xa gần. Nếu có một lời cầu xin thì cầu xin cho chúng ta, tất cả đều mạnh khỏe, an vui để còn hai ba tháng, mở thùng thư, thấy phong bì vàng gửi từ New Jersey và cá nhân tôi còn niềm vui để chọn...

Riêng phần Thư Quán bản thảo thì xin đừng lo. Nhà in có sẵn. Giấy mực có sẵn. 11 năm kinh nghiệm có sẵn.

Và nhất là được bạn đọc thương mến. Thì làm sao nó có thể chết được ?



Trần Bang Thạch

SAU 10 NĂM, VẪN LÀ CÁI TÌNH CHỮ NGHĨA

Bạn già Trần Hoài Thư nhắc mới nhớ: Tháng 10 này là kỷ niệm năm thứ 11 TQBT. Không phải là vô tình, nhưng thời gian sao mà nhanh quá khiến mình bắt không kịp. Mới đó mà đã một thập niên! Tự nhiên nhớ câu nói của anh nhà quê trong một phim truyền hình: *Đời người đâu có mấy cái mười năm!* Đâu có mấy nhưng TQBT đã chiếm một rồi. Như vậy có thể nói được không: TQBT đã là một phần đời sống của những người thực hiện, của người viết và của người đọc. Không có ba cái này thì chắc không có cái mười năm qua, hay cái mười năm kế tiếp.

Người đọc thì không nhiều nhưng ở khắp nơi. Báo vừa ra lò ở New Jersey thì ba hôm sau một cháu gái của PVN ở Sài Gòn đã cầm trên tay 3 tập từ NM. Người bạn thơ chẵn vệt ở Tầm Vu thì nhận vài tuần sau, có khi cả 2, 3 tháng sau, có khi mất trắng. Hấn nói: “Càng lâu thì càng dài nhớ mong!” Người ta mong nhận, rồi đọc, rồi giữ. Lâu lâu không thấy thì hỏi. Có người nhận hoài cũng thấy kỳ, muốn tiếp chút đỉnh chi phí in ấn thì bị Thủ Hàm phu nhân từ chối khéo. Lúc trước nghe tin vài độc giả còn gởi quà về cho mấy người viết trên. TQBT đang gặp cảnh ngặt nghèo. Cảnh khó của bạn vẫn nơi quê nhà thì không biết chừng nào mới hết, nhưng người ta sẽ biết sợi dây nối giữa người đọc và người viết thì thật là thơm tho ngọt ngào qua sân chơi chữ nghĩa TQBT. TQBT còn đem đến cho người đọc của mình những món ăn tinh thần không giống ai vì

không có ai làm giống như họ. Đó là các ấn phẩm qua công khó sưu tầm từ các thư viện hay từ bằng hữu tốt bụng, rồi tổng hợp, rồi ấn hành thành những tập thơ, văn thời chiến dày cộm. Thịnh thoảng có tập truyện, tập thơ... được Thư Ân Quán phát hành (đa số là không được phát hành trong nước) hay tái bản gởi kèm với TQBT. Người đọc hẳn là thích lắm với những món quà văn chương bất ngờ nhưng đáng quý này.

Trộm nghe rằng rất nhiều độc giả TQBT là những người trong giới làm VHNT ở hải ngoại và những người viết trước 1975 hay những nghiên cứu sinh trong nước bây giờ.

Người đọc thì vậy, còn người viết thì sao?

Còn nhớ tập đầu tiên phát hành tháng 10-2001 dày chưa tới 140 trang với 9 tác giả. Sau đó thì tập nào cũng quá 200 trang với trên 50 tác giả. Tác giả ở đây, qua những sáng tác của họ hiện nay hay qua bề dày sinh hoạt VHNT từ trước 1975 là những *Nhà văn, Nhà thơ, Nhà phê bình, Nhà nghiên cứu văn học*.

Có lẽ một trong những cái thích thú của độc giả TQBT là được tiếp tục đọc dòng văn chương tưởng đã mất, “gặp” lại một số khá đông những cây bút một thời được gọi là những cây viết trẻ thời chiến trên các tạp chí VHNT trước 1975. Thấy những cái tên bây giờ mà nhớ những trang Bách Khoa, Văn, Khởi Hành, Văn Học, Khai Phá, Ý Thức... buổi trước. Đọc thơ văn của họ trên TQBT hôm nay vẫn cảm thấy như có chất men tác động vào tâm thức mình. Thử đọc lại mấy câu của Phạm Ngọc Lư mà rung mình: *Chiến trường ném binh như vãi đậu/ Đoàn quân ma bay khắp bốn phương/ Lốp lốp chồm lên đèo bẹp núi/ Núi mang cao điểm ngút oan hồn/ Đá mang dáng dấp hồn chinh phụ/ Chơ vơ chớp núi đứng bỗng con/ Khu chiến ngày tràn lan lửa dậy/ Đá vọng phu mọc khắp biên cương*. Hay đọc Từ Thế Mộng để nhớ người lính chết trẻ Y Uyên: *Mấy trùng khơi cách người nằm xuống/ Nora còn chùng bông cỏ may/ Nora chùng lòng dẫm đũa bạn/ Thương người không thể cầm trong tay*.

Phải chăng ta đang thấy lại một thời tuổi trẻ trong cơn oằn oại của lịch sử đất nước mình? Còn nữa. Nguyễn Bắc Sơn thì làm cho người đọc ngỡ ngác lạc đường vào thi ca: *Em ni cô ta là thi sĩ/ Có lúc thần tiên, lúc ngạ quỷ/ Cầm kinh địa tạng ở trong tay/ Mà uống rượu sầu, say bí tỉ*. Nghe Hoài Ziang Duy nhắc lại mấy cái tên, như anh ròm cận thị Mạc Phong Lan ở đường

Phủ Cui, như người bạn trẻ tài hoa Lưu Nhữ Thụy ở Châu Giang. Đọc Ngô Nguyên Nghiễm vẫn thấy hình dáng của một thiền sư của năm non, bảy núi. Rồi nhớ Núi Sam và chùa Cô Ba Trảng. Nhớ anh Hưng Nông với đường banh vừa chạy ngược, vừa xoáy như bông vụ trên mặt bàn *ping pong*. Chỉ một bài viết cũng đủ làm mình thấy lại một thời văn thơ Châu Đốc và nhớ mấy người bạn cũ. Bây giờ đọc truyện Nguyễn Lê Uyên vẫn nghe giọng văn và chữ nghĩa thật quen; nhưng những ghi nhận qua cây bút sắt Ng~ của Xứ Bàn Chải, Xương Rồng thì bén như dao cạo và tung hoành như trường thương Triệu Tử Long phò ấu chúa vào chỗ không người. Nguyên Minh vẫn mảy mò với những truyện ngắn mà dài với nhiều tình tiết như thật khiến đã đọc thì không thể ngừng giữa truyện. Mới đây đọc chủ đề Bách Khoa thấy lại gương mặt tròn, phúc hậu của Chủ Nhiệm Lê Ngô Châu rồi nhớ món nhuận bút đầu tiên đủ mua cái giường ngủ có nệm cho con trai đầu lòng; bây giờ nó đã trên bốn chục rồi. Tranh bìa của TQBT là những bức phác: lúc đầu là những tranh loại Picasso của Trần Quý Thoại (cha làm thì con phải giúp?), mới nhất là tranh hai chiếc ghế trống với dầu hôi và dầu than của Du Tử Lê. Đây có phải là những ngạc nhiên thích thú?

Xin được dùng chữ vân vân ở đây vì làm sao nói hết được hàng trăm tác giả, mỗi người một vẻ, từ 10 năm nay trên TQBT với 49 số báo.

Một tạp chí văn học sanh ra giữa thời báo mạng, báo trên trời, báo chợ, thời cái gì cũng *net*, cũng *online*... mà lại không bán và không quảng cáo có thể sống tới bây giờ thì có vẻ khó hiểu, phải không? Không khó hiểu đâu khi mình có cái giao tình chữ nghĩa giữa người đọc, người viết và người làm tờ báo.

Nhớ hồi ra số báo đầu, Trần Hoài Thư phải hoãn lại vài ngày để đưa vào ảnh chụp Tòa Tháp Đôi ở Nữ Ước đang bốc cháy và 4 câu thơ: *Ta đứng bên này bờ Nữ Ước/ Bên kia thành phố khói che trời/ Dưới bóng hoang tàn thê thảm ấy/ Xin tìm dùm anh em mất tích Twin Towers*. Cả nước Mỹ vừa làm Lễ Tưởng Niệm 10 năm ngày 11 tháng 9. Mười năm nay, sau ngày thê thảm ấy, tinh thần dân chúng Mỹ có suy suyền chút nào đâu.

Con sóng dữ của tháng 4 năm 1975 quả đã làm mất quá nhiều thứ. Người Thủ Hàm THT từ 10 năm nay cũng đứng bên này bờ Nữ Ước đi tìm dòng thơ văn mất tích bên kia trời. Bạn già ta có thể một mình trên xa lộ dẫn đến thư viện Quốc Hội Hoa

Kỳ, thư viện Cornell, Yale... hay 2, 3 giờ sáng còn ở dưới hầm nhà, nhưng cái tình chữ nghĩa chắc không làm bạn cảm thấy cô đơn, phải không Người Thủ Hầm?

Trần Bang Thạch

Houston, Oct 2011

Thư Quán Bản Thảo Bước qua năm thứ 11, nghĩ về một người bạn.

Phạm Văn Nhàn

Thư Quán Bản Thảo mới đó đã bước qua năm thứ 11. 11 năm có phải là thời gian đủ dài để độc giả nhớ đến một tờ báo văn học, mà trên tiêu chí của tờ báo đã ghi. 11 năm hiện diện trên văn đàn hải ngoại vẫn còn tồn tại, dù có lúc “định kỳ”, có khi “bất định kỳ”.

Định kỳ hay bất định kỳ chỉ là thời gian đến tay độc giả chậm một chút. Chứ không bỏ cuộc chơi “chữ nghĩa” mà đã qua 11 năm vẫn còn “trụ” được, mặc dù tình hình kinh tế càng ngày càng “khó khăn”. Tiền giấy, tiền mực, rồi cước phí gửi bưu

điện. Nhất là tiền cước phí, hầu như năm nào cũng tăng. Giấy mực xem như việc phải có đủ để hoàn thành một tạp chí theo mong muốn, nhưng cước phí bưu điện cũng đã làm cho nhiều tạp chí phải “suy nghĩ”, trong đó có Thư Quán Bản Thảo. Do đó chủ trương của anh Trần Hoài Thư, cũng đã nói lại nhiều lần trên tờ báo là: *độc giả nào còn yêu mến TQBT xin gửi ủng hộ tem theo giá cước hiện hành của bưu điện, để chúng tôi gửi báo đến tận nhà*. Và như thế TQBT không bán, chỉ yêu cầu độc giả ủng hộ “cước phí bưu điện” mà thôi.

Tuy vậy, cũng có vài độc giả “lờ đi”. Xem như chúng tôi, những người làm “văn học nghệ thuật” này phải có bốn phận gửi báo tới cho họ. Đối với số độc giả này, chúng tôi buộc phải suy nghĩ và xét lại.

Một tạp chí hoàn toàn văn học mà “tâm huyết” của chúng tôi đã và phải làm cho bằng được là: làm sống lại một nền văn học đích thực của một miền Nam, chỉ mới có 20 năm thôi, kể từ ngày đất nước qua phân (1954 đến 1975) nền văn học miền Nam như thế nào, các bạn cũng đã biết. Không những chỉ có những tờ báo lớn phát hành ở Sài Gòn, mà các tỉnh lẻ cũng phát hành những tạp chí văn học có giá trị thời ấy nữa. Những cây viết trẻ “nở rộ” trong vòng sau 10 năm của 20 năm chia đôi đất nước. Và, trong 10 năm đó chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, lấy từ cái mốc năm 1964 đến 1975. Lớp trẻ được tung ra chiến trường càng nhiều, thì làm cho nền văn học miền Nam càng thêm khởi sắc. Không biết sự suy nghĩ của tôi có đúng không, nhưng phải nói thời điểm này, ngoài chiến trường, những nhà văn, nhà thơ trẻ như những ánh lửa thấp sáng lên trong đêm trường ngút ngàn khói lửa. Họ đã tạo nên một nền văn học nghệ thuật đầy hoài bão và khát vọng của chính mỗi con người sống trong sự phân hóa của chiến tranh mà họ tham dự. Từ đó, văn học miền Nam có thêm nhiều cây viết mới.

Sau tháng 4 năm 1975, nền văn học miền Nam được chuyển tiếp ra hải ngoại. Nhưng các tạp chí văn học có giá trị cũng chỉ đếm được chẳng là bao nhiêu, rồi cũng lần lượt bị “đẹp tiệm”. Có lẽ cũng vì cước phí bưu điện quá cao, rồi tiền in ấn... không kham nổi chăng? Và, còn độc giả nữa. Vâng, đúng vậy,

tờ báo sống được là nhờ độc giả. Không có độc giả là tờ báo đó... “chết” ngay. Báo phát hành ra “chẳng ai” đọc thì tiền đâu để duy trì?

Thường thường độc giả ở Mỹ thích đọc những tờ báo chợ hơn. Những tờ báo này không chuyên hẳn về văn học, sống được bằng quảng cáo và được phát không ở những cửa tiệm và chợ của cộng đồng. Điều này làm cho những tạp chí chuyên về văn học càng gặp khó khăn, và cuối cùng, đến một thời gian nào đó cũng phải... “đóng cửa” mà thôi. Vậy mà, đến bây giờ, sau 11 năm, TQBT vẫn tiếp tục có mặt. Qua những số chủ đề giới thiệu về những nhà thơ, nhà văn hay những tạp chí quen thuộc trước 1975. Qua sự tái xuất hiện của những cây viết quen thuộc một thời trên văn đàn miền Nam từ lâu vắng bóng. Qua những lần độc giả gửi điện thư cũng như gọi phôn, ngay cả trong nước, khuyến khích, động viên ... Đó là những phần thưởng tinh thần vô giá đã giúp chúng tôi vượt qua những khó khăn, với quyết tâm làm sống lại nền văn học miền Nam cũ.

11 năm qua, 48 số phát hành, một điều khích lệ rất lớn và rất vui với nhóm chủ trương; vì bên cạnh chúng tôi còn có những độc giả trẻ ủng hộ chúng tôi. Đó là nguồn hạnh phúc rất lớn đối với anh em chủ trương tờ báo. Bên cạnh đó, chúng tôi còn có thêm nhiều cây viết mới. Những nhân tố mới này (người viết trẻ) đã làm cho nền văn học Việt nơi hải ngoại ngày càng thêm khởi sắc ở vào thế hệ thứ hai. 48 số cũng chưa đủ nhiều. 11 năm cũng chưa đủ dài để đóng góp vào nền văn học Việt hải ngoại; vì lớn lao quá, nhưng làm được lúc nào hay lúc nấy để làm sống lại một nền văn học đích thực của miền Nam cũ chuyển tiếp sau tháng 4 năm 1975 đã một thời đi vào lòng người, hay nói khác đi là đã đi vào lịch sử văn học miền Nam.

48 số đã phát hành, từ số 1 đầu tay, còn chập chững, còn sơ sài trong lối in ấn cho đến hôm nay đã đi vào chuyên nghiệp, phải nói như thế, là nhờ có anh Trần Hoài Thư, người có sáng kiến hình thành nên cơ sở Thư Ấn Quán để làm nơi in ấn TQBT và những đầu sách cho những nhà văn, nhà thơ nào cần yêu cầu. Có thể, dù có khó khăn như nói ở trên, nhưng TQBT vẫn sống, để đến tay bạn bè, độc giả.

11 năm kỷ niệm TQBT hình thành mà không nói đến cơ sở in và xuất bản Thư Ấn Quán có lẽ cũng là điều thiếu sót. TQBT hình thành cũng từ cơ sở này. Và những đầu sách của bạn bè cũng từ cơ sở này. Cơ sở in và phát hành, nói cho vui vậy thôi. Chứ cơ sở Thư Ấn Quán chẳng có văn phòng, chẳng có nhân viên, chẳng có máy móc. Chỉ là một căn hầm (*basement*) tại nhà của anh chị Trần Hoài Thư. Từ cơ sở này, lúc đầu chỉ có vài cái máy vi tính chạy rất chậm, một vài cái máy in cá nhân, và một cái máy cắt xén giấy bằng tay, mà nhân viên kiêm ấn công, trình bày sách, *layout*, suu tầm, *shipping* v.v... chỉ duy nhất một mình anh THT gánh vác, vậy mà giờ đây, hàng trăm đầu sách, trong đó có những bộ sách đồ sộ lần lượt ra đời... Tôi lại nghĩ đến một người bạn của chúng tôi, nhà văn Nguyễn Minh còn trong nước. Ngày đó, lâu rồi, vào khoảng năm 1968-69. Tôi với anh THT về Phan Rang, cơ sở in của tạp chí Ý Thức, do Nguyễn Minh và bạn bè của anh chủ trương. Cơ sở còn thô sơ của cái thời đó. Máy in chỉ là một cái máy quay ronéo, và một bàn máy đánh chữ. Thế mà Ý Thức cũng đã đến tay độc giả, một trong những tờ báo để lại tiếng vang một thời. Ý Thức sống tới 24 số thì lịch sử sang trang. Cơ sở Ý Thức cũng đã xuất bản nhiều đầu sách cho bạn bè. Trong đó có tập truyện đầu tay của THT.

Nghĩ đến Thư Ấn Quán, tôi nghĩ đến anh, đến những ngày đầu trần trụi, khó khăn, tìm kiếm để tạo nên một Thư Ấn Quán ngày hôm nay. Nghĩ đến công việc làm của anh dưới cái *basement* hôm nay, lại nghĩ đến anh ngày xưa, con người sống hết mình với bạn bè, chơi hết mình với bạn bè, có bao nhiêu chơi hết bấy nhiêu không tính toán. Sống nay chết mai, tính toán làm gì cho mệt. Nhiều khi, hết tiền hai đứa chia nhau một điều thuốc... thế mà, những công việc tỉ mỉ, tẩn mẩn của một người chọn xếp từng trang báo đã in ra theo số trang, khâu từng xấp giấy bằng chỉ, đóng những trang bìa bằng giấy cứng. Tôi phục anh. Với anh và tôi, ngày xưa sống bất cần đời, thì hôm nay, anh làm được nhiều việc cho một tạp chí văn học, để lại cho “đời”- có thể nói như thế - những bài thơ, những truyện ngắn

của những tác giả một thời của miền Nam cũ sống lại, qua những trang giấy lên đến hàng ngàn trang thơ cũng như văn mà chúng tôi sưu tầm in thành sách.

Từ một người không biết gì về kỹ thuật in, đóng, thể mà hôm nay, tôi có thể tự hào về người bạn của tôi, sau Nguyên Minh. Anh đã trở thành “chuyên nghiệp” nếu đọc giả nhìn thấy những bộ sách đã phát hành từ Thư Ấn Quán do anh làm.

Cũng vì muốn gìn giữ một nền văn học miền Nam trước 1975, mà chúng tôi gọi là: *văn học miền Nam trong thời chiến*, đã thôi thúc chúng tôi, cũng như bạn bè cầm bút cũ, cũng như độc giả yêu cầu, chúng tôi đã làm và còn làm thêm nữa qua những bài văn, bài thơ mà chúng tôi đã sưu tầm được. Đây cũng là mục đích của TQBT. Ta thử nhìn lại từ năm 2006. Đầu tiên là tập **Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến**, dày khoảng trên 800 trang, bìa cứng, khâu bằng chỉ. Qua năm 2007 chúng tôi sưu tầm thêm thơ và quyết định phát hành tiếp chia làm 2 bộ: tập I và II cùng tên, có bổ sung. Mỗi bộ trên 700 trang. Bìa cứng.



Qua năm 2008 những tập thơ được sưu tầm lần lượt phát hành: **Thơ Tình Miền Nam**, dày trên 700 trang. **Thơ Tự Do Miền Nam** trên 600 trang. **Một Thời Lục Bát Miền Nam**, 600 trang. Bìa có hai loại cứng và mềm. Sau đó một năm, năm 2009 cho phát hành **Văn Miền Nam Trong Thời Chiến** gồm bốn bộ được đánh dấu từ bộ 1 đến bộ 4. Mỗi bộ dày trên 700 trang, gồm khoảng 117 tác giả, mỗi tác giả chỉ lấy một truyện,

dù chưa đầy đủ sẽ sưu tầm thêm để bổ sung. Bìa có hai loại: cứng và mềm. Từ sau tháng 4-1975 hầu hết những tác phẩm văn thơ miền Nam cũ không còn, từ những tạp chí văn học một thời của miền Nam sau hai mươi năm, từ năm 1954 đến 1975 cũng không còn. Chế độ đương đại hôm nay cho “đốt” sạch kể từ sau tháng 4 năm 1975 ấy... Vì thế, với chủ trương của Thư Án Quán, cùng với một vài người bạn văn có tâm huyết trong và ngoài nước, như nhà thơ Thành Tôn (Mỹ), nhà văn Nguyễn Lệ Uyên (VN) còn lưu giữ mỗi người một ít gởi đến cho chúng tôi. Dù cho những tờ báo, hay tạp chí mà hai anh gởi đến chúng tôi đã bị một ăn, gáy bìa không còn, vàng úa trông rất “thảm hại”. Đồng thời anh Trần Hoài Thư không kể mưa, tuyết vẫn phải lái xe thường xuyên đến thư viện “Quốc hội Hoa Kỳ” để xin copy rồi về chia nhau đánh máy (tôi và anh). Ngoài ra anh cũng phải nhờ đến một vài độc giả có “tâm” với nền văn học miền Nam cũ đánh máy. Có như thế chúng tôi mới hoàn thành được cái tâm nguyện là: *làm sống lại và gìn giữ văn thơ miền Nam cũ.*

Có một điều rất thú vị là bộ Văn Miền Nam Trong Thời Chiến, 4 tập dày cộm như thế, vào năm 2010 tôi về thăm nhà, độc giả trong nước tiếp nhận bộ VMNTTC một cách rất nồng nhiệt. Một cô độc giả, rất trẻ, ngồi uống cà phê với chúng tôi nói là nhạc miền Nam trước 1975 tôi thường hay nghe, nhưng văn thì không bao giờ đọc được. Thế mà cũng đến tay cô được bộ Văn Miền Nam Trong Thời Chiến.

Bên cạnh những đầu sách đã xuất bản (chúng tôi chỉ là những người đi sưu tầm, in lại và gìn giữ), có những tác giả, chúng tôi cũng không biết mặt, sống hay chết sau tháng 4 - 1975. Cũng như có những tác giả mà chúng tôi biết họ nhưng không còn nhớ cái truyện họ viết đi trên báo nào, năm nào vì là truyện đầu tay của họ, lâu quá rồi nên quên mất đi. Thế mà chúng tôi tìm được. Với mục đích lưu giữ lại những tác phẩm một thời đó, cho nên, không lấy sự phát hành làm nguồn sống cho bản thân (in và bán), chỉ yêu cầu, độc giả nào yêu thích văn chương miền Nam chỉ hỗ trợ cho chút phí bưu điện và giấy mực. In theo yêu cầu. Cũng như tạp chí Thư Quán Bản Thảo mà 11 năm qua, chúng tôi cũng làm việc ấy. Không bán và chỉ yêu cầu hỗ trợ cho chút phí bưu điện hay tem mà thôi.

Ngày hôm nay, ngồi viết lại, trong số những người bạn của tôi, trong nước cũng như ngoài nước, những độc giả một thời gắn bó với Thư Quán Bản Thảo cũng như những đầu sách được in ra từ Thư Ấn Quán. Tôi phải cảm ơn những bạn bè cầm bút cũ một thời đã đến với chúng tôi, bên cạnh đó, cũng phải cảm ơn những người viết trẻ nơi hải ngoại này, đã đến với TQBT. Và, ngày hôm nay: TQBT và Thư Ấn Quán vẫn còn là nhờ công sức của nhà văn Trần Hoài Thư, một người bạn “cùng khổ” với tôi một thời “lặn lội” khi còn khoác trên người bộ quân phục. Lúc nào và lúc nào anh cũng tha thiết với: văn chương chữ nghĩa. Hôm nay, tôi nghĩ 11 năm qua, TQBT và Thư Ấn Quán đã làm cho anh vui. Vui trên từng con chữ. Phải vậy không, người bạn “bên trời lặn lội”?

trầnphùthế

TÁM LÒNG CỦA NGƯỜI LÍNH MIỀN NAM CẦM BÚT, ĐỐI VỚI VĂN HỌC MIỀN NAM

Cuối thập niên 60, tôi đã đọc văn, thơ Trần Hoài Thư trên các tạp chí: Bách Khoa, Khởi Hành, Văn... Tôi thực sự biết anh khoảng đầu thập niên 70. Tôi từ Gia Định về Cần Thơ thăm nhà, đã gặp gỡ anh tại BTL/QĐ4. Thời gian đó anh là phóng viên mặt trận cho Quân Khu 4. Tuy mới quen nhau lần đầu nhưng tình chiến hữu, tình văn nghệ coi như đã thân nhau từ lâu. Tôi còn nhớ lúc đó, dù đang bận công việc, nhưng khi

tôi ngộ ý cùng nhau ra quán, anh vui vẻ nhận lời. Sau đó, mỗi lần về phép tôi đều ghé thăm anh, kêu thêm Trần Kiều Bạt, Phù Sa Lộc cả phê, cả pháo hoặc tạt ngang quán nhậu bình dân nào đó cho tới khuya tan hàng.

Sau tháng tư bảy lăm, Trần Hoài Thu và tôi đều đi tù cải tạo. Tháng sáu bảy sáu, tôi bị chuyển trại đưa xuống U Minh phá rừng làm ruộng. Tháng mười chuyển trại về kinh Tám Ngàn, nơi đây gặp lại Trần Hoài Thu. Hai đứa nhìn nhau như hai con khô cá hổ, tên nào cũng xơ xác, ốm nhom ốm nhách. Chỉ hỏi thăm nhau mấy câu, rồi chia tay mỗi đứa một nơi. Mãi hai mươi bảy năm sau tôi mới có cơ hội gặp lại Trần Hoài Thu trong tiệc cưới của cháu Thoại (con trai của anh chị Trần Hoài Thu). Và cũng dịp này tôi nhận hai trăm tập thơ "Giỡn Bóng Chiêm Bao" do Thư Quán vừa in xong còn thơm mùi mực mới. Trong bài "Gặp Bạn Ở Xứ Người" in phần phụ lục tập thơ "GBCB", Trần Hoài Thu viết: "Bây giờ chúng tôi là hai kẻ may mắn hay là hai kẻ lạc bầy. Những khổ nạn của bạn bè chúng tôi không gánh hết, đất đai sông rạch phù sa phì nhiêu như vậy, bao dung như vậy, chúng tôi cũng đành bỏ xa... Ngay cả những bài thơ cũ của một thời yêu dấu lắm nhưng gian nan cũng lắm cũng đành đốt hủy... Nhớ bạn, biết bạn một thời làm thơ rất hay, đọc đến thuộc lòng, mà giờ cũng đành tạ tình. Quên hết. Hay nếu có nhớ chẳng thì một vài câu... Cùng lứa, cùng thế hệ, cùng giọng máu văn nghệ mà như vậy, hưởng hồ là thế hệ con cháu mình. Có phải?" Và anh viết tiếp: "Không ngờ một ngày tôi bắt được liên lạc lại với anh. Và biết anh tiếp tục làm thơ, tiếp tục giỡn bóng chiêm bao nơi đất khách... Mừng lắm."

Và hôm nay, tôi còn mừng hơn nữa khi tạp chí văn học nghệ thuật "Thư Quán Bản Thảo" do anh chủ trương sẽ sinh nhật vào tháng 10/2011 vừa tròn mười một tuổi. Mười một năm, nếu nhiều người cùng làm việc thì thành quả cũng không có gì to lớn. Trường hợp Trần Hoài Thu thì khác. Mấy năm gần đây, vì lý do sức khỏe nhà văn Phạm Văn Nhân đã bàn giao công việc chọn bài vở lại cho anh. Thử nghĩ, một mình một xe (nhiều lúc có bà xã giúp sức), cầm bút thay súng ngày xưa, giang hồ ngang dọc tung hoành các thư viện lớn của nước Mỹ, tất cả cho Thư Quán Bản Thảo, thì tôi nghĩ đời này chỉ có mình anh là một. Thật vậy, một mình Trần Hoài Thu tả xung hữu đột, ngày ngày vật lộn với tạp chí Thư Quán Bản Thảo, từ

khâu liên lạc các tác giả, khâu chọn bài vở, *layout*. Hơn thế nữa, anh phải điều khiển cả nhà in mà máy móc cũ phần lớn là mua những nơi đầu giá hoặc chợ trời. Anh tâm sự, hàng ngày lên *internet* rà tới rà lui. Coi chỗ nào *sale* rẻ thì mua liền. Có khi mang về không sử dụng được thì mày mò sửa cho đến khi nào tốt thì thôi. Còn nữa, anh kể tiếp, nhiều lần, rất nhiều hôm vợ chồng anh bắt kê mưa gió hay tuyết đầy trời, anh chị vượt đường dài hàng trăm *miles* đến thư viện Cornell để sưu tầm bài vở cho những số chủ đề đặc biệt. Có lần anh đi một mình vào mùa đông. Sau khi xong việc, từ Nữ Ước về, vừa mệt vừa buồn ngủ, mắt lại nhìn không rõ, nên xe đã ủi vào đụn tuyết bên lề. Tuyết ngập cả nửa xe không sao lùi lại được đành gọi Police cứu giúp. Tôi nghĩ, nếu Trần Hoài Thư không có tâm lòng rộng lớn đối với văn học nhân bản, khai phóng miền Nam thì không thể nào anh làm nổi công việc to tát mà anh đang làm. Tôi rất đồng ý với các nhà thơ, nhà văn:

- Nguyễn Xuân Thiệp viết: Khâm phục tâm lòng và việc làm của Trần Hoài Thư. Bạn đã đóng góp rất lớn vào việc giữ gìn và quảng bá Văn Học Miền Nam

- Nam Dao viết: Cám ơn anh Trần Hoài Thư: công việc anh làm rất quý, "Nước chảy để gi trời bóng chữ", thưa anh.

- Mặc Lâm viết: Nhà văn Trần Hoài Thư cũng như nhiều người yêu văn chương khác đang âm thầm cống hiến công sức của mình để trả lại cho nền văn học tuy ngắn ngủi nhưng không kém sinh động vì thực chứng một giai đoạn bị thảm nhất trong lịch sử cận đại. Nền văn chương này nói như Trần Hoài Thư là cái tử cho nó sau khi bị truy diệt tận tình trong những năm sau 30 tháng tư.

Tạp chí văn học nghệ thuật Thư Quán Bản Thảo số đầu tiên phát hành vào tháng 11/2000. Thực hiện gồm bốn người: Trần Hoài Thư (USA) phụ trách kỹ thuật, in ấn, sưu tập. Phạm Văn Nhân (USA) phụ trách bài vở. Cao Vị Khanh (Canada). Trần Bang Thạch (USA). Lúc đầu chỉ phổ biến trong vòng anh em văn nghệ và thân hữu.

Thời gian sau, vì nhu cầu độc giả, nên phổ biến tương đối rộng rãi từ hải ngoại cho đến trong nước (VN). Theo Trần Hoài Thư cho biết: "Từ 100 trang cho số 1, 2, tăng lên 200 trang cho số 3 và có số (41) 255 trang. Và cho đến tháng 10/2011, trải qua 11 năm đã phát hành đến số 49 với chủ đề GIÁNG SINH. Và tính

so sơ, Thư Ân Quán đã in cho riêng phần Thư Quán Bản Thảo và các phụ bản hơn mười lăm ngàn trang. Một thành quả làm ấm lòng những người yêu văn học miền Nam. Để cho độc giả có một cái nhìn trung thực hơn, xin mời độc giả cùng nghe một đoạn trò chuyện giữa nhà văn Trần Doãn Nho và nhà văn Trần Hoài Thư về Thư Quán Bản Thảo:

Trần Doãn Nho (TDN): Tại sao là Thư Quán Bản Thảo?

Trần Hoài Thư (THT): Bây giờ không giấu gì anh. "Bản Thảo" tôi lấy từ Ý Thức Bản Thảo, tên một tạp chí bất định kỳ trong nước ra một năm một số, mục đích là phổ biến văn chương nghệ thuật rất hạn chế trong vòng anh em thân hữu từng cộng tác với tạp chí Ý Thức trước năm 1975. Nó nói lên một điều: những người cầm bút trẻ thời trước năm 1975 vẫn tiếp tục viết, vẫn còn say mê với chữ nghĩa. Tôi đã tìm qua hai chữ Bản Thảo một ý nghĩa bi tráng hơn: văn chương bộ lạc*. Và tôi đã từng dùng tiếng "bản thảo" này như một sự cảm thông, chia sẻ với anh em cầm bút trong nước. Còn Thư Quán thì chắc anh hiểu rồi. Thư là tên tôi. Vậy thôi.

Và theo lời Trần Hoài Thư, Tạp chí Thư Quán Bản Thảo không nhất thiết chủ trương sưu tập để đăng lại những tác phẩm của các tác giả cũ. Với khoảng 230 trang, chúng tôi thường dành 100 trang cho một chủ đề nào đó. Ví dụ chủ đề Nguyễn Bắc Sơn (số 20). Nguyễn Nho Sa Mạc (số 26). Hoài Khanh (số 24)...Hay "thơ văn khói lửa". Phần còn lại dành cho những bài vở sáng tác do thân hữu gởi về đóng góp.

Đến đây, tôi trực nhớ có lần trong bữa gặp gỡ bạn bè văn nghệ có người nói với tôi, nhân bàn về các tạp chí văn học nghệ thuật tại hải ngoại, rằng là: "Thư Quán Bản Thảo chủ trương đăng lại những tác phẩm cũ của những cây viết trước năm bảy lăm. Bài vở không có gì mới lạ, đọc nhàm chán".

Nghe xong, tôi im lặng nhìn chỗ khác. Tôi không thích tranh cãi về một vấn đề nào mà người phát biểu không biết mình nói cái gì. Sở dĩ bữa nay tôi nhắc lại câu nói trên là để nếu người đó may mắn sẽ được đọc câu trả lời của nhà văn Trần Hoài Thư trò chuyện cùng nhà văn Trần Doãn Nho nơi đoạn trích này. Nếu điều đó xảy ra, tôi nghĩ thật là hay.

Phần cuối bài trò chuyện cùng Trần Hoài Thư, nhà văn Trần Doãn Nho nói: "... anh Thư, tôi còn một câu hỏi cuối cùng, dự tính của anh trong những tháng ngày sắp tới?"

Trần Hoài Thư: "Sẽ cố tiếp tục sưu tầm và xuất bản các tác phẩm và tác giả sống và viết ngoài vòng đai. Và dĩ nhiên, vẫn viết văn làm thơ, vẫn in sách của bằng hữu, và của mình, vẫn xúc tiến tạp chí Thư Quán Bản Thảo mặc dù không còn thường xuyên như trước. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào điều kiện sức khỏe nữa... Và Trần Hoài Thư kể tiếp: Đối với tôi, những tác giả trong thời chiến là thiết thòi nhất. Họ đâu có ở Sài Gòn, họ phải ra mặt trận, vừa đánh trận vừa viết, không có cơ hội để xuất bản. Thịnh thoảng có một bài đăng báo là vui rồi. Rồi họ bị bức tử từ năm 1975, không ai đếm xỉa đến văn chương của họ. Tôi muốn lấy lại danh dự cho họ."

Với câu nói đầy tâm huyết phơi bày ruột gan của nhà thơ / văn Trần Hoài Thư nêu trên. Với tấm lòng hiền dảng tất cả những gì anh đã làm, đang làm và sẽ tiếp tục làm cho nền văn học hai mươi năm của miền Nam Việt Nam. Tôi nghiêng mình cảm phục.

Xin cảm ơn anh: TRẦN HOÀI THƯ.

Trần Phù Thế

(*) " một nhóm người mất hết buồn bản, dắt dìu nhau giữa một thế giới không thuộc về của họ. Ở Mỹ chúng ta vẫn hằng nghe về bộ lạc da đỏ. Họ tụ tập nhau, nhảy múa và hát những bài hát cổ truyền quanh lửa trại. Ở đây, không phải nhảy múa mà là sáng tác văn hương... " (trần hoài thư).



HOÀI ZIANG DUY

Thư Quán Bản Thảo, cái níu tay gần lại

Tôi đến với Thư Quán Bản Thảo mấy năm sau này. Nếu phải nói câu chuyện khởi đầu của 11 năm trước, thì chắc phải để cho anh em chủ trương kể lại. Tôi biết anh Trần Hoài Thư đã lâu, gặp lại nhau nhiều lần khi anh xuống sinh hoạt văn nghệ bè bạn và lui tới Virginia. Phải nói anh chị là người dễ mến ở chỗ, ở đâu anh em mời gọi là có mặt, cách năm sáu tiếng tham dự xong là vượt đường xa quay về dù nửa đêm. Thời gian đầu anh làm TQBT, tôi không chú ý lắm, bài vở kể chuyện anh em trong cùng một nhóm, kỷ niệm ở năm tháng cũ. Với nội dung này, tôi nghĩ những người cầm bút trước năm 1975 đọc có thể hiểu, nhưng với độc giả mới, người viết mới, là chuyện xa lạ, lạc lõng. Thêm nữa, điều kiện phổ biến rất ư hạn chế. Trong cái tình gần gũi anh em, tờ báo chỉ là sinh hoạt của quá khứ trong ký ức và tương lai thì chưa đến.

Tôi nhớ lần anh chị ghé qua nhà. Anh vui vẻ cho hay đưa con tinh thần này bây giờ cứng cáp, có nghĩa là có số độc giả để anh gửi báo biểu, có thêm anh em cầm bút nhập cuộc... Tôi có đề nghị với anh, những ý nghĩ tôi đề cập trên, nên tạo sân chơi cho anh em chơi chung, có nghĩa là biến TQBT thành một tạp chí văn học, thứ hai nếu có danh sách số độc giả thường xuyên đủ tiền in ấn, cước phí, thì nên qua nhà in. Tôi nghĩ anh em cầm bút có lòng với văn học hải ngoại, để duy trì một tờ báo, chắc cũng đóng góp chứ không ngồi chờ báo biểu. Công sức của một nhà văn thực hiện chuyện in ấn từng cuốn một đến với bạn đọc. Nghĩ kỹ nó chứa một tâm tình trân quý với chữ nghĩa sách vở. Nhưng với thời gian, sức khỏe bỏ ra để thực hiện, liệu nó có bền vững hay sống từng kỳ với sức khỏe của gia chủ?

Thấm thoát cũng 11 năm, tờ báo vẫn là tình cho không biếu không, nó khởi đi từ đời sống xóm giềng ở một chân trời xa, cộng thêm công sức của những người bỏ nước ra đi thực hiện. Đặc điểm của TQBT là tờ báo văn học chỉ gửi biếu mà không bán, chỉ gửi theo yêu cầu của người đọc muốn có báo. Cũng có thể nhờ vậy mà còn tồn tại cho đến bây giờ chẳng? Vấn đề này ai cũng tự hỏi. Vậy thì kinh phí đâu để duy trì? Theo anh Trần Hoài Thư, do tự anh lo liệu phần kỹ thuật in ấn, đóng cất tại nhà, với số lượng theo yêu cầu. Người đọc có lòng thì giúp thêm tiền tem cước, giấy mực để anh xoay trở. Nghe thì nghe vậy, nghĩ đến đường trường xa thì quả tình mệt mỏi cho người thực hiện.

Nhìn quanh, những tạp chí văn học tầm cỡ trước kia (báo in) lần hồi đóng cửa, đa phần do người chủ trương mệt mỏi với tuổi tác sức khoẻ, không cáng đáng nổi. Tương lai của TQBT chắc hẳn không ngoài điều thường tình. Có điều còn ngày nào có Trần Hoài Thư thì chắc TQBT còn có mặt, dù là bất định kỳ. Coi như một tạp chí có khí phách không ai giống nó. Hy vọng vậy được không?

Nhìn chung, có điều dễ nhận ra nét khác biệt ở TQBT với các tạp chí khác, là những tài liệu sưu tầm về văn học, thi ca, tác giả, tác phẩm có trước năm 1975. Nó khác đi bài vở trên *net* lấy xuống. Nó không có mặt, hay không còn tồn tại trong thư viện quốc gia của chính đất nước Việt Nam. Tất cả đều bị hủy diệt, xóa bỏ để không còn ai biết đến. Trong lúc bộ phận thư viện đại học Hoa Kỳ, có nơi họ lưu trữ gìn giữ chuyện văn hóa đất nước khác, không ai yêu cầu. Dù xã hội này có thành phần phản chiến, chống chiến tranh VN. Hay thực tế sau cùng, chính chính phủ Hoa Kỳ phản bội tình đồng minh, cắt đứt viện trợ, bỏ rơi miền Nam Việt Nam. Chuyện chính trị, quân sự là vậy. Nhưng không thấy đoàn thể, nhân vật cao cấp nào phản ứng trước chuyện lưu trữ di sản của một nền văn hóa, văn học ở một thể đối kháng.

Chính vì sự tổng hợp được vậy, mà họ trở thành một trung tâm có đầy đủ mọi tư liệu, tài liệu cho những ai cần đến, không phải riêng với Việt Nam. Hay họ làm cho chính mình, để nếu cần tìm hiểu đặc thù của một dân tộc nào đó, một ý đồ chính trị gì khác, thì mọi sự đã có sẵn. Đọc lịch sử nội chiến hai miền Nam, Bắc Hoa Kỳ. Sau chiến tranh, không có hận thù phải trả, cướp đoạt tài sản, không có nhà tù, không vinh danh

anh hùng, không có kỷ niệm ngày chiến thắng. Địa điểm đánh nhau ở nơi chốn tiểu bang còn đó, không nghe ai nhắc đến, gọi lại.

Thấy người rồi nghĩ đến ta. Tất cả ngược lại. Những gì xảy ra khi chiến tranh VN kết thúc? Chỉ nói về mặt văn hóa, nào đốt sách, cấm đoán sách vở, kể cả viết, học, nói, nghe bằng tiếng Anh, ngôn ngữ của người Mỹ, của kẻ thù, coi như phạm tội. Sách vở của miền Nam Việt Nam cũng cùng chung số phận.

TQBT có mặt, nội dung là đăng lại các tác phẩm của năm tháng cũ. Coi như cái nịt tay gài lại kỷ niệm, tên tuổi, cái tình anh em của một thời qua đi. Có người đọc, có dài lâu, là có những ảnh hưởng khác. TQBT đã cất công sưu tầm dùm cho những người bạn trẻ trong nước đang tìm kiếm, tìm hiểu về hiện tình văn học miền Nam? Trong một vài email gửi ra cảm ơn TQBT, vì nhờ nó để làm luận án văn chương tiến sĩ, phó tiến sĩ. Tôi không mừng, không tin trước tinh thần cởi mở, tự do ở một chính sách. Niềm vui đó có chăng là ở số đông thẳm lặng đến với chữ nghĩa, ngôn ngữ Việt.

Trước đây những nhà văn, nhà báo, nhà thơ có tên tuổi là những người bị lên danh sách bắt bớ, cầm tù. Để rồi bây giờ sự hồi sinh mà anh Trần Hoài Thư gọi là di sản văn chương miền Nam, được trình làng qua tạp chí, thực hiện in ấn trở lại, phải chăng nói lên sự có mặt, bề dày của văn học miền Nam. Chuyện mà họ muốn giấu kín, đốt hết, xóa sạch, để thế hệ hiện tại quên đi không thấy, thế hệ sau không ai nhắc, biết đến, không có gì chứng minh sự hiện hữu của nó. Điều nghịch lý là TQBT đã làm một chuyện có mặt, giơ tay điểm danh những người cầm bút còn sống, đang sống trong và ngoài xứ sở VN.

Nhìn lại, đa số những người cộng tác hay đi bài trên TQBT là những cây viết đã thành danh trước hay sau này. Ở đó vẫn còn những bài viết liên quan đến chiến tranh, đến người lính, đến một thời áo trận. Nó không phải là một chuyên đề phóng sự về trận đánh, về trận liệt kê khai. Dưới cái nhìn của người trong cuộc, sống lại, bày tỏ cảm giác, thân phận con người trong chiến tranh. Tôi đến với TQBT cũng từ tình lính, người lính cầm bút ở mặt trận, cùng lúc với mục Sống và Viết mở ra với nhiều người viết.

Hôm nay tháng ngày dần đi đến cuối năm. Ghi lại những giờong ngắn ngủi này, chút tâm tình gửi bạn, khi cầm lên

tờ báo cũ, số báo mới kỳ trước. Tờ báo không định kỳ, cũng như thời gian, mỗi phận người chúng ta không thể chung cùng ước hẹn. Trời bây giờ đã vào thu, cái lạnh của mùa thu vùng Đông Bắc, đêm về trời tối sớm, thấy buồn hơn trong nỗi điu hiu của một ngày. Chia sẻ sự thâm lặng này, có chăng là những con chữ trải ra thành bài viết, những rung cảm, những giây phút thật lòng. Ngồi đây, giờ này tôi thấy lòng mình trống không. Đêm qua đi, ngày sẽ tới.



Trần Thị Nguyệt Mai

Thắp một ngọn nến

Một buổi tối cuối tuần cách đây gần một năm, chị Cam Li khoe với tôi:

- Nguyệt Mai ơi, tùy bút “Phiên Khúc Ngày Mưa” của chị đã được ông Trần Hoài Thư chọn đăng vào tuyển tập “Văn Miền Nam - Tập 4”.

Tôi reo lên, chia vui với chị:

- Như vậy thì vui quá, chị há!

Chị tiếp tục kể cho tôi nghe:

- Nhà văn Trần Hoài Thư là một người thật có “tâm”, em ạ. Ông đã cùng với một nhóm bạn hữu của ông thành lập Thư Án Quán với chủ trương phục hồi di sản văn chương miền Nam...

Hình ảnh của những ngày tháng đen tối cùng cực sau tháng 4 năm 1975 đã trở về buồn bã trong tôi. Bằng chiến dịch “Bài trừ văn hóa đồi trụy - phản động”, chính quyền mới đã ra lệnh tịch thu và tiêu hủy hầu như toàn bộ những tác phẩm của miền Nam vì họ cho rằng đó là những tàn dư của văn hóa Mỹ Ngụy. Tôi đã đau đớn biết bao nhiêu khi thấy cả một nền văn hóa của

miền Nam với những cuốn sách thật hay và quý giá giờ bị cho vào đồng lửa không thương tiếc...

Tôi nói với chị:

- Ông thật là một người có lòng với văn chương miền Nam hở chị? Chị cho em địa chỉ liên lạc để em mua ủng hộ.

Thế là tôi đã làm quen với anh qua việc mua bộ “Văn Miền Nam”. Anh cũng gửi tặng cho tôi tập thơ “Ô Cửa” của anh, có lẽ vì trong thư gửi tiền mua sách, tôi kèm theo mấy câu thơ “con cóc” đã làm tặng anh:

*Xin cảm ơn người đã có lòng
Xây dựng lại từ những gì đổ nát
Sau biển dâu ngỡ muốn đời mát mát
Nhưng nhờ ai thơ vẫn sẽ thiên thu...*

nên anh nghĩ tôi cũng yêu thơ chăng?

Tập thơ thật hay và in thật đẹp của Thư Ân Quán làm tôi cảm động. Nhưng có nhiều lỗi chính tả quá! Nên tôi vừa đọc vừa ghi ra giấy những sai sót và gửi lại cho anh. Để rồi từ đó anh giao cho tôi chức “Thầy Cò” của Thư Quán Bản Thảo.

Được làm việc với anh, tôi rất vui. Đối với tôi, anh vừa là một người anh, vừa là một ông thầy và cũng là một ông *boss* rất dễ tính. Anh nói với tôi: “Em coi liệu chỗ nào sửa được thì sửa, đọc giả không ai mở sách ra để đi tìm lỗi đâu.” Anh nói thì nói, nhưng tôi vẫn cứng đầu, không chịu nghe anh. Bởi tôi thích đọc những cuốn sách không có hoặc ít có lỗi chính tả. Có phải đó là tính bướng bỉnh của người tuổi Ngựa? Cuốn sách đầu tiên mà anh đưa tôi *review* là TQBT số 46 chủ đề “Tuông nhớ nhà văn Doãn Dân”. Mặc dù hồi còn đi học, về điểm chính tả, tôi cũng thuộc loại khá trong lớp. Nhưng bây giờ, mấy chục năm rồi, mái đầu xưa còn xanh giờ đã điểm bạc. Xa quê hương, đi làm vô sở nói viết tiếng Anh chớ đâu xài tiếng Việt. Nhu cầu đọc thì sau này có *internet*, chớ lúc trước tôi cũng mù tịt, vì nơi tôi ở ít người Việt. Lâu lâu đi Dallas, đến nhà em tôi chơi, thì rình về một ít báo Việt ngữ để dành đọc dần. Bởi vậy, tôi đã quên tiếng Việt khá nhiều. Có những chữ cứ ngỡ ngỡ, không biết nên là dấu hỏi hoặc dấu ngã, s hay x, d hay gi, chữ cuối là c hay t, có g hay không có g... May mắn, tôi có chị Cam Li, mà tôi hay gọi đùa là “su tí”. Chị viết văn và có một thời là “Cô Cò” của bán nguyệt san Tuổi Hoa. *E-mail* qua lại hỏi chị và chị giúp cho. Sau này, tôi tìm được trang “tra từ điển Việt

Nam” trên mạng nên đỡ phải hỏi chị. Tuy thế, với những chữ mà trang này không có, hoặc tôi không tin lắm, tôi vẫn phải hỏi chị. Còn những chữ nào mà cả hai chị em đều bí, tôi lại viết thư hỏi anh. Với những từ ngoại quốc, tên các nhà văn hoặc tên một quyển sách, ý nghĩa của một điển tích, v.v... tôi hay dùng *Google search*. Tôi cố gắng làm hết sức mình để đọc giả được cầm trên tay một cuốn sách, vốn đã rất hay và có giá trị về nội dung lẫn đẹp về hình thức, được hoàn hảo hơn. Và cũng nhờ vậy, tôi đã học hỏi thêm được nhiều điều.

Có làm việc với anh, tôi mới biết, để ra một số báo là công khó biết chừng nào. Ngoài những bài viết mới của các tác giả gởi đến, anh phải tốn công đi sưu tập để làm những chủ đề. Hãy nghe anh kể: “Hễ rảnh là tôi lái xe đến thư viện. Mưa, nắng, tuyết giá gì cũng đi. Thư viện đây là thư viện đại học Cornell ở vùng thượng tiểu bang New York (Upper New York) cách chỗ tôi ở khoảng 5 giờ lái xe... Ngoài Cornell ra, tôi còn tìm đến đại học Yale ở tiểu bang Connecticut cách nhà khoảng ba tiếng lái xe. Thư viện là một ngôi lầu rất cao. Có lần tôi đang ở tầng cao nhất thì chuông cứu hỏa báo động. Thang máy ngừng chạy. Chỉ một mình tôi chạy bộ xuống lầu. Và khi xuất hiện, bà xã tôi đứng đợi ở đó, khóc vì quá mừng!” (1)

Nhớ lại, để thực hiện số báo TQBT 46, anh chị bắt đầu rời nhà lúc 4 giờ sáng ngày mùng 7 Tết Tân Mão, khi trời còn đen tối, tuyết bão và sương mù dày đặc.

« Khi chúng tôi đến Scranton, cách thư viện Cornell khoảng 50 dặm, vào lúc 8 giờ sáng thì đường đông đá. Chiếc xe chạy đầu chạy chậm lại khiến tôi, quen như một phản xạ, cũng đạp thắng, và đạp rất nhẹ. Vậy mà xe đã mất điều khiển trượt tự do. Hết trái, rồi qua phải, không thể kiềm chế nó nổi... Trong khi đó phía đường ngược chiều nằm phía bên trái, một chiếc xe truck chạy ngược lại. Tôi chỉ còn biết nhắm mắt. Tôi hiểu là tôi đang chờ một chuyện chẳng lành, vì có thể chiếc xe của tôi sẽ bay xuống đầu xe truck. Chân tôi lại đạp thắng, ra gì thì ra. Chiếc xe quay vòng trên đường rồi sau đó lao đầu vào vùng tuyết dày đặc bên đường. Rồi nằm ụ ở đó, chôn sâu dưới đống tuyết đến ngang tầm tay lái. Cửa xe không thể mở ra. Chúng tôi bị kẹt trong xe. Rất may là máy vẫn nổ, đèn vẫn sáng. » (2)

Nguy hiểm và gian truân vô cùng. Nhưng người trung đội trưởng của đại đội 405 thám kích/ SĐ 22 BB năm xưa đã cố gắng “sưu tầm những mảnh vỡ văn chương miền Nam, 20

năm, thất, tán. Từng bước, ông và, các bạn, tái hiện đề, xiển dương nền văn chương rực rỡ nghệ thuật, nhân bản.” (3) Vì anh nghĩ “những tác giả trong thời chiến tranh bị thiệt thòi nhứt, bởi vì trong chiến tranh họ đâu có ở Sài Gòn, họ mang ba-lô ra mặt trận, vừa đánh giặc vừa viết. Có người viết một hai bài đăng trên báo, nhưng không có cơ hội để xuất bản... Có người viết một bài rồi có thể sau đó họ ngã gục trên chiến trường, không ai biết được. Có người mới gửi bản thảo về tòa soạn thì tòa soạn nghe tin tác giả đã không còn nữa và bản thảo trở thành bản di chúc cuối cùng.” Anh đã “cố gắng làm, bởi vì mình không làm thì ai làm đây? Mình làm thì có hai phần thưởng: thứ nhất là an ủi tấm lòng của mình, tinh thần của mình, và thứ hai là mình làm để cho con cháu mình thấy rằng là văn chương Miền Nam là như vậy đó, tình người như vậy đó, nhân bản như vậy đó, cao cả như vậy đó. Nói về nghệ thuật thì rất có giá trị về nghệ thuật như vậy đó. Nếu mình không làm thì rất là uổng.” (4)

Có tài liệu trong tay, anh đọc, chọn lại những bài hay và thích hợp cho số chủ đề, rồi cặm cụi đánh máy. Xong phần bài vở là phần trình bày và *layout*. Rồi đến khâu in và đóng sách. Anh đã tự mày mò học hỏi trong việc in ấn: về keo, về giấy, về bìa, về cách *layout*, về *software*, về những bộ phận của máy in... Là một kỹ sư điện toán, nên anh đã áp dụng tối đa những kinh nghiệm đã có trong công việc này. “Cái khó ló cái khôn”. Chẳng hạn, anh đã có sáng kiến dùng loại giấy dán tường (*wallpaper*) để thế *bookcloth* (vải bọc dán bìa cứng) trong việc in ấn, hoặc dùng cái chảo điện và tấm vỉ sắt nướng thịt như một *binding machine*. Nhờ đó khâu đóng sách được nhanh hơn, tiết kiệm thời giờ và điện hơn mà giá tiền lại rẻ hơn rất nhiều.

Ra được sách, anh lại lo việc đóng gói rồi mang ra bưu điện gửi cho bạn đọc.

Nói tóm lại, anh đã làm tất cả mọi khâu từ A đến Z để có được một tập san có giá trị, hay về nội dung, đẹp về hình thức, không thua gì những tập san văn học của những ngày trước năm 1975 (5) với sự hỗ trợ và cộng tác đặc lực của chị Yến, bà xã của anh. Làm báo công lao như vậy, cực khổ như vậy, nhưng anh không bán, chỉ để tặng bạn bè và những ai còn quan tâm đến văn chương chữ nghĩa. Bởi thế, chị Yến hay đùa với bạn: “Anh Thư nhà tôi *”lấy công làm lỗ!”* (1). Tuy thế, anh rất

vui, rất ấm lòng với “một thứ hạnh phúc kỳ diệu: hạnh phúc của người thợ gặt trúng được mùa màng dư dật niềm vui” (6) khi nhận được thư độc giả khen ngợi, khuyến khích tờ báo, hoặc thư của các sinh viên trong cũng như ngoài nước xin anh những bài viết, những tài liệu để viết những luận án của họ.

Nhân dịp Thư Quán Bản Thảo kỷ niệm 11 năm, tôi cũng xin thắp một ngọn nến mừng sinh nhật. Em bé mười một tuổi, chân đi đã vững nhưng vẫn còn bé nhỏ lắm, vẫn cần được chăm chút và nâng niu. Hồi những bạn đọc thân yêu, xin bạn hãy tiếp tục khuyến khích, ủng hộ Thư Quán Bản Thảo như bạn đã từng làm bấy lâu nay. Nhân đây, em cũng xin ngõ lời biết ơn đến anh chị Trần Hoài Thư và các bạn của anh, đã giúp thế hệ “trẻ” và “trẻ hơn” chúng em được biết đến văn chương miền Nam đã có một thời như thế, thật đẹp, thật hay và cũng thật nhân bản. Bởi chúng em tuy sống tại miền Nam trước năm 1975, nhưng thuở đó chúng em còn nhỏ, đâu biết gì ngoài những tờ báo dành cho tuổi học trò. Hoặc các bạn trẻ hơn sống ở trong cũng như ngoài nước sau này, làm sao có thể biết đến văn chương miền Nam ngày xưa, khi bộ máy tuyên truyền trong nước đã bôi nhọ cuộc chiến đấu cũng như hình ảnh oai hùng và nhân bản của người lính VNCH năm xưa (7). Và riêng với anh, em cũng xin cảm ơn anh đã tin tưởng em, đã cho em tham gia vào “trò chơi văn chương chữ nghĩa” của anh, để em cũng có được niềm vui như anh hôm nay.

Trần Thị Nguyệt Mai

24/9/2011

- (8) Trần Doãn Nho: Trò chuyện cùng Trần Hoài Thư về Thư Quán & Thư Quán Bản Thảo
- (9) Trần Hoài Thư: Rong bút – TQBT số 46
- (10) Du Tử Lê: Trần Hoài Thư, Ngọn Cờ Đầu: Nỗ Lực Xiển Dương 20 Năm Văn Chương Miền Nam
- (11) Mặc Lâm: Trần Hoài Thư và tác phẩm “Văn Miền Nam thời chiến”
- (12) Giữa tòa soạn và bạn đọc – TQBT số 47
- (13) Trần Hoài Thư: Rong bút – TQBT số 44
- (14) Báo Ninh: Nỗi buồn chiến tranh (Tiểu thuyết) - Hồ Anh Thái: Cõi người rung chuông tận thế (Truyện ngắn) - Trang Châu: Nước mắt kẻ thù (Thơ)

Nguyễn thị Kim Tiến

Lời Tâm Tình

Như một lời cảm ơn ông Trần Hoài Thư, hôm nay tôi viết vài dòng chia sẻ cùng ông và bạn bè về những ngẫu nhiên tình cờ rất thú vị đã đến trong cuộc đời tôi. Thật vậy, biết đến tập Thư Quán Bản Thảo của ông và của bạn bè ông là một trong những ngẫu nhiên tình cờ, rất tình cờ khó mà giải thích được.

Trong những lúc rỗi rảnh ở sở làm, tôi hay có thói quen tìm đọc lại những tạp chí cũ như Văn, Hợp Lưu mà tôi cất giữ ở một góc kệ sách xen lẫn với sách làm việc của tôi. Một hôm tôi mở quyển Văn rất cũ ra đọc và thấy có hàng chữ “*Tập thơ Kỷ Vật Cho Em của nhà thơ Linh Phương đã được tái bản, sẽ gửi tặng khi có yêu cầu chứ không bán. Ai muốn xin thư về...*”

Có lẽ tôi đã từng đọc qua dòng chữ này nhưng sao mãi tận hôm đó dòng chữ này mới bắt mắt tôi. Tôi không hiểu động cơ nào đã giúp tôi mạnh dạn viết gửi về ông Trần Hoài Thư xin tập thơ này, có thể từ ngày tôi cảm nhận được thơ văn là một phần của đời sống tôi chăng? Không đầy một tuần sau, trong tay tôi không những chỉ có tập thơ Kỷ Vật Cho Em mà còn nhận được tập Thư Quán Bản Thảo ông gửi tặng. Một bất ngờ làm quen với tập Thư Quán Bản Thảo đầu tiên của tôi là thế đấy!

Nội dung của tập TQBT cho tôi biết rằng ông Trần Hoài Thư nói riêng và chủ trương của tập TQBT nói chung là nơi tôi có thể chia sẻ tâm tư tình cảm của tôi ở một khúc đời. Tôi có viết ba bài viết về đề tài chiến tranh và những hệ lụy của chiến

tranh mà tôi đau đớn cảm nhận được. Để nhẹ lòng, tôi cũng hay gửi bài viết chia sẻ với bạn bè. Đề tài này với người này, đề tài nọ với người kia trong sự chọn lựa của tôi để phù hợp với tâm tư tình cảm từng bạn. Và tôi nhận thấy rằng những tâm tư tình cảm bị quan đau khổ của chiến tranh để lại là một đề tài rất nhạy cảm, không dễ dàng gửi gắm chia sẻ. Chỉ có ai đã từng có chung kinh nghiệm và cảm nhận giống nhau mới không thấy mệt mỏi với những điều tưởng chừng đã quá cũ. Thật ra tôi viết như viết nhật ký nên những bài viết của tôi chẳng có chút gì là văn chương nghệ thuật nên tôi chỉ gửi chia sẻ với bạn bè mà thôi và qua đó tôi nhận ra rằng nếu chúng ta không ở cùng tần số cảm thông, sự gửi gắm tâm tư tình cảm chia sẻ sẽ trở thành là mối phiền lòng đối với bạn bè người thân của chúng ta!

Thật lòng mà nói, chính qua những bài thơ, bài văn của ông về chiến tranh, về trại cải tạo, về những cuộc hành quân và đặc biệt những nơi ông dùng chân đóng quân là nơi tôi được sinh ra và lớn lên... như đèo Nhông, đèo Phú cũ, khu Sáu, cây xăng ông Tề... Cảm giác gần gũi chia sẻ đã đến với tôi nên tôi đã mạnh dạn gửi đến ông ba bài viết đầu tiên đó là bài Chiến Tranh, Tiếng nói 1 và Tiếng nói 2. Thật lòng, tôi chỉ mong ông chịu khó đọc và chia sẻ cùng tôi là đủ rồi, tôi không có ý nghĩ mong muốn được ông chọn đăng vì tôi viết không đầu không đuôi, chẳng có kỹ thuật viết lách và vô số lỗi chính tả, nhưng thật bất ngờ, hơn hẳn lòng mong đợi của tôi, ông đã viết cho tôi mấy dòng là ông đã đọc, rất cảm động và ông sẽ đăng ở số báo tới. Đó là tập TQBT số 40. Một cảm giác thú vị thích thú len lỏi vào lòng. Cảm nhận hạnh phúc mà tôi có được chắc hẳn không phải chỉ là cảm nhận sung sướng thấy bài tôi được đăng mà còn là cảm nhận sung sướng khi tôi biết là tôi đang được ông sẻ chia.

Rồi từ đó, thỉnh thoảng có bài nào mà tôi nghĩ là ông có thể chia sẻ cùng tôi được, tôi gửi đến ông. Lần đầu ông đăng ba bài ở tập TQBT số 40, ông có cho biết trước nên khi nhận được tạp chí tôi có vui mừng nhưng không quá bất ngờ. Điều đầu tiên tôi làm là tìm bài của tôi trước xem thử ra sao, cũng hồi hộp vui mừng như ngày còn làm học trò được chọn để tham gia vào những chương trình đặc biệt ở trường, chứ cảm

giác vui sướng phải nói là quá bất ngờ và bồi hồi xen lẫn reo vui đến vỡ òa đó là khi tôi nhận tập TQBT lần thứ hai, số 41, và tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ có được lần thứ hai trong đời cái cảm giác vô cùng đặc biệt này.

Theo thói quen, khi cầm tạp chí trên tay, tôi hay dùng ngón cái mở bung ra từng bài xem thử có tác giả nào quen thuộc rồi đọc lướt qua đề bài với vài hàng chữ của cả tập trước khi tôi đi vào chi tiết từng bài. Bất ngờ tôi thấy tên tôi xuất hiện cùng với bài “Trạm Chốt Ở Cuối Đường Tàu”. Tôi không thể diễn tả nỗi vui mừng này. Bởi vì, sau lần ông gửi tặng quyền đầu tiên và tôi viết vài lời cảm ơn ông kèm theo vài bài viết khác, tôi không có dịp liên lạc với ông nữa mãi đến mấy tháng sau tôi mới nhận được tập TQBT số 41 và bất ngờ thấy bài của tôi đăng ở trong đó. Đó là một bất ngờ thật thú vị mà tôi có được trong đời. Tôi đã reo vui như ngày còn thơ mở hộp quà ra thấy được món quà mà tôi yêu thích ước ao!

Và từ dạo ấy, cứ mỗi hai tháng tôi được ông gửi tặng tập TQBT. Tôi chờ đợi trong vui sướng như ngày xưa tôi chờ đợi mỗi tháng tạp chí Văn yêu quý của tôi, rồi sau đó tạp chí Văn còn mỗi hai tháng một quyền nên chờ đợi có dài ra nhưng dù thế nó vẫn là niềm vui lớn của tôi. Tôi đã làm độc giả tạp chí Văn trong vòng gần hai mươi năm. Năm 2007, tờ báo Văn đình chỉ, đó là một mất mát lớn trong tôi. Những bài sỗ tay của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng là những bài viết trong số những bài viết mà tôi thích đọc nhất, và đọc trước nhất. Ông có lối viết ngắn, gọn mà súc tích. Chữ nghĩa ông dùng rất chọn lọc không dư, không thiếu và nhất là cách ông nhận xét về ai hay phê bình bài vở của ai, ông luôn thận trọng từng lời ăn tiếng nói. Rất chính xác và với lòng tôn trọng. Tôi nghĩ là tôi đã học ở ông rất nhiều điều nhưng mà để thâm thấu và làm theo thì không dễ chút nào! Tôi có đọc đâu đó câu này của nhà văn NXH: “*Chúng ta chỉ có một đời sống để sống, một hiện tại để làm những điều tốt đẹp, để yêu nhau hay để ruồng bỏ, quá khứ đã đi qua, tương lai chưa tới! Hãy sống trọn vẹn cuộc sống này bằng những gì đẹp đẽ nhất. Chúa hay Phật chỉ là những cách gọi khác nhau của một tấm lòng nhân ái và từ thiện*” khi ông hoài nghi “*chết có phải là hết hay không?*”

Tạp chí Hợp Lưu cũng là tạp tôi đang đọc và yêu mến. Có một vài số báo, bài viết nghiêng về phân nghiên cứu tư liệu hơi nhiều, có vẻ khô và cứng; dù thế, nó cũng là tạp chí mà tôi yêu thích trong nhiều năm tháng. Tôi không nhớ tôi đã là độc giả của tạp chí này bao lâu rồi nhưng chắc là từ những ngày đầu khi chủ bút còn là ông Khánh Trường và bây giờ là ông Đặng Hiền. Đôi khi tôi có lo sợ vắn vơ không biết với thời gian, tạp chí này có còn hơi để tiếp tục khi mà báo chí mạng đang là mối đe dọa mỗi ngày mỗi lớn. Nếu một mai, tạp chí này cũng đành đóng cửa như tạp chí Văn, thì đó cũng sẽ là một mất mát không nhỏ của tôi. Và bây giờ tôi có thêm tạp TQBT. Đó là những món ăn tinh thần của tôi. Chúng làm đầy đời sống tôi bằng những bài viết của những người yêu mến chữ nghĩa, dù giờ đây chúng chẳng mang lại chút lợi nhuận gì cho người viết cũng như người thực hiện.

Và mặc dù trang mạng đang đe dọa thị trường báo giấy nhưng mỗi ngày tủ sách của tôi vẫn đầy thêm. Tôi luôn cảm thấy hạnh phúc khi cầm trên tay tập truyện in mới, vẫn còn thơm mùi mực, mùi hương tình người bàng bạc trong từng trang giấy. Cảm giác luôn những ngón tay vào lật từng trang sách vẫn luôn cho tôi cảm giác lâng lâng, êm ái diệu kỳ. Tôi như đang cùng tác giả gặp gỡ nhau ở một góc tâm hồn, góc của những điều thâm lặng; những lời thơ, những ý tưởng như cùng tôi hoà nhịp trong một không gian khép kín của riêng tôi; đẹp và yên bình!

Thật vậy, đời sống với biết bao điều tốt đẹp đang ở chung quanh chúng ta. Hãy mở cửa trái tim rộng hơn và đắm thắm hơn để ánh sáng có thể soi rọi vào trong từng ngõ ngách của tâm hồn. Tôi tin rằng trái tim tưởng đã héo khô sẽ hồi sinh bất ngờ bằng những suy tư tình cảm mà con người luôn luôn muốn tặng cho nhau qua những nhịp cầu sách vở yêu thương!

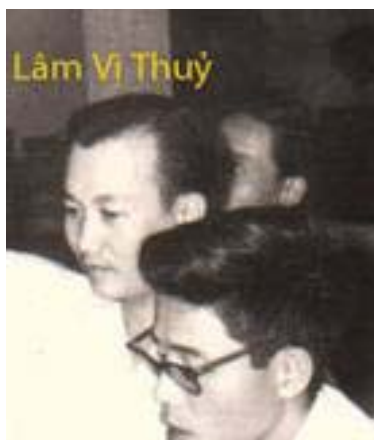
Nguyễn thị Kim Tiến
12 tháng 09 năm 2011

Viết về nhà thơ Lâm Vĩ Thủy

Gôi trở về hai bàn tay mở ngo
không gia đình không ai sợ không em
sưu tên tôi đi gõ hỏi tiếng người
đim giấc ngủ với vô vãn kỷ niệm

Lâm Vĩ Thủy

Thủ bút Lâm Vĩ Thủy (tư liệu của TQBT)



Hình chụp năm 1968
Nguồn: Internet

Đi tìm một nhà thơ giữa cõi không cùng

Người thủ hăm

Vào một buổi chiều của tháng 7 năm 2011, trong một bữa cơm thân hữu tại tư gia nhà văn Trần Yên Hòa tại Anaheim, Nam California, để góp vui cùng bạn hữu, gia chủ đã đứng lên đọc một bài thơ mà anh cho biết không rõ tên tác giả.

Đó là một bài thơ tình. Lời thơ thật đẹp, dạt dào cảm xúc. Và

tôi đã mang nó làm hành trang theo chuyến bay trở về lại New Jersey:

*Buổi sáng trời mưa tôi trở dậy
Soi mặt mình bằng phiến gương đen
Chợt thấy hình em sầu đong bụi
Nỗi đau này em nghe chẳng em*

*Thành phố chùng như quên giấc ngủ
Tôi đi không kỷ niệm che đầu
Không em làm ấm vòng tay lạnh
Không cả ngày chưa quen biết nhau*

*Tôi dẫn tôi vào trong lớp học
Mây lên màu trắng áo thiên thần
Bàn tay e ấp trên trang sách
Trông dáng ai mà thương cố nhân*

*Sao em không là em thuở ấy
Để mỗi chiều tôi đón cổng trường
Đường xưa còn dấu chân em đấy
Gót nhỏ giờ vui mộng viễn phương*

*Mùa xuân nào mưa bay mãi đây
Xa nhau không một ánh trăng gầy
Nửa đêm nghe tiếng xe về vội
Tôi đốt đèn lên ngôi ngắm tay*

*Oi tình yêu đã về hay chưa
Còn đây từng tháng đợi năm chờ
Còn đây một nét môi cười đó
Em vụt tâm tay tôi bơ vơ*

*Tình yêu, tình yêu, tình yêu ơi
Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi
Hồn tôi muốn khóc làm sao dĩ
Em của người ta, tôi của tôi.*

Trở về, tôi lên internet để truy tìm nguồn gốc. Mới biết tác giả là nhà thơ I âm Vi Thủy. Sự tìm thêm được tặng công tất cả

5 bài... 5 bài cho một cuộc đời của một người thi sĩ. Càng cay đắng hơn khi đọc những giòong sau đây, trên một trang mạng:

“...Bàn tay tôi lần giở những trang thơ cũ xa xưa...
1978. Cô sinh viên văn khoa vẫn thường trốn học lang thang hàng giờ và vùi đầu vào hết thư viện này đến thư viện khác, hôm ấy vô tình tìm thấy trong một ngăn giá sách nằm khuất sâu phía trong một cuốn thơ mỏng đã ố vàng. Một cái tên lạ, hầu như chẳng bao giờ thấy trong các cuốn sách, các tạp chí phê bình. Nhưng ngay từ những dòng mở đầu, cô đã thấy gợi lên một cái gì đó thật đặc biệt trong đời sống tâm hồn của nhà thơ, một cái gì đó u ám, day dứt, cô đơn... Án sâu trong những dòng thơ tưởng như viết ra vội vã và giản đơn là cả một tâm hồn thật yếu đuối trước những biến động của cuộc đời ... Đó là tập thơ in năm 1963 của NXB Huyền Trân, tập thơ mang một cái tên thật lạ, lạ như chính những dòng thơ ấy... “Sao em không về làm chim thành phố”...

Cô sinh viên ấy là mẹ tôi. Mẹ tôi mê thơ của Lâm Vĩ Thủy đến mức từng chọn đề tài luận văn là Chủ nghĩa hiện sinh, nhưng khi đăng ký, người ta trả lời rằng không có ai hướng dẫn đề tài...

Tôi không chú ý lắm đến cái tên và những dòng mở đầu trong tập thơ của ông, nhưng thật sự bị hút vào bài thơ “Cuối cùng” và “Thơ của những người không yêu nhau”, dù khi ấy tôi còn rất nhỏ để có thể hiểu thấu đáo những lời ông viết. Tôi cũng không đọc nhiều về chủ nghĩa hiện sinh, nhưng với tôi, và có lẽ cả với mẹ tôi, đến bây giờ Lâm Vĩ Thủy vẫn là một ẩn số, một cái tên lạ. Tôi chưa từng thấy ở đâu cái tên ấy, trong sách vở, trên mạng, trong các tạp chí nghiên cứu phê bình văn học. Và sẽ tuyệt vời biết bao nếu tôi được nghe bạn nói với tôi về nhà thơ Lâm Vĩ Thủy, người đã viết những dòng thơ khác ngoài buồn rầu, gợi lên những góc khuất trong tâm hồn mà đôi khi ta tưởng như đã rơi vào vơi vàng cuộc sống...

(Nguồn: Diễn Đàn CDV SLNA: Sao em không về làm chim thành phố)

Sau đó, người viết đã cho post 4 bài thơ trong thi tập. Có điều

bài thơ chánh là bài *Sao em không về làm chim thành phố*, người viết đã trích lọc và bỏ rất nhiều câu (khoảng 46 câu). Nguyên do có lẽ là chúng “đị ứng” đối với chế độ cai trị đương thời chăng?

Đó là lý do thôi thúc chúng tôi cố gắng sưu tầm và giới thiệu một cách nghiêm chỉnh nhà thơ Lâm Vị Thủy trong TQBT số này... (xin mời đọc trọn bài không cắt xén trong phần trích thơ LVT)

Tiểu sử và cuộc đời nhà thơ Lâm Vị Thủy

Không có một tài liệu hay sách báo nào cho biết về tiểu sử của Lâm Vị Thủy, dù chỉ vài dòng ngắn ngủi. Ngay cả tập thơ “Sao em không về làm chim thành phố” (SEKVLCTP) do Huyền Trân xuất bản vào năm 1963, chúng ta cũng không thấy một giòng chữ về tiểu sử như hầu hết tác phẩm của các tác giả khác. Tuy nhiên, trong ba trang đầu, “Cho Hoàng những ngày thơ mộng cũ”, ông đã hé lộ về một phần của cuộc đời thiếu thời và thanh xuân của ông:

“ Thuở nhỏ, anh sống ở một miền ngoại ô, trong sự cơ cực của những người thân yêu. Các em anh không bao giờ có lấy một cái áo lành lặn để mặc trong những ngày giỗ tết. Anh có người chú ham đọc các sách viết về các tôn giáo, chủ nghĩa và thích đánh bạc ngay với cả cuộc đời mình.

Anh nuôi nấng những hình ảnh thiếu thời ấy cho tới trường thành và lăn vào đời với hai bàn tay trắng, với những ý nghĩ trả thù. Anh đã phải sống không một tiếng nói, không một nụ cười bao nhiêu năm rồi. Anh còn sống thế này bao lâu nữa...” (SEKVLCTP, trang 10)

Ông là một giáo sư Việt Văn, dạy các trường tư thục như Âu Lạc, Văn Lang, Chân Phước Liêm ở SG. Về mặt sinh hoạt văn học nghệ thuật, ông là thành viên của nhóm Tao Đàn Bạch Nga của tạp chí Phổ Thông. Ông làm thơ rất ít, thỉnh thoảng viết truyện ngắn. Hầu hết những sáng tác của ông xuất hiện trên tạp chí Phổ Thông.

Bài thơ nổi tiếng được truyền tụng nhất của ông là bài “**Tuần của tình yêu**”, được đăng trên Phổ Thông số 120 ngày 1-2-1964. Trên mạng, bài thơ này đổi thành “Hình như kỷ niệm”. Chúng tôi không biết lý do tại sao và phải chọn tựa nào cho

đúng. Nguyên bản bài thơ sẽ đăng lại trong phần thơ trích dẫn để bạn đọc thưởng lãm.

Sau 1975, ông trải qua một thời gian bị tù trong khám Chí Hòa. Trong cuốn Hồi ký Khám Chí Hòa, tác giả Vĩnh Khanh cho biết Lâm Vĩ Thủy là người rất thông suốt về khoa Tử Vi. Tác giả đã kể lại chuyện ông được nhà thơ Lâm Vĩ Thủy truyền dạy tử vi như thế nào qua cái ống nước khi hai người ở hai phòng giam không hề thấy mặt nhau... Khi chúng tôi hỏi tác giả có biết gì về cuộc sống của nhà thơ Lâm Vĩ Thủy sau khi ở tù ra, thì tác giả Hồi Ký cho biết như sau:

“...Sau khi ra tù Chí Hòa, tôi có tìm đến địa chỉ ở Học Môn Bà Điểm mà ông đã cho khi còn trong tù để thăm ông. Nhà của ông lúc đó không còn nữa, ông xin tá túc trong một gia đình hàng xóm. Khi tôi đến thì ông không có nhà. Trong khi ngồi chờ ông, hai vợ chồng chủ nhà có cho tôi biết thêm về hoàn cảnh của ông. Sau khi ông ra tù, nhà cửa không còn, người thân cũng không còn ai. Ông không còn chỗ tá túc nào nên đến xin ở nhờ gia đình này, với lời hứa sau khi tìm được việc làm sẽ trả tiền thuê nhà sau. Tuy nhiên ông không thể tìm được một việc làm nào ổn định cả. Mỗi ngày ông đi lang thang khắp nơi tìm bạn hữu hoặc người quen nào đó khả dĩ có thể giúp cho ông được một chút ít tiền bạc, hoặc việc làm lặt vặt ... cứ thế lây lắt qua ngày. Qua lời nói của hai vợ chồng chủ nhà lúc bấy giờ, tôi nhận xét thấy họ không còn hoan nghênh ông nữa, chỉ muốn ông có thể tìm được một chỗ nào khác và rời khỏi nhà họ càng sớm càng tốt để họ khỏi phải vương bận!

Tôi nghe chuyện này từ hai vợ chồng chủ nhà mà thấy buồn vô cùng. Ngồi được một lúc thì ông về. Ông rất mừng khi gặp lại tôi, tuy nhiên cũng rất ái ngại khi ở trong một hoàn cảnh như thế. Tôi hiểu ý nên mời ông đi ra ngoài ăn sáng. Tôi còn nhớ chúng tôi đã ăn cơm tấm buổi sáng hôm đó. Ông nói với nụ cười thật buồn khi chủ quán mang hai đĩa cơm tấm đặt trên bàn: "**Anh biết không? Từ khi ra tù đến nay, đây là bữa ăn sáng thịnh soạn nhất của tôi!**". Câu nói đã làm tôi xúc động rất nhiều. Một người tài hoa như thi sĩ Lâm Vĩ Thủy lại có lúc sa vào một cảnh ngộ thê thảm như thế. Lúc đó tôi không mang theo tiền nhiều trong người nên chỉ có thể gởi cho ông một ít.

Tôi hẹn với ông mấy hôm sau gặp lại để biếu ông thêm. Lần thứ hai tôi gặp ông ở quán Xuân Lạc Viên, gần công xe lửa số 6, Phú Nhuận. Tôi biếu ông thêm một số tiền và có cho ông biết là tôi sắp đi vượt biên. Từ đó tôi không gặp ông nữa.”

(trích email trả lời)

Từ đó tôi không gặp ông nữa. Cánh cửa thế gian đã tàn bạo đóng âm lại, quay mặt phũ phàng dù người ấy là một giáo sư nổi tiếng có rất nhiều học trò và một nhà thơ được nhiều người mến mộ! Giờ đây tôi chỉ biết cậy vào Google để may ra còn được gặp ông. Mà Google cũng chịu thua.

Nếu Google có giúp chăng thì chỉ một giọng ngẩn ngui trong truyện ngắn của Hoa Hoàng Lan: “Sợi tóc bạc”, theo đó, tác giả cho biết giáo sư Lâm Vị Thủy đã *qua đời trong đói nghèo, bệnh tật và túng bần* (nguyên văn).

<http://kekhok.com/forums/index.php?showtopic=23508&mode=threaded&pid=91178>

Tôi muốn kiểm chứng cho chắc chắn, nên gửi một lá thư về tác giả qua trung gian một tờ nhật báo, nơi tác giả Hoa Hoàng Lan đã và đang cộng tác, nhưng rất tiếc vẫn chưa nhận được hồi âm.

Giả dụ nếu ông còn sống, thì tính đến nay, số tuổi của ông tối thiểu cũng phải 85 tuổi, tức là sinh vào năm 1936. Bởi vì, qua bài thơ *Một người bỏ đi* trong thi tập (được hoàn tất vào tháng 8-1962), Lâm Vị Thủy có thô lộ số tuổi của mình:

*Em về Phú nhuận hay đâu
Còn tôi hai sáu tuổi đầu rồi đây
(SEKVLCTP, trang 20)*

Nói tóm lại, sơ lược tiểu sử của nhà thơ Lâm Vị Thủy được chúng tôi đúc kết như sau:

Lâm Vị Thủy sinh vào khoảng năm 1936.

Giáo sư Việt Văn tại một số trường tư thục tại Sài Gòn.
Viết văn, làm thơ. Thường xuất hiện trên tạp chí Phổ Thông.
Trong nhóm Tao Đàn Bạch Nga.
Sau năm 1975 có thời gian ở tù trong khám Chí Hòa.
Ra tù trải qua những tháng năm cùng cực và cô đơn.
Thi phẩm xuất bản: *Sao em không về làm chim thành phố*, do
Huyền Trân xuất bản vào năm 1963.

Nếu có gì sai, xin quý bạn vui lòng cho chúng tôi biết, xin hết
lòng cảm ơn.

Vĩnh Khanh

Người bạn tù ()*

(trích)

...Lúc đó, ở Kiên Giam 5 sau khi Hồng Vân ra tòa đòi đi
không bao lâu thì bên đó có người mới vào. Sau khi liên lạc
qua đường ống nước hỏi thăm, chúng tôi được biết ông này là
một giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp dạy môn Việt Văn từ trước
1975 mãi tới khi bị bắt. Tôi không biết và cũng không hỏi ông
ta tội gì mà bị bắt vào đây. Sau một thời gian nói chuyện qua
lại, hình như "hợp gu" hay sao bỗng trở thành thân. Mỗi ngày
chúng tôi nói chuyện qua đường ống nước trên cái bồn nước
rửa mặt bằng xi măng, tâm sự hoàn cảnh gia đình và đủ thứ
chuyện trên đời.

Ông cho biết tên thật là Lâm Vị Thủy dạy môn Việt Văn, đồng
thời cũng làm thơ viết văn. Trước năm 1975 có xuất bản tập
thơ tình: "Sao em không về làm chim thành phố". Tôi còn nhớ
một bài thơ của ông trong tập thơ này:

Hình như kỷ niệm.

Buổi sáng trời mưa tôi trở dậy
Soi mặt mình bằng phiến gương đen
Chợt thấy hình em sâu đóng bụi
Nỗi đau này em nghe chẳng em?

Thành phố chùng như quên giấc ngủ
Tôi đi không kỷ niệm che đầu
Không em làm ấm vòng tay lạnh
Không cả ngày chưa quen biết nhau

Tôi dẫn tôi vào trong lớp học
Mây lên màu trắng áo thiên thần
Bàn tay e ấp trên trang sách
Trông dáng ai mà thương cố nhân

Sao em không là em thuở ấy
Để mỗi chiều tôi đón cổng trường
Đường xưa còn dấu chân em đầy
Gót nhỏ giờ vui mộng viễn phương

Nghìn thu còn mưa bay mãi đây
Xa nhau không một ánh trăng gầy
Nửa đêm nghe tiếng xe về vội
Tôi đốt đèn lên ngời ngắm tay

Ôi tình yêu đã về hay chưa
Còn đây từng tháng đợi năm chờ
Còn đây một nét môi cười đó
Em vượt tâm tay tôi bơ vơ

Người yêu, người yêu, người yêu ơi
Mùa thu, mùa thu, mùa thu rồi
Hồn tôi muốn khóc làm sao rồi
Em của người ta, tôi của tôi.

Một bài thơ 5 chữ nữa của ông khi cảm khái thân phận mà tôi chỉ còn nhớ 4 câu sau:

*Nhớ chuyện người Trang Tử.
Thương khúc "Võ Bồn Ca"
Nhìn trời qua lỗ gió.
Ta càng thương thân ta...*

Cũng như rất thích 4 câu thơ sau đây trong một bài thơ khác của ông:

*Tôi đã về, tôi đã về đây,
Thềm sương mù tĩnh giấc chưa gầy
Dấu chân xưa mất trong màu cỏ.
Tôi vẫn còn đây, vẫn trắng tay. (1)*

Trong khi nói chuyện tâm sự hàng ngày, tôi được biết ông có nghiên cứu về môn Tử Vi. Thú thật trước đó tôi chưa bao giờ biết qua về môn này, cũng không thấy hứng thú gì hết mỗi khi nghe ai đề cập tới. Nhưng khi nói chuyện với giáo sư Lâm Vị Thủy, ông giải thích tôi nghe về Tử Vi Nghiệm Lý, những lý giải hay ho mà ông từng biết qua. Đang lúc ở tù rồi rảnh nên tôi đã chịu khó... nghe và cuối cùng thì thấy thích. Ông ngỡ ý sẽ chỉ tôi cách an sao trên lòng bàn tay theo phương pháp riêng của ông sau khi nghiên cứu và đúc kết lại thành những bài thơ, phú dễ hiểu... Tôi hoan hỉ nhận lời học.

Phải công nhận thầy chịu khó kiên nhẫn dạy, và trò cũng chịu khó học hỏi... trong một hoàn cảnh hạn hẹp như vậy. Không thấy mặt nhau, ở cách một bên vách tường và chỉ nói chuyện với nhau qua một cái ống nước, lại không có điều kiện giấy bút ghi lại những điều đã học. Tất cả chỉ bằng hình thức học thuộc nằm lòng... Vậy mà sau mấy tháng miệt mài, ông cũng đã chỉ cho tôi thuộc lòng được các sao trong môn Tử Vi và cách an sao trên lòng bàn tay.

Tôi còn nhớ bài đầu tiên ông dạy tôi là cách định vị trí các cung Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi trong lòng bàn tay trái. Bắt đầu là cung Tí ở dưới đốt thứ 3 của ngón đeo nhẫn đếm theo chiều thuận kim đồng hồ mỗi khoảng hoặc đốt là một cung cho đến giáp vòng là đúng 12 con giáp... Rồi thì 10 can Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân

Nhâm Quý ... v...v... và bài thơ tính Mạng, Cục:

Hải, Lư, Lâm, Lộ, Kiếm-Phong oai.
Sơn, Giáng, Thành-Đầu, Bạch, Liễu sai
Tuyền, Ốc, Tích, Tông, Lưu-Thủy mặc
Sa, Sơn, Bình, Bích, Bạch-Kim bài.
Phúc, Thiên, Đại-Trạch, Thoa, Tang mộc.
Khê-Thủy, Sa, Thiên, Thạch, Hải lai
Hải Thử, Tuyền Hầu, Sơn khuyến hội
Mã Sa, Khê Hồ, Phúc long hoài

... cho đến bài thơ chỉ cách an vòng sao Thái Tuế như sau:

Thái Tuế quan chiêu, Thiên, Thiếu khuynh.
Tang Môn bi táng, Thiếu Âm bình.
Quan phủ khẩu thiệt, Tử Phủ bí.
Tuế Phá hoại vong, Long Đức ninh.
Bạch Hồ thương phòng, Phúc Thiên hảo.
Điều phòng tiểu cố, Trục vô tình.

Rồi đến bài thơ an vòng sao Lộc Tồn:

Bác sĩ (Lộc Tồn) thông minh, Lục Sĩ quyền.
Thanh Long hi khí, Tiêu Hao tiền.
Tướng Quân uy vũ, Tấu Thư phúc
Phi Liêm chủ cô, Hi Thần viên.
Bệnh Phủ đới tật, Hao khói tỏa
Phục Bình, Quan Phủ khẩu thiệt triển

Rồi thì 14 chính tinh... các phụ tinh, những Cát tinh, bộ Tứ Linh... Lục đại sát tinh... Ngũ Hành: Kim Thủy Mộc Hỏa Thổ... và nhiều câu phú, nhiều "cách" tượng trưng cho một lá số mẫu như các cách: Tử Phủ Vũ Tướng, Cơ Nguyệt Đồng Lương, Sát Phá Tham, Sát Phá Liêm Tham, Cự Cơ Mão Dậu Ngọ Song Hao, Nhật Nguyệt Chiếu Bích, Nhật Nguyệt Chiếu Hư Không Chi Địa, Vô Chính Diệu...v...v... Ôi thôi quá nhiều luôn!

Ban đầu tôi cảm thấy khó thiệt, nhưng càng vào sâu càng thấy khoái và nhiều khi ông thấy tôi mê mãi quá ông cũng hứng chí

thức tới gần sáng để chỉ cho tôi... Đến khi tôi đã thuộc lòng hết các câu thơ phú và đã an sao trên bàn tay một cách chính xác và rành rẽ rồi, ông bắt đầu dạy tôi những ý nghĩa căn bản của từng sao trên Tử Vi và các ý nghĩa của những "bộ" sao khi chúng kết hợp với nhau... đồng thời chỉ cho tôi căn bản cách đoán một lá số Tử Vi qua các đại hạn, tiểu hạn. Lưu niên đại hạn, lưu niên tiểu hạn ... Nhờ những căn bản này sau khi tôi được về, khi tìm những sách vở về Tử Vi nghiên cứu thêm, tôi đã dễ dàng lĩnh hội được những gì trong sách một cách nhanh chóng.

Đó là kỷ niệm nhớ đời của tôi đối với giáo sư Lâm Vĩ Thủy. Nhờ có ông khai lối chỉ đường mà tôi được biết đến môn khoa học huyền bí này.

Sau này khi về, tôi có đạp xe từ Saigon lên Hóc Môn Bà Điểm để tìm ông. Ông cảm động lắm khi biết tôi đã đạp xe lòng vòng hỏi thăm nhà ông cả buổi trời. Hai chúng tôi ra chợ Bà Điểm ăn sáng và tâm sự một lúc thật lâu. Được biết ông không còn đi dạy được nữa và đang thất nghiệp, hoàn cảnh rất khó khăn, tôi rất là buồn ngủi. Không bao lâu sau thì tôi đi vượt biên. Trước khi đi, tôi có gặp ông lần chót và nói thật cho ông biết là tôi sắp đi vượt biên. Tôi đã gửi ông một bao thư biểu ông ít tiền trước khi đi. Thú thật ngoài cách này ra tôi không còn biết cách nào khác có thể giúp ông được, vì thực tế hoàn cảnh ông lúc đó khó khăn quá. Từ đó tôi mất liên lạc với ông luôn.

Sau khi định cư ở Mỹ, tôi đã nhiều lần đăng tìm ông trên internet nhưng không ai biết tin ông ở đâu cả. Khi tôi về VN lần đầu năm 2001, tôi đi lên Hóc Môn Bà Điểm hy vọng kiếm được ông, nhưng chỉ biết ngậm ngùi khi đứng tại Bà Điểm mà không nhận ra đâu là đâu nữa, tất cả đều thay đổi hoàn toàn. Hỏi thăm cũng không ai biết. Tôi chỉ đành buồn bã trở về và chỉ biết thầm cầu xin cho ông luôn được bình an mà thôi.

(1) Trọn bài thơ được đăng lại trong phần **Thơ Lâm Vĩ Thủy** (Tòa soạn chú thích)

(*) nguồn internet, trích: **Hội ký Chí Hòa** của *Vĩnh Khanh*, tựa đề do tạp chí mạn phép đặt.

CÓ HAY KHÔNG TRƯỜNG HỢP THƠ PHÓNG TÁC TỪ CA DAO?

TRẦN VĂN NAM

(Bài viết về tác giả Lâm Vị Thủy này vô tình đã chỉ căn cứ vào 80 câu của một bài thơ dài, thiếu sót 48 câu, nên có những nhận định cần điều chỉnh sau khi người viết đọc được toàn bộ bài thơ. Xin coi ghi chú ở cuối bài – TRẦN VĂN NAM)

Trong văn xuôi, ta nhận ra có những trường hợp phóng tác này. Ví dụ thời tiền chiến trước năm 1945, có Tchyá Đái Đức Tuấn với truyện dã sử “**Kho Vàng Sầm Sơn**” triển khai từ bài ca dao: “*Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng/ Công anh dan dáu với nàng đã lâu/ Bây giờ nàng lấy chồng đâu/ Để anh giúp đỡ trăm cau ngàn vàng/ Trăm cau để thết họ hàng/ Ngàn vàng anh đốt giải oan lời thề*”. Vạn Lịch là tên một vị vua bên Tàu, tên Hán tự này khắc trên tiền vàng hay bạc lưu hành ở Trung Hoa vào triều đại nhà Minh. Từ bài ca dao ấy, nhà văn hư cấu một truyện tình giữa con trai tướng quân Nguyễn Hữu Chinh và con gái của tướng quân Võ Văn Nhậm. Hai tướng này đều thuộc quân Tây Sơn nhưng kinh địch vì ganh ghét lẫn nhau. Vua Quang Trung nghi kỵ lòng trung tín của Nguyễn Hữu Chinh, mật lệnh rút quân về Phú Xuân, bỏ Nguyễn Hữu Chinh ở lại Bắc Hà. Nguyễn Hữu Chinh kéo quân theo đường bộ rút về Miền Nam để tỏ lòng trung thành, và cho con trai cùng con dâu (con gái Võ Văn Nhậm) đi bằng đường biển để dễ dàng đem theo kho báu lớn của dòng họ. Trong kho báu đó, có hai đồng tiền Vạn Lịch, một bằng vàng và một bằng bạc. Cảm thức sự ngang trái sẽ phải đương đầu, con gái của Võ Văn Nhậm tự trầm khi đang ở giữa biển. Trên hành trình tiếp tục, thuyền buồm gặp bão giạt vào vùng biển Sầm Sơn thuộc tỉnh

Thanh Hóa. Con trai Nguyễn Hữu Chinh thoát nạn, vào bờ với châu báu, rồi cũng tự sát theo vợ. Và kho báu không biết chôn giấu nơi nào. Vào năm 1934, người ta khám phá được nó ở bãi Sầm Sơn, trong đó có một đồng tiền Vạn Lịch bằng bạc, nhưng thiếu đồng tiền vàng, một khiếm khuyết như chuyện tình không toàn vẹn của họ. Và điều đó dường như ứng với lời nguyện trước khi chết của con trai Nguyễn Hữu Chinh: chỉ những ai sở hữu được cả hai đồng tiền thì kho báu mới thuộc về họ (nhà cầm quyền Pháp khám phá ở bãi biển năm 1934 thì kho báu không thuộc về ai trong nước ta!). Trường hợp thứ hai trong văn xuôi với truyện ngắn “**Cô Út Về Rừng**” của nhà văn Sơn Nam (trong tập truyện “**Hương Rừng Cà Mau**” do nhà xb. Lá Bối ấn hành tại Sài Gòn năm 1967). Nhà văn Sơn Nam quả đã phóng tác từ câu ca dao: “*Má ơi đừng gả con xa/ Chim kêu vợ nù biết nhà má đâu*”. Câu hát ru con này nghe thật buồn, nghe thật thương cảm, nhưng nhà văn nương nhờ vào nó mà hư cấu một truyện ngắn chất chứa niềm lạc quan. Chính do những cuộc gả con phải rời xa nơi đất đai đã thuần hóa trừ phú như ở Ô-Môn Cận-Thơ; và người con lấy chồng theo chồng đến vùng đất mới mở mang của đất nước; nhờ vậy mà công việc khai khẩn hoang địa sinh lầy được tiếp diễn. Hai ông bà dứt đoạn lòng mình, đành để con gái theo tiếng gọi tình yêu về làm dâu ở miệt rừng U Minh. Sau bảy tám năm, gia đình con gái có thêm sáu phần tử góp phần cho tương lai khai phá vùng rừng nước lợ hoặc rừng ngập mặn ở Cà Mau, tiếp tục công trình đi mở đất phương Nam. Ta biết chắc truyện ngắn này phóng tác từ ca dao, vì chủ đề tiền khởi của nhà văn Sơn Nam là đào sâu lịch sử đi mở đất sinh lầy ở Miền Tây (còn Miền Đông Nam Bộ thì không hện mà như dành riêng cho những truyện ngắn của nhà văn Bình Nguyên Lộc). Đã có chủ đề dẫn khởi, thì truyện sẽ bố trí tình tiết để phóng tác triển khai từ những câu ca dao tương ứng thích hợp.

Nhưng đối với thơ thì ta nên thận trọng phân biệt đâu là phóng tác triển khai; đâu là sáng tác cảm hứng từ một tâm sự, một nghịch cảnh. Nếu có những câu ca dao tương hợp được đưa vào thì chỉ để tô đậm thêm cho nội dung bài thơ mà thôi. Trước hết, ta sẽ nêu ra trường hợp thơ của một thi sĩ nổi danh, bài “**Màu Tím Hoa Sim**” của Hữu Loan; sau đó ta sẽ phân tích bài thơ “Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố” của Lâm

Vị Thủy cũng là một bài thơ sáng tác lấy nguồn cảm từ cuộc đời đau thương của mình, không phải triển khai từ ý tưởng có sẵn trong ca dao. Trường hợp bài thơ Màu Tím Hoa Sim, gần như mọi người đều biết câu chuyện thật của Hữu Loan khi lên đường đi kháng chiến chống Pháp. Ông về phép cưới vợ, chẳng bao lâu lại lên đường, và người vợ ở nhà chẳng may bị chết đuối. Tình buồn thời chinh chiến, buồn thê thiết khi nhà thơ hành quân qua những đồi hoa sim. Màu tím là màu thương nhớ, ánh sắc trải dài khắp nơi làm mênh mông sâu lắng thêm nỗi buồn mất người yêu; và câu ca dao trong hợp đã đến với tác giả khi sáng tác với tâm sự này: “*Áo anh sứt chỉ đường tà/ Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu*”. Cho đúng với tâm sự buồn của mình, tác giả sửa đổi ca dao “vợ anh chưa có” thành “vợ anh chết sớm”. Như vậy thì ca dao đưa vào thơ chỉ là đề tô đậm thêm cho truyện tình có thật của tác giả, không phải hư cấu truyện từ ý tưởng chứa đựng trong ca dao. Với thơ của một thi sĩ hữu danh nêu ra làm trường hợp, ta đi vào thơ của Lâm Vị Thủy. Lâm Vị Thủy chắc mất đã từ lâu; tạp chí Thư Quán Bản Thảo ở Mỹ dành một số trang tưởng niệm; coi như bỏ túc cho sự sót tên ông trong bộ sách trên 1500 trang “**Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến**” do Thư Án Quán xb, năm 2006 và 2007. Ông là nhà thơ xuất hiện trong thập niên 1960, thường có thơ đăng trên Tạp chí Phổ Thông của Nguyễn Vũ. Tập thơ “**Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố**” do nhà xb. Huyền Trân ấn hành năm 1963 tại Sài Gòn (lấy tên bài thơ làm nhan đề thi phẩm). Tác giả cho ta biết ngay ý nghĩa nhan đề bài thơ. “Sao em không về làm chim thành phố” diễn tả lòng đau buồn khi không còn nhận được lời nhắn hay thư từ gì của người yêu, mắt mờ đi vì mãi trông ngóng vô vọng cánh chim mang tin tức về đậu trên một đỉnh ngọn cây:

*... Sao em không về làm chim thành phố
Lệ nhỏ hai hàng khép đỉnh ngọn cây.*

Căn cứ vào cuộc đời đau buồn của tác giả, trong đó hẳn dấu vết thời cuộc năm 1962 hoặc chỉ trước đó một hai năm. Ta có thể suy xét để khẳng định những câu ca dao ở trong bài “Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố” sở dĩ được tác giả nêu ra, chỉ vì chúng rất tương hợp với truyện buồn có thật của ông. Đó là những câu: “*Nhà Bè nước chảy chia hai/ Ai về Gia-Định*

Đồng-Nai thì về”. Vậy bài thơ do sáng tác chứ không do phóng tác. Trước khi nêu ra chi tiết cuộc đời chứa đựng trong thơ, ta thử biết qua về câu ca dao. Đây là ca dao về đặc điểm địa lý, nhưng cũng hàm chứa sự chia ly tuy không rõ nét sự chia ly do tình buồn. Nguyên sông Đồng Nai bắt nguồn từ Miền Đông rừng rậm giáp liền với đồi núi Tây Nguyên, khi chảy đến vị trí cầu Phú Mỹ (mới khánh thành năm 2010) ở quận 7 Sài Gòn bây giờ, dòng nước tách lên (qua cầu Phú Mỹ) trở thành sông Sài Gòn. Sông Đồng Nai tiếp tục dòng chảy thành sông Nhà Bè, qua Rừng Sát, rồi ra biển ở Cần-Giờ Vũng-Tàu. Cho nên chỗ ngã ba “**sông Sài Gòn - sông Nhà Bè - sông Đồng Nai**” đó được coi như nơi rẽ hướng (đi ngược dòng) cho ai về Sài Gòn-Gia Định và ai về Biên Hòa-Đồng Nai. Tác giả Lâm Vỹ Thủy đưa những câu ca dao này vào đoạn cuối của bài thơ Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố, đánh dấu giai đoạn chia lìa giữa tác giả và người yêu. Tác giả ở lại Sài Gòn, còn nàng thì về quê hương ở miệt Bình Dương (trước năm 1975, Bình Dương thuộc tỉnh Biên Hòa). Dòng nước ở Nhà Bè đánh dấu sự chia lìa hai nẻo Sài Gòn Gia Định và Bình Dương Đồng Nai, giữa tác giả đang sống đời bên lề xã hội (**chối bỏ cuộc đời**) hoặc đang ở trong vòng lao tù (**kẻ tội đồ**), và nàng thì có lẽ bị thúc ép của gia đình lễ giáo (**thế hệ xưa đề nặng như bóng núi**) nên đã thành hôn với một người khác nơi quê hương nàng:

*... Tôi biết viết gì cho em
Khi những cánh thư quên đường Gia Định
Khi những cánh thư thôi về Bình Dương
Em biết không quê hương mình
Thế hệ xưa là bóng núi
Xui lòng em giận hờn
Tôi nguyên rửa tôi
Kẻ tội đồ chứng nhân lịch sử
Em biết không khi chối bỏ cuộc đời
Tôi sẽ gọi tên em như một lời cầu cứu
Tôi sẽ gọi tên em vì tôi bơ vơ...*
(Trích trong bài: Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố)

Những từ ngữ trong thơ như “chối bỏ cuộc đời, kẻ tội đồ, thế hệ xưa là bóng núi”, đã hé lộ chút ánh sáng cho ta thấy được

một kiếp sống buồn đau và tình yêu chia ly. Những trắc trở gây xúc cảm cho tác giả sáng tác, nên không phải phóng tác từ ca dao. Ta đoán chừng tác giả đang sống bên lề xã hội (vì tác giả tự thú đã chối bỏ cuộc đời), hoặc đang tù tội vì chống chính quyền thời 1962 hoặc 1963 mà dấu vết thời cuộc ta tìm thấy cũng trong bài thơ trên (thi phẩm của tác giả xuất bản năm 1963):

*... Tôi mua tờ báo loan tin buổi chiều
Thân thể khắc đầy những danh từ cách mạng
Em biết không
... Bụi mưa mang vào thư viện
Môi hơi nằm ôm sách
Tường cao tường cao mệnh mông
Kẻ nào đứng lên kêu gào thảm thiết
Tự do- Tự do
Cho những người đã chết...*

(Trích bài: **Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố**)

Sau khi chối bỏ cuộc đời, hoặc là sau khi đang trong vòng tù tội, tác giả hồi tưởng thời gian hai người cùng du chơi vùng quê hương Biên-Hòa Bình-Dương của nàng, cũng không quên nhắc lại không khí ngọt ngào nơi những quán rượu phòng trà thành phố. Cùng ngồi ở ven sông Đồng Nai, tác giả như cảm thấy đã gỡ được tấm khăn choàng nghệt thờ của những quán rượu “*buôn bán niềm vui hất hủi*” ở Sài Gòn. Và chính bên dòng sông Đồng Nai ấy, khi nàng ngồi gác đầu lên vai, tác giả vô tình nhắc khẽ một câu ca dao. Ngay lúc hạnh phúc ấy, ông chỉ cảm thức sự êm đềm của dòng sông mô tả trong ca dao, mà đâu ngờ rằng đời hai người sẽ lâm vào ngã rẽ hàm chứa cũng chính trong những câu ca dao ấy. Mãi sau này, hồi tưởng ấy làm tác giả đau đớn nên đã có những lời mỉa mai “*Thôi bây giờ em khóc đi em/ Như những người quen nhau ngoài phố*”. Tại sao khóc như những người quen nhau chỉ ở ngoài phố, nghĩa là khóc không có gì liên hệ thân thiết, chắc tác giả muốn nói đến những giọt lệ trả hết những hệ lụy quá khứ. Tác giả nhắc đến câu ca dao ở đoạn gần cuối bài thơ này (mặc dù đây là đoạn hồi tưởng khi còn hạnh phúc, lúc hai người đi tránh không khí ngọt ngào của thành phố), và sự nhắc đến ấy khiến ta thoạt nghĩ một cách sai lầm là toàn bài thơ đã phóng tác triển khai tiền đề

có sẵn trong ca dao. Tiền đề ấy là sự chia lìa đôi lứa như dòng sông ở ngã ba, ở chỗ chia nhánh (ngược dòng) về hai phương hướng, hướng Đồng Nai (em về lấy chồng ở Bình Dương) và hướng Gia Định (anh ở lại Sài Gòn sống đời lao tù hoặc đang lẩn trốn đời):

... Như người ta gỡ tấm khăn choàng nghệt thờ

Tôi đưa em về vườn bông trái Lái Thiêu

Ngọt bươi Biên Hòa phù sa Bassac

Em ngủ vai tôi ngậm tròn nước mắt

Em ngủ vai tôi tiếng hát êm đêm:

“Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định - Đồng Nai thì về” ...

(Trích bài: **Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố**)

Cũng giống như bài thơ “Màu Tím Hoa Sim” của Hữu Loan, xin lặp lại: câu ca dao ở đoạn cuối đưa vào vì có nét tương hợp với nội dung, với cuộc đời có thật của tác giả, không phải do phóng tác tiền đề chứa trong ca dao “*Áo anh sứt chỉ đường tà/ Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu*”. Cuộc đời thật của Lâm Vị Thủy đã được hé lộ nhờ vào một số từ ngữ chẳng những trong bài thơ “Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố”; mà còn rải rác dấu vết của thời cuộc, của chối bỏ xã hội, và của truyện tình chia lìa... thấp thoáng trong ba bài thơ khác của ông. Về điều ta phân vân không hiểu có phải Lâm Vị Thủy sống đời lao tù hoặc đang chạy trốn pháp luật, có những từ ngữ bí ẩn trong bài “**Thơ Của Những Người Không Yêu Nhau**”. Ai đem tên ông đi gõ hỏi từng người như là họ đang lùng kiếm tội phạm. Tuy nhiên câu thơ hiện thực này nối tiếp theo sau là câu thơ tình yêu hồi tưởng xin giấc ngủ nhiều chiêm bao kỷ niệm, nên ta không hiểu rõ để khẳng định ý nghĩa “đem tên tôi đi gõ hỏi” do ám chỉ việc cảnh sát đi điều tra; hay “đem tên tôi đi gõ hỏi” có ý nghĩa tượng trưng sự đánh thức kỷ niệm dấu yêu? Tác giả tự thú cuộc đời ông không phải hiền lành mà còn được trang bị võ nghệ “năm bảy ngón ngang tàng” và có tiểu sử thuộc giới “*du đảng con hoang*”. Phải chăng những từ ngữ ấy là hé lộ sự thật cuộc đời hay chỉ là những từ ngữ biểu tượng trong thi ca. Ta không tìm thấy những điều gì thuộc về tượng trưng cho những từ ngữ hiện thực ấy. Mặc dù có những từ ngữ “*du đảng con hoang*” hoặc “*không gia đình, không xứ sở*”, nhưng ông cũng khiến cho ta suy ngẫm diễn dịch: nếu ông đang ở trong

vòng lao tù thì không phải do thường phạm mà là “kẻ tội đồ nhân chứng lịch sử”:

*Một mình tôi trên chuyến buýt buổi chiều
Chiếm lấy chỗ ngồi riêng người tàn tật
Xe qua sông khi thành phố đang mưa
Những ngọn đèn xa mang màu mắt đỏ
Cát biển mặn mòi tôi thân sỏi nhỏ
Còn sót lưng năm bảy ngón ngang tàng
Tôi muốn ôm và hôn em lần cuối
Lịch sử chúng mình du đãng con hoang
Rồi ngày mai tôi tới lớp một mình
Ngôi chỗ em ngồi bỗng dựng thêm khóa
Khung cửa sổ này, lối đi xưa còn đó
Bầu trời xanh và sắc áo em đâu
Tôi trở về hai bàn tay mở ngổ
Không gia đình, không xứ sở, không em
Dem tên tôi đi gõ hỏi từng người
Xin giấc ngủ với vô vàn kỷ niệm.
(Trọn bài: **Thơ Của Những Người Không Yêu Nhau**).*

Hai bài thơ nữa của Lâm Vĩ Thủy chỉ nhắc nhở lại mối tình dang dở, không có những chi tiết nào cho ta biết thêm để giải tỏa những phân vân cuộc đời thật của Lâm Vĩ Thủy. Tra cứu một số sách về Văn Học Miền Nam thấy thiếu sót tên ông, mặc dầu trước năm 1963 ông có nhiều thơ đăng trên Tạp chí Phổ Thông của nhà văn nhà thơ Nguyễn Vũ, nên ta không có tư liệu nào về tiểu sử của Lâm Vĩ Thủy để biết sự thật một cuộc đời tình duyên trắc trở đã đành như nhiều trường hợp nhân gian khác, mà cuộc đời ấy còn ẩn chứa nhiều nghi vấn làm ta thắc mắc như: Chối bỏ cuộc đời? – Không gia đình không xứ sở? – Bị lung kiếm vì phạm tội? – Có tiểu sử du đãng? – Người được sở đặc vài ngón võ ngang tàng? - Cũng là nhân vật chống đối chính quyền trước năm 1963? – Kẻ tội đồ trong vòng lao tù? Hai bài thơ còn lại có những câu chỉ nhắc nhở cuộc tình dang dở mà thôi:

*... Chợt thấy hình em sầu đọng bụi
Nỗi đau này em nghe chẳng em
... Sao em không là em thuở ấy*

*Để mỗi chiều tôi đón công trường
... Hồn tôi muốn khóc làm sao đó
Em của người ta, tôi của tôi.*
(Trích bài: **Hình Như Kỷ Niệm**)

*... Chuyến xe nào mang tôi xa thêm em
Như thuở mười lăm thường trốn học
Hồn tôi lang thang đi tìm mình
Dấu tay, Thượng Đế quên điếm chỉ
Tôi đem thân mòn phơi công viên...
... Lời trần trời nên tung ngoài lệ
Hai đứa gần nhau giấc ngủ đen.*
(Trích bài: **Cho Một Người Xem Cuối Cùng**)

Không hẳn do phụ họa với thiện ý của một tạp chí (tạp chí Thư Quán Bản Thảo): muốn tìm và đọc lại thơ văn của những nhà văn nhà thơ đã sót tên trong các sách về Văn Học Miền Nam, mà Lâm Vĩ Thủy là một người trong số đó. Bài này được viết ra từ nhắc nhở ấy một phần, nhưng phần khác do thúc đẩy bởi một vấn đề văn chương mà người viết bài vốn ấp ủ vài ý kiến chưa có dịp để viết: Có hay không những bài thơ triển khai phát xuất bởi một vài câu ca dao? Những từ ngữ văng lai lặp lại có vẻ ám ảnh trong các bài thơ của Lâm Vĩ Thủy đã cho ta biết cuộc đời không gia đình không xứ sở và tình yêu chia lìa của tác giả phản ánh một sự thật, không phải do phóng tác khởi nguồn từ câu ca dao “*Nhà-Bè nước chảy chia hai/ Ai về Gia-Định Đòng-Nai thì về*”.

TRẦN VĂN NAM

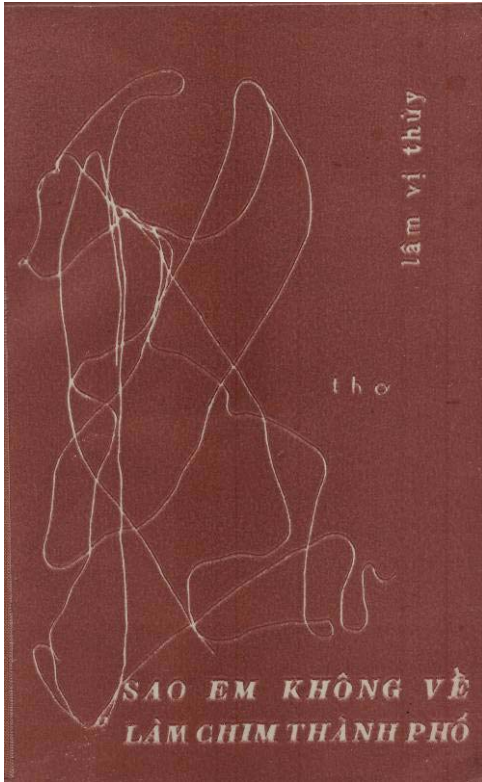
Walnut, California, tháng 9 năm 2011

Ghi chú: Bài viết này được gợi hứng từ ý nghĩ có sự tương ứng giữa hai câu ca dao địa-phương và cuộc đời của tác giả, tưởng rằng tác giả và người tình đều có sinh-quán ở Gia Định (Sài Gòn) và Đòng Nai (Bình Dương). Sau khi đọc được toàn bộ bài thơ (bị thất lạc hơn 1 phần 3 bài, rồi truy tầm lại được nguyên vẹn gồm 128 câu) mới hay rằng tác giả và người yêu từ Miền Bắc vào và định cư ở vùng Hồ Nai Biên Hòa. Nếu vậy, thì nghi vấn tác giả bị tù tội vì chống chế độ vào năm 1962-1963 cũng là một phỏng đoán sai. Bài viết này cũng đã được điều chỉnh lại các lỗi chính tả do trích lại nguyên văn từ các trang sách cũ, chắc do thợ sắp chữ nhà in làm sai sót.

THƠ

LÂM VỊ THỦY

(Sưu tầm)



Hình bìa tập thơ *Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố* do Huyền Trân xuất bản năm 1963. Đinh Cường vẽ.

Điệu buồn theo

Tôi đã về tôi đã về đây
Thềm sương mù tỉnh giấc trưa gầy
Dấu chân xưa mất trong màu cỏ
Tôi vẫn còn đây vẫn trắng tay

Khói xanh dòng thuốc khơi tàn mộng
Mùa xuân nào mang em ra đi
Em đi thì có bao người tiễn
Thì lỡ bao nhiêu chuyện ước thề

Em ở đâu rồi em ở đâu
Bốn phương trời để một tôi sầu
Em mười mấy tuổi trăng mười mấy
Sao bắt tôi chờ trọn kiếp sau.

Còn gì cho nhau

Trời mưa làm buồn khu phố nhỏ
Tàu sẽ xuôi hay ngược chiều nay
Còi xa bật khóc lên rồi đó
Em sẽ đi, mình xa nhau đây.

Những ngón tay gầy thừa kỷ niệm
Anh cho em cho quê hương này
Nửa đời anh đây anh tìm kiếm
Ôi nghìn thu nào chưa mây bay.

Anh nghĩ hồn anh là bọt bèo
Vẫn đơn côi và mãi mang sầu
Lần xưa đã lỗi lầm như thế
Em có bao giờ em biết đâu?

Tuần của tình yêu

Chủ Nhật –

Buổi sáng trời mưa tôi trở dậy
Soi mặt mình bằng phiến gương đen
Chợt thấy hình em sẫm đóng bụi
Nỗi đau này em nghe chẳng em?

Thứ Hai -

Thành phố chùng như quên giấc ngủ
Tôi đi không kỷ niệm che đầu
Không em làm ấm vòng tay lạnh
Không cả ngày chưa quen biết nhau

Thứ Ba -

Tôi dẫn tôi vào trong lớp học
Mây lên màu trắng áo thiên thần
Bàn tay e ấp trên trang sách
Trông đáng ai mà thương cố nhân

Thứ Tư -

Sao em không là em thuở ấy
Để mỗi chiều tôi đón cổng trường
Đường xưa còn dấu chân em đầy
Gót nhỏ giờ vui mộng viễn phương

Thứ Năm -

Nghìn thu còn mưa bay mãi đây
Xa nhau không một ánh trăng gầy
Nửa đêm nghe tiếng xe về vội
Tôi đốt đèn lên ngời ngắm tay

Thứ Sáu -

Ôi tình yêu đã về hay chưa
Còn đây từng tháng đợi năm chờ
Còn đây một nét môi cười đỏ
Em vượt tâm tay tôi bơ vơ

Thứ Bảy -

Người yêu, người yêu, người yêu ơi
Mùa thu, mùa thu, mùa thu rồi
Hồn tôi muốn khóc làm sao rồi
Em của người ta, tôi của tôi.

(trích Phổ Thông số 120 ngày 1-2-1964)

- Bài thơ này được phổ biến trên một vài trang mạng với tựa đề: *Hình như kỷ niệm (Tòa soạn chú thích)*

Sao em không về làm chim thành phố

1.

Thôi bây giờ đã vào mùa hạ
Tôi xin làm trẻ thơ
Giác ngủ trần tròng bên đồi cỏ rói...

Thôi bây giờ tôi già từ em
Câu chuyện hoang đường hồi nhỏ đại
Như kẻ từ sa mạc tìm về
Như thuở nằm nôi chưa lần rửa tội

Thôi bây giờ tôi trả cho tôi
Những khoảng tâm hồn hoang vu, cần cỗi
Mà đau đớn vô cùng

2.

Căn gác bỏ quên ly cà phê đen

Hình bóng em cuối mỗi con đường
Mang tên một hành tinh xấu số
Những gốc cây hô hào đòi lật đổ

Sự lỗi lầm nào đã buộc chúng ta vào nhau
Khi trời chưa mùa hạ
Khi tôi chưa là người thủy thủ già
Bới tóc người yêu trên cát

3.

Thôi bây giờ người đưa thư không đến nữa
Tôi sống bằng màu áo em mang
Bằng những buổi trưa đón em về ngã tư đèn xanh đèn đỏ
Như những ngày mưa chợt đến vội vàng
Những thoáng vui làm phiến muộn
Tôi lang thang ra bờ sông
Dòng nước đen sâu hình ảnh tôi muôn đời
Vẫy những con tàu đi không trở lại
Vẫy những người đưa thư đi qua
Những kỷ niệm nhích xa mình mãi mãi

Bởi vì vẫn đi nên chịu một mình
Như chuyến xe lăn tròn cỏ xấu
Tôi để tôi ngồi ghế đá công viên
Chép sử đời mình đám đông dòm ngó

Kẻ nào dơ tay thè trên hồn mình
Kẻ nào đứng lên chửi thảm đồng loại
Sao em không về làm chim thành phố
Lệ nhỏ hai hàng khép đỉnh ngọn cây

4.

Này đây ngàn chuỗi ưu tư
Em bó mình tôi trước giờ tôi chết
Rồi thôi tất cả chẳng còn gì
Thềm nhà đất ẩm em chân không
Gian phòng tôi nghĩa địa
Với áo cô gai nộ hôn đầu cúi mặt

Tôi biết viết gì cho em
Khi những cánh thư quên đường Gia Định
Khi những cánh thư thôi về Bình Dương...

Tôi xin em một bài vọng cổ
Tôi xin em một điệu nam bình
Người tình mình ở mãi phương xa
Môi sốt hồng một mồi
Mùa lạnh tái tê này
Khoe quỳn rũ

5.

Em biết không quê hương mình
Thế hệ xưa là bóng núi
Xui lòng em giận hờn
Tôi nguyên rửa tội
Kẻ tội đồ chứng nhân lịch sử
Em biết không khi chối bỏ cuộc đời
Tôi sẽ gọi tên em như một lời cầu cứu
Tôi sẽ gọi tên em vì tôi bơ vơ
Khi con đường phố chợ
Khi xóm bình dân những bữa cơm gia đình
Muốn khóc.

Hãy cho tôi được nắm lấy tay em
Được giữ rất lâu hai bàn tay bé nhỏ
Để nghĩ rằng quê hương chưa xa mình
Để nghĩ rằng tôi hãy còn tất cả
Ôi tình yêu và tuổi trẻ nhục nhằn

6.

Như mùa thu âm thầm đến muộn
Áo mỏng trời sương lồng ngực đau
Viên chỉ tay sân sượng
Tôi mua tờ báo loan tin buổi chiều
Thân thể khắc đầy những danh từ cách mạng

Em biết không.
Bởi vì chúng ta đã trưởng thành
Bởi vì chúng ta không quyền lựa chọn
Chúng nó bắt công giết người khủng bố
Nên chúng ta cần đốt lửa trái tim
Nên chúng ta cần có nhau mỗi ngày
Bởi vì chúng ta cùng chung lịch sử
Bởi vì chúng ta cùng chung chặng đường.



tranh Thái Tuấn

7.
Via phổ gót chân mềm
Bụi mưa mang vào thư viện
Mùi hơi nằm ôm sách
Tường cao tường cao mệnh mông
Kẻ nào đứng lên kêu gào thâm thiết
Tự do - tự do
Cho những người đã chết

8.
Tôi sẽ đưa em vào quán rượu
Nhịp điệu hành hình man rợ công khai
Làm gã trai lơ phóng đảng chơi bời
Buồn bán niềm vui hát hủi
Như người ta gỡ tấm khăn choàng nghệt thờ
Tôi đưa em ra bờ sông
Khánh Hội mồ côi Tân Thuận sinh lây

Chánh Hưng không đành thiếp mệt

Như người ta gỡ tấm khăn choàng nghệt thờ
Tôi đưa em về vườn bông trái Lái Thiêu
Ngọt bùi Biên Hoà phù sa Bassac
Em ngủ vai tôi ngậm tròn nước mắt
Em ngủ vai tôi tiếng hát êm đêm:
- “ Nhà bè nước chảy chia hai
 Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...”
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...

9.

Em còn nhớ không sân ga Hàng Cỏ
Năm cửa ô nghèo khổ
Ngục tù
Những tháng năm chìm Mai Lĩnh Hà Đông
Mồ hôi nước mắt
Em còn nhớ không Cống Tráng Nam Đồng
Chữ học ban đầu...
Em còn nhớ không
Em còn nhớ không.

Chúng nó bắt công giết người khủng bố
Nên chúng ta cần đốt lửa trái tim
Nên chúng ta cần có nhau mỗi ngày
Bởi vì chúng ta cùng chung lịch sử
Bởi vì chúng ta cùng chung chặng đường
Như mùa xuân bé bỏng mong chờ
Như tuổi lên mười thơm hiền sữa mẹ
Tôi cũng muốn tin như em đã tin rằng phải có những tín hiệu
Để buộc liền chúng ta với nhau
Để buộc liền chúng ta vào xứ sở
Tôi cũng muốn tin như em đã tin rằng chỉ có tình yêu là đáng kể
Và khuôn mặt em ngời hy vọng cuối cùng

10.

Thôi bây giờ em khóc đi em
Như những người quen nhau ngoài phố

Những trang nhật ký buổi đầu
Không cảm thù già đời...

*- Bài này được phổ biến trên một vài trang mạng với 80 câu.
Chúng tôi xin phổ biến toàn bài (ghi chú của Tòa soạn)*

Cho một người xem

Bỏ ngoài ô những chiều thứ bảy
Những đường mòn khắp khênh bánh xe lăn
Tôi vào thành phố
Mẫu thuốc cuối cùng chấy ngúm hai đầu ngón tay

Lối về nhà em mùa này chắc lạnh
Những súc gỗ lột da nằm sân ga hỏn hỏn
Bụi than làm xám đen nền trời kỷ niệm ngày hai đứa mới yêu
nhau
Những mẫu chuyện thần tiên hồi trẻ dại
Tóc em đùa cánh đồng đừng buông lau gió thổi

Có phải cuộc đời như ga xép
Chúng mình những chuyến tàu quen thuộc
Đôi mắt người xếp tanh* giờ nó tìm qua vuông kính mở
Những dòng sông
Những cánh rừng cao su chưa lấy mù

Tôi đã khóc khi nghĩ rằng ngày mai tôi có thể quên em
Quên một người con gái mang tên Hoàng
Dù chỉ là trong giấc ngủ

Tôi xin được làm con chim nhỏ
Con chim màu xanh
Những sớm mai đậu ngoài cửa sổ
Dễ giấc em ngon lành

Đừng bao giờ giận hờn nhau...

Cuối Cùng

Thứ bảy mà sao trời muốn khóc
Không em thành phố trống vô cùng
Tôi đứng chờ xe mà sợ lạc
Chuyến xe nào mang tôi xa thêm em

Như thuở mười lăm thường trốn học
Hồn tôi lang thang đi tìm mình
Dấu tay thương để quên điếm chỉ
Tôi đem thân mòn phơi công viên

Em vùi da thịt trên bồn cỏ
Cột điện làm se những sợi vàng
Lời trần trời nén tung ngoài lệ
Hai đứa gần nhau giấc ngủ đen.

Thơ của những người không yêu nhau

Một mình tôi trên chiếc buýt buổi chiều
Chiếm lấy chỗ ngồi riêng người tàn tật
Xe qua sông khi thành phố đang mưa
Những ngọn đèn xa mang màu mắt đỏ

Cát biển mặn mòi tôi thân sỏi nhỏ
Còn sót lưng năm bảy ngón ngang tàng
Tôi muốn ôm và hôn em lần cuối
Lịch sử chúng mình du đãng con hoang

Rồi ngày mai tôi tới lớp một mình
Ngồi chỗ em ngồi bỗng dung thêm khóc
Khung cửa sổ này, lối đi xưa còn đó
Bầu trời xanh và sắc áo em đâu

Tôi trở về hai bàn tay mở ngỏ
Không gia đình, không xứ sở, không em
Đem tên tôi đi gõ hỏi từng người
Xin giấc ngủ với vô vàn kỷ niệm.

Ngày tháng năm

Tôi sẽ về Gia Định chiều nay
Chiếc buýt cuối cùng qua sông cầu mới
Những ngọn đèn vàng ngậm cười ven bãi.

Tôi sẽ ngồi quán cà phê đầu đường đất đỏ
Kêu một ly đen nhỏ
Đợi chuyến xe bò chở rác về khuya.

Bây giờ tháng bảy trời đương mưa
Em lấy chồng tháng ba năm ngoái
Tôi thiếu em những ngày xưa ngày đại
Em nợ tôi dăm ba lời tạ từ.

Bởi vì không quê hương nên nghĩ mình yếu đuối
Tôi trở về mang dấu chàm tử tội
Và những chuyện thần tiên những chuyện thần tiên chưa từng
kể
Không có em còn nói cho ai
Không có ai Gia Định còn gì để tôi quyến luyến.

Như những người lái xe đi qua đời mình nhắm mắt
Tôi trở thành lãng tử trong ca dao
Tóc rối ưu tư nụ cười nửa miệng
Thuốc hút vàng tay mà vẫn se môi
Không có em những tuần trăng ở đây vô nghĩa
Chủ nhật nhà thờ không người dự lễ

Tôi đi vào những lối đi xưa
Gọi tên em cùng với lúc thành phố lên đèn
Và tiếng còi tàu chọt đến rất xa xôi

Phải chi em đừng có nhiều kỷ niệm
Phải chi tôi đừng thềm biển rộng sông sâu
Thì em muôn đời vẫn là người yêu đơn sơ bé nhỏ
Thì tôi không bao giờ phải khóc hôm nay...

Lâm Vỹ Thủy

**Chú thích của TS TQBT: Xếp tanh (từ gốc chữ Pháp "Chef de train") là nhân viên hỏa xa phụ trách tổng quát trên xe lửa.*

Nguyễn Xuân Thiệp

những bài thơ viết khi ở quê nhà

thì em về cho mùa vông nở

chín đỏ trên cây những nụ vông
chín đỏ mắt ta con chờ đợi
ta đi từ dạo đời trở bông
cho tới bây giờ trái đã rụng
ta đi bao năm không hề gặp
đôi quạnh hiu. tiếng gió qua đồng

thì em về. cho mùa vông nở
em về. chim chóc cũng về theo
em về. nắng bay đầy buổi sáng
sông trầm ca. sông rộng một dòng
gió mùa xưa cũng thao thức dậy
ta mùa xưa. chợt thấy trời hồng

mai hay mốt. chắc đời tươi đẹp
ta vẫn tin. như nghĩa đá vàng
đầu mộng đã hư. đời đã huyền
nhưng biết đâu gương vỡ lại lành
xin em ở. cho chim cùng ở
cõi lòng ta sẽ ủ bếp hồng
hãy sưởi ấm. những mùa phiêu lãng
lệ sẽ khô. trong nắng tàn đông
máu sẽ khô. bên bờ tường cũ
người sẽ vui. vì người đã đông

ta làm thơ. thơ đầy nắng sáng
buổi em về. chín đỏ rừng vông

1973

nha trang. tháng ba 1975

băng cánh đồng. trăng chết
tháng ba. về trên thành phố xưa

như lời ngụ ngôn. buồn. của gió
nắng tháng ba. vàng bạt mụi xe
hành nhân. tóc râu. chín rộ
biển xa. sâu. như mây tản
thùy dương dậy. chiều tà. hung hãn

tháng ba. trên thành phố xưa
bầu trời. rạn. màu men sẫm ký
vẳng nghe xa. tiếng cọp gầm
sạt mái tường vi. ngói lở
ngày phơi bãi bình sa
đâu thành phố. của mùa trăng giả đảo
những cây bàng. ửng đỏ. trong mưa
tháng ba ơi. đang giữa bản đàn
bông nghe ve ngâm. vượn hót
người yêu người. làm sao quên
mái tóc đi về rặng cây bông sứ
tháng ba. tháng ba. trong đời tôi
và lịch sử. hoàng hôn nghiêng mái quán
hải âu. bay xa. về đâu
thùy dương dậy. chiều tà. hung hãn

tháng ba. cọp chạy. người xa người
em mang hồn hoa sứ
ngủ ngàn năm. đất xưa

thức với sao khuê

mắt đấm. ngậy xanh. hồn thảo mộc
dưới trời. tôi thức. với sao khuê

bạn đi bỏ quên cảnh hoa sứ

gác xưa. hiền giả chẳng về đây
bài thơ trà đạo. trăng treo quán
hoàng hôn. thơ sẫm tím bầu trời

bạn đi rồi. tôi đọc thơ tôi

ngọn lửa cháy. màu trắng huyền hóa
lời triết thư. bay theo chim ung
trái tim tôi. mọc sâu của gỗ
nửa đêm nghe. một tiếng đàn chùng

hiên khuya. trà đắng. một mình thức
về đâu kia. mấy ngọn mây tào

chợt thấy lại sân ga. trưa vàng. yên bái
người qua sông hồng. hay sông thao
lối mòn. đi theo con chim núi
về trong mây. lán trại. mịt mù
ôi cảnh. ôi người. hư ảo
chập chờn. như vượn đu cây

thấy dững. tuyền. yên. nhân. nghiêm. tường
thấy bình minh. thấy tà huy
thấy khuất nguyên. bên bờ dương tử
thấy thiền sư. và đóa hoa quỳ

ôi thời gian. đảo điên. bóng quạ
gã chẵn trâu ngày ấy không về

bạn đi. tôi gởi theo mùa gió
trang thơ này. một ánh sao khuê

1993

Như một lời chia tay

Như một lời chia tay
tôi gởi lại
một góc phố. rục lá vàng

quán cà phê. mở cửa. dưới giàn hoa giấy
tiếng chim. lúc mình hôn nhau

tôi gọi lại
căn nhà. gió động cây đàn gỗ chùng dây. cửa sổ nhìn ra sông.
hoàng hôn tím màu hoa đồng thảo
hồn tôi. suốt bao đêm. cùng đốm lửa vườn xưa. thức trong cây
và đất
đợi chờ ai. hừng đông mưa
phượng đỏ. một lời yêu dấu cũ
là lúc chia xa

tôi gọi lại
con hẻm mùa đông
gầy yếu
tiếng rao hàng vào giấc ngủ khuya
những khuôn mặt bạn bè. với nhiều nét gãy
cuộc đời. sương. khổ. nhọc nhằn

tôi gọi lại
tôi gọi lại
thành phố. đóa quỳ vàng
(thành phố. mối tình đầu của tôi. nay xin gọi lại)
gọi lại
nắng mưa
nằm mộ người thân. với chút tro than
ôi chút lòng hoài vọng sót
gợi nụ cười. trên môi em bé. có tên gọi Bình Minh

tôi gọi lại
đất và người
gió. bắt đầu từ lãng quên

Sài Gòn, tháng 5. 1995

NXT

KHUÁT ĐẦU

CẢM ƠN NHỮNG GIỌT SƯƠNG

Với một con thuyền nát và lá buồm rách bươm
vượt qua chính số phận mình
tôi sắp đến nơi tôi phải đến
một nơi xa thẳm ngoài vũ trụ
nơi không có mặt trời
cũng chẳng có trăng sao
giống như dầu chấm
hết

Điều tôi nhớ nhất khi rời bỏ cuộc đời này
ây là màu trời xanh đẹp đến muốn khóc
một màu xanh trong suốt của khí trời
thấm ướt lưỡi tôi những khi tuyệt vọng

Một màu xanh như tóc em thơm
cùng với hương đồng ngát bay trong gió
màu xanh của đợi chờ
và của những tâm hồn tươi như nắng mới

Dĩ nhiên tôi rất vui khi bỏ lại cuộc đời này
những tị hiềm tối ám
những ảo tưởng bão giông
những xích xiềng ngày đêm khua loảng xoảng

Bỏ lại những biên cương đẫm máu tranh giành
những hận thù không đáng có
những truy bức rượt đuổi đến tận cùng nỗi chết
giữa người và người

Bỏ lại những con mắt cú vọ
những lưỡi rắn xun xoe
những trang sách nồng nặc mùi mồ hôi của quý
những xác thối làm tươi mãi không chịu chôn

Bỏ lại hết để tròn trĩnh một con số không
lăn vào một nơi không trọng lực
lăn và lăn mãi
vào thời gian vô cùng



Tranh Thái Tuấn

Dù vậy tôi vẫn biết ơn số phận
đã cùng tôi vượt qua biển đời đầy sóng cuồng bão dữ
vượt qua những tháng ngày hoang vu
uống cùng tôi chén đắng
thở cùng tôi vị mặn đến tê người

Xin cảm ơn kẻ ghét người thương
cảm ơn mái hiên nhà trong những đêm trăng tỏ
cảm ơn những giọt sương
đẹp như nỗi buồn

15/6/2011
Khuất Đầu

GIỚI THIỆU SÁCH

Phụ trách: Phạm Văn Nhàn

(Chúng tôi sẽ cố gắng đọc và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị gửi tặng. Tuy nhiên vì trang báo có giới hạn, những tác phẩm trong và ngoài nước gửi đến chúng tôi nhận sớm sẽ giới thiệu sớm trong kỳ phát hành báo sớm nhất. Còn lại chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu sau trong những số kế tiếp)

Trong tháng 9 năm 2011 chúng tôi nhận được ba tác phẩm của ba tác giả gửi đến, do Thư Ấn Quán in.



TRUYỆN TỪ BÁCH KHOA của nhà văn Trần Hoài Thư, do Thư Ấn Quán xuất bản năm 2011. Gồm 19 truyện. Sách dày 180 trang. Bìa do Tống Phước Cường trình bày. Không ghi giá bán.

19 truyện ngắn được nhà văn Trần Hoài Thư viết trước 1975, đã đi trên tạp chí Bách Khoa, được THT sưu tầm và in lại. 19 truyện ngắn viết khi đất nước còn chìm ngập trong khói lửa chiến tranh, và tác giả là một người lính thám kích của sư đoàn 22 bộ binh, đóng quân ở Bình Định.

Trong 19 truyện ngắn từ trong tập truyện: Truyện Từ Bách Khoa có đi lại truyện đầu tay của anh: Nước Mắt Tuổi Thơ được ký dưới cái tên thật của anh là Trần Quý Sách. Truyện viết từ năm 1966. Trong truyện đã bị kiểm duyệt nhiều đoạn. Còn lại 18 truyện ngắn khác anh viết với bao nỗi khắc khoải của người lính trận. Nỗi oan khiên của lịch sử. Nhìn chung, những truyện ngắn đã đi trên Bách Khoa ngày nào rất nhân bản

của người lính miền Nam, mà anh là đại diện. Như một câu văn được trích ra từ truyện: Đêm Chiêm Thành trong 19 truyện ngắn trong tập Truyện Từ Bách Khoa làm ví dụ “...*Dạ, ngoại nói đúng, khi chết rồi ai cũng như ai. Không còn là nguy, cũng không còn là VC, không còn Bắc không còn Nam. Thưa ngoại, xin ngoại cho con một cây nhang, để con cùng cầu cho anh ấy nghe ngoại.*”

Đọc 19 truyện ngắn, trong tập Truyện Từ Bách Khoa, mới thấy được tính nhân bản của người lính cầm súng ngoài mặt trận. 19 truyện ngắn hay, cần tìm đọc lại những truyện đã đi trên báo miền Nam ngày nào. Qua địa chỉ:

Thư Ân Quán

P.O.Box 58

South Bound Brook, NJ 08880

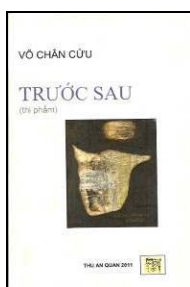
Hay địa chỉ e mail: tranhoaitu@verizon.net



DƯỚI TRỜI ĐẠ NGỌC (thơ Lục bát) của Đặng Kim Côn. Thư Ân Quán in năm 2011. Bìa: Đóm lửa - Đinh Cường. Tựa: Nguyễn Lệ Uyên. Trình bày: Trần Hoài Thư. Sách dày 100 trang. Không ghi giá bán.

Một tập thơ hoàn toàn lục bát. Không có tiêu đề cho mỗi bài thơ mà là những đoạn lục bát mà Đặng Kim Côn ghi lại qua những đoạn thơ nối tiếp từ trang đầu tới hết trang cuối. Trang cuối nhà thơ ghi: Trại A 30/Tháng ba 1979. A 30 là một trại tập trung cải tạo ở Tuy Hòa cho những đối tượng “Quân, Cán, Chính” của miền Nam sau tháng 4 - 1975. Và sau này còn có những tội danh về hình sự và vượt biên.

Nhưng xuyên suốt tập thơ, không mang chút hận thù của người tù cải tạo. Chỉ buồn cho thân phận. Ví như: *Ba hôm ra khỏi biệt phòng/ Đát trời chéng choáng giữa lòng anh say/ Lạ từng mưa, nắng, trăng, mây/ Lo từng tiếng gọi mỗi ngày trước sân.* Thơ của người làm thơ trong suốt thời gian cải tạo. Có lẽ là những bài thơ ghi lại trên những mảnh giấy vụn, anh đã nhặt được rồi ghi chép những vần thơ làm được rất tự nhiên của người thơ. Không mang tính tuyên truyền chống đối. Nếu Dưới Trời Dạ Ngọc là một tập thơ lục bát tuyên truyền thì là tập thơ dở. Cho nên Dưới Trời Dạ Ngọc, lục bát của Đặng Kim Côn hấp dẫn người đọc và người yêu thơ lục bát của anh. Hãy tìm đọc tập thơ này qua tác giả: dangkimcon@gmail.com



TRƯỚC SAU (thi phẩm) của nhà thơ Võ Chân Cửu. *Trước Sau* là một tập hợp của ba tập thơ đã xuất bản trong nước trước và sau năm 1975: *Tinh sương* (1972), *Đại Mộng* (1973) và *Ngã Tư Vàng Trắng* (1990).

Võ Chân Cửu tên thật là Văn Hưng, sinh năm 1952 tại Bình Định. Làm thơ từ năm 1965.

Trước Sau do nhà thơ Nguyễn Thanh Châu bảo trợ, in từ Thư Ấn Quán. Trình bày: Trần Hoài Thư. Tranh bìa: Nguyễn Thành Hải. Sách dày 166 trang. *Trước Sau* gồm: *Ngã Tư, Vàng Trắng, Đại Mộng, Tinh Sương, Ngọn Gió.*

Đề nhận *Trước Sau* xin liên lạc Nguyễn Thanh Châu qua địa chỉ e mail: chauthanhnguyen@netzero.net

Không thấy ghi giá bán.

GIỮA TÒA SOẠN & BẠN ĐỌC

Tòa soạn nhắn tin:

- Trong kỳ gởi TQBT số 48 vừa qua, tòa soạn đã phạm lỗi làm khi dùng mực in label địa chỉ không thích hợp. Hậu quả là chữ in địa chỉ nhòe nhạt, lem luốc khiến một số báo phải bị trả về. Nếu quý bạn nào chưa nhận được báo số 48, xin vui lòng tin chúng tôi biết, chúng tôi sẽ gởi bù ngay. Thành thật xin lỗi.

- Số tới (50) dự trù sẽ phát hành vào tháng 2 - 2012 và sẽ tập trung vào việc giới thiệu nhà thơ/nhà văn Nguyễn Đức Sơn. Chúng tôi rất cần tài liệu, tư liệu và bài vở đóng góp. Xin quý bạn tiếp tay. Xin gởi về tòa soạn trước ngày 15-1-2012. Thành thật cảm ơn.

Ông Huỳnh văn Lang, nguyên chủ nhiệm Bách Khoa (CA):

Rất đổi vui mừng khi nhận được thư anh. Ngưỡng mộ anh, dù tuổi đời cao (gần 90), nhưng sức sáng tác vẫn còn phong độ, trí nhớ vẫn minh mẫn. Mới tìm được bài anh trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí BK về lý do tại sao anh lại không cộng tác với BK sau năm 1963 đăng trên BK. Rất tiếc, vì tài liệu này tìm quá trễ, nên không thể đi trên TQBT số 48 được. Hy vọng sẽ đi trong một số tới trong mục Tư liệu văn học miền Nam. Kính.

Nhà văn Ban Mai (VN):

Cám ơn nhà văn đã có ý dùng Bộ Văn Miền Nam để làm tài liệu nghiên cứu cho việc tham khảo và giảng dạy. Việc trong nước sao chụp và in lại những bộ sách do Thư Quán Bản Thảo và Thư Án Quán chúng tôi nghe nói rất nhiều. Có một lời rao bán bộ thơ miền Nam (sao chụp) trên mạng với giá cả triệu đồng! Dù sao đi nữa, sự kiện này cũng nói lên lòng khao khát tìm đọc về văn chương miền Nam của người trong nước. Và đó là mục đích của tạp chí TQBT này. Riêng phần chúng tôi,

khả năng in ấn và phát hành rất giới hạn, chỉ có thể phổ biến theo phương pháp BOOK-ON-DEMAND.

Một lần nữa cảm ơn nhà văn.

Cùng các bạn ở VN hỏi đặt mua các bộ *Văn, Thơ miền Nam trong thời chiến* :

- Chúng tôi không thể gửi sách qua đường bưu điện. Nếu quý bạn có người thân về VN sẵn sàng giúp mang sách vở về, tin cho chúng tôi biết. Chúng tôi sẽ cố gắng in đóng và gửi về địa chỉ của người thân của quý bạn ngay. Trân trọng.

Nhà văn Nguyễn Minh (VN): được tin bạn “gông” tập hợp một số anh em cầm bút cũ và mới ra đặc san định kỳ Quán Văn, xin thành thật chia vui. Chúc bạn chân cứng đá mềm để một tay chạy máy in, một tay xếp giấy, và hai chân chạy để phát hành. Nghe nói hôm ra mắt Quán Văn có nhà văn Dương Nghiễm Mậu có mặt và nhà văn Chinh Ba (tác giả *bài thơ trên xương cụt*) ở Pháp về tham dự nữa. Không biết hôm ra mắt QV có ai hát bản “Trở về mái nhà xưa” hay không. Tình thân.
(THT)

